

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHI MINH

NGUYỄN DUY THÁI

VĂN HÓA TRÀM HƯƠNG VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HÓA HỌC

HÀ NỘI - 2024

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHI MINH

NGUYỄN DUY THÁI

VĂN HÓA TRÀM HƯƠNG VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HÓA HỌC

Mã số: 9229040

Người hướng dẫn khoa học: PGS,TS. VŨ THỊ PHƯƠNG HẬU

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đầy đủ theo quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả luận án

Nguyễn Duy Thái

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN	9
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	9
1.2. Cơ sở lý luận của luận án	23
Chương 2: CƠ SỞ HÌNH THÀNH VĂN HÓA TRẦM HƯƠNG VIỆT NAM	34
2.1. Không gian văn hóa trầm hương Việt Nam	34
2.2. Thời gian của văn hóa trầm hương Việt Nam	52
2.3. Chủ thể của văn hóa trầm hương Việt Nam	58
Chương 3: NHẬN DIỆN VĂN HÓA TRẦM HƯƠNG VIỆT NAM	73
3.1. Trầm hương trong đời sống sản xuất của người Việt Nam	73
3.2. Trầm hương trong đời sống tâm linh của người Việt Nam	99
3.3. Trầm hương trong đời sống sinh hoạt của người Việt Nam	113
3.4. Trầm hương trong đời sống văn hóa, nghệ thuật của người Việt Nam	121
3.5. Đặc điểm của văn hóa trầm hương Việt Nam	124
Chương 4: BÀN LUẬN VỀ VĂN HÓA TRẦM HƯƠNG VIỆT NAM	129
4.1. Những vấn đề đặt ra của văn hóa trầm hương Việt Nam hiện nay	129
4.2. Vai trò của văn hóa trầm hương Việt Nam	139
KẾT LUẬN	157
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	160
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	161
PHỤ LỤC	173
Phụ lục 1: Trầm hương trong các tôn giáo lớn trên thế giới	173
Phụ lục 2: Người nước ngoài nhận xét, đánh giá về trầm hương Việt Nam	190
Phụ lục 3: Một số hình ảnh về trầm hương	201

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

GS : Giáo sư

NCS : Nghiên cứu sinh

PGS : Phó giáo sư

TCN : Trước công nguyên

TNK : Thiên niên kỷ

UNESCO : Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc

USD : Đô la Mỹ

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trầm hương là một trong những sản vật quý giá của thiên nhiên ban tặng cho đất nước Việt Nam. Trầm hương của Việt Nam từ rất lâu đã được công nhận là loại trầm hương có chất lượng tốt nhất, số lượng dồi dào (giá trị kinh tế cao nhất trong các loại trầm hương trên thế giới) thông qua các ghi chép lịch sử và những thống kê của thời hiện đại. Ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung, trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI, ngành trầm hương đang phát triển như vũ bão, ước tính giá trị giao dịch lên tới hàng tỷ Đô la Mỹ (USD) mỗi năm và trầm hương có nguồn gốc từ Việt Nam chiếm tỉ trọng lớn, được săn đón trên toàn thế giới. Tiềm năng to lớn của sản vật trầm hương Việt Nam hàm chứa tính thời sự, tính cấp thiết trong việc bảo vệ thương hiệu, nhận diện giá trị, khẳng định bản sắc... trong bối cảnh hội nhập quốc tế gắn với phát triển đất nước Việt Nam nhanh và bền vững. Đặc biệt trong xu thế toàn cầu hóa sâu rộng, rất cần thiết phải làm rõ những giá trị văn hóa “thuần Việt”, có tính độc đáo và có khả năng cạnh tranh trên toàn cầu không thể sao chép. Ví dụ những quan niệm sau đã được in sâu vào tư duy của loài người như: nhân sâm Hàn Quốc là tốt nhất, nước hoa Pháp là thơm nhất, rượu Whisky phải là Scotland,... Từ đó cho thấy sự cần thiết phải có những nghiên cứu về trầm hương Việt Nam từ góc độ văn hóa học để khẳng định bản sắc, bảo vệ thương hiệu trầm hương Việt Nam, trước khi chúng ta gặp khó khăn trong việc bảo vệ giá trị như đã từng xảy ra với gạo, cao su,... trước đây.

Bên cạnh giá trị to lớn về vật chất thì bao quanh sản vật trầm hương Việt Nam còn là cả một không gian văn hóa phi vật thể đa dạng trên nhiều khía cạnh: văn hóa, lịch sử, tôn giáo, âm nhạc, nghệ thuật, văn học, hương liệu, dược liệu, ẩm thực, thủ công mỹ nghệ, ngoại giao, kinh tế,... trầm hương vừa đặc sắc về giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể; vừa là một sản vật thuần Việt cao quý, xứng đáng là một trong những hình ảnh tiêu biểu đại diện cho bản sắc văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới.

“Trầm hương” và “Kỳ nam” (loại trầm hương tốt nhất) là danh từ riêng được sử dụng phổ biến trên thị trường thế giới và có nguồn gốc từ âm Hán-Việt. Là tinh túy của cây dó bầu Việt Nam, được gọi bằng một từ gốc Hán - Việt là trầm hương. Một cách công bằng nhất, do là quê hương của cây trầm, nên về mặt tên gọi thì “*trầm hương*” xứng đáng được sử dụng là tên quốc tế cũng như “*Áo dài*” hay “*Phở*” là những nét đặc sắc văn hóa nổi bật của Việt Nam.

Người Việt đã biết tới và sử dụng trầm hương từ hàng nghìn năm nay. Trầm hương hiện diện trong nhiều khía cạnh của đời sống xã hội của người Việt như kinh tế (sản xuất và kinh doanh), xã hội (tín ngưỡng, tôn giáo, ăn, mặc, ở...). Tuy nhiên, sự hiểu biết về văn hóa trầm hương của người Việt còn tản mát và thiếu hệ thống. So với Trung Quốc và Nhật Bản thì nghệ thuật thưởng trầm Việt Nam cũng không kém phần sâu sắc qua những hiện vật khảo cổ hay những ghi chép của người xưa. Theo thời gian, nghệ thuật thưởng trầm của Việt Nam có phần phai nhạt do những tác động của lịch sử. Từ đó cho thấy trách nhiệm khẳng định chiều sâu văn hóa cũng như bảo tồn và khôi phục di sản văn hóa trầm hương Việt Nam của những người làm văn hóa, đồng thời cho thấy được giá trị khoa học của nghiên cứu văn hóa trầm hương Việt Nam.

Trong khoảng 30 năm gần đây, ngành trầm hương Việt Nam nói riêng và văn hóa trầm hương Việt Nam, được khôi phục và có nhiều bước phát triển. Trầm hương gắn với văn hóa và đang từng bước trở thành một biểu tượng của văn hóa Việt Nam.

Từ những lý do về tính thời sự, tính cấp thiết, tính khoa học, nghiên cứu sinh (NCS) lựa chọn ***Văn hóa trầm hương Việt Nam*** làm đối tượng nghiên cứu chính dựa trên các lý thuyết, lý luận, quan điểm của khoa học văn hóa, với mục đích làm rõ cách thức xác định có căn cứ khoa học một đối tượng nghiên cứu có khả năng là văn hóa hay không? Từ đó có thể ứng dụng vào những đối tượng nghiên cứu khác ngoài trầm hương. Ngoài ra, nghiên cứu về văn hóa trầm hương Việt Nam trong nội dung luận án, không mang

tính chất “ở Việt Nam” dựa trên yếu tố địa lý thông thường mà mang tính chất “của Việt Nam” để nhấn mạnh tới tính “sở hữu”, “nguồn gốc”, “độc đáo” của văn hóa này. Điều này góp phần tăng cường “sức mạnh mềm” của văn hóa Việt Nam, tăng cường hấp lực của văn hóa Việt Nam trên phạm vi thế giới.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về văn hóa trầm hương Việt Nam, luận án nghiên cứu cơ sở hình thành văn hóa trầm hương, nhận diện và khẳng định có một văn hóa trầm hương đã và đang đồng hành, gắn bó cùng với con người Việt Nam từ hàng nghìn năm nay. Từ đó làm rõ vai trò của văn hóa trầm hương và những vấn đề đặt ra của văn hóa trầm hương Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan các nghiên cứu trực tiếp hoặc gián tiếp về văn hóa trầm hương Việt Nam để làm cơ sở cho việc xác định các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ.

- Nghiên cứu *Cơ sở hình thành của văn hóa trầm hương Việt Nam* nhằm làm rõ những điều kiện tự nhiên và điều kiện lịch sử, xã hội căn bản đã tạo tác nên văn hóa trầm hương Việt Nam từ xưa tới nay.

- Nghiên cứu để *Nhận diện văn hóa trầm hương Việt Nam* nhằm làm rõ những tri thức về trầm hương, mối quan hệ mật thiết giữa trầm hương và văn hóa, con người Việt Nam.

- Nghiên cứu, *bàn luận về văn hóa trầm hương Việt Nam và vai trò của văn hóa trầm hương Việt Nam* trong tương lai.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là văn hóa trầm hương của Việt Nam. Tức là văn hóa trầm hương của người Việt Nam và trên lãnh thổ Việt Nam. Để làm rõ hơn cho nội dung nghiên cứu, luận án có đề cập tới trầm hương tại một số nền văn hóa khác trên thế giới để so sánh, đối chiếu.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian*: Phạm vi không gian của đề tài là toàn bộ lãnh thổ Việt Nam nhưng tập trung hơn vào những trung tâm của văn hóa trầm hương Việt Nam tại miền Trung Việt Nam như Khánh Hòa, Quảng Nam,... Thông qua so sánh, đối chiếu, luận án cũng đề cập tới mối quan hệ giữa trầm hương và con người ở một số quốc gia khác.

- *Về thời gian*: Đề tài nghiên cứu có hệ thống về văn hóa trầm hương Việt Nam trong lịch sử và ngày nay. Do nói tới văn hóa là đề cập tới những vấn đề có chiều sâu về lịch sử nên mốc khởi đầu về thời gian phụ thuộc vào những tư liệu sưu tầm được trong quá trình nghiên cứu; mốc thời gian kết thúc là năm 2022.

- *Về chủ thể*: Chủ thể của văn hóa trầm hương Việt Nam là người Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, trong nội dung nghiên cứu có đề cập tới trầm hương trong một số nền văn hóa khác để so sánh, đối chiếu.

- *Về nội dung*: Luận án tập trung vào các nội dung chính sau:

Cơ sở hình thành văn hóa trầm hương Việt Nam gồm: cơ sở tự nhiên, cơ sở lịch sử - xã hội, không gian, thời gian và chủ thể của văn hóa này. Sau khi làm rõ cơ sở hình thành, nội dung tiếp theo là nhận diện văn hóa trầm hương Việt Nam thông qua các hoạt động nghề truyền thống, các loại hình nghệ thuật, chế tác, thưởng thức, tôn giáo, tín ngưỡng,... một cách có hệ thống để thấy được quy mô của văn hóa này. Sau đó là bàn luận và đưa ra những giải pháp để phát triển văn hóa trầm hương Việt Nam. Luận án cũng đề cập tới những đồ thờ cúng, vật dụng, dụng cụ khác gắn với nghệ thuật thưởng trầm của người Việt như các bộ huân y, đồ tế tự,... để làm nên tổng thể của văn hóa trầm hương Việt Nam.

4. Giả thiết nghiên cứu của luận án

- Liệu có tồn tại một văn hóa trầm hương ở Việt Nam?
- Nếu có sự tồn tại của văn hóa trầm hương Việt Nam thì phải chứng minh bằng cơ sở lý thuyết, lý luận nào?

- Ứng dụng hệ trục tọa độ văn hóa có giải quyết được cơ sở của văn hóa trầm hương Việt Nam không?

- Sau khi làm rõ được cơ sở của văn hóa trầm hương Việt Nam thì làm thế nào để nhận diện được văn hóa này? Cần phải rõ mối quan hệ văn hóa giữa trầm hương và con người Việt Nam trên những khía cạnh nào?

- Văn hóa trầm hương Việt Nam có những giá trị gì?, những tác động nào đối với sự phát triển của đất nước?

- Làm thế nào để bảo tồn văn hóa trầm hương Việt Nam?

- Làm thế nào để phát triển văn hóa trầm hương Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế?

- Khái quát hóa và so sánh văn hóa Việt Nam và các cường quốc khác trên thế giới như thế nào?

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận án nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, phép biện chứng duy vật;

Ngoài ra luận án còn sử dụng các phương pháp luận có liên quan trực tiếp đến nghiên cứu văn hóa như “hệ trục tọa độ văn hóa”, “các đặc trưng của văn hóa”, “tri thức văn hóa”,... để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu.

5.2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.2.1. Cách tiếp cận

Trong luận án này, NCS sử dụng cách tiếp cận liên ngành của văn hóa học, kết hợp với cách tiếp cận chuyên ngành. Cụ thể, NCS đã sử dụng tri thức và phương pháp của các ngành văn hóa học, xã hội học văn hóa, lịch sử học, khoa học lý luận chính trị, quan hệ quốc tế, kinh tế học,... để triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu. Cách tiếp cận liên ngành giúp NCS có cái nhìn đa chiều, tổng thể về văn hóa trầm hương Việt Nam.

Đề tài của Luận án đã được NCS thai nghén trong nhiều năm (gần 10 năm). Với mục đích để nghiên cứu sâu sắc hơn, chính xác hơn, trung thực

hơn, NCS đã trực tiếp tham gia vào tất cả các khâu của hoạt động khai thác, nuôi trồng, chế tác, buôn bán, xuất nhập khẩu,... trầm hương tại nhiều địa phương trên cả nước. Trong quá trình đó, NCS đã có những trải nghiệm thực tế với trầm hương. Một số nội dung của luận án, bởi vậy cũng có từ kinh nghiệm thực tế mà NCS đã đúc kết được.

5.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án bao gồm:

- Phương pháp văn hóa học để làm rõ cơ sở của văn hóa trầm hương Việt Nam, nhận diện văn hóa trầm hương Việt Nam và những vấn đề đặt ra cho việc bảo tồn và phát huy giá trị của văn hóa trầm hương Việt Nam.

- Phương pháp văn bản học: Nghiên cứu các tư liệu, tài liệu chữ viết liên quan đến nội dung nghiên cứu.

- Phương pháp tiếp cận liên ngành văn hóa học: Sử dụng các kết quả nghiên cứu liên ngành như nhân học, nông nghiệp, hóa học, sinh học, dược học,... để làm rõ vấn đề nghiên cứu.

- Phương pháp logic - lịch sử: các vấn đề nghiên cứu dựa trên lịch sử gắn với văn hóa, các nền văn hóa, theo trình tự thời gian logic có khởi đầu, phát triển và suy vong.

- Phương pháp điền dã dân tộc học: NCS đã tiến hành 6 cuộc điền dã (thời gian trung bình 2 của 1 cuộc điền dã là 2 tuần) tại các địa bàn có liên quan tới nghiên cứu của luận án là:

1. Khánh Hòa, Đắk Lắk, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận tháng 5 năm 2022.

2. Khánh Hòa, Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế, Quảng Ngãi tháng 3 năm 2022

3. Khánh Hòa, Lâm Đồng, Bình Dương, Bình Phước, Tp Hồ Chí Minh tháng 3 năm 2023

4. Hà Nội, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị tháng 2 năm 2022

5. Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên tháng 9 năm 2022

6. Yên Bái, Sơn La, Lai Châu, Hà Giang, Lào Cai tháng 11 năm 2022

Trong các cuộc điền dã, NCS đã tiến hành gặp gỡ, phỏng vấn, nói chuyện, điều tra khảo sát (hơn 30 cuộc phỏng vấn sâu) với những nhà lãnh đạo quản lý về văn hóa, thương mại, những nghệ nhân ngành trầm hương trên các công đoạn khai thác, sản xuất, chế tác, kinh doanh,..., những nhà sưu tập, những chuyên gia,...có tiếng tăm trong ngành trầm hương, những người nước ngoài đang kinh doanh trầm hương Việt Nam trên thị trường quốc tế.

- Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu: Tổng hợp các tài liệu, tư liệu có liên quan tới văn hóa trầm hương Việt Nam, rồi phân tích tài liệu một cách có hệ thống.

- Phương pháp phỏng vấn sâu: Phỏng vấn các đối tượng là chuyên gia, nghệ nhân, doanh nhân, khách hàng... với các chủ đề liên quan tới văn hóa trầm hương Việt Nam và những vấn đề không có trong tài liệu.

- Các thao tác nghiên cứu cụ thể: sưu tầm tài liệu, thống kê, so sánh, phân tích - tổng hợp, tư vấn chuyên gia, quan sát tham dự,...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Về lý luận

- Góp phần khẳng định sự hiện diện và giá trị của văn hóa trầm hương Việt Nam nói riêng.

- Làm sáng tỏ hơn, sâu sắc hơn các lý thuyết về văn hóa, đặc biệt trong nghiên cứu một trường hợp cụ thể.

- Góp phần tìm kiếm những nét văn hóa độc đáo, mang đậm bản sắc dân tộc của Việt Nam, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

6.2. Về thực tiễn

- Qua việc nghiên cứu sâu về sản vật trầm hương sẽ góp phần bổ sung một nét văn hóa đặc sắc vào dòng chảy của lịch sử văn hóa dân tộc Việt Nam.

- Trong bối cảnh ngành nông - lâm nghiệp sản xuất trầm hương đang có những bước tiến mới cả về chất và lượng thì những nghiên cứu về lịch sử,

văn hóa trầm hương một mặt sẽ góp phần giữ gìn những nét đẹp truyền thống của cha ông, mặt khác giúp lan tỏa giá trị văn hóa trầm hương Việt Nam ra toàn cầu.

- Góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa và các ngành kinh tế gắn với trầm hương.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương như sau:

- *Chương 1.* Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận
- *Chương 2.* Cơ sở hình thành văn hóa trầm hương Việt Nam
- *Chương 3.* Nhận diện văn hóa trầm hương Việt Nam
- *Chương 4.* Bàn luận về văn hóa trầm hương Việt Nam

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến Văn hóa trầm hương Việt Nam

Để làm rõ được những giá trị văn hóa của trầm hương Việt Nam cần phải kể đến những công trình nghiên cứu mang tính chất lý luận về văn hóa học và văn hóa Việt Nam.

Trước hết, về văn hóa đến nay theo thống kê có tới hàng nghìn định nghĩa khác nhau trong đó định nghĩa của từ điển Oxford khá phổ biến trên thế giới: văn hóa là “*những phong tục tập quán, tín ngưỡng, nghệ thuật, lối sống và tổ chức xã hội của một quốc gia hoặc một nhóm người*” [134]. Ngoài ra còn rất nhiều định nghĩa, khái niệm về văn hóa khác như “văn trị giáo hóa”, định nghĩa về văn hóa của UNESCO, của Chủ tịch Hồ Chí Minh,... Những định nghĩa này đều góp phần làm sáng tỏ hơn về nội hàm của văn hóa.

Cuốn “*Cơ sở văn hóa Việt Nam*” (1998) của tác giả Trần Quốc Vượng (chủ biên) [103] đề cập tới các khái niệm về văn hóa cũng như phác họa những nét cơ bản nhất của văn hóa Việt Nam. Trong phần những thành tố văn hóa, các tác giả có đưa ra sơ đồ các thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam gồm tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục tập quán, lễ hội, nghề thủ công, ăn, mặc, ở, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc,... Đây là cơ sở để phân loại các thành tố văn hóa trong văn hóa học. Từ đó có thể thấy rằng trầm hương hàm chứa tất cả những thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam như việc sử dụng trầm trong tín ngưỡng, tôn giáo,...; nghề tìm trầm, chế tác trầm vừa là phong tục tập quán ở một số địa phương, vừa là nghề thủ công; về ẩm thực có rượu trầm; về phục sức thì từ xa xưa trầm được dùng để ủ hương, xông hương trang phục cho những bậc Vua, Chúa, tao nhân mặc khách, trầm làm đồ trang sức, vòng, cúc áo, đai lưng,...

Cuốn “*Cơ sở văn hóa Việt Nam*” (1998) [81] của tác giả Trần Ngọc Thêm đưa ra quy luật hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam. Tác giả

định nghĩa văn hóa là “*một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội*” [81, tr.10]. Tác giả khẳng định rằng 4 đặc trưng của văn hóa bao gồm tính hệ thống, tính giá trị, tính nhân sinh và tính lịch sử... Công trình nghiên cứu còn nêu ra những đặc trưng của văn hóa Việt Nam, định vị văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa Việt Nam và các thành tố của Văn hóa Việt Nam,... Đối với đề tài luận án, đây là công trình quan trọng trong định hướng nghiên cứu với quan điểm về “hệ trục tọa độ văn hóa” trong nghiên cứu văn hóa gồm: không gian, thời gian, chủ thể và lý thuyết về các đặc trưng của văn hóa.

Cuốn “*Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng*” [82] của tác giả Trần Ngọc Thêm là sự bổ sung và làm rõ về văn hóa Việt Nam theo khuynh hướng lý luận và ứng dụng, là sự phát triển của công trình “*Cơ sở văn hóa Việt Nam*”. Ngoài việc đề cập tới những vấn đề lý luận về văn hóa học, nghiên cứu văn hóa Việt Nam,... tác giả còn đề cập tới những vấn đề văn hóa thế giới và so sánh văn hóa khu vực Đông Á với văn hóa Việt Nam nói riêng và văn hóa Đông Nam Á nói chung. Trong công trình này, tác giả nghiên cứu cả về văn hóa thực vật ở Việt Nam và Đông Nam Á và khẳng định thực vật có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc gắn liền với bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn thực vật và những giá trị văn hóa gắn liền với nó.

Các công trình nghiên cứu về văn hóa học, văn hóa Việt Nam, lịch sử văn hóa Việt Nam,... đã nêu ở trên giúp định vị văn hóa trầm hương Việt Nam trong lịch sử văn hóa dân tộc; xác định cơ sở hình thành và phương pháp luận để nhận diện văn hóa trầm hương trong lịch sử văn hóa Việt Nam; đề ra những cơ sở khoa học, những phương án để phát triển văn hóa trầm hương Việt Nam như một bộ phận tinh hoa của văn hóa Việt Nam.

Các công trình nghiên cứu về lịch sử văn hóa, văn minh thế giới như “*Lược sử Thế giới*” của E.H. Gombrich [31]; “*Lược sử loài người*” của Yuval Noah Harari [106]; “*Sự va chạm của các nền văn minh*” của Samuel Huntington [74]; “*Văn minh phương Tây và phần còn lại của thế giới*” của

Niall Ferguson [61]; “*Tại sao phương Tây vượt trội*” của Ian Morris, “*Nguồn gốc văn minh nhân loại*” của David M. Rohl [17], “*Thế giới một thoáng này*” của David Christian[16]... đã nêu bật vai trò của văn hóa, văn minh với sự phát triển của loài người từ xưa tới nay, thể hiện năng lực sáng tạo và cải tạo tự nhiên của loài người; văn hóa, văn minh trên thế giới có sự xung đột cũng như dung hợp trong dòng chảy của lịch sử loài người. Trong một thế giới đa dạng về văn hóa thì bản sắc văn hóa của từng quốc gia, dân tộc có vai trò quan trọng trong việc phát triển và xây dựng đất nước đó từ quá khứ, hiện tại và tương lai. Trong cuốn “*Nhập môn Quan hệ quốc tế*”[55] của Hoàng Khắc Nam khi nói tới Chủ nghĩa Kiến tạo trong Quan hệ quốc tế đã nhấn mạnh đến yếu tố *national identity* (bản sắc quốc gia) và cho rằng các quốc gia có bản sắc tương đồng càng nhiều thì khả năng hợp tác càng cao và duy trì hợp tác cũng lâu bền hơn nếu có cùng mục đích chung. Bản sắc văn hóa tuy rất sâu sắc nhưng không phải là bất biến, nó có thể thay đổi để phù hợp hơn với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Văn hóa cũng là yếu tố chính trong lý thuyết “Quyền lực mềm” của Joseph Nye. Từ đó cũng cho chúng ta thấy rằng phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam không chỉ là bảo tồn những giá trị xưa cũ mà còn là phát huy tinh hoa của văn hóa Việt Nam lan tỏa ra thế giới cũng như cần thiết phải xác định được vị trí và vai trò của văn hóa Việt Nam trong lịch sử văn hóa nhân loại hiện tại và tương lai. Tóm lại là dù thế giới có sự thay đổi trên nhiều mặt, dù là toàn cầu hóa hay không thì đối với từng quốc gia dân tộc đều cần phải tìm kiếm những giá trị thuộc sở hữu của riêng mình để tự cường và hội nhập quốc tế. Những công trình nêu trên là cơ sở đánh giá của chương 4 về bản luận và những vấn đề đặt ra cho việc phát triển Văn hóa trầm hương Việt Nam nói riêng và Văn hóa Việt Nam nói chung.

Những tài liệu, tư liệu này giúp định hướng cho mục đích nghiên cứu của luận án là khắc họa một nét độc đáo riêng của văn hóa Việt Nam (Văn hóa trầm hương Việt Nam), hệ thống hóa, làm rõ các thành tố văn hóa độc đáo này và khẳng định Việt Nam là trung tâm Văn hóa trầm hương trên thế giới.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về trầm hương ở Việt Nam và trên thế giới

Những nghiên cứu về trầm hương dưới góc nhìn lịch sử, văn hóa đã có tại Việt Nam từ lâu nhưng chủ yếu tản mát trong các nghiên cứu về lịch sử, văn học, văn hóa Việt Nam, văn hóa vùng nói chung hay các tài liệu về địa chí, quan hệ ngoại giao, y học, nông nghiệp, lâm nghiệp, thuế,... Có thể khái quát lại gồm: các nghiên cứu về trầm hương từ góc nhìn lịch sử; các nghiên cứu về trầm hương từ góc nhìn kinh tế, thương mại, ngoại giao; các nghiên cứu về trầm hương từ góc nhìn văn hóa. Cách phân chia này chỉ mang tính chất tương đối do các khoa học đều có mối quan hệ biện chứng, liên quan tới nhau

1.1.2.1. Nghiên cứu về trầm hương từ góc nhìn lịch sử

Trước hết phải kể đến cuốn “*Phủ biên tạp lục*”[24] của Lê Quý Đôn viết vào thế kỷ XVIII. Trong công trình này, Lê Quý Đôn ghi chép lại các thông tin quan trọng về kinh tế và xã hội của xứ Đàng Trong (miền Trung và miền Nam của Việt Nam ngày nay) trong đó thông tin về trầm hương được ghi chép tỉ mỉ. Đây cũng là một trong những công trình nổi tiếng đầu tiên đề cập tới sự quý giá của sản vật trầm hương Việt Nam. Nhà bác học Lê Quý Đôn bằng vốn hiểu biết rộng lớn đã ghi chép về tên gọi, nguồn gốc, đặc tính, công dụng, chất lượng của trầm hương và kỳ nam (loại trầm hương tốt nhất) trên lãnh thổ Việt Nam. Mặc dù đây chưa phải là một công trình chuyên khảo riêng về trầm hương nhưng cuốn sách đã chứa đựng nhiều thông tin quý giá về trầm hương Việt Nam. Cuốn “*Vân Đài loại ngữ*”[26] cũng của Lê Quý Đôn ghi chép rằng trầm hương là phương vật riêng của phương Nam (phía Nam của Trung Quốc) chứ phương Bắc (chỉ Trung Quốc, Nhật Bản) không có, là trùng khớp với những nghiên cứu sau này đã chứng minh rằng trên lãnh thổ Trung Quốc, Nhật Bản không có cây trầm hương.

Trong tư liệu gốc là “*Đại Việt sử ký toàn thư*”[40], bản in năm 1697, trầm hương được ghi chép một số lần trong các sự kiện ngoại giao xưa như triều cống, sách phong... giữa Đại Việt với Ai Lao, Bồn Man... và các vương triều phong kiến Trung Hoa. Những ghi chép này cho thấy rằng trầm hương là

sản vật rất quan trọng đối với ngoại giao của Đại Việt. Trong các sách như “*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*” của Quốc sử Quán triều Nguyễn, “*Lịch triều hiến chương loại chí*” của Phan Huy Chú... trầm hương cũng được nhắc tới là sản vật ngoại giao quý giá nhất và không thể thay thế trong văn hóa ngoại giao của Đại Việt trong thời kỳ phong kiến.

Sách “*Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*”[69] của Nội các triều Nguyễn ghi chép những điển pháp Việt Nam thời Nguyễn là một trong những công trình công phu của các sử gia triều Nguyễn cùng với “*Đại Nam nhất thống chí, Khâm định Việt sử thông giám cương mục...*”. Trong sách Hội điển, trầm hương được nhắc tới một số lần trong việc sử dụng tại những nghi lễ đặc biệt quan trọng của Triều đình (tế bài trời đất, cúng giỗ tổ tiên...) hay việc bày biện đồ dùng để Vua ngự dụng.

Sách “*Đại Nam thực lục*”[70] của Quốc sử quán triều Nguyễn, là nguồn sử liệu gốc, đồ sộ ghi chép về triều đại các chúa Nguyễn và các vua nhà Nguyễn (ngoại trừ vua Bảo Đại). Trong “*Đại Nam thực lục*”, trầm hương và Kỳ nam được đề cập tới nhiều lần về địa bàn sinh trưởng của cây; chất lượng Trầm, Kỳ của các địa phương trên toàn cõi Việt Nam thống nhất; nhấn mạnh trầm hương, Kỳ nam là mặt hàng đặc biệt quan trọng bị cấm buôn bán và xuất khẩu, tất cả số lượng Trầm, Kỳ khai thác được phải niêm phong và giao nộp lại cho nhà Vua sử dụng; quy định về việc dùng Trầm, Kỳ nộp thuế tại một số địa phương; quy định về sử dụng Trầm, Kỳ ở các lễ tế đặc biệt gắn với đời sống của Hoàng gia; quy định về sử dụng Trầm, Kỳ trong quan hệ bang giao với các nước láng giềng...

Ngoài những thư tịch cổ kể trên còn có nhiều tư liệu khác có đề cập tới trầm hương như “*An Nam chí lược*” [76] của Lê Tắc, “*Phương Đình dư địa chí*”[75] của Nguyễn Văn Siêu, “*Ô Châu cận lục*” của Sùng Nham Hầu [1], “*Lịch triều hiến chương loại chí*”[11] của Phan Huy Chú...

Cuốn *Frankincense and Myrrh: A Study of the Arabian Incense Trade* của Nigel Groom (1981) [126]; (Hương trầm và Nhựa thơm: Nghiên cứu về Con đường Hương liệu ở Arab) đã nghiên cứu về việc buôn bán hương

(nhang) ở Arab thời cổ đại từ đó hình thành nên Con đường Hương liệu nổi tiếng thế giới.

Bài viết “*History of Use and Trade of Agarwood*” (Lịch sử sử dụng và buôn bán trầm hương) (2018) của tác giả Arlene Lopez Sampson và Tony Page đăng trên Tạp chí Economic Botany [109]; là bài nghiên cứu công phu về lịch sử sử dụng và buôn bán trầm hương trên toàn thế giới từ thời cổ đại cho đến tận ngày nay. Các tác giả chia thị trường trầm hương thế giới thành nhiều khu vực như Ai Cập cổ đại, Hi Lạp, La Mã cổ đại, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Việt Nam,...

1.1.2.2. Nghiên cứu về trầm hương từ góc nhìn văn hóa

trầm hương được sử dụng trong tất cả các tôn giáo lớn trên thế giới từ Phật giáo, Hindu giáo, Shinto giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo,... Trong đời sống tâm linh trên thế giới trầm hương có tính biểu tượng không thể thiếu.

Cuốn *On stone and scroll*, Printing: Hubert & Co. GmbH & Co. KG, Göttingen, Germany, của De Gruyter (2011) [114], đề cập đến việc giải thích Kinh thánh từ các quan điểm lịch sử, khảo cổ học, thần học và ngôn ngữ học, đồng thời thảo luận nhiều vấn đề trọng tâm trong việc giải thích Kinh thánh. Trong những món quà tặng Chúa hài đồng thì trầm hương là 1 trong 3 quà tặng chính.

Cuốn “*Proceedings of the 10th International Congress on the Archaeology of the Ancient Near East*” (Tiến tới Đại hội quốc tế lần thứ 10 về Khảo cổ học vùng Cận đông) (2017) được biên tập bởi Barbara Horejs, Christoph Schwall, Vera Müller...; [110]. Trong tài liệu này nhiều bộ lu thường trầm cổ của vùng Cận đông gắn với văn hóa Hồi giáo được công bố, có những bộ lu Trầm bằng vàng, bằng bạc đã có ở vùng Cận đông từ thế kỷ VII TCN.

Bài viết “*Population and ecological study of agarwood producing tree (Gyrinops versteegii) in Manggarai District, Flores Island, Indonesia*”(Nghiên cứu quần thể và sinh thái của cây sản xuất trầm hương (*Gyrinops versteegii*) ở Huyện Manggarai, Đảo Flores, Indonesia) của nhóm tác giả Ridesti Rindyastuti

đăng trên Tạp chí BIODIVERSITAS ISSN: 1412-033X Volume 20, Number 4, April 2019 E-ISSN: 2085-4722 Pages: 1180-1191 [131]; đã nêu ra các kỹ thuật trồng cây trầm hương hiện nay tại Indonesia cũng là một thị trường trầm hương lớn của Thế giới.

Bài viết *“The Disputed Civets and the Complexion of the God: Secretions and History in India”* (Sự phức tạp của các vị thần: Bí mật và lịch sử ở Ấn Độ) [120] của tác giả James McHugh, đăng trên tạp chí Journal of the American Oriental Society, Vol. 132, No. 2 (April-June 2012), pp. 245-273; đã đề cập tới trầm hương là một trong những loài thực vật thiêng liêng và gắn liền với thần tích ở Ấn Độ.

Đối với nghiên cứu về tôn giáo, tâm linh của người Việt Nam có thể kể tới như *“Việt Nam phong tục”* [7] của Phan Kế Bính; *“Văn minh vật chất của người Việt”*, *“Tập tục đời người”* [88] của Phan Cẩm Thượng; *“Hội hè lễ tết của người Việt”*, *“Văn minh Việt Nam”* [38] của Nguyễn Văn Huyền; *“Đặc trưng và sắc thái văn hóa Vùng - Tiểu vùng ở Việt Nam”* của Huỳnh Công Bá [3], *“Đối thoại với nền văn minh cổ Champa”* của Lê Đình Phụng [65], *“Văn hóa Chăm nghiên cứu và phê bình”* của Sakaya [72] có đề cập tới những bài văn khấn cổ của người Chăm có nhắc tới trầm hương, Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam của Nguyễn Hạnh đề cập tới những tục lệ thờ cúng trời, đất, tổ tiên của người Việt [35],...

Cuốn *“Đất Việt trời Nam”* (1960) [46] của Thái Văn Kiềm là một công trình sử học, văn hóa học công phu về những sản vật, những phong tục tập quán, địa lý, truyền thống khoa bảng, thuần phong mỹ tục, sơn hào hải vị, danh lam thắng cảnh, quan hệ ngoại giao, nhân vật lịch sử... trong lịch sử Việt Nam. Trong tài liệu này, tác giả ưu ái dành nhiều trang viết cho trầm hương và Kỳ nam bởi sự quý hiếm và đặc sắc của nó về cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần. Tác giả cũng đã dày công sưu tầm thêm những tư liệu của người phương Tây như Marco Polo, Alexander Rhodes,... nhận định về trầm hương Việt Nam.

Cuốn “*Xứ trầm hương*” (1969) [78] của Quách Tấn, là một công trình nghiên cứu khá giống với hình thức địa chí Khánh Hòa. Trầm hương, Kỳ nam Khánh Hòa nổi tiếng khắp cả nước và trên thế giới về chất lượng tuyệt đỉnh được tác giả chọn làm hình ảnh đại diện cho địa phương Khánh Hòa. Trong tài liệu này các truyền thuyết về trầm hương; cách thức phân loại trầm hương, Kỳ nam; cách thức khai thác, sử dụng, chế tác trầm hương; cách thức con người sinh sống xung quanh cây trầm hương,... ở vùng Khánh Hòa đều được tác giả ghi chép lại một cách hệ thống, logic và đầy đủ số liệu, thông tin.

Cuốn “*trầm hương*” (1991) [36] của Nguyễn Hiền và Võ Văn Chi cũng là một công trình nghiên cứu về trầm hương đặc sắc rất đáng được quan tâm. Công trình này đã đề cập nhiều đến khía cạnh văn hóa của trầm hương như lịch sử sử dụng trầm hương ở Việt Nam, phần nào nhắc tới trầm hương trong văn học, làm hương liệu, y học, ngoại giao, giải thích cách thức tạo Trầm, lý giải chất lượng của trầm hương ở đâu là tốt nhất, sự phân bố của cây Trầm trên lãnh thổ Việt Nam,... Nửa sau của cuốn sách nêu lên hiện trạng của cây trầm hương tại Việt Nam (năm 1991) cũng như hướng dẫn về cách thức canh tác, cách thức tinh chế trầm hương để đạt hiệu quả cao nhất.

Còn có thể kể tới các tài liệu sau: bài viết “*Cây trầm hương, xứ trầm hương và nữ thần Po Nagar*” [18], “*Tháp bà Thiên Y Ana - hành trình của một nữ thần*” [19],... của tác giả Ngô Văn Doanh; “*Vương quốc Champa*” của tác giả Lương Ninh [60]; “*Văn hóa Chăm nghiên cứu và phê bình*” [72] của tác giả Sakaya,... và những công trình nghiên cứu về lịch sử vương quốc cổ Champa, vùng văn hóa Trung Bộ, Nam Bộ Việt Nam. Bởi vì xét đến cùng, người Chăm có lịch sử và kinh nghiệm khai thác và sử dụng trầm hương sớm hơn người Việt. Trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay thì những địa phương nổi tiếng về trầm hương đều là đất cổ của vương quốc Champa xưa kia.

1.1.2.3. Trầm hương từ góc nhìn kinh tế, thương mại, ngoại giao, nông lâm nghiệp

Do địa bàn phân bố tự nhiên của cây trầm hương trải dài từ các tỉnh Nghệ An vào đến Phú Quốc, trong đó trầm hương tại Khánh Hòa, Phú Yên,

Quảng Nam, Bình Định là có chất lượng tốt nhất nên các công trình nghiên cứu về địa chí các địa phương này đều có đề cập tới trầm hương.

Ngoài ra còn có nguồn tài liệu từ những bài viết trên báo chí, những bộ phim tài liệu về trầm hương. Đặc biệt là tại Việt Nam hiện nay đã có một Bảo tàng trầm hương được xây dựng với quy mô lớn ở Khánh Hòa, nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của di sản trầm hương Việt Nam.

Cuốn “*Nam Kì thực vật chí*” của Joannis de Loureiro gồm 2 tập được hoàn thành vào năm 1788. Ông là một nhà truyền giáo người Bồ Đào Nha, sinh sống nhiều năm ở Đàng Trong và đã đi nhiều nơi, quan sát, nghiên cứu về các loại thực vật. Nam Kì trong đó được hiểu là toàn bộ vùng từ Quảng Bình đến Cà Mau. Trong tập 1, Joannis de Loureiro đã miêu tả về cây Dó bầu và các loại Trâm [121]. Người Bồ Đào Nha mang đến Đàng Trong súng ống, diêm tiêu, kềm, đồng,... để mua về tơ lụa, đường, trầm hương, Kỳ nam,... Người Bồ Đào Nha là những người phương Tây đầu tiên tìm được đến khu vực Đông Nam Á nên họ cũng là người đầu tiên ghi chép về sản vật phong phú của khu vực này.

Tài liệu của A. Brièrre, *Notes sur les Moïs du Binh Thuan et du Khanh Hoa (Ghi chép về người Mọi từ Bình Thuận tới Khánh Hòa)*, Imprimerie Typo-Lithographique F-H Schneider, Hanoi, 1889 [107] của viên Công sứ người Pháp tại Bình Thuận và Khánh Hòa đã có ghi chép về trầm hương ở vùng Khánh Hòa. Theo tác giả, Khánh Hòa và Bình Thuận là một trung tâm của trầm hương quan trọng nhất ở Việt Nam. Việc khai thác trầm hương phải trả thuế. Mức thuế phải nộp tùy theo các loại Trâm và số lượng khai thác được.

Cuốn “*Kỹ thuật trồng cây dó Trâm*” (2011) [57] của Phan Đức Nghiệm nói về những đặc điểm tự nhiên của cây trầm hương và cách thức trồng, chăm sóc cây dó bầu tạo trầm hương để giúp bà con nông dân nuôi trồng cây dó bầu hiệu quả và thu về lợi nhuận. Hiện nay, ngành nông - lâm nghiệp nuôi trồng cây dó bầu sinh Trâm được đánh giá có hiệu quả kinh tế rất cao.

Về nông nghiệp có thể kể tới các công trình trong cuốn “*Cây dó bầu và trầm hương*”[59] của nhiều tác giả do Nxb Khoa học và Kỹ thuật xuất bản năm

2011, “trầm hương và tinh dầu dó bầu ở Phú Quốc” của tác giả Thái Thành Lượm [51], “trầm hương khảo luận” của tác giả Huỳnh Quang Cường [14]...

Cuốn “*Những con đường Tơ lụa*” [63] của Peter Frankopan được hoàn thành năm 2015 là một công trình đồ sộ và bao quát về lịch sử giao thương toàn cầu thông qua các con đường Tơ lụa từ cổ đại tới hiện đại. Nguồn hương liệu của phương Đông cổ đại trong đó có trầm hương được đánh giá là một trong những mặt hàng quan trọng tác động tới lịch sử giao thương toàn cầu.

Cuốn “*Lịch sử Giao thương - Thương mại định hình thế giới như thế nào?*” [105] của William J. Bernstein đề cập tới hương liệu và trầm hương là một trong những mặt hàng quan trọng nhất của thương mại toàn cầu, trong đó “Con đường Hương liệu” còn là con đường buôn bán xuyên quốc gia sớm nhất trong lịch sử loài người (thế kỷ thứ VII TCN) sớm hơn nhiều so với Con đường Tơ lụa.

Các nhà thám hiểm phương Tây khi tới phương Đông đều chú trọng ghi chép tỉ mỉ cuộc hành trình của mình, văn hóa, phong tục, sản vật của những nơi mà mình đặt chân. Đối với khu vực Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng thì sản vật trầm hương được quan tâm đặc biệt.

Cuốn “*Du ký*” của Marco Polo được viết vào khoảng cuối thế kỷ XIII, đầu thế kỷ XIV [122]. Đây là cuốn sách nổi tiếng trên thế giới ghi chép lại chuyến hành trình của Marco Polo đến Trung Quốc và từ Trung Quốc trở về Italia, cuốn sách này có tác động lớn đối với lịch sử thế giới khi miêu tả các quốc gia phương Đông tươi đẹp, giàu có,... khiến các nước phương Tây thêm muốn chinh phục các quốc gia phương Đông, từ đó dẫn tới phong trào Phát kiến địa lý thay đổi hoàn toàn thế giới. Khi Marco Polo trở về Italia từ Trung Quốc bằng đường biển có ghé qua vương quốc cổ Champa và miêu tả các sản vật của vương quốc này trong đó có trầm hương.

Cuốn “*The Suma Oriental*” của Tome Pires (1499) [128], một nhà thám hiểm người Bồ Đào Nha đến từ Lisbon. Ông đã sống ở Malacca trong vòng 3 năm từ 1512 - 1515 ngay sau khi người châu Âu vừa xuất hiện ở Đông Nam Á. Tome Pires đã nghiên cứu rất kỹ về “thương mại hương liệu và gia vị” ở Đông

Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng và khẳng định “*loại trầm hương tốt nhất có nguồn gốc từ vùng phía Nam Việt Nam, được gọi là Calambac, khi xuất khẩu sang Bồ Đào Nha thì gọi là Guaro*” [128, tr.359].

Cuốn “*Xứ Đàng trong năm 1621*” [13] của Cristoforo Borri cũng đề cập tới trầm hương, Kỳ nam là sản vật quý giá của vương quốc Đàng Trong (chủ yếu thuộc khu vực Trung Bộ ngày nay) dưới thời chúa Nguyễn, được chúa Nguyễn giữ độc quyền buôn bán.

Cuốn “*Xứ Đàng trong, lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 - 18*” (2013) [47] của Li Tana, một nhà nghiên cứu người Australia gốc Nhật Bản cũng đề cập tới trầm hương là mặt hàng quan trọng trong quan hệ giao thương Nhật Bản - Việt Nam từ hàng trăm năm nay, đặc biệt là trong thời kỳ Châu Á thuyền đầu thế kỷ XVII.

Cuốn “*Mô tả vương quốc Đàng Ngoài*” [73] của Samuel Baron, một trong những nhà thám hiểm thuộc thế hệ đầu tiên đến Đại Việt (cả Đàng Trong và Đàng Ngoài) được hoàn thành năm 1685 ở Ấn Độ. Công trình này cũng có ghi chép về trầm hương và các hình thức sử dụng trầm hương trong các nghi lễ tại Cung điện của Vua Lê và Phủ của Chúa Trịnh.

Cuốn “*Về quan hệ sách phong, triều cống Minh - Đại Việt*” (2016) [9] của Nguyễn Thị Kiều Trang nghiên cứu về quan hệ bang giao giữa nhà Minh ở Trung Quốc và Đại Việt cũng đề cập tới cả ngoại giao giữa Đại Việt và các vương triều phong kiến trước nhà Minh. Công trình nghiên cứu này thống kê đầy đủ số lượng những lần sứ thần Đại Việt sang Trung Quốc và các sản vật chính được sử dụng để làm quà tặng ngoại giao thông qua cả sử liệu gốc Việt Nam và sử liệu gốc của Trung Quốc (Tổng sử, Minh thực lục, Đại Thanh hội điển sự lệ,...). Trong đó trầm hương cùng với sừng tê, ngà voi,... là những quà tặng đặc biệt quan trọng được sử dụng làm lễ vật từ thời Tiền Lê (980 - 1009), Lý (1009 - 1225), Trần (1225 - 1400), Hậu Lê (1428 - 1789) và nhà Nguyễn. Bên cạnh những giá trị về mặt tâm linh thì trầm hương được ghi chép được sử dụng để dùng làm đồ xông, ướp, ủ quần áo trong đời sống của Hoàng gia Việt Nam và Trung Quốc.

Trong bài viết “*Sự du nhập của trầm hương đến Nhật Bản thời kỳ trung đại*” [98] của Nguyễn Văn Tường, Trần Ngọc Dũng, Nguyễn Duy Thái đăng trên Tạp chí phương Đông năm 2018 cũng có những đoạn dịch từ Biên niên sử Nhật Bản (Nihongi) về lịch sử sử dụng trầm hương tại Nhật Bản. Ghi chép đầu tiên về trầm hương là vào năm 595: “*một cây gỗ Trâm trôi dạt vào đảo Awaji. Người dân trên đảo không có khái niệm về gỗ Trâm nên đã sử dụng nó như củi đun để nấu ăn, khiến mùi thơm của nó lan rộng và bao trùm hòn đảo. Thấy vậy, họ dâng lên Thiên hoàng Suiko như một món quà*”[98]. Dưới thời Thiên hoàng Shomu (724 - 748), khối Kỳ nam nổi tiếng nhất và được coi là quốc bảo của Nhật Bản là Ranjatai được tìm thấy trên bờ biển. Hiện nay, khối Kỳ nam này vẫn còn nguyên vẹn, được quản lý bởi cơ quan Hoàng gia Nhật Bản và được trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia Nara. Trước đây, người Nhật Bản quan niệm rằng những khối Kỳ nam này đến từ Trung Quốc, tuy nhiên hiện đã có nhiều nghiên cứu chứng minh rằng các khối Kỳ nam quốc bảo này có nguồn gốc từ Việt Nam.

1.1.2.4. Nghiên cứu về các văn hóa tương tự như trầm hương

Có thể thấy rằng, trầm hương là đối tượng được nghiên cứu trong nhiều ngành khoa học. Tuy nhiên đến nay chưa có công trình nào về Văn hóa trầm hương được công bố. Để làm cơ sở cho nghiên cứu của luận án, NCS đã tiếp cận các công trình nghiên cứu văn hóa có đối tượng gần như trầm hương như trà, cà phê, đồ gốm sứ... Có thể kể tới như:

Cuốn “*Rượu Trung Quốc*” của Lý Tranh Bình (2011) [6] đã khái quát quá trình phát minh ra rượu, lịch sử quá trình phát triển của Văn hóa Rượu ở Trung Quốc, phân loại các loại rượu và vai trò của rượu đối với sự phát triển của Trung Quốc nói chung và văn hóa Trung Quốc nói riêng. Mặc dù, rượu cũng có những mặt tiêu cực nhưng trong công trình này, tác giả chủ yếu chỉ đề cập đến những mặt tích cực của rượu một cách nhân văn như: sản xuất rượu là sinh kế của con người, rượu để làm thuốc chữa bệnh, rượu để giải sầu, rượu là cảm hứng cho thi ca, rượu và người làm chính trị, rượu để gắn kết tình cảm con người,...

Cuốn “*Lịch sử của Trà*” của Laura C. Martin (2020) [23] nghiên cứu từ góc nhìn lịch sử, văn hóa với đối tượng trực tiếp là Trà trên toàn thế giới. Theo tác giả thì sự phát triển của Văn hóa Trà từ xa xưa cho đến ngày nay là không ngừng nghỉ, bắt đầu từ Trung Quốc sang đến Nhật Bản và ngày nay là toàn cầu. Tác giả đã đề cập tới gần như tất cả những tri thức về trà như: nguồn gốc xuất xứ, các giống trà, các loại trà, cách chế biến trà, các công cụ thưởng thức trà, nghi lễ dùng trà, công dụng của trà, kinh doanh và tiêu thụ trà... Cuốn sách như một bách khoa toàn thư về trà, gắn liền với cuộc sống của nhân loại. Đặc biệt, dù Văn hóa Trà ngày nay không thuộc về riêng một quốc gia nào nhưng tác giả vẫn thể hiện sự kính trọng sâu sắc với nền văn hóa “quê hương của trà” là Trung Quốc.

Cuốn “*Trà thư*” (2006) [44] của tác giả người Nhật Bản, Kazuzo Okakura cũng là một công trình nghiên cứu về trà và các phong tục, tập quán của người Nhật liên quan đến trà như: trà đạo, nghi thức pha trà, uống trà, cách thưởng thức trà. Mặc dù không phải là quê hương của trà nhưng văn hóa trà của Nhật Bản cũng nổi tiếng toàn thế giới không kém gì Trung Quốc. Trong công trình này, tác giả cũng cho biết, đối với Nghệ thuật Trà đạo của Nhật Bản thì trong phần lễ, không thể thiếu trầm hương.

Bộ sách “*Nhân văn Trung Quốc*” [58] gồm 28 cuốn do nhiều tác giả thực hiện và được Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản đã giới thiệu những nét đặc sắc của văn hóa Trung Hoa trên nhiều khía cạnh như tư tưởng triết học, phát minh cổ đại, chữ viết, văn học, hội họa, thư pháp, đồ đồng, đồ gốm sứ, đồ ngọc khí, đồ nội thất, nhà ở, phục sức, trà, rượu,... Từng chủ đề của bộ sách đều là những nghiên cứu về văn hóa truyền thống của Trung Quốc, về đối tượng nghiên cứu là trà, rượu, cây cảnh, nhà cửa,... có tính chất tương đương với đối tượng nghiên cứu của luận án. Ngoài ra, trong những nghiên cứu này, cũng tìm thấy sự xuất hiện của trầm hương trong các đặc sắc văn hóa của Trung Quốc như lư hương, đỉnh hương bằng ngọc, bằng vàng, bạc... dùng để đốt Trầm, đồ nội thất, đồ gỗ làm từ trầm hương. Đi cùng với trầm hương cũng là những sản phẩm độc đáo và đầy tính nghệ thuật,...

1.1.3. Đánh giá chung và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

1.1.3.1. Đánh giá chung

Những cuốn sách, những công trình nghiên cứu,... đã nêu trên là nguồn tư liệu quý giá để NCS thực hiện luận án của mình. Mặc dù nguồn tư liệu không phải là quá hiếm hoi nhưng còn thiếu hệ thống trong việc nghiên cứu về trầm hương từ góc độ văn hóa học. Cũng rất hiếm các công trình nghiên cứu riêng về trầm hương trong các lĩnh vực như lịch sử, văn hóa, kinh tế... mà trầm hương chủ yếu chỉ được nhắc tới trong một phần, một đoạn của các nghiên cứu nêu trên mà thôi.

Trong các thư tịch cổ của cả Việt Nam và thế giới thì trầm hương được nhắc tới trong các cuốn sách có phạm vi lớn có nội dung về lịch sử, địa chí, kinh tế, thương mại, tôn giáo,... như một sản vật quý, một mặt hàng buôn bán, một phần của các nghi lễ tôn giáo, các truyền thuyết... hoặc có những nội dung có liên quan tới trầm hương như lưu hương, đồ thủ công mỹ nghệ từ gỗ trầm hương, mỹ phẩm, dược liệu từ trầm hương,...

Các công trình nghiên cứu thời hiện đại hoặc vấn đề cập tới trầm hương trong nội dung của các nghiên cứu lớn hơn về Con đường tơ lụa, Lịch sử giao thương, Lịch sử tôn giáo,... hoặc chỉ nghiên cứu trầm hương ở chuyên môn hẹp như kỹ thuật trồng cây, kỹ thuật gây giống...

Các nghiên cứu trên có giá trị to lớn, là nguồn dữ liệu quan trọng để thực hiện luận án, dù tản mát và chưa hệ thống nhưng khi kết hợp lại thành tổng thể sẽ có một bức tranh toàn cảnh về Văn hóa trầm hương Việt Nam. Từ đó cũng cho thấy chưa có công trình nào của ngành văn hóa lấy trầm hương là đối tượng nghiên cứu chính. Đây cũng là nhiệm vụ nghiên cứu của luận án phải thực hiện.

1.1.3.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Như đã nói trên, khi lấy Văn hóa trầm hương là đối tượng nghiên cứu riêng biệt, luận án cần tiếp tục làm rõ những vấn đề sau:

- Luận giải các khái niệm công cụ: văn hóa, giá trị văn hóa, tri thức địa phương, tri thức dân gian, văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể,...

- Xây dựng lý thuyết nghiên cứu khi chọn một đối tượng nghiên cứu của văn hóa.

- Nghiên cứu *Cơ sở hình thành của Văn hóa trầm hương Việt Nam* nhằm làm rõ những điều kiện tự nhiên và điều kiện lịch sử, xã hội căn bản đã tạo tác nên Văn hóa trầm hương Việt Nam từ xưa tới nay.

- Nghiên cứu để *Nhận diện Văn hóa trầm hương Việt Nam* nhằm làm rõ những tri thức về trầm hương, mối quan hệ mật thiết giữa trầm hương và văn hóa, con người Việt Nam. Thông qua các nghiên cứu, phân tích về trầm hương và tri thức văn hóa, sinh kế, các thành tố văn hóa chính như tôn giáo tín ngưỡng, văn học nghệ thuật, lễ hội,... sẽ làm rõ được hệ thống, cấu trúc và nội dung của Văn hóa trầm hương Việt Nam.

- Nghiên cứu *Giá trị của Văn hóa trầm hương Việt Nam và những vấn đề đặt ra cho sự phát triển của Văn hóa trầm hương Việt Nam hiện tại và tương lai* nhằm chứng minh Văn hóa trầm hương Việt Nam là một thành tố quan trọng khẳng định bản sắc văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới và góp phần nâng cao vị trí của văn hóa Việt Nam trên thế giới. Đặt ra những vấn đề và phương hướng giải quyết để xây dựng, phát triển Văn hóa trầm hương Việt Nam trong bối cảnh Hội nhập quốc tế.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA LUẬN ÁN

1.2.1. Các khái niệm cơ bản

Văn hóa là khái niệm mang nội hàm rộng với rất nhiều cách hiểu khác nhau, liên quan đến mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của con người. Văn hóa bởi vậy cũng có rất nhiều định nghĩa, khái niệm mà khái niệm nào cũng có phần đúng nhưng chưa bao trùm được hết nội hàm của “văn hóa” dù trong đời sống của nhân loại từ “văn hóa” được sử dụng rất phổ biến.

Các thuật ngữ “văn hóa” giải thích theo từ gốc *cultus* theo chữ Latinh hay quan điểm văn hóa là “nhân văn giáo hóa”, “văn trị giáo hóa”,... Theo thống kê, đến nay đã có hàng nghìn định nghĩa về văn hóa và vẫn đang được tiếp tục bổ sung.

Trên thế giới ngày nay, từ “*văn hóa - culture*” được sử dụng phổ biến như sau:

Trong từ điển Longman của Anh, khi tìm định nghĩa về culture - văn hóa, từ điển này chia định nghĩa thành 6 phần:

1. Nghĩa trong xã hội: là niềm tin, lối sống, nghệ thuật và phong tục được con người trong cùng một xã hội chia sẻ và công nhận.

2. Nghĩa trong cộng đồng: là thái độ và niềm tin về điều gì đó được chia sẻ trong một cộng đồng người hoặc trong một tổ chức cụ thể (giá trị chung của một cộng đồng người).

3. Nghĩa trong nghệ thuật: là những hoạt động liên quan đến nghệ thuật, văn học, âm nhạc và các loại hình nghệ thuật khác...

4. Nghĩa khác trong xã hội: là xã hội tồn tại vào một thời điểm cụ thể trong lịch sử (ví dụ như văn hóa Hòa Bình, văn hóa Bắc Sơn)

5. Nghĩa trong khoa học, y dược: là nuôi cấy vi khuẩn hoặc tế bào

6. Nghĩa trong nông nghiệp: là kỹ thuật trồng trọt [133]

Từ điển Oxford và từ điển Cambridge cũng có các định nghĩa và cách chia tương tự như từ điển Longman. Những định nghĩa trên cho chúng ta thấy định nghĩa về văn hóa vừa khó lại vừa không khó. Cái khó chính là tìm ra một định nghĩa chung bao trùm lên nội hàm của văn hóa, còn cái đơn giản hơn chính là sử dụng một hoặc vài định nghĩa văn hóa phù hợp cho từng công việc riêng, nghiên cứu riêng.

Từ những quan niệm cốt lõi về văn hóa có thể khẳng định: Có một nền Văn hóa trầm hương Việt Nam hiện diện từ lâu đời nay. Xung quanh trầm hương là một không gian văn hóa rất rộng trên nhiều khía cạnh và mang tính nghệ thuật cao là: điêu khắc, kiến trúc, tôn giáo, tín ngưỡng, văn học, thi ca... Văn hóa trầm hương là phong tục truyền thống được người Việt Nam cùng chia sẻ và công nhận. Ngày nay, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, con người đã tạo ra được trầm hương qua trồng trọt và sử dụng công nghệ nuôi, cấy sinh học.

Khái niệm về **Giá trị / Giá trị văn hóa** cũng là một phần quan trọng của nghiên cứu văn hóa. Khái niệm giá trị được nghiên cứu và sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành khoa học kể cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội với từ

nguyên trong tiếng Anh là value. Từ giá trị có nhiều nghĩa, tuy nhiên liên quan tới khoa học xã hội và văn hóa học có nghĩa như sau: “*giá trị là niềm tin về điều gì là đúng và sai và điều gì là quan trọng trong cuộc sống*” [134]. Từ định nghĩa trên cho thấy, khái niệm giá trị còn là để phân biệt những điều có giá trị hoặc không có giá trị mà trong ngôn ngữ thì giá trị mang hàm nghĩa của mặt tích cực, được đa số người trong xã hội thừa nhận. Từ đó cho thấy Giá trị văn hóa là những giá trị, những mặt tích cực của văn hóa (đối lập với tiêu cực, phản văn hóa, hủ tục). Như vậy, Văn hóa trầm hương Việt Nam phải được thể hiện trong giá trị của văn hóa này. Đó là những giá trị về kinh tế - thương mại, giá trị về tôn giáo - tâm linh, giá trị về văn hóa - nghệ thuật, giá trị về sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam,...

Khái niệm về *tri thức địa phương/ tri thức dân gian* có vai trò quan trọng trong nghiên cứu. Tri thức dân gian (hay tri thức địa phương, tri thức bản địa) là “*tri thức được hình thành trong qua trình lịch sử lâu dài của các dân tộc, được lưu truyền từ đời này qua đời khác qua thực tiễn sản xuất và thực hành xã hội; qua kinh nghiệm ứng xử của con người với môi trường và xã hội*”[8]. Tri thức dân gian chứa đựng nhiều lĩnh vực của cuộc sống xã hội của từng dân tộc theo nghĩa hẹp hay còn gọi là các tộc người, được phân thành hai nhóm: nhóm một là các tri thức dưới dạng “kỹ thuật” như kỹ thuật canh tác, khai thác, chế tạo, chế biến,...; nhóm hai là các tri thức dưới dạng tín ngưỡng, phong tục, tập quán, văn hóa... Nhìn chung tri thức dân gian được lưu truyền từ đời này sang đời khác, phản ánh nhiều quan niệm riêng của từng tộc người, nhiều tri thức dân gian không thành văn nhưng rất có giá trị trong nghiên cứu. Tri thức dân gian là một phần quan trọng của văn hoá. Đối với Văn hóa trầm hương Việt Nam, tri thức dân gian thể hiện trong quan niệm của người Việt về trầm hương, các hình thức tổ chức khai thác, chế biến trầm hương, các trung tâm của trầm hương trong lịch sử, các truyền thuyết về trầm hương,...

Văn hóa vật thể / Văn hóa phi vật thể: Theo luật Di sản văn hóa thì hiểu một cách đơn giản văn hóa vật thể gồm: “di tích lịch sử - văn hóa, danh

lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia”. Còn văn hóa phi vật thể gồm: “tiếng nói, chữ viết; ngữ văn dân gian; nghệ thuật trình diễn dân gian; tập quán xã hội và tín ngưỡng; lễ hội truyền thống; nghề thủ công truyền thống; tri thức dân gian”. Đối với trầm hương có thể nhận thấy trầm hương từ khi được con người nhận thức về giá trị, không còn là vật vô tri vô giác hay là cây cỏ vô danh mà bao quanh sản vật trầm hương là cả giá trị văn hóa vật thể (nhiều khối trầm hương, Kỳ nam cổ có giá trị rất cao ví dụ như khối trầm hương Ranjatai của Nhật Bản, có xuất xứ từ miền Trung Việt Nam ngày nay là Bảo vật quốc gia của Nhật Bản...) và giá trị văn hóa phi vật thể (thể hiện trong tri thức dân gian về Trầm; tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội liên quan tới Trầm; nghề thủ công mỹ nghệ,...).

Trầm hương là một loại gỗ quý (Kỳ nam là loại trầm hương quý giá nhất) được sinh ra từ các loại cây Dó thuộc họ Aquilaria. Trầm hương xuất xứ từ Việt Nam nổi tiếng thế giới về chất lượng tốt nhất được sinh ra là từ cây dó bầu có tên khoa học là Aquilaria Crassna Pierre ex Lecomte. Trầm hương là một trong những sản vật thuần Việt nổi tiếng trên toàn cầu hàng nghìn năm nay, bao quanh trầm hương là những giá trị văn hóa cả vật chất lẫn tinh thần nên trầm hương xứng đáng là đối tượng nghiên cứu riêng của văn hóa học.

Kỳ nam cũng là loại gỗ quý cũng được sinh ra từ cây dó bầu (Aquilaria Crassna Pierre ex Lecomte), được hiểu đơn giản là loại trầm hương quý giá nhất nhưng được sinh ra trong điều kiện đặc biệt là do cây bị sét đánh.

Văn hóa trầm hương khái quát hóa, hệ thống hóa một văn hóa riêng gắn với trầm hương tương tự như văn hóa lúa nước, văn hóa thực vật, văn hóa ăn, mặc, ở,... của người Việt, là một bộ phận của Văn hóa Việt Nam nói chung. Ở đây, **Văn hóa trầm hương là tổng thể các tri thức, tập quán, truyền thống, phương thức ứng xử liên quan đến trầm hương được tích lũy trong quá trình lịch sử, tạo nên các giá trị văn hóa có sức lan tỏa lâu bền trong cộng đồng**. Như vậy, trong văn hóa trầm hương, các yếu tố tri thức dân gian, sáng tạo, biến đổi, tiếp biến,... gắn với trầm hương cũng là cốt lõi, xuyên suốt. Văn

hóa trầm hương Việt Nam đã và đang được làm giàu hơn về cả chất và lượng. Bởi vậy Văn hóa trầm hương Việt Nam là: *một bộ phận của văn hóa Việt Nam, mang bản sắc độc đáo riêng của đất nước, lịch sử, con người Việt Nam, đáp ứng đầy đủ tính khoa học trên ba phương diện: chủ thể, thời gian, không gian của văn hóa và các đặc trưng của văn hóa với trung tâm là trầm hương.*

1.2.2. Một số quan điểm lý thuyết vận dụng trong luận án

GS.TSKH Trần Ngọc Thêm đưa ra bộ chìa khóa cho phép nhận diện văn hóa và định vị văn hóa [82, tr.56]. Nhận diện văn hóa thông qua **hệ trục tọa độ ba chiều** gồm: con người - tức là chủ thể văn hóa, không gian văn hóa và thời gian văn hóa. Từ đó cho chúng ta thấy được những nền văn hóa, tiểu vùng văn hóa, thành tố văn hóa,... Trong nội dung luận án sẽ ứng dụng lý thuyết hệ tọa độ văn hóa này để nghiên cứu và phân tích. Thông qua nghiên cứu chủ thể, không gian, thời gian của văn hóa trầm hương Việt Nam sẽ làm rõ được cơ sở hình thành của văn hóa trầm hương Việt Nam. Điều quan trọng là Văn hóa trầm hương Việt Nam không mang nghĩa là “ở” Việt Nam mà nghĩa là “của” Việt Nam - một trung tâm trầm hương toàn cầu từ quá khứ tới ngày nay, do con người Việt Nam là chủ thể và có truyền thống hàng nghìn năm sẽ được làm rõ trong chương 2. Việc hình thành hệ trục tọa độ văn hóa của Văn hóa trầm hương Việt Nam là điều kiện tiên quyết để khẳng định sự tồn tại của Văn hóa trầm hương Việt Nam mà đôi khi chúng ta chưa nhận thức được rõ ràng về cơ sở khoa học. Đây là quan điểm khoa học về nhận diện văn hóa khi chúng ta chưa xác định được có Văn hóa trầm hương Việt Nam hay không?

Trong các công trình nghiên cứu về văn hóa khác như “*Văn hóa Lúa nước sông Lam*” [9] của tác giả Trương Huy Chỉnh, hay các công trình khác như “*Đại cương văn hóa phương Đông*” [87] của tác giả Lương Duy Thứ, “*Góp phần nhận thức lại lịch sử văn hóa Việt*” [86] của tác giả Hà Văn Thùy, chương trình đào tạo “*Cơ sở Văn hóa Việt Nam*” [103] của tác giả Trần Quốc Vượng và nhiều công trình khác, nhìn chung khi nghiên cứu về cơ sở hình thành một văn hóa đều kết cấu thành cơ sở tự nhiên; cơ sở lịch sử, xã hội và cơ sở văn hóa.

Ngoài ra, dựa trên ***bốn đặc trưng chính của văn hóa gồm: tính hệ thống, tính giá trị, tính nhân sinh và tính lịch sử*** cũng cho thấy văn hóa trầm hương Việt Nam có những điều kiện đủ để trở thành một văn hóa riêng khi có đủ bốn đặc trưng chủ yếu của văn hóa gồm tính hệ thống, tính giá trị, tính nhân sinh và tính lịch sử nhưng không phải lúc nào cũng có thể bóc tách được riêng rẽ từng đặc trưng này.

Đặc trưng thứ nhất về tính nhân sinh: Tính nhân sinh cho phép phân biệt văn hóa như một hiện tượng xã hội (do con người sáng tạo, mang tính người) với các giá trị tự nhiên. Bởi vậy, nếu cây trầm hương chỉ là một loài cây mọc trong rừng, không ai biết tới, không chịu sự tác động của con người, không có tên... thì không thể có văn hóa trầm hương được. Nhưng cây trầm hương của Việt Nam chúng ta được con người biết tới, khai thác, chế tác, sản xuất, sử dụng và là sinh kế của con người hàng nghìn năm nay. Xung quanh cây trầm hương còn là cả một hệ thống tri thức sâu sắc và rộng lớn về sinh kế, nghệ thuật, tôn giáo, lịch sử... mà chỉ con người mới sáng tạo ra. Xét đến cùng, trầm hương được con người nhận thức được và phục vụ cho đời sống của con người. Vì thế văn hóa trầm hương có tính nhân sinh rất rõ nét.

Đặc trưng thứ hai là tính hệ thống của Văn hóa trầm hương Việt Nam, giúp phát hiện những mối liên hệ mật thiết giữa các hiện tượng, sự kiện thuộc một nền văn hóa; phát hiện các đặc trưng, những quy luật hình thành và phát triển của nó. Trầm hương có những nét đặc trưng độc đáo trong nền văn hóa Việt Nam, có những mối liên hệ mật thiết đến các hiện tượng, sự kiện trong nền văn hóa Việt, gắn với những phong tục, tập quán, lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng, chính trị, thế giới quan, vũ trụ quan, nhân sinh quan... của người Việt

Đặc trưng thứ ba là tính giá trị. Tính giá trị cần để phân biệt giá trị và phi giá trị, là thước đo mức độ nhân bản của xã hội và con người. Các *“giá trị văn hóa, có thể chia thành giá trị vật chất (phục vụ cho nhu cầu vật chất) và giá trị tinh thần (phục vụ cho nhu cầu tinh thần); theo ý nghĩa có thể chia thành giá trị sử dụng, giá trị đạo đức và giá trị thẩm mỹ, theo thời gian có thể phân biệt*

các giá trị vĩnh cửu và giá trị nhất thời”[81, tr.11]. Những sự phân biệt về các loại giá trị này thì văn hóa trầm hương thực sự đều sở hữu đầy đủ. Về giá trị vật chất: trầm hương là mặt hàng có giá trị rất cao, được cả thế giới săn đón và mang lại nhiều lợi ích vật chất cho đất nước... Về giá trị tinh thần: trầm hương xuất hiện trong nhiều tác phẩm nghệ thuật lớn, được sử dụng trong các tôn giáo, trong trầm hương có chứa những hoạt chất giúp thư giãn đầu óc... Về giá trị sử dụng, giá trị đạo đức (khi con người sử dụng trầm hương đa phần đều là những mục đích cao đẹp, gắn với tôn giáo, tín ngưỡng, hướng thiện), trầm hương đều có đầy đủ. Về những giá trị phân biệt theo thời gian, cũng cần phải dựa trên quan hệ biện chứng với tính nhân sinh - tính người, loài người với tính giá trị của văn hóa, rất khó có thể khẳng định điều gì là vĩnh cửu.

Đặc trưng thứ 4 của văn hóa là tính lịch sử. Nó cho phép phân biệt văn hóa như sản phẩm của một quá trình và được tích lũy qua nhiều thế hệ. Tính lịch sử được duy trì bằng truyền thống văn hóa. Truyền thống văn hóa là những giá trị tương đối ổn định (những kinh nghiệm tập thể) được tích lũy và tái tạo trong cộng đồng người qua không gian và thời gian, được đúc kết thành những khuôn mẫu xã hội và cố định hóa dưới dạng ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nghi lễ, luật pháp, dư luận... Với những tiêu chí này, có thể nói Văn hóa trầm hương có tính lịch sử rất rõ nét. Không phải ngẫu nhiên mà Văn hóa trầm hương Việt Nam tồn tại, phát triển và được ghi nhận qua hàng ngàn năm. Trầm hương là một nét văn hóa truyền thống từ thời ông cha ta để lại, mang theo nó nhiều giá trị mà dễ nhìn thấy nhất là trong tôn giáo và tín ngưỡng hàng nghìn năm nay.

Lý thuyết về hệ trục tọa độ chủ thể, không gian, thời gian trong văn hóa và lý thuyết về 4 đặc trưng của văn hóa được sử dụng trong luận án làm khung nghiên cứu chính và lý thuyết này cũng đảm bảo tính tổng thể, thống nhất của văn hóa theo chủ nghĩa duy vật lịch sử và quan hệ biện chứng.

Các quan điểm về *cấu trúc của văn hóa* của các nhà nghiên cứu đi trước như Trần Ngọc Thêm, Trần Quốc Vượng, Chu Xuân Diên, Ngô Đức Thịnh...

được kế thừa trong việc xác lập cấu trúc văn hóa trầm hương Việt Nam và sử dụng trong chương 3 của luận án. Văn hóa trầm hương Việt Nam được cấu trúc thành 4 thành tố chính là: Văn hóa sản xuất, văn hóa sinh hoạt, văn hóa tâm linh và văn hóa nghệ thuật.

1.2.3. Cấu trúc của Văn hóa trầm hương Việt Nam

Nhà nghiên cứu Trần Ngọc Thêm cho rằng: có thể xem văn hóa như một hệ thống gồm 4 thành tố cơ bản là *văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội*. Giáo sư Trần Quốc Vượng cho rằng cấu trúc của Văn hóa Việt Nam chủ yếu bao gồm: *Văn hóa sản xuất, Văn hóa sinh hoạt, Văn hóa vũ trang* và hàng loạt các thành tố văn hóa là tín ngưỡng, tôn giáo, nghệ thuật tạo hình, lối sống, phong tục tập quán, lễ hội, nghề thủ công,... PGS Chu Xuân Diên cho rằng văn hóa được chia thành 3 thành tố chính là: *văn hóa vật chất, văn hóa xã hội và văn hóa tinh thần*. GS.TS Ngô Đức Thịnh phân chia văn hóa thành 4 thành tố chính là *văn hóa sản xuất, văn hóa xã hội, văn hóa tư tưởng và văn hóa nghệ thuật*. GS Hoàng Vinh phân chia thành 2 cặp: *văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa cá nhân và văn hóa cộng đồng*. Còn Tổ chức UNESCO chia ra làm 2 loại là: *văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể*.

Kế thừa các cấu trúc của các nhà nghiên cứu đi trước, NCS cấu trúc Văn hóa trầm hương Việt Nam thành 4 thành tố chính như sau:

- Văn hóa sản xuất/ văn hóa kinh tế: tri thức, kỹ năng, nghệ thuật liên quan đến khai thác, nuôi trồng, chế tạo, chế tác, kinh doanh, thương mại trầm hương (trước kia và hiện nay).

- Văn hóa sinh hoạt: sử dụng trầm hương trong phục sức, ẩm thực, y dược, mỹ phẩm, quà tặng, ngoại giao (gồm ăn, mặc, ở, sinh hoạt nói chung).

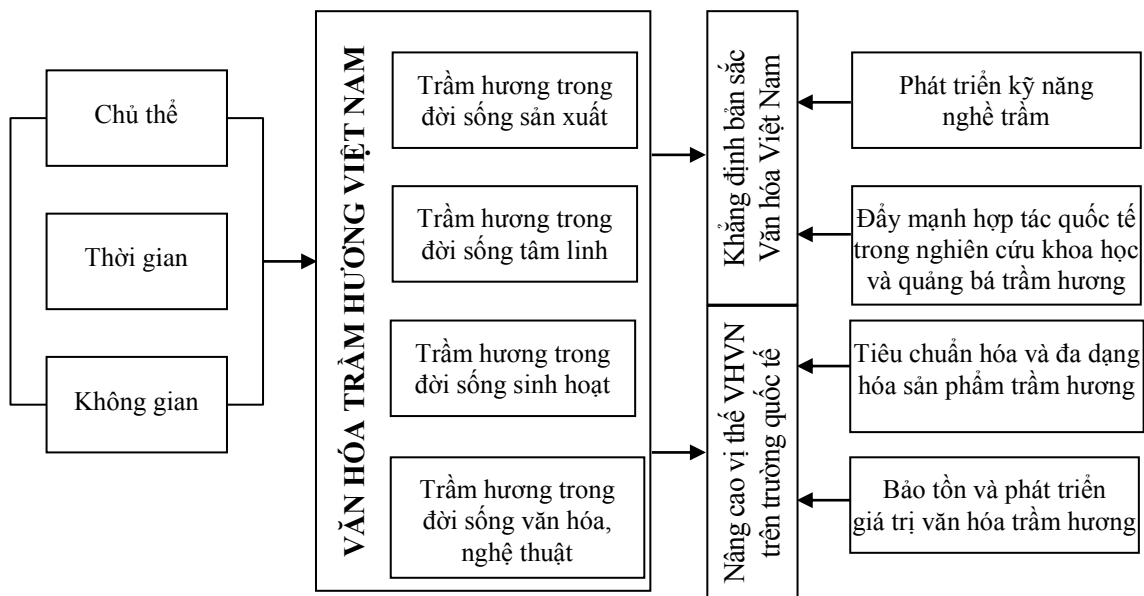
- Văn hóa tâm linh: sử dụng trầm hương trong nghi lễ, tín ngưỡng thờ thần thánh, nghi lễ vòng đời, đồ tế tự, Thánh mẫu và Thánh địa trầm hương...

- Văn hóa nghệ thuật: trầm hương trong thi ca, văn xuôi, ca dao, dân ca, tục ngữ, đồ mỹ nghệ...

1.2.4. Khung phân tích của luận án

Trên cơ sở quan điểm định vị một văn hóa trong các chiều kích thời gian, không gian và chủ thể văn hóa, luận án đã xác lập hệ tọa độ của văn hóa trầm hương Việt Nam, đặt trong những kiến giải về điều kiện tự nhiên, điều kiện lịch sử xã hội cho sự xuất hiện, tồn tại của văn hóa này.

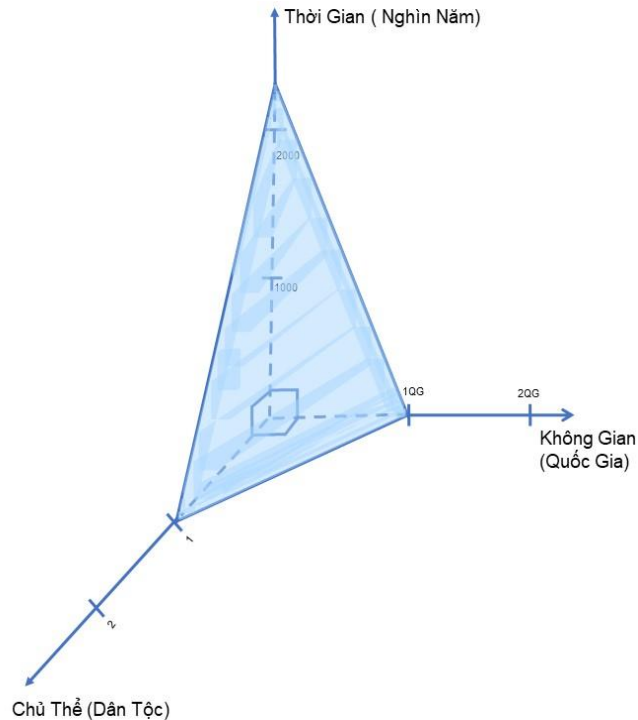
Những tri thức về trầm hương, những thực hành văn hóa liên quan/ có sự hiện diện của trầm hương trong tổng thể đời sống của người Việt Nam được luận án xác định là những yếu tố để cấu thành nên văn hóa trầm hương. Trong sự phong phú của những yếu tố cấu thành, dựa trên quan điểm cấu trúc của văn hóa, đặt trong mối liên quan với tổng thể đời sống, luận án nhận diện văn hóa trầm hương Việt Nam trong đời sống sản xuất, đời sống tâm linh, đời sống sinh hoạt và đời sống văn hóa, nghệ thuật của người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử. Từ đó thấy được sự hiện tồn và vai trò rất quan trọng của văn hóa trầm hương với tư cách là một yếu tố thuần Việt, phản ánh bản sắc văn hóa Việt Nam và khả năng đóng góp to lớn vào việc nâng cao vị thế của văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế. Có thể sơ đồ hóa khung phân tích, triển khai luận án như sau:



Để làm rõ cơ sở của văn hóa trầm hương Việt Nam, NCS sử dụng lý thuyết về hệ trục tọa độ văn hóa gồm: không gian, thời gian, chủ thể để có thể làm rõ văn hóa trầm hương trong hệ trục tọa độ 3 chiều. Từ hình minh họa

phía dưới có thể nhận ra được quy mô của văn hóa này dựa trên ba chiều kích có sự tịnh tiến từ khi bắt đầu hình thành cho tới ngày nay. Nếu ba chiều đều được mở rộng, kéo dài thì quy mô của văn hóa trầm hương Việt Nam càng lớn và ngược lại.

VĂN HÓA TRẦM HƯƠNG VIỆT NAM



Qua cách sử dụng hệ trục tọa độ văn hóa, NCS thấy rằng, luận án sẽ trở nên khoa học hơn, dễ nhìn nhận được cơ sở của văn hóa trầm hương Việt Nam tại thời điểm hiện tại (một đối tượng cụ thể có phạm vi vừa phải) hơn phương pháp tiếp cận truyền thống từ cơ sở tự nhiên, cơ sở lịch sử, cơ sở xã hội, cơ sở văn hóa... Vì tất cả những yếu tố tự nhiên, lịch sử, xã hội, văn hóa đều bao hàm trong không gian, thời gian và chủ thể của văn hóa trầm hương Việt Nam.

Sau khi làm rõ được cơ sở hình thành của văn hóa trầm hương Việt Nam thông qua hệ trục tọa độ, NCS tiếp tục nghiên cứu để nhận diện văn hóa trầm hương Việt Nam, làm rõ mối quan hệ giữa trầm hương và người Việt thông qua 4 khía cạnh chính là: đời sống sản xuất, đời sống tâm linh, đời sống sinh hoạt và đời sống văn hóa nghệ thuật.

Để phát triển văn hóa trầm hương Việt Nam, về cơ bản dựa trên “hệ trục tọa độ” văn hóa, là sự mở rộng cả 3 chiều: về thời gian phải bảo tồn và phát huy để được sử dụng lâu hơn nữa; về không gian phải được mở rộng ra nhiều quốc gia hơn, nhiều sản phẩm hơn và số lượng tiêu thụ lớn hơn; về chủ thể thì con người nói chung (ở bất kỳ quốc gia, dân tộc nào) càng sử dụng nhiều càng tốt nhưng văn hóa trầm hương Việt Nam phải luôn giữ vai trò trung tâm, chủ đạo trên thế giới.

Tiểu kết chương 1

Những công trình nghiên cứu về văn hóa nói chung hiện nay có số lượng đồ sộ, trải dài từ lý luận đến thực tiễn. Các công trình mang tính lý luận là cơ sở để luận án tiếp thu và học hỏi về phương pháp nghiên cứu, lý thuyết nghiên cứu và cơ sở khoa học của nghiên cứu,...

Nhiều công trình nghiên cứu trong các ngành khoa học như văn hóa, lịch sử, tôn giáo, thương mại, nông nghiệp,... có đề cập tới trầm hương nhưng trầm hương không phải là đối tượng nghiên cứu chính nên thường có dung lượng ít, không hệ thống. Tuy nhiên việc trầm hương được nhắc tới trong nhiều công trình khoa học cũng cung cấp tri thức nhiều chiều về trầm hương trong các ngành khoa học khác nhau. Đây cũng là điểm thuận lợi của luận án.

Tính đến nay, chưa có một công trình nghiên cứu nào của ngành văn hóa học (và cả các chuyên ngành gần như quản lý văn hóa, lịch sử, xã hội học, Việt Nam học,...) lấy văn hóa trầm hương làm đối tượng nghiên cứu. Luận án là công trình đầu tiên của ngành văn hóa học nghiên cứu về vấn đề này.

Các lý thuyết nghiên cứu về văn hóa được vận dụng phù hợp để triển khai nội dung nghiên cứu. Trong đó lý thuyết về hệ trục tọa độ văn hóa và các đặc trưng của văn hóa có vai trò quan trọng trong giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu của luận án dựa trên khung phân tích đã nêu trên. Khung phân tích định hướng xuyên suốt nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, từ chứng minh cơ sở hình thành, nhận diện văn hóa trầm hương Việt Nam cho đến bàn luận về những vấn đề đặt ra cho văn hóa trầm hương Việt Nam.

Chương 2

CƠ SỞ HÌNH THÀNH VĂN HÓA TRÂM HƯƠNG VIỆT NAM

Để phân tích và nghiên cứu về cơ sở hình thành của Văn hóa trầm hương Việt Nam cần định vị được Văn hóa trầm hương Việt Nam trên hệ trục tọa độ của văn hóa là không gian, thời gian và chủ thể (mang nhiều yếu tố lịch sử, xã hội). Tuy nhiên cũng cần đề cập tới điều kiện tự nhiên đã góp phần hình thành nên văn hóa trầm hương ở Việt Nam. Điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu đã tạo ra môi trường tự nhiên phù hợp cho sự sinh trưởng phát triển của cây Dó bầu (cây trầm hương) cũng như quá trình tạo Trâm và vì thế có thể coi đó là ***điều kiện tiên quyết*** cho sự hình thành trầm hương và Văn hóa trầm hương Việt Nam.

Khi tra cứu, tham khảo các công trình nghiên cứu về văn hóa, về nguồn gốc hình thành của một nền văn hóa đều đề cập tới điều kiện tự nhiên, điều kiện lịch sử, xã hội... như Văn hóa Trung Quốc, Văn hóa Nhật Bản, Văn hóa Mỹ, Văn hóa Pháp, Văn hóa Việt Nam... Về cơ bản những vấn đề đó đều không nằm ngoài hệ trục tọa độ văn hóa gồm chủ thể, không gian và thời gian.

2.1. KHÔNG GIAN VĂN HÓA TRÂM HƯƠNG VIỆT NAM

2.1.1. Không gian tự nhiên của trầm hương Việt Nam

Trên thế giới ghi nhận một số quốc gia có lịch sử buôn bán, sản xuất và chế biến trầm hương lâu đời như Việt Nam, Ấn Độ, Bangladesh và một số nước khác tại khu vực Đông Nam Á. Tại Việt Nam, cây trầm hương tự nhiên phân bố từ Nghệ An xuống phía Nam tới Phú Quốc, chủ yếu men theo dãy Trường Sơn.

Cây trầm hương Việt Nam có khả năng sinh ra loại sản phẩm độc nhất, rất quý giá là trầm hương và Kỳ nam có giá trị kinh tế rất cao và nhiều công dụng đặc biệt. Cây trầm hương còn có tên gọi khác là cây dó bầu, được đặt tên khoa học bởi nhà thực vật học người Pháp nổi tiếng, từng sinh sống nhiều năm ở Việt Nam là Jean Baptiste Pierre (1833 - 1905). Dựa trên những mẫu vật thu được tại miền Trung Việt Nam, ông đã đặt tên khoa học cho cây trầm

hương là *Aquilaria Crassna* Pierre. Sau này, Paul Henri Lecomte (1856 - 1934) khi công bố các nghiên cứu về thực vật Đông Dương (*Flore generale de l'Indochine*) đã xếp chi *Aquilaria* vào họ Trâm (*Thymelaeaceae*). Giống cây Dó bầu - cây trâm hương Việt Nam có danh pháp khoa học là *Aquilaria Crassna* Pierre ex Lecomte.

Ở miền Bắc Việt Nam đa phần các học giả đều xác định rằng không có cây trâm hương mà là loài cây tương đồng với loài Thổ trâm hương (*Aquilaria sinensis* Gilg) phổ biến ở Trung Quốc, còn có tên gọi khác là thổ mộc hương, bạch mộc hương, nha hương thụ, nữ nhi hương. Thổ trâm hương là loài cây khác biệt so với cây trâm hương và có một số công dụng làm thuốc chữa bệnh nhưng không sinh ra trâm hương và Kỳ nam. Đến nay vẫn còn nhiều người nhầm lẫn rằng trâm hương Việt Nam có xuất xứ từ Trung Quốc, Nhật Bản,... nhưng thực chất không phải. Ở Trung Quốc chỉ có loài Thổ trâm hương ở phía Nam và đảo Hải Nam, còn trâm hương như chúng ta biết, trong lịch sử người Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, phần lớn đều nhập khẩu từ Việt Nam [64].

Trong một số tài liệu xa xưa được ghi chép lại thì ở vùng miền Bắc Việt Nam từng xuất hiện cây trâm hương ở những vùng núi cao xa xôi như ở Lạng Sơn, Quảng Ninh, Cao Bằng,... Nhưng những loại cây này có đúng là *Aquilaria Crassna* Pierre ex Lecomte hay không thì không có tài liệu nào xác định cả [40, tr.43]. Đến nay ở miền Bắc Việt Nam không còn tìm được cây trâm hương cổ thụ nào cũng như không tìm được các khối trâm hương cổ. Có thể do trâm hương ở miền Bắc đã được khai thác triệt để hoặc đây vốn không phải là vùng sinh trưởng tự nhiên chính của cây trâm hương của Việt Nam. Những nghiên cứu mới cho thấy, cây trâm hương của Việt Nam chủ yếu phân bố tự nhiên theo dãy Trường Sơn từ thượng nguồn sông Cả đến miền Đông Nam Bộ, trong đó các tỉnh nổi tiếng về khai thác, sản xuất, chế tác và buôn bán trâm hương là Khánh Hòa, Quảng Nam, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk...

Dãy Trường Sơn được hình thành qua chu kỳ tạo núi In đô xi ni vào đầu đại Trung Sinh [79, tr.155] cách ngày nay khoảng gần 400 triệu năm. dãy Trường Sơn được chia thành Trường Sơn bắc và Trường Sơn nam. Trường Sơn bắc gồm nhiều dãy núi chạy theo hướng tây bắc - đông nam và nằm so le với nhau. Đây là miền núi thấp, cao trung bình từ 600 - 800m trên mặt biển, hẹp bề ngang và đổ dốc xuống phía đồng bằng duyên hải. Dãy Trường Sơn bắc không chỉ ở rìa đồng bằng mà còn có một số nhánh đâm ra đến tận biển như một bức trường thành kéo dài từ phía nam thung lũng sông Cả đến tận các ngọn núi phía bắc vùng thung lũng sông Bung. Đây là vùng núi bị chia cắt mạnh, sườn phía tây của Trường Sơn bắc chạy dài thoải xuống sông Mê Công, còn sườn phía đông thì ngắn và dốc, thành ra các sông suối chảy trên sườn này xuống biển đông càng có điều kiện để chia cắt địa hình mạnh [79, tr.154]. Dãy Trường Sơn bắc là một dãy núi thấp, ít những đỉnh núi cao, đôi khi lại có một số nhánh kéo dài đến tận biển thường được gọi là “hoành sơn” là những dãy núi chia cắt địa hình, những chướng ngại vật tự nhiên nổi tiếng trong lịch sử. Đối với người xưa, những ranh giới tự nhiên này là trở ngại lớn trong giao thông, buôn bán, thông thương với những phương tiện thô sơ như ngựa, cáng,... nhưng ngày nay chỉ là những ngọn đồi thấp không còn gì đáng ngại trên những tuyến đường giao thông thông suốt trên cả nước. Các nhà khoa học đa phần thống nhất rằng: *“miền núi Trường Sơn bắc là nơi gặp gỡ của hai luồng thực vật di cư, một luồng từ Himalaya qua Vân Nam lan xuống và một luồng từ Malaysia lên”* [79, tr.158], tính phong phú của thảm thực vật khiến vùng Trường Sơn bắc trở nên giàu có về đa dạng sinh học.

Trường Sơn bắc lại được phân định ra thành Trường Sơn đông và Trường Sơn tây. Trường Sơn đông thì thoải còn Trường Sơn tây thì dốc khiến điều kiện khí hậu của 2 miền Trường sơn đông và Trường sơn tây khác hẳn nhau. Trường Sơn đông là một bức tường quan trọng về mặt khí hậu khi mưa nhiều từ tháng 8 đến tháng 1. Các tháng còn lại được gọi là mùa khô với gió mùa đông nam thổi song song với hướng núi và gió phơn Tây Nam (gió Lào) mang theo từng đợt gió khô thổi tới làm teo hết lá cây và đốt úa cỏ tranh.

Đông Trường sơn có hàng loạt các loại lâm sản quý như: “*tre và luồng, mai và vầu, gỗ quý, trầm hương, mộc nhĩ, mật ong, da gấu, da báo, ngà voi và nhiều sản vật khác*” [79, tr.157]. Những loại gỗ quý hiếm như lim, táu, lát hoa, chò chỉ có từ Hà Tĩnh trở ra, những loại như gụ, táu, kim giao,... có từ Quảng Bình trở vào nhưng so với những loại gỗ đã quý hiếm đó thì trầm hương còn quý hiếm hơn và không thể khái quát được cụ thể là nhiều hay ít ở khu vực nào. Tuy nhiên, dựa theo kinh nghiệm của những thợ sơn tràng thì trầm hương ở phía Trường Sơn đông chất lượng tốt hơn do có cả yếu tố biển và yếu tố rừng hun đúc.

Trường Sơn nam lại là một khối núi - cao nguyên có bề mặt lượn sóng rộng thênh thang với những dòng sông lớn khởi đầu từ đèo Hải Vân đến miền Đông Nam Bộ. Trường Sơn nam hầu như chiếm diện tích của khu vực Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Các đồng bằng duyên hải hầu như chỉ là một đường viền nhỏ hẹp (như ở Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định... đồng bằng ven biển thường nhỏ hẹp, khí hậu chịu ảnh hưởng lớn của yếu tố biển) mà cuộc sống kinh tế “*trong quá khứ cũng không hề tách rời với khối núi vĩ đại đó*” [79, tr.187]. Nhiều người thường đồng nhất Tây Nguyên với khối Trường Sơn nam, tuy nhiên Tây Nguyên để chỉ các cao nguyên nằm về phía Tây của gò núi, rộng lớn hơn nhiều lần vùng Phía đông với những đồng bằng ven biển. Ngoài ra còn có những bồn địa và thung lũng được mở rộng được cấu tạo trong các vùng trũng kiến tạo, về sau tiếp tục được các sông bồi đắp nên như thung lũng Cheo Reo, bồn địa M’Đrăk (M’Đrăk trước đây là huyện Khánh Dương tỉnh Khánh Hòa),...

Khu vực Trường Sơn nam nằm hoàn toàn dưới vĩ tuyến 16 độ bắc nên chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới thực sự, tuy nhiên khí hậu thay đổi theo độ cao của từng vùng và theo địa hình (biển, núi, cao nguyên). Kon Tum, Buôn Ma Thuột, M’Đrăk nằm ở độ cao hơn 600 m có nhiệt độ trung bình năm là 23 - 25 độ C. Mùa mưa và mùa khô phân biệt rõ rệt. Mùa mưa ở Trường Sơn nam làm rừng núi như phủ một lớp màn trắng xóa. Từ Kon Tum đến Pleiku, Buôn Ma Thuột đến M’Đrăk lượng mưa trung bình là khoảng 2.000 mm, số ngày

mưa là khoảng 130 - 170 ngày/ năm. Vùng núi Hòn Bà của Khánh Hòa số ngày mưa lên tới 251 ngày.

Về mùa khô, khu vực Trường Sơn nam nắng gay gắt và không khí khô khốc. Lượng mưa trong những tháng mùa khô chỉ khoảng 7 - 8% lượng mưa hàng năm. Số giờ nắng trong các tháng này đạt tới 200 - 250 giờ/ tháng, độ ẩm thấp, chỉ khoảng 70 - 72%. Những mặt đường đất đỏ bazan của cao nguyên phủ một lớp bụi dày, bụi bay trong không khí tạo nên một vùng không gian mang màu đỏ phủ khắp các cánh rừng.

Tài nguyên rừng ở Trường Sơn nam rất giàu có cho cả khai thác và trồng trọt. Mặt bằng rộng rãi phủ loại đất đỏ được phong hóa từ bazan phi nhiêu có diện tích lên tới 2 triệu ha, thuận lợi cho rất nhiều loại cây phát triển. Những loại gỗ quý giá từng có nhiều nhất ở phía bắc Kon Tum, phía Tây của Đăk Lăk và Lâm Viên. Sự đa dạng sinh học của Trường Sơn nam được thể hiện qua việc Khu dự trữ sinh quyển Núi Chúa (Ninh Thuận), Khu dự trữ sinh quyển Kon Hà Nừng (Gia Lai), Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Lâm Đồng) được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới.

Cũng khá tương đồng với chiều dài của dãy Trường Sơn là các đồng bằng ven biển Trung Bộ bao gồm đồng bằng Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh, Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế, Quảng Nam - Quảng Ngãi - Quảng Bình - Phú Yên và Khánh Hòa - Ninh Thuận - Bình Thuận. Yếu tố biển (khí hậu biển, gió biển, dòng hải lưu nóng, dòng hải lưu lạnh) cũng có tác động quan trọng đến số lượng và chất lượng của trầm hương. Ngoài ra, đối với lịch sử và văn hóa, một số địa phương đồng bằng ven biển miền Trung là nơi buôn bán, chế tác, sử dụng trầm hương lâu đời và là quê hương của nhiều người đi rừng tìm trầm hương.

Tựu trung lại, dựa trên các ghi chép và thực tiễn khoa học đều cho thấy khả năng cao khu vực Bắc Bộ trên lãnh thổ Việt Nam, không phải là khu vực có nhiều trầm hương sinh trưởng tự nhiên mà chủ yếu là vùng Trung Bộ gắn với dãy Trường Sơn hùng vĩ mà trước đây từng là vùng đất của vương quốc cổ

Champa. Điều kiện tự nhiên của miền Trung Việt Nam là điều kiện tiên quyết hình thành nên Văn hóa trầm hương Việt Nam và cũng là một phần của không gian Văn hóa trầm hương Việt Nam trên hệ trục tọa độ văn hóa. Qua các cuộc điền dã và khảo sát, đa phần những người được hỏi đều cho biết rằng: trầm hương tại khu vực Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định (khu vực Nam Trung Bộ) là nhiều nhất, tốt nhất và có giá trị cao nhất. Khi thu thập các mẫu vật trầm hương từ Khánh Hòa so với các mẫu vật trầm hương ở các khu vực khác tại Việt Nam cho thấy rằng trầm hương từ Khánh Hòa có hàm lượng tinh dầu nhiều nhất, đa dạng về các hợp chất thơm nhất trong tất cả các mẫu vật [135]. Bởi vậy, không phải ngẫu nhiên mà Khánh Hòa được ca ngợi là “Xứ sở trầm hương”. Trước đây, con người chủ yếu chỉ phân biệt được mùi thơm bằng khứu giác và nhận thấy mùi thơm nhất khi so sánh. Ngày nay, các nghiên cứu khoa học cũng có thể chứng minh, đo lường được mùi thơm bằng các thông số tuy nhiên tiêu tốn nhiều thời gian và tiền của.

Về kinh nghiệm của những người làm Trầm đánh giá về vùng đất Khánh Hòa đối với trầm hương như sau: Khánh Hòa là địa phương đặc biệt trên cả nước, sở hữu cả rừng, biển và đồng bằng. Biển Khánh Hòa là nơi giao thoa của 2 dòng hải lưu nóng và lạnh, góp phần quyết định khí hậu của trái đất, bởi vậy người Pháp đã từng đặt Viện Hải dương học đầu tiên ở đây. Khánh Hòa cũng là nơi có khí hậu ôn hòa, phù hợp cho sự phát triển của vi sinh vật, do đó Viện Pasteur Nha Trang cũng được thành lập sớm ở Nha Trang, Khánh Hòa năm 1895 để nghiên cứu về nấm, vi sinh vật và các loại vaccine. Nghiên cứu vi sinh, y sinh là ngành khoa học phức tạp. Vì vậy những nơi có môi trường phù hợp cho nghiên cứu nuôi trồng nấm, vi sinh ở Việt Nam không nhiều. Tại Khánh Hòa, do khí hậu ôn hòa, thực vật có điều kiện phát triển. Khi các vết thương trên thân cây Tràm được gió biển thổi vào những vi sinh vật đặc biệt sinh ra các loại nấm, mốc, vi sinh vật đặc biệt trên cây trầm hương, quyết định mùi thơm của cây. Nhiệt độ phù hợp cộng với ánh nắng mặt trời, số giờ nắng có vai trò quan trọng trong sự hình thành trầm

huong. Khu vực Vạn Ninh, Ninh Hòa cũng hay có sấm sét, góp phần hình thành nên Kỳ nam.¹

Tóm lại, dựa trên các ghi chép và thực tiễn khoa học đều cho thấy khả năng cao khu vực Bắc Bộ không phải là khu vực có nhiều trầm hương sinh trưởng tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay mà chủ yếu là vùng Trung Bộ gắn với dãy Trường Sơn hùng vĩ mà trước đây từng là vùng đất của vương quốc cổ Champa. Điều kiện tự nhiên của miền Trung Việt Nam là điều kiện tiên quyết hình thành nên Văn hóa trầm hương Việt Nam và cũng là một phần của không gian Văn hóa trầm hương Việt Nam trên hệ trục tọa độ văn hóa.

2.1.2. Không gian xã hội của Văn hóa trầm hương Việt Nam

Như vậy, có thể thấy rằng vùng sinh trưởng tự nhiên của trầm hương trên lãnh thổ Việt Nam là theo dọc dãy Trường Sơn từ Hà Tĩnh vào tới khu vực Nam Trung Bộ. Trong lịch sử trước đây, phần lớn thuộc địa bàn của vương quốc cổ Champa mà nay đã là một bộ phận của đất nước Việt Nam thống nhất. Để khảo cứu về trầm hương và sự hình thành văn hóa trầm hương, không thể không đề cập tới vương quốc cổ Champa và người Việt Nam gốc Chăm².

Vương quốc Champa hình thành và phát triển trên dải ven biển miền Trung Việt Nam và một phần cao nguyên Trường Sơn: lúc lớn mạnh nhất trải dài từ Hoàn Sơn, sông Gianh (Quảng Bình ngày nay) ở phía bắc đến sông Dinh - Hàm Tân (Bình Thuận ngày nay), ở phía nam đến lưu vực Krong Pô Cô và sông Đà Rằng trên Tây Nguyên. Về phía đông, họ đã từng làm chủ cả vùng ven Biển Đông cùng với dãy đảo gần bờ. Cư dân - chủ nhân của vương quốc này là người Chăm. Trước đây còn gọi là Chăm, Chiêm, nói tiếng Malayo - Polynesian. Ngày nay, một bộ phận người Chăm còn giữ văn hóa truyền thống của mình, vẫn sinh sống ở đất cũ, ven biển miền Trung, hoặc đồng bằng sông Cửu Long ở miền Nam.

¹ Nội dung chương 3 sẽ giải thích rõ hơn về quá trình hình thành trầm hương, Kỳ nam.

² Năm 2019, chỉ còn khoảng 178.000 người Chăm ở Việt Nam, chiếm 0.178 % dân số)

2.1.2.1. Khái lược lịch sử vương quốc cổ Champa - trung tâm cổ của trầm hương và Văn hóa trầm hương Việt Nam

Cuộc khai quật khảo cổ học trên vùng hồ Yaly năm 2001, đã phát hiện ra những công cụ đồ đá cũ ở Tây Nguyên. Điều đó nói lên rằng cư dân bản địa đã sinh sống rất lâu đời trên Tây Nguyên. Có lẽ họ là lớp cư dân nói tiếng Nam Á (người Môn cổ) còn sinh sống hiện nay ở đây với tỷ lệ khá cao khoảng 400.000 đến 1.000.000 dân. Người Môn cổ từng là chủ nhân thực sự của vùng Đông Nam Á lục địa, tuy nhiên các quốc gia của họ thường có quy mô rất nhỏ. Người Môn đã không tận dụng được những ưu thế ban đầu mà lịch sử trao cho họ, dẫn tới việc họ thất bại “*trên tư cách là một dân tộc*” [15, tr.242] và hiện nay không còn bất kỳ một quốc gia riêng nào cho mình.

Đến đầu thiên kỷ I TCN, có sự di chuyển dân cư ở đồng bằng ven biển và ảnh hưởng tới dân cư trên cao nguyên, đặc biệt là của người Nam Đảo (Austronesians). Ở Việt Nam, có thể họ đi từ Biển Đông vào định cư ở ven bờ biển suốt chiều dài từ Bắc đến Nam, mang đến sự giao lưu văn hóa lục địa - biển, để lại dấu ấn của nền văn hóa biển trên các nền văn hóa sơ kỳ kim khí như Long Thành, Bình Châu ở miền Trung (văn hóa Tiền Sa Huỳnh). Một bộ phận dân nói tiếng Mã Lai Đa Đảo chuyển đến sống bên cạnh, thậm chí dồn cư dân nói tiếng Nam Đảo về phía tây, mang đến một phần của yếu tố văn hóa Sa Huỳnh muộn hơn, với mộ vò, đồ trang sức trùm lên trên. Điều này cho thấy sự xuất hiện hơi đột ngột của văn hóa không bản địa từ biển vào khu vực Nam Trung Bộ. Như vậy, có cơ sở để nói rằng: “*dân nói tiếng Malayo, ít ra là ở Việt Nam, là từ biển vào*” [60, tr.15] - tổ tiên của người Chăm đã di cư từ biển vào khu vực Trung Bộ, sinh sống cùng và dồn nén những người Môn cổ (cư dân bản địa) về phía Tây.

Ở miền Trung Việt Nam, tiếp nối văn hóa Tiền Sa Huỳnh, có niên đại khoảng nửa đầu TNK I TCN, văn hóa Sa Huỳnh (giữa TNK I TCN - đầu công nguyên) thể hiện đậm đặc, dường như gắn liền với sự tiếp tục di cư từ của dân cư từ biển đến miền Trung Việt Nam, trong đó, tiêu biểu nhất là tại Sa Huỳnh,

thuộc tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn sơ kỳ đồ sắt (hình thành nên nhà nước). Chủ nhân của văn hóa Sa Huỳnh - nền văn hóa sắt sớm mang đậm dấu ấn văn hóa biển, Nam Đảo, nhiều khả năng là *“tiền thân của người Chăm, dân nói tiếng Malayo - Polynesia, của vương quốc Champa”* [60, tr.8].

Văn hóa Sa Huỳnh xuất hiện trước Champa về mặt niên đại văn hóa khảo cổ và về phạm vi lãnh thổ. Một nét nổi bật của văn hóa Sa Huỳnh là tục chôn người chết trong vò đất nung, còn gọi là chum. Bên trong vò, người ta còn thấy có đồ trang sức như vòng tay, xuyên bằng đá, vòng cổ, đôi khi còn có cả viên thủy tinh lam đỏ, mảnh thủy tinh. Lẫn trong đồ trang sức còn có những mặt dây chuyền hình con thú 2 đầu bằng đá màu và đá quý. Các nhà khảo cổ còn phát hiện được khuôn đúc đồng, mảnh nồi nấu đồng, nhiều xỉ đồng, đặc biệt là có cả đồ sắt. Về đại thể, có thể thấy vào khoảng thế kỷ V trước Công nguyên (TCN), có một nền văn hóa mới mang đặc trưng văn hóa biển xuất hiện (di cư đến) và phổ biến trên vùng ven biển Việt Nam, một số nơi còn mở rộng lên cả cao nguyên. Những thế kỷ tiếp giáp công nguyên, với trình độ phát triển đó, cư dân Sa Huỳnh đang đứng trước ngưỡng cửa của thời đại văn minh, của sự hình thành xã hội có phân hóa, có nhà nước. Tuy nhiên, lúc này, vùng lãnh thổ của cư dân Sa Huỳnh ở miền Trung Việt Nam còn bị nhà Hán (202 TCN - 220) Trung Quốc xâm chiếm và đô hộ.

Khảo cứu về dân tộc học cho thấy, các dân tộc thiểu số trên vùng miền Trung Việt Nam có nhiều bộ phận: *“vốn không có một tộc người gọi là Chăm riêng biệt ngay từ đầu mà chỉ là một bộ phận dân cư nói tiếng Malayo - Polynesian du nhập vào miền Trung Việt Nam ngày nay”* [60, tr.8]. Những người nói tiếng Malayo - Polynesian cư trú rất rộng trên vùng đảo tây - nam Thái Bình Dương, tây Ấn Độ Dương mà một bộ phận của họ tự gọi là *“Người biển”*, đối lập với bộ phận khác tự gọi là *“Người rừng”* (Raglai/ Gia Lai), người núi (Mnong, Pnong) là người Môn sống ở cao nguyên miền Trung và Tây Nguyên Việt Nam từ xa xưa hơn.

Có thể thấy những người dân tộc thiểu số Chăm ở Việt Nam ngày nay được gọi là người Chăm là do gắn với vương quốc cổ Champa. Từ văn hóa Sa

Huỳnh phát triển thành vương quốc Champa với cơ cấu là người ngoài đảo di cư vào và người Môn cổ (sống lưu vong, rải rác ở Đông Nam Á ngày nay). Cư dân tiền Sa Huỳnh và Sa Huỳnh (gồm người Nam Đảo và người Môn) chính là những người đặt nền móng cho việc xây dựng vương quốc Champa.

Cuộc đấu tranh giành độc lập và sự hình thành nhà nước Champa

Sự hình thành nhà nước Champa sơ kỳ gắn với cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Champa dưới ách cai trị của nhà Hán ở Trung Quốc. Năm 111 TCN, nhà Hán thôn tính và thay thế nhà Triệu thống trị nước Âu Lạc. Ngoài hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân, nhà Hán lập thêm quận Nhật Nam. Quận Nhật Nam là miền đất từ Hoành Sơn đến đèo Cù Mông. Quận Nhật Nam được chia thành 5 huyện. Tượng Lâm là huyện xa nhất về phương Nam trong các vùng đất chiếm đóng của nhà Hán, là đất Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định ngày nay. Không chịu được sự thống trị và bóc lột tàn bạo của nhà Hán, nhân dân các vùng bị chiếm đóng đã không ngừng nổi dậy. Nhân dân Nhật Nam đã nhiều lần cùng với nhân dân Giao Chỉ (Bắc Bộ), Cửu Chân (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh) vùng lên khởi nghĩa. Người Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam (thuộc lãnh thổ Việt Nam ngày nay) nhiều lần khởi nghĩa chống lại ách đô hộ của nhà Hán, thể hiện tinh thần đoàn kết đấu tranh nhưng đều thất bại. Đến năm 190 - 192, nhân lúc Trung Quốc loạn lạc, dân Tượng Lâm ở nơi xa xôi nhất đã đạt được thắng lợi. Họ đã nổi dậy, giành quyền tự chủ và lập nước. Người lãnh đạo khởi nghĩa có tên là Khu Liên lên làm vua. Quốc gia mới lập của dân Tượng Lâm một thời gian dài được các thư tịch cổ Trung Hoa gọi là nước Lâm Ấp [32, tr.93]. Lâm Ấp chính là tên gọi của Champa theo các sách lịch sử Trung Quốc như Tấn thư, Tống thư, Nam Tề thư, Lương thư,... [30, tr.247], cho thấy nước Lâm Ấp tồn tại trong thời gian dài từ sau năm 193 mà không bị đứt quãng. Cũng trong thời gian này, các quan lại Trung Hoa nhiều lần đem quân đánh Lâm Ấp nhưng không thắng được. Từ thế kỷ IV, có thêm nguồn tài liệu bí ký, tên nước được gọi chính thức trong văn bia là *Champa*, có thể là lấy theo tên một loài hoa đẹp - hoa *Champaca Linnae*, cũng có thể lấy theo địa danh một vùng ở Ấn Độ, ở phía bắc hạ lưu sông Hằng (Ganga). Quốc

gia cổ này chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ từ khá sớm (đầu thiên kỷ I) và lâu dài. [32, tr.94].

Trong khu vực Đông Nam Á, quốc gia cổ ra đời sớm nhất là Nhà nước Văn Lang của người Việt vào khoảng thế kỷ VII TCN. Sự phát triển thuận tự nhiên của quốc gia của người Việt bị gián đoạn, mất đi độc lập do sự xâm lược, đô hộ của các vương triều phong kiến phương Bắc là nhà Triệu từ năm 179 TCN rồi sau đó là nhà Hán từ năm 111 TCN. So với người Việt (Giao Chỉ, Cửu Chân) phải trải qua thời kỳ Bắc thuộc hơn 1.000 năm (179 TCN - 905 hoặc 938 tùy quan điểm) dù tinh thần đấu tranh kiên cường với hàng loạt các cuộc khởi nghĩa giành độc lập, từng có lúc đã tự thành lập chính quyền tự chủ của riêng mình trong thời gian ngắn như Hai Bà Trưng, Lý Bí,..., thì người Chăm đã may mắn giành được độc lập sớm hơn từ năm 192 - 193. Tuy nhiên từ năm 111 TCN đến năm 192 - 193, người Việt và cư dân tiền Champa có sự gắn bó khi cùng chịu chung vận mệnh dưới ách đô hộ của phong kiến Trung Quốc. Sơ lược tiến trình lịch sử Champa có những giai đoạn sau:

Lược sử Champa thời sơ kỳ vương quốc (Thế kỷ II - thế kỷ X)

Giai đoạn Sinhapura (thế kỷ II đến thế kỷ VII): Khu Liên làm vua Champa mấy chục năm rồi truyền ngôi cho cháu ngoại là Phạm Hùng, cho đến khoảng cuối thế kỷ III. Tiếp đó Phạm Dật nối ngôi, làm vua trong 12 năm. Dưới thời Phạm Hùng và Phạm Dật các quan lại Trung Quốc nhiều lần đem quân đánh Lâm Ấp nhưng không thắng. Từ thời Phạm Văn (khoảng thế kỷ III) đã chú ý xây dựng bộ máy chính quyền, quân đội và đem quân đánh các nước lân cận, như Đại Kỳ Giới, Tiểu Kỳ Giới. Thời kỳ này, người Lâm Ấp vẫn phải thường xuyên chống cự, đối phó với quân nhà Hán, bảo vệ lãnh thổ, nhưng đôi khi còn đánh lấn ra tới cả phía nam quận Cửu Chân.

Thời kỳ Virapura (750 - 850) hay còn gọi là thời kỳ vương triều Hoàn Vương [32, tr.281]. Kinh đô Panduranga là cách chuyển âm Phạn của từ Chăm Panran, nguồn gốc của tên gọi Phan Rang ngày nay. Trong giai đoạn này, đền thờ Po Nagar (đền thờ Quốc chủ) được xây dựng và tồn tại đến ngày nay. Đền Po Nagar có vị trí quan trọng trong Văn hóa trầm hương Việt Nam. Về văn hóa

thời kỳ Hoàn Vương có vẻ như vẫn có sự tiếp nối liên tục. Các vua miền Nam Chăm (khoảng 6 đời Vua) còn cho xây đền tháp ở Mỹ Sơn dưới thời của mình và luôn tự coi mình là vua của người Chăm, cai quản toàn bộ Champa.

Giai đoạn Indrapura (khoảng năm 850 - 962): Từ sau bia Yang Tikuh, có niên điểm cuối 854, người ta không thấy có bia nào có cùng niên điểm cho biết thêm về dòng vua Virapura miền Nam, nhưng người ta lại phát hiện được 2 minh văn khác tại phế tích Đồng Dương (Quảng Nam), cách Trà Kiệu 20 km về phía nam. Các minh văn cho biết một phổ hệ mới của dòng vua khác, lập kinh đô mới mang tên thần chủ Indra, ở Đồng Dương. Đến nay người ta vẫn chưa hiểu rõ nguyên nhân nào dẫn đến sự thay đổi dòng vua và địa điểm kinh đô, từ Sinhapura đến Virapura rồi lại đến Indrapura. Nhưng 3 giai đoạn lịch sử này lại thể hiện trong các thư tịch cổ Trung Quốc bằng các tên gọi khác nhau là Lâm Ấp, Hoàn Vương và Chiêm Thành.

Giai đoạn Indrapura gọi theo tên của kinh đô, còn gọi là Đồng Dương, là một giai đoạn đặc sắc trong lịch sử và văn hóa Chăm. Vương triều Đồng Dương có tới 20 minh văn và phế tích kiến trúc, trải ra trên một địa bàn rộng, từ Quảng Bình đến Quảng Nam, đến cao nguyên Kon Tum, Khánh Hòa và Ninh Thuận. Vương triều Đồng Dương vừa muốn khẳng định sự kế tục triều Sinhapura, kế tục triều Virapura, vừa muốn đề cao thần chủ của riêng mình là thần Indra mà kinh đô được mang tên gọi, vừa tiếp thu đức tính của Siva, vừa “xin quy thuận Lokesa” (Quan Âm Phật giáo), để trên cơ sở đó mà cai quản toàn Champa. Tức là về văn hóa vương triều Indrapura có sự đa dạng (có ảnh hưởng của cả Ấn Độ giáo và Phật giáo). Không có một vương triều Champa nào trước đây có ý thức về sự thống nhất, tập trung về quyền cai quản toàn bộ lãnh thổ vương quốc như vương triều Indrapura giai đoạn Đồng Dương [60, tr.34].

Dưới thời vua Indravaman III (917 - 960), sự kiện có ý nghĩa cực kỳ quan trọng với Champa là năm 905 (hoặc 938), người Việt đã đánh đổ chính quyền đô hộ, giành được nền độc lập, tự chủ và nhanh chóng trở thành một quốc gia hùng mạnh. Các giai đoạn sau của lịch sử Champa gắn liền với lịch sử của Đại Việt, cũng là thời kỳ “giằng co” giữa Champa và Đại Việt, trước khi Champa trở thành một phần của Việt Nam ngày nay.

Champa thời kỳ Vijaya (cuối thế kỷ X - 1471)

Đây là thời kỳ Champa phát triển thịnh đạt nhất trên nhiều mặt. Tuy nhiên đến năm 1471, vương triều Vijaya sụp đổ sau cuộc tấn công của Vua Lê Thánh Tông. Vương quốc Champa từ thời điểm này suy sụp hoàn toàn trước khi hòa tan vào lãnh thổ Đại Việt. Quá trình này còn được một số sử gia gọi là “Quá trình Nam tiến của người Việt”³.

Thời kỳ Vijaya cũng là thời kỳ phát triển nhất của Champa nên cần phân tích về thể chế, tổ chức hành chính, dân số, quân đội,... để có cái nhìn chính xác hơn về vương quốc cổ này.

Về cơ bản nghiên cứu bộ máy triều đình và tổ chức quản lý nhà nước ở Champa rất khó khăn do khan hiếm về tư liệu, nên chưa thể hiểu chính xác và đầy đủ. Tuy nhiên có thể thấy qua những tài liệu thư tịch và minh văn thì Champa (thời kỳ Vijaya) theo thể chế quân chủ, người đứng đầu đất nước là nhà Vua (Đại vương). Giúp vua cai trị vương quốc là bộ máy triều đình gồm nhiều chức và tước quý tộc. Đứng đầu bộ máy quan lại là viên Tể tướng được gọi là Bó Để hay Bà man địa. Dựa trên một số thư tịch cổ Trung Quốc thì vương quốc Champa cũng được chia thành các đơn vị hành chính lớn, nhỏ và nước này được chia thành 38 châu. Bộ máy cai trị được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, có quan lại cấp trung ương và địa phương để cai trị và thu thuế. Về quân đội theo như các ghi chép, Champa có quân đội mạnh, cả bộ binh và thủy binh. Trong đó thủy binh Champa nhiều lần cướp phá Đại Việt và các nước lân cận. Quân đội Champa thiện chiến gây ra nhiều khó khăn cho Đại Việt trong thế kỷ XIV, đặc biệt dưới thời Chế Bồng Nga.

Về kinh tế, sản xuất nông nghiệp là hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Champa. Người Champa biết làm thủy lợi và dùng trâu bò để kéo cày. Nghề đánh cá ngoài biển phát triển sớm với nguồn hải sản dồi dào khiến kỹ thuật đóng tàu cũng có nhiều cải tiến. Trên lãnh thổ vương quốc cổ Champa, thiên nhiên có nhiều ưu đãi như Ngũ đại sử ký chép: “*Nước ấy có thủy, tỉ, sơn dương, thú và chim lạ có tế ngư công*”, theo Chư phiên chí thì “*Đất sản nga*

³ được phân tích kĩ hơn trong mục 2.2.2

voi, tiêu hương, trầm hương, tóc hương, sáp ong” [60, tr.121 - 122]. Tuy nhiên đất đai Champa ít, lại không màu mỡ nên sản phẩm nông sản không dồi dào. Về thủ công nghiệp, Champa cũng có truyền thống lâu đời, đặc biệt là nghề gốm. Đến nay nghề gốm của người Chăm đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Ngoài ra còn có nghề trồng bông dệt vải, đóng thuyền, chế tác đồ trang sức, chế tạo đồ kim khí...

Về thương nghiệp, nội thương của Champa không phát triển nhưng ngoại thương khá phát triển, với dải bờ biển là nơi tàu thuyền nước ngoài thường ghé thăm trên tuyến đường hàng hải Đông - Tây. Các tàu thuyền dừng lại ở Champa có thể mua bán các vật phẩm quý như: “*đồ gốm, đồ dùng bằng vàng, bạc, hương liệu đặc biệt là gỗ Tràm, gỗ Kỳ nam...*” [101, tr.189].

Về văn hóa: Champa chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ rõ nét kể từ khi lập nước. Chữ Phạn được người Chăm sử dụng thể hiện qua các bi ký. Từ chữ Phạn, người Chăm tạo ra chữ viết Champa cổ, xuất hiện trên bia Đông Yên Châu (thế kỉ IV). Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Champa rất phát triển với nhiều khu vực đền tháp làm bằng gạch, được trang trí hoa văn tinh tế và đẹp mắt. Những tháp Champa uy nghi trước mưa gió mà không dễ dàng bị hủy hoại. Sự tinh tế, nét khỏe mạnh, cái đẹp tự nhiên, sinh động và hấp dẫn là những đặc trưng quan trọng trong nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Champa.

Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đích thân đem 26 vạn quân đi chinh phạt Champa (sau 2 năm liền 1469, 1470, Vua Champa là Bàn La Trà Toàn đưa đại quân tấn công châu Hóa). Nhà Lê đại thắng, lấy được kinh đô Vijaya, bắt được vua Chăm. Một viên tướng Chăm tên là Bô Trì Trì chạy vào Phan Rang, tự lập làm vua, xin sắc phong và được Nhà Lê chấp nhận. Kinh đô Vijaya của Champa “*vĩnh viễn thuộc về Đại Việt, có khoảng 60.000 người chết và 30.000 tù binh đem về Đại Việt, trong đó có nhà vua và 50 thành viên hoàng gia*” [32, tr.408]. Vương triều Vijaya đến đây chấm dứt, nước Champa thu hẹp lại trong vùng đất phía Nam mũi Đại Lãnh và tồn tại lay lắt thêm một thời gian tại vùng Nam Trung Bộ Việt Nam ngày nay.

Thời hậu kỳ vương quốc Champa (1471 - cuối TK XVII)

Vua Lê Thánh Tông (Đại Việt) sau khi đánh bại vương triều Vijaya đã cắt phần đất ven biển từ đèo Cù Mông tới Đại Lãnh và phần thượng nguyên ở phía tây Hoa Anh - vùng Cheo Reo để sau đó thành lập Thừa tuyên thứ 13 thuộc Đại Việt, tuy nhỏ nhưng cũng là phen dậu từ miền núi ra đến biển.

Phía nam đèo Cả, tức phía nam nước Hoa Anh và Nam Bàn, Bồ Tri Tri tiếp tục giữ nước Chiêm Thành, nhưng nay đã bị thu hẹp nhiều. Đầu thế kỷ XVI, nhà Lê suy yếu, Mạc Đăng Dung cướp ngôi (1527), rồi đến việc họ Trịnh làm chúa nắm quyền và việc Nguyễn Hoàng xin vào trấn thủ phương Nam để tránh tị hiềm. Nguyễn Hoàng và những con cháu của ông đã ra sức xây dựng lực lượng của mình ở những vùng đất được giao trấn thủ, biến sông Gianh thành ranh giới cát cứ, biển Đàng Trong thành một giang sơn riêng, lập thế đối trọng với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và lán đất của người Chăm ở Đàng Trong.

Trước sự mở rộng của chính quyền chúa Nguyễn, từ năm 1653, cương vực Champa chỉ gồm khu vực từ sông Phan Lang đến khoảng sông Dinh, tức đất Ninh Thuận - Bình Thuận ngày nay. Niên giám vẫn kể về các triều vua kế tiếp, Champa vẫn tồn tại với tư cách một tiểu vương quốc riêng biệt nhưng thần phục chúa Nguyễn. Một bộ phận lớn tộc Chăm đã di cư về phía nam để tránh xung đột với chính quyền chúa Nguyễn, sống cho đến hiện nay ở địa phận Tây Ninh, Châu Đốc; một số di cư về phía tây tới cả triền sông Mê Kông (Campuchia ngày nay). Từ năm 1693, Champa không còn tồn tại với tư cách một quốc gia riêng biệt mà trở thành một phần lãnh thổ của chính quyền Đàng Trong, sau đó trở thành một tỉnh của nước Việt Nam từ năm 1832 sau cải cách hành chính của Vua Minh Mệnh [68, tr.121].

Vương quốc cổ Champa là trung tâm của Văn hóa trầm hương Việt Nam

Vương quốc cổ Champa gắn với dải đất Trung Bộ và dãy núi Trường Sơn trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay. Bởi vậy, đây cũng từng là trung tâm của Văn hóa trầm hương Việt Nam trước khi hòa tan hoàn toàn vào lãnh thổ Việt Nam ngày nay.

Đối với trầm hương, tuy không có nhiều tài liệu trực tiếp có liên quan đến sự quản lý và vai trò của nhà nước Champa trong việc khai thác, chế tác và buôn bán trầm hương. Tuy nhiên dựa trên các dữ liệu lịch sử, các vương triều Champa và người Chăm nói chung rất cần trầm hương để sử dụng vào các việc sau:

1. Sử dụng trong tế lễ vì người Chăm là một dân tộc mộ đạo, có rất nhiều đền đài, đến nay vẫn còn hàng trăm chứng tích là những đền tháp Chăm,... ở khu vực miền Trung. Về tín ngưỡng, người Chăm có tục thờ trời, thờ đất, thờ đá, thờ núi, thờ cây cổ thụ, thờ các vị thần, thờ thần mẹ... [65, tr.168 - 179]. Về tôn giáo, người Chăm tiếp thu tinh thần của văn hóa Ấn Độ và theo Ấn Độ giáo, Phật giáo và Hồi giáo (ảnh hưởng rõ nét từ sau năm 1471, thời hậu kỳ vương quốc Champa). Các tôn giáo này đều sử dụng trầm hương để hành lễ. Các văn bản tôn giáo cổ xưa ở Ấn Độ, Hindu giáo và Phật giáo, đã từng đề cập tới trầm hương, cho thấy lịch sử tồn tại và sử dụng lâu dài của loại hương liệu xa xỉ này. Trong Mahabharata (Dòng giống vĩ đại Bharata, truyền lại lịch sử của Ấn Độ thời kỳ 1493 - 1443 TCN) [130, tr.77 - 105], người ta cũng thấy trầm hương được nhắc đến như một biểu hiện của sự giàu có, sang trọng và hạnh phúc của con người. Nó chứa đựng những miêu tả về việc sử dụng hương liệu trong khoái lạc tình dục, xa xỉ phẩm và sức khỏe,... Rất nhiều văn bản Phật giáo cổ cũng đề cập tới việc sử dụng hương liệu trong các nghi lễ tôn giáo. Trong bộ kinh *Mahayana Mahaparinirvana (Kinh Phật về cõi Niết Bàn)*, việc sử dụng hương liệu được nhắc tới trong phần mở đầu, việc sử dụng gỗ thơm để tắm liệm chánh thân Tathagata (Đức Phật) được nhắc đến: “*mỗi người nắm trong tay hàng vạn phần (hạt bụi) của những loại gỗ thơm như đàn hương, trầm hương...*” [118]. Trầm hương đồng thời cũng được sử dụng như một loại nhiên liệu đốt cháy để chuẩn bị bữa ăn cho Đức Phật và các tăng đồ. Một số sách kinh điển khác của Hồi giáo như các văn bản Hadith ghi lại lời nói, hành động và ngụ ý của nhà tiên tri Muhammad cho rằng: thiên đường là nơi có nhiều kỳ vật mà trong đó trầm hương được dùng để đốt trong những bình hương [132].

2. Sử dụng trong cống nạp, làm ngoại giao (thường với số lượng lớn) cho các triều đình Trung Quốc và Đại Việt (các thư tịch cổ Trung Quốc và Việt Nam ghi chép lại rất kỹ vấn đề này). Các triều đình Trung Quốc và Đại Việt đều quy định Champa phải cống nạp trầm hương. Ví dụ như tháng 2, năm 1305, Chiêm Thành sai “*Chế Bồ Đà và bộ đảng hơn trăm người dâng hiến vàng bạc, hương quý, vật lạ làm lễ vật*”[40, tr.218]. Trong các thư tịch cổ Trung Quốc, sản vật trầm hương của Champa được quan tâm đặc biệt và được nhắc tới liên tục trong nhị thập tứ sử, các thư tịch này cũng ghi chép nhiều lần sứ thần Champa tới cống phương vật gồm trầm hương, sừng tê, ngà voi: “*Năm 1018, quốc vương Thi Hải Bài Ma Điệp sai sứ là La Bì Đế Gia đem ngà voi bảy mươi hai cây... trầm hương một trăm cân, tiên hương hai trăm cân... sang cống*” [30, tr.294].

3. Sử dụng trong buôn bán, ngoại thương. Có thể thấy trong việc buôn bán giữa Champa và Nhật Bản được ghi chép lại trong sự kiện năm 1606, Tokugawa Ieyasu gửi thư cho quốc vương Champa ghi rõ: “*Chúng tôi muốn có Trầm loại thượng hảo hạng. Những loại có phẩm chất vừa vừa hay dưới trung bình thì xin đừng gửi vì chúng tôi đã có nhiều lắm rồi*” [127, tr.174].⁴

4. Sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày của vua chúa, quan lại và cả người dân Champa. Có thể tìm thấy vết tích của trầm hương trong những ghi chép về tượng Bà Po Nagar bằng trầm hương, các bài văn tế của người Chăm cũng có đoạn “*hãy xông hương Trầm bằng lửa thiêng, hương Trầm của người trần dâng lễ. Hương Trầm bay tỏa ngát không gian, chúng con xin mở tháp cúng thần*”[72, tr.403], trong nước mộc dục (nước tắm rửa tượng Phật, thần linh...), hoặc làm đồ trang sức “*Vương đội mũ thiên quan như mũ của Phật, mình đeo chuỗi hạt châu gỗ thơm*” [30, tr.256].

Hiện nay, không rõ các vương triều Champa “khai thác” trầm hương như thế nào, nhưng có lẽ theo cách giao cho các địa phương khai thác và nộp cho triều đình, giống như phải đi săn để nộp sừng tê, ngà voi... Cũng có thể

⁴ Đọc thêm tại phần phụ lục: “Người nước ngoài nhận xét, đánh giá về trầm hương Việt Nam”

triều đình tổ chức các đội khai thác có tính tập trung, mặc dù ở thời Champa không có tư liệu nhưng đến thời chúa Nguyễn và nhà Nguyễn có tư liệu về việc này được ghi lại trong Đại Nam thực lục và nhiều tài liệu khác. Việc “khai thác” trầm hương thường xuyên của các vương triều phục vụ các mục đích trên tạo điều kiện ***mang tính quyết định*** cho sự phát triển của nghề Trầm và Văn hóa trầm hương ở vương quốc cổ Champa.

2.1.2.2. Không gian của Văn hóa trầm hương Việt Nam hiện nay

Quá trình hòa nhập dân tộc giữa người Việt và người Chăm để trở thành người Việt Nam như ngày nay diễn ra trong một thời gian dài, trong đó giai đoạn mạnh mẽ nhất là từ năm 1471 đến năm 1832.⁵

Những nghiên cứu đã chỉ ra rằng, vương quốc cổ Champa là trung tâm cổ của trầm hương và Văn hóa trầm hương Việt Nam. Những đánh giá này không chỉ từ những cứ liệu lịch sử của Việt Nam mà có cả căn cứ từ những sử liệu của các học giả nước ngoài⁶. Sau khi vương quốc cổ Champa lụi tàn, không còn trên bản đồ thế giới, người Việt (di cư và làm chủ mảnh đất mới) cùng người Chăm (người Việt gốc Chăm, người dân tộc thiểu số Chăm) tiếp tục khai phá, sinh sống trên mảnh đất miền Trung nói riêng và toàn bộ lãnh thổ Việt Nam nói chung. Văn hóa trầm hương Việt Nam cũng nhờ đó mà được người Việt và người Chăm cùng kế thừa và phát triển cho tới ngày nay.

Như đã nêu ở trên, điều kiện tự nhiên cho thấy rằng, ở vùng đất gốc của người Việt trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay (từ vùng miền núi Bắc Bộ kéo dài đến Nghệ An) không phải vùng sinh trưởng chủ yếu của cây Dó bầu - cây trầm hương, mà vùng sinh trưởng chính là men theo dãy Trường Sơn và trung tâm là vùng Nam Trung Bộ như Khánh Hòa, Phú Yên... Mặc dù người Việt cũng biết tới và sử dụng trầm hương từ rất sớm⁷ nhưng nguồn cung cấp trước năm 1471, nhiều khả năng là do mua buôn bán từ các thương nhân, hoặc nhận lễ vật, quà ngoại giao từ Champa. Từ sau năm 1471, đặc biệt là sau khi Nguyễn Hoàng

⁵ Được phân tích kỹ hơn trong phần 2.3 Chủ thể của Văn hóa trầm hương Việt Nam

⁶ Xem thêm ở chương 3

⁷ Xem thêm mục Thời gian của Văn hóa trầm hương Việt Nam 2.2

trần thủ Thuận Hóa, người Việt mới tiếp cận, trực tiếp khai thác, sản xuất, sử dụng và buôn bán trầm hương nhiều hơn.

Từ trung tâm trong lịch sử là ở vùng miền Trung, Văn hóa trầm hương Việt Nam có điều kiện để lan tỏa ra khắp cả nước (ngày nay là 63 tỉnh thành), đồng thời cũng đưa trầm hương trở thành một sản vật Việt Nam nổi tiếng trên thế giới⁸. Văn hóa trầm hương Việt Nam ngày nay dễ dàng được nhận diện khi xuất hiện phổ biến trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế tác diễn ra sôi nổi trong cả nước, trên cả 3 miền với trung tâm tại các tỉnh Khánh Hòa, Quảng Nam, Hà Tĩnh... trầm hương xuất hiện trong tất cả các cơ sở tôn giáo như Phật giáo, Ấn Độ giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo... và trên bàn thờ của từng gia đình người Việt.⁹

Do trong nội dung của chương 2 chỉ đề cập tới Cơ sở của Văn hóa trầm hương Việt Nam trong hệ trục tọa độ văn hóa, mà yếu tố không gian là một bộ phận chính (cùng với thời gian và chủ thể) nên chỉ dừng lại ở việc xác định trung tâm của Văn hóa trầm hương Việt Nam và đề cập tới không gian của Văn hóa trầm hương Việt Nam hiện nay. Bước đầu, nghiên cứu xác định trung tâm của Văn hóa trầm hương Việt Nam trước đây có mối liên hệ mật thiết với vương quốc cổ Champa và khu vực địa lý Trung Bộ của Việt Nam ngày nay. Từ khi người Việt và người Chăm hòa nhập, Văn hóa này càng có điều kiện để phát triển hơn. Đến ngày nay, người ta dễ dàng nhận thấy không gian của Văn hóa trầm hương Việt Nam đã được mở rộng ra phạm vi toàn quốc và còn lan tỏa ra một số quốc gia khác trên thế giới.¹⁰

2.2. THỜI GIAN CỦA VĂN HÓA TRẦM HƯƠNG VIỆT NAM

Thực vật, động vật chắc chắn tồn tại trên trái đất trước loài người. Nếu tính tuổi thọ của trái đất là khoảng 4,5 tỉ năm thì loài người hiện đại (Homo Sapiens) mới xuất hiện khoảng 200.000 năm cách ngày nay. Bởi vậy, các loài thực vật nói chung và cây trầm hương nói riêng tồn tại trước khi có loài người

⁸ Xem thêm ở phần phụ lục 2

⁹ Xem thêm ở phần phụ lục 1: trầm hương trong các tôn giáo lớn trên thế giới

¹⁰ Xem thêm tại chương 3

hiện đại, trầm hương để có thể trở thành một văn hóa cần phải được loài người, con người nhận diện, sử dụng trong cuộc sống của mình.

Có rất nhiều bằng chứng cho thấy trầm hương đã được con người khai thác và sử dụng từ hàng nghìn năm nay. Chúng ta đã biết tới những nền văn minh cổ đại lớn và sớm nhất trên thế giới gồm: văn minh Lưỡng Hà cổ đại (3.500 năm TCN), văn minh Ai Cập cổ đại (3.200 năm TCN), văn minh Ấn Độ cổ đại (3.000 năm TCN), văn minh Trung Quốc cổ đại (2.200 năm TCN), văn minh Hi Lạp - La Mã cổ đại (1.200 năm TCN)... đều có những dấu vết của việc khai thác, sử dụng và buôn bán trầm hương. Về vấn đề này sẽ được làm rõ hơn trong chương sau. Ở đây chỉ nêu một số dẫn chứng để làm sáng tỏ thời gian xuất hiện của văn hóa trầm hương Việt Nam trong tương quan với những nền văn hóa khác.

Ai Cập sinh tử kỳ thư là một trong những cuốn sách cổ nhất mà ngày nay con người tìm thấy được. Cuốn sách ghi lại những tín ngưỡng, những vị thần, quan niệm về sự sống và cái chết, những nghi thức tế lễ... của người Ai Cập cổ đại, được ghi chép lại trong thời kỳ Tân Vương quốc khoảng năm 1.550 TCN tại các Kim tự tháp và giấy papyrus. Sinh tử kỳ thư được ghi chép lại bằng những bức tranh, trong đó có “dấu vết” của sự xuất hiện ở của trầm hương¹¹ khi một tư tế dâng trầm cho thần linh [67, tr.1]. Một sự kiện quan trọng khác được ghi chép lại là vào khoảng năm 1470 TCN, nữ hoàng Hatshepsut (1508 - 1458 TCN) đã phái đi khoảng 5 chiếc thuyền buồm galley đến Punt và mang về nhiều hàng hóa độc đáo. Nội bật nhất và xa xỉ nhất là nhựa thơm và trầm hương dùng để chế tạo hương để đốt sử dụng hàng ngày và đốt tại đền thờ và lăng mộ, người Ai Cập đã mang theo về từ chuyến đi này ba mươi một cây hương trầm sống, rễ của chúng được giữ cẩn thận trong những chiếc giỏ trong suốt chuyến hành trình. [124]

Gắn với thương mại đường dài và Con đường Hương liệu (Incense Road) thì ở khu vực Lưỡng Hà với vùng Lưỡi liềm phì nhiêu cũng nổi tiếng về

¹¹ Xem thêm ở phụ lục ảnh

hương liệu (bao gồm cả trầm hương, một dược, nhũ hương...) từ hàng nghìn năm TCN. Quý tộc Ai Cập và Babylon đã sử dụng hương liệu từ khoảng 3500 TCN, các công trình bằng đá từ năm 2500 TCN đã ca ngợi hành trình đường biển phục vụ mua bán hương liệu tới vùng Punt.

Ở Hy Lạp và La Mã cổ đại cũng có những ghi chép về hương liệu nói chung và trầm hương nói riêng như sau: Alexander Đại đế đặc biệt ưa thích đốt nhiều hương liệu ở bàn thờ thánh. Leonides, thầy giáo của Alexander phàn nàn rằng: *“ông ấy sùng bái các thần linh bằng cách ép hương trầm phải nhả khói cuộn cuộn”* và sau khi Alexander chinh phục được Arab đã *“gửi cho Leonides một tàu đầy hương trầm, yêu cầu ông ta sùng bái các thần linh không giới hạn”* [129]. Người Roma cổ đại chi rất nhiều tiền để mua hương liệu. Ban đầu người Hy Lạp và Roma cổ đại hiến tế thần linh bằng người sống sau đó thì hiến tế bằng động vật. Tuy nhiên trên giá ba chân kê bên bàn thờ hiến tế là acera, trong đó chứa hương Trầm [126, tr.6-7]. Việc dâng hương đóng vai trò quan trọng trong lễ nghi tôn giáo của người Roma, hương trầm được miễn thuế quốc gia trong khi các hàng hóa khác phải chịu 25% thuế nhập khẩu.

Trong Kinh thánh (gồm cả Cựu ước và Tân ước) bản Tiếng Anh của King James xuất bản năm 1611; thì từ khóa “Frankincense” - hương Trầm, được nhắc tới 17 lần với các tích truyện quan trọng. Như vậy, những dẫn chứng ở trên cho chúng ta biết được những dấu vết của việc khai thác, sử dụng và buôn bán trầm hương hàng nghìn năm trước ở Ai Cập cổ đại, Lưỡng Hà cổ đại, Hy Lạp - La Mã cổ đại và trong Thiên chúa giáo.

Dẫn chứng tiếp theo là về Ấn Độ cổ đại và Trung Quốc cổ đại, có nền văn hóa gần gũi hơn với văn hóa Việt Nam: Các văn bản tôn giáo cổ xưa ở Ấn Độ, Hindu giáo và Phật giáo, đã từng đề cập tới trầm hương, cho thấy lịch sử tồn tại và sử dụng lâu dài của loại hương liệu xa xỉ này:

Trong Sử thi vĩ đại Mahabharata (lịch sử của Ấn Độ thời kỳ 1493 - 1443 TCN) [130, tr.77], người ta cũng thấy trầm hương được nhắc đến như một biểu hiện của sự giàu có, sang trọng và hạnh phúc của con người. Nó

chứa đựng những miêu tả về việc sử dụng hương liệu trong khoai lạc tình dục, xa xỉ phẩm và sức khỏe. Một số tài liệu ghi chép rằng, trong lễ hỏa táng của Đức Phật, trầm hương được đốt nghi ngút trong bình đựng bằng vỏ ốc (Shanka) [4, tr.127]. Việc sử dụng và buôn bán trầm hương đã có một lịch sử phong phú ở Ấn Độ, được mô tả trong thơ ca, tư liệu buôn bán, giáo dục và y học. Trong đó, việc sử dụng trầm hương như một loại hương liệu trong đời sống, tôn giáo ở Ấn Độ nổi bật hơn cả.

Ở Trung Quốc, hình ảnh những chiếc đỉnh đồng (lư hương) cũng là một trong những biểu tượng của nền văn minh hàng nghìn năm lịch sử. Các nhà khảo cổ học đã khai quật được những chiếc đỉnh đồng từ thời nhà Thương (1766 - 1122 TCN) được dùng để tế lễ trời đất, thánh thần [94, tr.15]. Đến thời kỳ nhà Hán (202 TCN - 220), trong nhà các gia đình quý tộc, quan lại cao cấp đã xuất hiện những chiếc lư Bát Sơn dùng để đốt trầm hương, khi làn khói trầm tỏa ra khiến cho *“những người thưởng thức cũng thấy mình như đang chìm vào cõi mộng”*[94, tr.128]. Ngoài ra, Trung Quốc còn là quê hương của các con đường tơ lụa. Con đường Tơ Lụa trên bộ ra đời khoảng thời kỳ nhà Hán (202 TCN - 220) với mặt hàng nổi tiếng nhất là tơ, lụa. Ngoài con đường Tơ lụa trên bộ còn có một con đường Tơ lụa trên biển không kém phần nổi tiếng. Trên các con đường tơ lụa này, trầm hương luôn là một mặt hàng buôn bán quan trọng. Trầm hương xuất hiện nhiều trong đời sống và trong các loại hình nghệ thuật của Trung Quốc, đặc biệt là trong thờ tự.

Vậy còn người Việt và cả người Việt gốc Chăm đã biết đến trầm hương từ khi nào? Để truy đến tận cùng nguồn gốc là người Việt và người Việt gốc Chăm nhận thức được trầm hương là hương liệu quý từ khi nào chắc chắn rất khó, vì cây cỏ, thực vật đã xuất hiện trên trái đất từ khoảng 1,1 tỷ năm trước. Nhiều khối Kỳ Nam được tìm thấy ở Khánh Hòa có tuổi thọ lên đến hàng triệu năm. Tuy nhiên vẫn phải có mốc thời gian đặc biệt nào đó để mở ra Văn hóa trầm hương của người Việt.

Từ những dữ liệu lịch sử cho thấy người Ấn Độ đã biết khai thác và biết cách sử dụng trầm hương rất sớm, đặc biệt là trong tôn giáo, tín ngưỡng. Đi sâu hơn thì bán đảo Đông Dương ngày nay gồm ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia được thế giới gọi là Indo - China, tức là vùng đất nằm giữa Ấn Độ và Trung Quốc, chịu ảnh hưởng lớn từ hai nền văn minh vĩ đại này.

Đối với vương quốc cổ Champa tại khu vực Trung Bộ của Việt Nam ngày nay, được nhiều nhà sử học đánh giá là một trong những quốc gia “Ấn Độ hóa” ở Đông Nam Á, tức là không thể phủ nhận ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với vương quốc này. Quá trình “Ấn Độ hóa” ở một số quốc gia cổ ở Đông Nam Á như Phù Nam, Champa, Thaton, Sri Vijaya... diễn ra vào khoảng những thế kỷ tiếp giáp công nguyên với nguồn gốc từ thương mại và di dân. Sự thâm nhập của văn hóa Ấn Độ có tính thấm thâu và “hình như bao giờ cũng mang tính chất hòa bình và không hề đi kèm theo những sự phá hoại”, khác với người Trung Hoa thường dùng những phương thức “chinh phục và thôn tính” [32, tr.80]. Văn hóa Sa Huỳnh mang đậm yếu tố biển được coi là nguồn gốc của văn hóa Champa nên nhiều khả năng người Chăm khi định cư tại vùng Trung bộ Việt Nam đã bước đầu chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ. Dù thời gian cụ thể thế nào đi chăng nữa thì người Chăm cũng bị “Ấn Độ hóa” sâu sắc vào khoảng đầu công nguyên theo như Sodes đánh giá. Những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến Champa là tôn giáo, tín ngưỡng, kiến trúc, điêu khắc, chữ viết, thủ công mỹ nghệ ... Chắc chắn rằng, Ấn Độ giáo được tiếp biến ở Champa đầu tiên, từ đó mà người Chăm xây dựng nên những thánh địa thờ phụng các vị thần theo Ấn Độ giáo (có bản địa hóa) mà tại những nơi thánh địa này, trầm hương không thể thiếu vắng. Vậy thì đối với người Champa trước kia và người Việt gốc Chăm ngày nay, có thể phỏng đoán rằng những thế kỷ đầu tiếp giáp công nguyên đã biết khai thác, buôn bán và sử dụng trầm hương. Đây là một dấu mốc quan trọng của Văn hóa trầm hương Việt Nam.

Đối với người Việt (người Kinh), khu vực sinh sống ban đầu là ở Bắc Bộ mà theo nhiều nghiên cứu thì khu vực này không phải địa bàn sinh trưởng tự nhiên của cây trầm hương. Những thế kỷ đầu công nguyên, người Việt đang bị các vương triều phong kiến Trung Quốc đô hộ (từ năm 179 TCN) và chưa giành được độc lập tới năm 938. Tuy nhiên, nhiều dẫn chứng cho biết người Việt cũng đã biết sử dụng trầm hương. Ngoài những mặt phá hoại như: xâm lược, đồng hóa, bắt người Việt làm nô dịch, cai trị người Việt hà khắc... thì các vương triều phong kiến Trung Quốc cũng mang tới Việt Nam những giá trị tích cực như: kỹ thuật canh tác, học thuật, tôn giáo (Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo), kiến trúc, hội họa, điêu khắc, văn học... [83]. Phật giáo được truyền bá với người Việt qua hai con đường chính, một là trực tiếp từ Ấn Độ và hai là từ Trung Quốc truyền bá sang Việt Nam. Về cơ bản, người Việt tiếp nhận Phật giáo trực tiếp từ Ấn Độ trước. Thành Nê Lê là tên địa danh cổ, được một số học giả xác định ở vùng Đồ Sơn thuộc Việt Nam ngày nay, được ghi nhận là nơi đầu tiên truyền bá đạo Phật vào nước ta (khoảng thế kỷ III TCN), thời kỳ Vua Asoka ở Ấn Độ. Trong truyền thuyết về Chử Đồng Tử từ thời kỳ Hùng Vương thứ 13 đã ghi lại rằng “*Chử Đồng Tử gặp dị nhân là Phật Quang truyền cho đạo pháp*” [97, tr.92]. Nếu truyền thuyết này đúng thì Phật giáo có ảnh hưởng đến người Việt từ trước năm 179 TCN và đến nay Chử Đồng Tử được suy tôn là Tứ bất tử, Chử Đạo Tổ, vừa là ông tổ Phật giáo, vừa là ông tổ Đạo giáo của người Việt. Một truyền thuyết khác cũng thường được nhắc tới về việc Phật giáo truyền bá vào Việt Nam và còn có cả những chi tiết có liên quan đến trầm hương, đó là truyền thuyết về “Tục thờ Pháp Vũ” hay “Phật Mẫu Man Nương” được viết trong Lĩnh Nam Chích Quái. Truyền thuyết này tương truyền xuất hiện vào thời Thái thú Sĩ Nhiếp, cai trị Việt Nam từ năm 187 đến năm 226. Trong nội dung của truyền thuyết này có ghi chép “*Vào khoảng cuối đời vua Linh Đế (168 - 189) nhà Hán, có vị sư tên là Khâu Đà La, quê ở Tây Thiên Trúc thuộc dòng dõi cao quý của đẳng cấp Bà La Môn. Ông từ già quê hương và đi chu du khắp bốn biển. Một ngày ông chống gậy đến thành Luy Lâu, kinh đô của Sĩ Vương*” [38, tr.141]. Một số dị bản chép, người con của Man Nương

được cây trầm hương nuôi dưỡng như trong bản lưu trữ tại làng Vân Lâm, huyện Kim Bảng. Bản truyền thuyết của Nguyễn Văn Huyền dịch từ bản của làng Gia Phúc, Thường Tín mô tả như sau: là cây cổ thụ trong rừng, cây có mùi hương thơm ngát không ngừng tỏa ra, trong thân gỗ có phần đá (gỗ hóa thạch). Từ những ghi chép như vậy phần nào thấy rằng, rất có thể đây là biểu tượng của gỗ của cây dó bầu đã sinh Trầm và hóa thạch thành Kỳ nam. Điều này cũng được làm rõ ràng hơn phần nào trong sách Việt Sử tiêu án của Lê Tắc với nhiều phần mục viết về trầm hương và sử dụng trầm hương thời Lý, Trần nhưng niên đại sớm hơn nữa về việc sử dụng trầm hương của người Việt thì được ghi lại từ thời Sĩ Nhiếp (137 - 226): *“Sĩ Nhiếp hùng cứ một phương, khi đi ra đi vào, thì có hiệu lệnh chuông khánh, trống kèn, xe ngựa chạt đường, quân lính theo hầu hai bên xe, xông trầm hương, có vài mươi người. Vợ hầu đều đi xe có che màn, con em cỡi ngựa, có lính đi theo hộ vệ, đương lúc đó, qui trọng không ai bằng, trăm giống mọi thầy đều khiếp phục, so với Triệu Đà ngày trước cũng không hơn được”* [76, tr.67]. Nói tóm lại, nhiều khả năng người Việt biết tới và sử dụng trầm hương cũng vào thời điểm những thế kỷ đầu công nguyên, khi văn hóa Ấn Độ được truyền bá tới khu vực Bắc Bộ. Sau quá trình tiếp biến văn hóa hàng nghìn năm, hương trầm đã trở thành hồn cốt văn hóa quen thuộc riêng của người Việt mà đến nay không thể biết chính xác là được sử dụng từ khi nào.

Như vậy, trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay, những dấu vết tương đối rõ rệt của Văn hóa trầm hương Việt Nam đã xuất hiện vào khoảng hơn 2.000 năm trước (khoảng những năm tiếp giáp công nguyên) đối với người Việt Nam ngày nay (người Việt gốc Chăm và người Kinh). Hơn 2.000 năm là một con số rất lớn, có bề dày sâu sắc khi biết rằng Kinh thánh Tân ước của Chúa Jesus cũng chỉ ra đời tương đương về số năm.

2.3. CHỦ THỂ CỦA VĂN HÓA TRẦM HƯƠNG VIỆT NAM

2.3.1. Quá trình tăng cường ảnh hưởng của Đại Việt đối với Champa

Quá trình hòa nhập dân tộc giữa người Việt và người Chăm để trở thành người Việt Nam như ngày nay diễn ra trong một thời gian dài, trong đó giai đoạn mạnh mẽ nhất là từ năm 1471 đến năm 1832.

Quá trình ảnh hưởng của Đại Việt đối với Champa và sự hòa nhập Champa - Đại Việt bắt đầu diễn ra mạnh mẽ từ nửa sau thế kỷ X, sau khi Đại Việt đánh đổ chính quyền đô hộ nhà Đường, giành được độc lập, từng bước được xây dựng thành một quốc gia hùng mạnh ở Đông Nam Á lục địa. Quá trình này diễn ra trong một thời gian dài, xuyên suốt thời Vijaya của Champa và thời Hậu kỳ Champa thông qua hai phương thức chủ yếu là chiến tranh và hòa hiếu. Các cuộc xung đột giữa Đại Việt và Champa diễn ra phần nhiều do sự gây hấn của triều đình Champa dẫn tới sự trả đũa của các vương triều Đại Việt. Ngoài ra cũng có những cuộc chiến được khởi nguồn từ sự cầu cứu triều đình Đại Việt của giới quý tộc Champa do chính biến. Ngoài xung đột, các mối quan hệ hòa hiếu giữa hai triều đình Đại Việt và Champa cũng góp phần vào quá trình tăng cường ảnh hưởng của Đại Việt đối với Champa và sự hòa nhập Champa- Đại Việt.

Cuộc đụng độ đầu tiên là giữa Lê Đại Hành và Ba Mỹ Thuế - Paramesvaravarman. Năm 982, Vua Lê Đại Hành (Đại Cồ Việt) thân chinh tiến đánh Champa và tiêu diệt Ba Mỹ Thuế tại trận để trả đũa hành động xâm lược của Champa năm 979. Sau khi Lê Đại Hành rút quân về, một viên quan địa phương người Việt tên là Lưu Kế Tông đã ở lại, mưu toan cát cứ. Năm 983, Vua tiếp tục sai người con nuôi đi bắt được Lưu Kế Tông đem chém. Trong tình hình lộn xộn của những năm này, một quý tộc Chăm đã chạy vào phía nam, tự lên ngôi và lập nên vương triều mới, vương triều Vijaya. Vua thứ nhất của vương triều Vijaya “là *Bàng Vương La Duệ ở Phật Thành tự đặt hiệu là Cu Thi Li Ha Thân Bài Ma La*” [40, tr.69]. Phật Thành còn có tên là Chà Bàn, Đồ Bàn, Phật Thệ hay Tân Châu, Đại Châu (An Nhơn, Bình Định).

Năm 989, Dương Tiến Lộc làm phản dâng hai châu Hoan, Ái của Đại Cồ Việt, xin theo Champa, Champa không nhận. Vua Lê Đại Hành tiêu diệt Tiến Lộc. Thời nhà Lý, năm 1020, chiến tranh Đại Việt - Champa lại nổ ra: “*mùa đông tháng 12 sai Khai Thiên Vương (Phật Mã) và Đào Thạc Phu đem quân đi đánh Chiêm Thành ở trại Bó Chính, thẳng đến núi Long Tị, chém được tướng*

của chúng là Bồ Linh tại trận, người Chiêm chết đến quá nửa” [37, tr.116]. Năm 1039, năm 1040, nhiều quý tộc, quan lại Champa quy phục Đại Việt. Năm 1044, Vua Lý Thái Tông thân chinh đánh Champa sau nhiều lần Champa cướp bóc biên giới, chém Vua Chăm là Sạ Đầu. Do người Champa chết nhiều nên Vua Lý Thái Tông ra lệnh: *“kẻ nào giết bậy người Chiêm Thành sẽ giết không tha”* [37, tr.116]. Tháng 7 năm 1044, Vua đưa quân vào chiếm thành Đồ Bàn và bắt về Đại Việt nhiều tù binh.

Năm 1069, Vua Lý Thánh Tông tiếp tục thân chinh đi đánh Champa, bắt được Vua Chăm là Chế Củ và dân chúng 5 vạn người,... Chế Củ xin dâng 3 châu **Địa Lý, Ma Linh, Bồ Chính** để được tha chết. Ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bồ Chính là vùng đất từ Hoành Sơn đến dãy Bạch Mã, tương ứng với Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Chế Củ - Rudravarman IV trở về tiếp tục ở ngôi cho đến năm 1074 thì trong triều Champa đã nổi ra một vụ chính biến, khiến cho ông vua này phải chạy sang xin thân phục Việt, đem theo hơn 3.000 lính và vợ con. Năm 1075, Lý Thường Kiệt tiếp tục dẫn quân đánh Champa bình định tình hình phía Nam của Đại Việt để chuẩn bị chống quân Tống xâm lược. Lý Thường Kiệt đã *“họa địa đồ hình thế núi sông của 3 châu Bồ Chính, Địa Lý và Ma Linh và chiêu mộ dân chúng đến đây ở”* [60, tr.99].

Người Chăm tiếp tục nhiều lần chủ động tấn công vào lãnh thổ Đại Việt. Năm 1103 - 1104, Champa cướp biên giới, chiếm đóng lại 3 châu Địa Lý, Bồ Chính, Ma Linh nhưng bị Lý Thường Kiệt đánh dẹp, vua Chăm là Chế Ma Na phải dâng nộp lại đất ấy. Năm 1076, Lý Thường Kiệt đã tiến hành đổi tên gọi các châu phía nam mới sáp nhập: Địa Lý thành Lâm Bình, Ma Linh thành Minh Linh để thể hiện quyền làm chủ của người Việt. Năm 1154, vua Chăm là Chế Bì La Bút dâng con gái sang làm cung phi của vua Lý Anh Tông.

Jaya Paramesvaravarman II (1220 - 1252) của Champa theo đuổi chính sách thù địch với Đại Việt, trong một bối cảnh mà nước Đại Việt ở đầu thời Trần đang hưng thịnh. Năm 1252, vua Trần Thái Tông đem quân đánh Chiêm Thành; sau khi hạ được kinh đô, bắt một số tù binh, vua Trần lại rút quân về.

Dưới thời Indravarman IV Champa có thái độ hòa hoãn hơn với Đại Việt. Hàng năm, Champa đều cử sứ thần sang Đại Việt mang theo đồ vật cống tặng và củng cố quan hệ thân thiện giữa hai vương quốc. Kế ngôi là Hoàng tử Harijit - Việt sử gọi là *Chế Mân - Jaya Sinhavarman IV*. Dưới thời trị vì của ông, đời sống kinh tế - xã hội của Champa sau chiến tranh đã phục hồi và phát triển. Phạm vi lãnh thổ của vương quốc Champa được mở rộng hơn đáng kể về miền Tây Nguyên ngày nay. Năm 1301, Thượng hoàng Trần Nhân Tông nhân có sứ bộ Chiêm Thành về nước đã theo sang chơi từ tháng 3 đến tháng 11 mới trở về. Nhân dịp này, thượng hoàng nhà Trần đã hứa gả con gái của mình cho vua Chế Mân nhưng 5 năm sau (năm 1306) lễ cưới mới được tổ chức. Con gái thượng hoàng Trần Nhân Tông, em vua Trần Anh Tông, tức công chúa Huyền Trân lấy vua Champa, Chế Mân, với đồ sính lễ rất hậu của bên nhà trai gồm “*vàng bạc, hương quý, vật lạ*” [37, tr.123] và 2 châu: Ô, Lý. Hai châu này đến năm sau đổi tên là Thuận và Hóa, nay là Quảng Trị và Thừa Thiên. Lãnh thổ của Đại Việt được mở rộng thêm về phía Nam.

Năm 1342, Vua Chế A Nan mất, con rể là Trà Hòa Bồ Đế giành ngôi của Chế Mỗ. Năm 1352, Chế Mỗ chạy sang cầu cứu Đại Việt, Đại Việt “*cử binh sang dẹp*” nhưng thất bại, phải quay về. Đối với nhà Trần, đây là lần can thiệp không thành công đầu tiên, mở đầu cho một chuỗi mấy chục năm đầy những khó khăn. Năm 1353, Chiêm Thành cho quân sang cướp châu Hóa.

Khoảng năm 1360, vua Chăm là Chế Bồng Nga lên ngôi, kích động dân Champa chống Đại Việt, muốn phá vỡ ý thức thần phục trong quan hệ trước đó giữa hai nước. Bấy giờ nhà Trần bắt đầu suy yếu, Chế Bồng Nga ra sức lợi dụng tình hình đó đã thổi bùng lên tinh thần kỳ thị, dòn dập đem quân tấn công Đại Việt. Trong 30 năm, ít nhất có 15 lần đánh lớn, từ năm 1375 - 1383 là 8 năm liền, năm nào cũng ra đánh, trong đó có hai lần tấn công đến tận kinh đô Thăng Long, vào cướp bóc và đốt phá. Triều đình Đại Việt đã phải lo chống đỡ vất vả; các vua nhà Trần mấy phen phải rời bỏ kinh thành và đem cất giấu của cải đi nơi khác. Trong khi đó, tiềm lực của Champa rất hạn chế.

Ngay cả những lần chiếm được kinh đô, họ chỉ cướp bóc của cải rồi lại phải vội vã rút lui về. Tuy nhiên việc cướp bóc Đại Việt không làm cho Champa mạnh lên mà khiến Champa suy kiệt vì chiến tranh. Năm 1390, Chế Bồng Nga lại đem quân đánh Đại Việt. Trần Khát Chân đã chỉ huy bắn trúng thuyền làm Chế Bồng Nga chết trận và cũng dẫn tới sự suy sụp nhanh chóng của vương quốc Champa.

Năm 1400, Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần và thảo phạt Champa 4 lần trong vòng 7 năm. Ba Đích Lai đã phải cắt 2 châu Chiêm Động và Cổ Lũy để cầu hòa năm 1402. Hồ Quý Ly lấy đất ấy để lập ra 4 châu (Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa) và gộp làm lộ Thăng Hoa là Quảng Nam và Quảng Ngãi ngày nay. Biên giới phía nam của Đại Việt lúc bấy giờ vào đến Quảng Ngãi.

Ba Đích Lai - Indravarman V ra sức xây dựng vương quốc Champa, quan tâm củng cố phần lãnh thổ phía nam kinh đô Vijaya, người Chăm cũng tiến tới lưu vực sông Đồng Nai và khu vực Đông Nam Bộ ngày nay. Khoảng năm 1441, Bí Cai kế ngôi, liền trong 2 năm (1444 và 1445) đến cướp phá châu Hóa, có ý muốn cưỡng lại, đòi đất. Năm 1446, vua Lê Nhân Tông sai tướng Lê Xí (Nguyễn Xí) đi đánh, bắt Bí Cai và lập Maha Quý Lai làm vua.

Hai năm 1469 và 1470, vua Champa là Bàn La Trà Toàn đem 10 vạn quân thủy bộ xâm chiếm châu Hoá. Đúng lúc nhà Lê dưới thời Lê Thánh Tông đang thịnh, sức phát triển dồi dào. Trong khi đó Champa đã bị kiệt quệ vì lao vào những cuộc chiến tranh liên miên. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đích thân đem 26 vạn quân chinh phạt Champa và thắng lớn, chiếm được kinh đô Vijaya, bắt được vua Bàn La Trà Toàn. Vua Lê chiếm lại Chiêm Động và Cổ Lũy và lấy thêm đất Vijaya nhập vào, lập một đạo mới gọi là đạo thừa tuyên Quảng Nam, gồm Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định ngày nay và Vệ Thăng Hoa. Năm 1471, Vua Lê Thánh Tông dừng lại tại chân núi Đá Bia (Thạch Bi), sai quân lính khắc tên ghi rõ cương vực của Đại Việt, từ đó núi có tên gọi là Đá Bia (Phú Yên). Vua Lê Thánh Tông lập ra 2 tiểu quốc Hoa Anh và Nam Bàn làm vùng đệm giữa Đại Việt và Champa. Phía nam đèo Cả, Bồ Trì

Tri tiếp tục giữ nước Chiêm Thành đã bị thu hẹp rất nhiều và không sao khôi phục lại được như trước.

Đầu thế kỷ XVI, Mạc Đăng Dung cướp ngôi (1527) nhà Lê, rồi đến việc họ Trịnh làm Chúa nắm quyền và việc Nguyễn Hoàng xin vào trấn thủ phương Nam. Lúc đầu Nguyễn Hoàng được nhận trấn thủ Thuận Hóa (gồm Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế ngày nay) (năm 1558), tiếp đó lại xin được giao thêm quyền trấn thủ Quảng Nam (năm 1570). Nguyễn Hoàng và những con cháu của ông đã ra sức xây dựng lực lượng của mình ở những vùng đất được giao trấn thủ, biến Đàng Trong thành một giang sơn riêng, lập thế đối trọng với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Đất miền Trung Việt Nam bấy giờ không những đã hẹp mà dân số lại còn thưa thớt. Việc mở mang đất đai, đưa thêm người vào khai khẩn là một nhu cầu bức thiết của họ Nguyễn để thực hiện ý định nói trên. Trong bối cảnh đó, quan niệm về giới hạn cương vực của vua Lê không còn có giá trị đối với Nguyễn Hoàng và các con cháu của ông nữa. Do vậy, chúa Nguyễn càng không thể chấp nhận việc vừa lo đối phó với chúa Trịnh ở phía bắc vừa lo đối phó với Chiêm Thành nhỏ yếu còn lại ở phía nam.

Ngay khi vừa nhận thêm quyền trấn thủ Quảng Nam, Nguyễn Hoàng đã cử Lương Văn Chính làm Tri huyện Tuy Viễn (Bình Định) và giao nhiệm vụ giữ yên phía nam. Năm 1578, Lương Văn Chính cầm quân tiến vào Hoa Anh, vây và hạ thành An Nghiệp - thành kiên cố và đồ sộ nhất trong lịch sử vương quốc Champa, đẩy họ về cương giới cũ ở phía nam đèo Cả, lập lại trật tự. Tuy nhiên Lương Văn Chính cũng đã tiến thêm một bước trong việc đưa dân lưu tán vào khai khẩn miền đất này, rải rác từ phía nam đèo Cù Mông đến đồng bằng sông Đà Diễn. Năm 1611, Champa tiếp tục tấn công Chúa Nguyễn nhưng thua trận, họ Nguyễn đã lấy hẳn đất Hoa Anh, lập phủ Phú Yên, lập dinh Phú Yên, đóng quân để phòng giữ. Với việc lập phủ và dinh Phú Yên, chúa Nguyễn muốn xác lập hẳn quyền cai trị của mình trên một miền đất đã có sự góp sức khai khẩn của nông dân Việt trong mấy chục năm, muốn chấm dứt sự tranh chấp trên một vùng đệm để có thể yên tâm đối phó với cuộc chiến tranh chinh

phạt của chúa Trịnh. Trong những năm 1655 - 1660 và khi rút từ Nghệ - Tĩnh về, quân chúa Nguyễn đã bắt theo nhiều nông dân Nghệ Tĩnh đưa vào khai khẩn và canh tác miền Thuận Quảng. Nhờ đó, lực lượng lao động và quân đội được tăng lên đáng kể vào thời gian này.

Po Nrop ngay khi vừa mới lên ngôi đã đem quân lấn đất phủ Phú Yên năm 1652. Chúa Nguyễn đã không gặp khó khăn nào để phòng thủ và sau đó tấn công chiếm hẳn phần đất từ sông Đà Rằng đến sông Phan Lang, lập nên hai phủ là phủ Thái Khang (sau đổi là Bình Khang) và Diên Ninh (sau đổi là Diên Khánh) và gộp lại thành dinh Bình Khang (về sau là tỉnh Khánh Hòa). Sau sự kiện năm 1653, cương vực Champa chỉ gồm khu vực từ sông Phan Lang đến sông Dinh (Hàm Tân), tức đất Ninh Thuận - Bình Thuận ngày nay. Niên giám vẫn kể về các triều vua kế tiếp, Chiêm Thành vẫn tồn tại với tư cách một tiểu vương quốc riêng biệt nhưng thần phục chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn đã nhanh chóng nắm lấy lưu vực sông Đồng Nai vốn từ lâu đời là đất sinh cơ lập nghiệp của của người Chăm trước năm 1471 và đưa dân vào sinh sống, khai khẩn vùng đất này, rồi mở rộng ra vùng đồng bằng sông Cửu Long và miền cực nam Nam Bộ bấy giờ gần như bị bỏ hoang [66]. Người Chăm chủ yếu sinh sống tại khu vực Bình Thuận, Ninh Thuận ngày nay. Sự duy trì tình trạng yên ổn hàng chục năm và những chính sách mềm dẻo, dung dưỡng về sau cũng chứng tỏ rằng chính quyền Đàng Trong đã có thái độ tôn trọng những hậu duệ cuối cùng của vương quốc cổ Champa. Chúa Nguyễn tiếp tục đổi lãnh thổ Champa còn lại làm trấn Thuận Thành, sau đổi làm phủ Bình Thuận, cử một số quan võ trấn giữ các điểm tụ cư của người dân Chăm, đồng thời cử một số người trong hoàng tộc Champa làm quan cùng cai quản trấn Thuận Thành. Chúa Nguyễn đã giữ thái độ khá mềm mỏng trong cách đối xử với người Chăm như ban cho tiền và gấm vóc để hậu táng vua Chăm, phong tước quý tộc cho các hậu duệ của vua Chăm, ... Từ năm 1693, Champa không còn tồn tại với tư cách một quốc gia riêng biệt mà trở thành một phần lãnh thổ của chính quyền Đàng Trong, sau đó trở

thành một tỉnh của nước Việt Nam. Từ thời chúa Nguyễn qua thời nhà Tây Sơn, tất cả các chính quyền đều có thái độ luôn luôn coi vùng đất mới mở là đất nước mình, con dân mình, coi như nhau, tôn trọng và cùng phát triển. Năm Minh Mệnh thứ 4 (1824) “đổi phủ Bình Thuận kiêm lý huyện Yên Phước”, năm thứ 13 (1832), “*đổi trấn làm tỉnh, đặt tuần phủ Thuận Khánh coi cả 2 tỉnh Khánh Hòa và Bình Thuận*” [68, tr.121]. Đây là một chính sách lớn cho cả nước dưới thời Vua Minh Mệnh, phân chia hợp lý, lập tỉnh huyện, xây dựng một nền hành chính chính trị thống nhất trong cả nước, những vùng đất “tự trị” cuối cùng của vương quốc Champa hòa nhập hoàn toàn vào lãnh thổ Đại Việt.

Như vậy, vương quốc cổ Champa từng làm chủ khu vực Trung Bộ và Đông Nam Bộ của nước ta hiện nay nhưng từ năm 1470 - 1471, Champa suy yếu vì nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Đặc biệt là từ chính sách gây hấn chiến tranh và cướp bóc của Champa khiến vương quốc này suy kiệt. Trước sự quấy rối, cướp bóc của Champa ở vùng lãnh thổ phía Nam của Đại Việt, Vua Lê Thánh Tông đã chinh phạt Champa để bảo vệ an ninh của Tổ quốc vào năm 1471. Kể từ thời điểm đó, vương quốc Champa suy yếu hoàn toàn và không còn khả năng vực dậy được như một số giai đoạn trước. Qua những biến thiên của lịch sử, lãnh thổ Champa trước đây trở thành một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam hiện nay. Người Chăm trở thành 1 trong 54 dân tộc anh em của Việt Nam hoặc có thể gọi là người Việt gốc Chăm. Liên quan đến vấn đề chủ thể của Văn hóa trầm hương Việt Nam cần chú ý một số vấn đề sau:

- Cư dân xây dựng nên vương quốc cổ Champa được nhiều bằng chứng cho thấy là người di cư từ khu vực Đông Nam Á hải đảo vào khu vực miền Trung Việt Nam ngày nay. Các cuộc đụng độ giữa Đại Việt và Champa là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự tiêu vong của vương quốc cổ Champa và thay đổi hoàn toàn nền tảng xã hội và vận mệnh của quốc gia cổ này.

- Vương quốc cổ Champa bị tiêu vong bởi nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do chính sách đối ngoại hiếu chiến và đường lối phát triển kinh tế gập

nhều khó khăn. Các vương triều Đại Việt tiến đánh Champa thường để trả đũa các cuộc tấn công của Champa rồi lại rút về. Tuy nhiên sau cuộc tấn công của Lê Thánh Tông (1471 - 1472) thì vương triều này không còn gượng dậy được nữa. Sau những biến thiên của lịch sử thì ngày nay vương quốc cổ Champa nằm trọn vẹn trong lãnh thổ của Việt Nam. Sau khi vương quốc cổ Champa thất thủ, người Chăm di cư tới nhiều quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á, đến nay số lượng người Chăm ở Việt Nam chỉ chiếm khoảng 0,18% dân số.

- Vương quốc cổ Champa từng là trung tâm của trầm hương của thế giới trong lịch sử mà ngày nay Việt Nam là quốc gia kế thừa hoàn toàn. Nghề Trầm được người Chăm, người Việt và sau này gọi chung là người Việt Nam tiếp tục bảo tồn và phát huy. Trên vùng đất của vương quốc cổ Champa ngày xưa mà nay là miền Trung Việt Nam, là nơi sinh trưởng tự nhiên của loài cây *Aquilaria Crassna* Pierre ex Lecomte đặc hữu, cho chất lượng trầm hương tốt nhất trên thế giới. Đến nay, **vấn đề chủ thể** của Văn hóa trầm hương Việt Nam nói riêng và một số các loại hình văn hóa Chăm khác không nhất thiết phải tranh cãi, vì người Chăm hay người Việt cũng đều là công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mang quốc tịch Việt Nam và sống, làm việc theo hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Việt Nam. Bởi vậy, dù đánh giá từ góc độ nào, thì chủ thể của Văn hóa trầm hương Việt Nam hiện nay (tính đến năm 2023) là người Việt Nam nói chung (không còn cần thiết phải phân biệt Đại Việt hay Champa).

- Quá trình hòa nhập về văn hóa, nhân chủng,... giữa người Việt (Kinh) và người Chăm diễn ra trong thời gian dài. Đến nay người Chăm và người Việt đều là những công dân của đất nước Việt Nam nói chung, cùng sẻ chia vận mệnh của đất nước.

2.3.2. Sự hòa nhập văn hóa Champa - Đại Việt

Khi người Việt xuất hiện, di cư và sinh sống trên lãnh thổ miền Trung Việt Nam ngày nay, cùng với sự thiết lập của chính quyền của người Việt thì văn hóa Chăm dần hòa nhập vào văn hóa Việt (văn hóa Việt là dòng chảy

chính) nhưng những dấu ấn của văn hóa Chăm vẫn còn rõ nét thể hiện qua các đền tháp, nghề thủ công mỹ nghệ,... và cả những tri thức về nghề Trầm nhưng chỉ ở mức độ “dấu ấn” vì Champa thực sự đã hòa tan vào Việt Nam ngày nay. Một cách khách quan và khoa học nhất thì không chỉ lịch sử, văn hóa Champa mà còn cả người Chăm xưa cũng đã trở thành một bộ phận của đất nước Việt Nam ngày nay. Văn hóa Việt Nam với dòng chảy chính là văn hóa người Việt, là chủ nhân của tất cả các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trên lãnh thổ Việt Nam. Đây là sự thống nhất trong đa dạng của văn hóa, sự đa dạng qua nghiên cứu các vùng văn hóa.

Từ trước năm 1471, đã có những bộ phận người Chăm ra phía bắc (Đại Việt) sinh sống, lập nghiệp gồm dòng chuyển cư cưỡng bức (gồm những người bị bắt buộc đưa về Bắc sau những cuộc tiến quân về phía nam của các triều đại phong kiến Đại Việt) và dòng chuyển cư tự nguyện (gồm những người Chăm tự nguyện chuyển cư, gia nhập về phía bắc do những biến động của xã hội Champa) [72, tr.33]. Từ thời Bắc thuộc và dưới 3 triều đại Lý - Trần - Lê Sơ có những ghi chép cho thấy nhiều cuộc di dân cưỡng bức người Chăm diễn ra với quy mô lớn và phân bố rộng ở miền Bắc như ở Nghệ An, Yên Bái, Lào Cai,... Phân bố người Chăm sinh sống xen cư với người Việt và hình thành nên một lớp văn hóa Việt - Chăm. Ví dụ như dựng cung điện riêng cho cung nữ Chiêm Thành tại Thăng Long, phiên dịch nhạc khúc và điệu đánh trống của Chiêm Thành, cho lập các làng Chăm ở vùng ven Thăng Long, lập thôn Đa Đa Li (sau phiên âm là Bà Già) mà đến nay vẫn còn di tích chùa Bà Già từ thời Lý, các địa danh như Yên Sở, Hoa Lâm, Phú Thượng,... đều là những nơi được người Chăm khai phá với nhiều giếng nước cổ theo phong cách Chăm... [65, tr.33-98]. Những người Chăm được đưa ra phía Bắc trước khi quốc gia cổ Champa không còn tồn tại cũng đóng góp tích cực vào văn hóa của Đại Việt. Những người Chăm này nhanh chóng hòa nhập vào xã hội của Đại Việt, sinh con, đẻ cái, lao động, sản xuất, chống giặc ngoại xâm,... mà đến nay những vùng cư trú, lịch sử của người Chăm ra Bắc chỉ còn những “mảnh vụn”. “vết tích” của

lịch sử, văn hóa Chăm - Việt. Ngay cả vùng Bắc Ninh (xứ Kinh Bắc) là cái nôi của văn hóa Việt Nam cũng tìm thấy những đầu ngói ống có kích thước và trang trí mặt hệ giống đầu ngói Champa ở Trà Kiệu niên đại thế kỷ I đến thế kỷ VII [65, tr.49].

Từ sau năm 1471 đến khi chúa Nguyễn Hoàng vào nam trấn thủ Thuận Hóa và cho đến tận ngày nay, đã nhiều thế kỷ, văn hóa Việt - Chăm đã có sự giao lưu, tiếp biến và hòa nhập một cách tương đối hòa bình trong dòng chảy chung của văn hóa dân tộc Việt Nam. Bởi vậy cũng có thể nói rằng người Chăm và người Việt đã cùng gánh vác xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam. Một cách khoa học và chính xác, ta có thể dùng từ Người Việt gốc Chăm để chỉ người Chăm Việt Nam ngày nay. Trải qua nhiều thế kỷ cùng sinh sống trong cùng một đất nước, cùng gánh vác chung vận mệnh của đất nước, văn hóa của người Việt và người Chăm trở nên thống nhất trong sự đa dạng.

Các Chúa Nguyễn đã tranh thủ khai khẩn vùng đất mới, xây dựng lực lượng cho công cuộc cát cứ lâu dài. Đến thời kỳ chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài thì con đường người Chăm ra Bắc gần như chấm dứt hoàn toàn. Người Chăm đã hội nhập lãnh thổ với người Việt qua nhiều thời kỳ, thời Lý (1009 - 1225) (Địa Lý, Ma Linh, Bồ Chính); thời Trần (1226 - 1400) (châu Ô, châu Lý); thời Hồ (1400 - 1406) (Chiêm Động, Cổ Lũy); thời Lê sơ (1427 - 1527) (Quảng Nam thừa tuyên, mở rộng Đại Việt đến đèo Cù Mông); thời các Chúa Nguyễn (1611 - 1694); Đến thời Minh Mạng nhà Nguyễn những vùng lãnh thổ cuối cùng của Champa đã hội nhập vào Đại Nam.

Những người Chăm ở lại đã cùng người Việt sinh sống và hai dân tộc tiếp thu các yếu tố văn hóa của nhau để làm phong phú sự đa dạng và thống nhất của nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Khi sinh sống trên cùng một lãnh thổ, hai tộc người đã có những mối quan hệ gần gũi, hòa quyện, người Chăm tiếp thu những yếu tố văn hóa mới của người Việt, hôn nhân hòa huyết tạo ra lớp cư dân mới Việt - Chăm rồi Việt hóa hoàn toàn. Phải khẳng định rằng nhiều bộ phận người Chăm trước kia sau nhiều thế hệ chuyển hóa đã trở thành người

Việt (nếu chấp nhận con số từng có khoảng 1 triệu người Chăm được ghi chép trong thư tịch cổ thì đến nay chỉ còn là 178.000 người), dù trong huyết quản của họ có phần nào dòng máu Chăm cổ còn lưu lại mà chính họ cũng không biết rõ.

Cũng có nhiều người Chăm ra đi sau khi vương quốc của họ sụp đổ, theo thống kê thì số người Chăm định cư tại Đông Nam Á gồm: 270.000 người ở Campuchia; 15.000 người ở Thái Lan; 15.000 người ở Malaysia; một số khác ở Indonesia, Myanmar... [65, tr.95]. Do nhiều nguyên nhân mà người Chăm rời miền Trung Việt Nam đến các nơi khác, nhưng cũng phải nhớ lại nguồn gốc của người Chăm là người từ Đảo di cư vào (gần gũi với Malaysia, Indonesia) và kết hợp với người bản địa sinh sống ở địa bàn miền Trung Việt Nam (có nguồn gốc là người Môn cổ, sinh sống nhiều ở Myanmar). Cuối thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX, một bộ phận người Chăm ở Campuchia đã tìm về cư trú ở An Giang và Tây Ninh.

Một ví dụ điển hình cho sự hòa hợp văn hóa Việt - Chăm chính là hình tượng Nữ thần Po Nagar hay còn được gọi là Thiên Y Ana Thánh Mẫu, Nữ thần Mẹ xứ sở. Vị nữ thần này có nguồn gốc từ văn hóa Champa nhưng từ khi người Việt xuất hiện, Nữ thần cũng được thờ phụng và suy tôn là Mẫu. Nhiều truyền thuyết của người Việt còn cho rằng nữ thần Po Nagar là hóa thân của Mẫu Liễu Hạnh trong lần giáng trần thứ 4. Thực tế cho thấy, dựa trên tâm lý dân tộc, không dễ gì một dân tộc này thờ phụng một vị thần của dân tộc khác và suy tôn thành mẫu (mẹ) của mình. Từ đó, cho thấy sự hòa hợp văn hóa sâu sắc của người Việt và người Chăm phải rất sâu sắc mới có hiện tượng này khi hai dân tộc cùng thờ chung một mẹ. Cho đến ngày nay, lễ hội Vía Bà vào tháng 3 âm lịch, ở Khánh Hòa với trung tâm là Thánh địa Po Nagar ở Nha Trang vẫn được tổ chức lớn và đều đặn, với đặc sắc văn hóa đặc biệt mà không nơi nào có được.

Từ những nghiên cứu trên, qua những biến thiên của lịch sử, vương quốc cổ Champa đã hòa nhập vào đất nước Việt Nam; người Chăm đã trở thành

người Việt Nam gốc Chăm. Bởi vậy, có thể khẳng định rằng: *Người Việt Nam chính là chủ thể của văn hóa trầm hương Việt Nam.*

Đối với văn hóa trầm hương Việt Nam, người Việt cũng có lịch sử sử dụng và buôn bán trầm hương rất sớm và tinh tế. Trong thời kỳ Bắc thuộc không có nhiều tư liệu để viện dẫn, tuy nhiên kể từ thời kỳ nhà Lý, nhà Trần và đặc biệt từ sau năm 1471, cùng với quá trình mở rộng lãnh thổ của Đại Việt, người Việt đã dần dần thay thế người Chăm và tham gia vào quá trình hình thành và phát triển văn hóa trầm hương. Những ghi chép của người nước ngoài như Marco Polo vào thế kỷ XIII còn nhắc tới trầm hương của Champa thì những ghi chép khác trong thế kỷ XVI, XVII chỉ nhắc tới trầm hương của Đàng Trong, của Đại Việt. Các chính quyền người Việt dần thay thế Champa khai thác, kinh doanh, sử dụng, thu thuế... từ trầm hương được ghi chép lại trong Đại Nam thực lục. Ngày nay, các tài liệu trên thế giới khi nhắc đến trầm hương cũng chỉ đề cập tới trầm hương Việt Nam mà thôi.

Để tìm ra cơ sở của Văn hóa trầm hương Việt Nam, đồng nghĩa với việc chứng minh sự tồn tại của Văn hóa này thì cần sử dụng hệ định vị thời gian, không gian và chủ thể, tuy nhiên trong không gian có thời gian, trong thời gian có chủ thể... nên cần nhìn nhận một cách toàn diện cả 3 yếu tố này cùng một lúc, trong mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong chương 3, sẽ đề cập sâu sắc hơn tới cách nhận diện văn hóa trầm hương Việt Nam.

Tiểu kết chương 2

Trong nội dung chương 2, cơ sở của Văn hóa trầm hương Việt Nam được đánh giá, phân tích từ điều kiện tự nhiên và điều kiện lịch sử, xã hội. Trong đó cơ sở tự nhiên là nhờ những điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, cấu tạo địa chất, sinh học,... mà loài cây trầm hương (*Aquilaria Crassna* Pierre ex Lecomte) sinh trưởng tự nhiên theo dãy núi Trường Sơn của Việt Nam. Đây cũng là loại trầm hương có chất lượng tốt nhất trên thế giới, được coi là “báu vật” và được trân trọng trên khắp 5 châu. Chỉ riêng khu vực này có những điều

kiện tự nhiên đặc biệt, sản sinh ra loại trầm hương Việt Nam, mà không đâu trên trái đất có những đặc điểm tự nhiên tương tự. Trầm hương được con người biết tới giá trị cả về mặt vật chất lẫn tinh thần, được người Chăm, người Việt trước kia và người Việt Nam ngày nay khai thác, chế tác và sử dụng từ hàng nghìn năm và dần trở thành một thành tố của văn hóa Việt Nam.

Cơ sở xã hội của Văn hóa trầm hương Việt Nam gắn với lịch sử Việt Nam, với quá trình Nam Tiến của người Việt, trong đó có liên quan nhiều tới lịch sử vương quốc cổ Champa. Địa bàn sinh trưởng tự nhiên chủ yếu của trầm hương trên đất nước ta trước kia là vùng đất của vương quốc cổ Champa và người Chăm. Sau những thay đổi của lịch sử hàng nghìn năm, vương quốc cổ Champa bị Đại Việt chinh phục, trở thành một phần của lãnh thổ Việt Nam ngày nay; người Việt, người Chăm hay các dân tộc khác trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam thì đều là người Việt Nam.

Qua nghiên cứu, phân tích, luận án cũng đã dựng nên một hệ trục tọa độ về Văn hóa trầm hương Việt Nam gồm 3 yếu tố cơ bản, có mối quan hệ biện chứng với nhau là không gian, thời gian và chủ thể của văn hóa.

Về không gian: Văn hóa trầm hương Việt Nam ngày nay có không gian rộng lớn là toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Trong lịch sử Việt Nam thì trước đây, khu vực Trung Bộ gắn với vương quốc cổ Champa là trung tâm nổi bật hơn cả về trầm hương và ngày nay cũng là nơi sở hữu trầm hương có chất lượng tốt nhất và nhiều nhất trên thế giới. Ngày nay, trầm hương đã được người Việt sử dụng rộng rãi trên khắp 63 tỉnh thành, trong tất cả các cơ sở tôn giáo như Phật giáo, Ấn Độ giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo,... và ngay tại từng gia đình. Trung tâm của trầm hương tại Việt Nam hiện nay là ở Khánh Hòa. Trầm hương tại đây là loại Trầm có giá trị cao nhất và chất lượng tốt nhất thế giới, Khánh Hòa được ngợi ca là Xứ sở trầm hương.

Về thời gian: Như đã nêu ở trên, rất khó để khẳng định loài người đã biết khai thác, sử dụng trầm hương từ khi nào, dựa trên tài liệu ghi chép có thể thấy rằng người Ai Cập, người Ấn Độ, người Trung Quốc,... đã biết sử dụng

trầm hương từ rất sớm. Bởi vậy, cũng không thể khẳng định được người Việt và người Việt gốc Chăm biết sử dụng trầm hương từ khi nào, mà chỉ có thể phán đoán thời điểm trầm hương được sử dụng phổ biến trên lãnh thổ Việt Nam là khi văn hóa Ấn Độ được truyền bá tới vào những thế kỷ đầu công nguyên thể hiện trong các truyền thuyết. Truyền thuyết: *“không phải là một truyện hư cấu - sự sáng tạo của một tâm trí phong phú - mà đúng hơn là một lịch sử cổ truyền được ghi chép hoặc truyền khẩu”* [17, tr.15]. Truyền thuyết về Chử Đồng Tử và truyền thuyết về Phật Mẫu Man Nương chắc chắn có những yếu tố là sự thật và việc xác định thời gian của Văn hóa trầm hương Việt Nam trở nên có cơ sở.

Về chủ thể: Trước đây, người Chăm (cư dân của vương quốc cổ Champa) có phần biết tới trầm hương sớm hơn và có kỹ nghệ khai thác, chế biến, sử dụng và buôn bán trầm hương (do địa bàn sinh trưởng tự nhiên của trầm hương) nổi tiếng hơn người Việt, dù người Việt cũng có Nghệ thuật thưởng trầm riêng của mình.¹² Ngày nay, vương quốc cổ Champa đã hòa nhập vào lãnh thổ của Đại Việt và Việt Nam hàng trăm năm. Bởi vậy, chủ thể của Văn hóa trầm hương Việt Nam chính là người Việt Nam nói chung.

¹² Đọc thêm tại Phụ lục 2

Chương 3

NHẬN DIỆN VĂN HÓA TRẦM HƯƠNG VIỆT NAM

3.1. TRẦM HƯƠNG TRONG ĐỜI SỐNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

3.1.1. Cây dó bầu - trầm hương và tri thức văn hóa về quá trình sinh trầm trong tự nhiên của người Việt Nam

Cây dó bầu, cây trầm dó hay cây trầm hương là tên gọi của loài cây có danh pháp khoa học là *Aquilaria Crassna* thuộc chi *Thymelaeaceae* (chi Trầm). Cây dó bầu (cây trầm hương) là cây thuộc chi Trầm phổ biến nhất ở Việt Nam. Tên khoa học của cây dó bầu được đặt bởi nhà thực vật học người Pháp Jean Baptiste Louis Pierre, người rất nổi tiếng với các công trình nghiên cứu thực vật châu Á và là Giám đốc của Thảo Cầm Viên Sài Gòn từ năm 1865 - 1877. Năm 1897, ông công bố công trình “*Flore forestière de la Cochinchine*” cùng với người đồng nghiệp là Paul Henri Lecomte, ghi chép về các loài thực vật của xứ Đông Dương và tiếp tục được Lecomte bổ sung trong công trình “*Flore générale de l’Indochine*” năm 1914. Từ đó cây dó bầu được gọi là *Aquilaria Crassna* Pierre ex Lecomte cho đến ngày nay.

Thuộc chi Trầm còn rất nhiều loại cây dó khác được mở đầu bằng tên khoa học là *Aquilaria* như: *Aquilaria banaense* (dó Bà Nà, mẫu vật được tìm thấy ở núi Bà Nà, giờ không còn tìm thấy), *Aquilaria Baillonii* phổ biến ở Campuchia, *Aquilaria Agallocha* Roxb và *Aquilaria Malaccensis* phổ biến ở Ấn Độ, Thái Lan, Bangladesh, Bhutan, Indonesia, Malaysia,... *Aquilaria Sinsensis* - Thổ trầm hương phổ biến ở Trung Quốc, ngoài ra còn nhiều loài khác. Theo nhà nghiên cứu Vũ Văn Chuyên thì loài *Aquilaria Agallocha* Roxb “*chỉ có ở Ấn Độ, không có ở Việt Nam và không được ghi trong Thực vật chí Đông Dương của Henri Lecomte*”[12, tr.120]. Ở Việt Nam, cây trầm hương sinh trưởng tự nhiên chủ yếu trong lịch sử và được nuôi trồng chủ yếu ngày nay là cây dó bầu - *Aquilaria Crassna* Pierre ex Lecomte. Từ cây dó bầu còn sản sinh ra loại trầm hương tốt nhất, ngoại hạng được gọi là Kỳ nam (điều

kỳ diệu của Việt Nam), được hình thành trong điều kiện vô cùng đặc biệt [125, tr.272 - 285].

Loài *Aquilaria Crassna* Pierre ex Lecomte, chủ yếu sinh trưởng trên lãnh thổ Việt Nam, thuộc loại cây gỗ, cao 30 - 40m, có vỏ xám, có xơ. Lá mọc so le, có phiến mỏng, thuôn hay bầu dục hình ngọn giáo, nhọn ở gốc, thon hẹp dần ở chóp, thường gần như có mũi nhọn hoặc có mũi dài, dài 8 - 10 cm, rộng 3,5 - 5,5 cm, có mép phồng lên thành vòng, mặt trên màu lục, sáng bóng, nhẵn, trừ trên gân gần cuống lá, mặt dưới màu nhạt hơn, có lông mềm, gân bên có 15 - 18 đôi nổi rõ ở hai mặt, gân nhỏ nhiều, song song hoặc gần song song với các gân bên; cuống có lông mềm, có rãnh ở trên, có đốt ở gốc dài 4 - 5mm. Hoa thành chùm hay thành tán ở nách lá, có lông. Quả khô loại nang, hình quả lê, có lông lún phún, dài 4cm, rộng 3cm, dày 2cm, ở gốc có bao hoa đồng trường, có vỏ quả mở làm 2 mảnh van, xốp. Hạt thường chỉ có 1, vỏ ngoài cứng và hóa gỗ, bên trong mềm. Khi nhắc đến cây trầm hương ở Việt Nam là nhắc tới loài Dó bầu hay *Aquilaria Crassna* Pierre ex Lecomte này, vì loài này là phổ biến nhất, sinh ra trầm hương và Kỳ nam¹³.

Trên thế giới, do sự khác biệt về ngôn ngữ nên trầm hương có nhiều tên gọi khác nhau. Mặc dù sản vật quý giá này chỉ có ở một số rất ít các quốc gia trên thế giới nhưng trầm hương có tên gọi trong nhiều thứ tiếng. Điều này thể hiện sự trân quý và được săn đón của trầm hương ở khắp mọi nơi. Trong tiếng Việt thì tên gọi trầm hương và Kỳ nam có từ âm Hán-Việt [49, tr.449]. Trong tiếng Trung Quốc: 沉香木 nghĩa là trầm hương mộc và 奇南 nghĩa là Kỳ nam - điều kỳ diệu của nước Nam. Còn trong tiếng Nhật Bản: 神道 - *Jinkoh* nghĩa là trầm hương và *Kyara*, *Kanankoh* là Kỳ nam cũng có gốc từ tiếng Hán. Điều đáng chú ý ở đây là tại lãnh thổ Trung Quốc (không có trầm hương mà chỉ có cây Thổ trầm hương - *Aquilaria Sinensis* là một loại thuốc chữa đau bụng)¹⁴

¹³ Xem thêm tại phần phụ lục ảnh

¹⁴ Qua điền dã, phỏng vấn sâu của NCS, người địa phương tại Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh... biết đến Thổ trầm hương - *Aquilaria Sinensis*, chứ không phải cây trầm hương - Dó bầu (*Aquilaria Crassna* Pierre ex Lecomte). trước đây cây Thổ trầm hương mọc hoang nhiều, giờ còn rất ít. Vùng Cao Bằng có loài cá trầm hương được cho rằng thường ăn lá cây Thổ trầm hương rơi xuống sông.

[36, tr.41] và Nhật Bản (100% nhập khẩu trầm hương) từ xa xưa đều không có trầm hương mà phải nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, dựa trên các dữ liệu mà chúng tôi có được thì tên gọi trầm hương và Kỳ nam dù là từ Hán Việt nhưng có nguồn gốc từ Việt Nam.

Trong tiếng Indonesia thì *Gaharu* là trầm hương. Ở Ấn Độ, trong chữ Sanskrit, trầm hương là *agaru*, tiếng Hindi là *agar*,... trầm hương trong tiếng Ả rập là *aluwwa*, trong tiếng Do Thái là *ahaloth*, *oud*. Trong tiếng Bồ Đào Nha, trầm hương là *aguila*, trong Tiếng Pháp thì *calambac* là trầm hương và *calambour d'aigle* là Kỳ nam [117, tr.33 - 48]. Người Hébreux (Do Thái) gọi là *Ahalot*, Ả Rập gọi là *Aghaluhy*, Hy Lạp gọi là *Agallochon*. Tiếng La-Tinh gọi là *Agallochum*. Tiếng Malay gọi là *Garu*. Tiếng Anh gọi là *Agarwood* hay *Aloes wood*. Tiếng Đức gọi là *Adlerholz*. Tiếng Bồ Đào Nha gọi là *Aguila* hoặc *Pao de Aguia*...

Trong tiếng Anh thì tên của trầm hương phức tạp hơn do sự chuyển dịch ngôn ngữ nhiều lần từ nhiều nguồn ngôn ngữ khác nhau. Danh từ chung khi đề cập tới các loại hương, nhang bao gồm cả hương Trầm trong tiếng Anh là *Frankincense* hoặc *incense*. Ngoài ra còn một số từ khác như *agarwood*, *aloeswood*, *eaglewood*, *oudwood* đều là từ chỉ trầm hương nên rất dễ gây nhầm lẫn. Đặc biệt là từ “aloeswood” rất dễ bị nhầm với cây lô hội [73, tr.35].

Từ một số ví dụ ở trên chúng ta thấy rằng, tên gọi của trầm hương trên thế giới rất phong phú. Sự phong phú đó là do trầm hương có hương thơm cao quý, độc nhất vô nhị, được biết đến, được tìm kiếm và sử dụng ở rất nhiều quốc gia từ hàng ngàn năm nay. Tên gọi trầm hương, nhiều người giải thích rằng nó có nghĩa là khi đốt hương trầm bay thấp, không bay cao (điều này trong thực tế là không đúng) hoặc thanh gỗ trầm khi thả vào trong nước thì chìm chìm là quý (điều này cũng không đúng hoàn toàn). Trầm ở đây có nghĩa là mạnh, là sâu tương tự như từ trầm hùng hay thâm trầm, tức là loài gỗ có mùi thơm rất mạnh và sâu sắc.

Trầm hương và Kỳ nam là sản phẩm đặc biệt của cây dó bầu, nhưng hàng ngàn cây dó bầu mới có một cây cho Trầm, còn Kỳ nam thì phải tùy

duyên của những người đi điệu¹⁵. Nếu cây dó bầu không sinh ra trầm hương, Kỳ nam thì cây gần như không có giá trị vì gỗ của cây mềm nhẹ, không có tác dụng trong xây dựng và chế tác đồ gỗ. Tuy nhiên vỏ cây dó bầu cũng như các dó khác như dó giấy, dó liệt... có công dụng truyền thống là để làm giấy.

Trầm hương trong tự nhiên được sinh ra từ nhiều cây họ Tràm nhưng cây dó bầu - cây trầm hương Việt Nam cho trầm hương có chất lượng tốt nhất và cũng là loài cây duy nhất cho loại trầm hương tuyệt hảo nhất là Kỳ nam mà chỉ Việt Nam và vùng Khánh Hòa mới có. Theo Lê Quý Đôn sự tạo Tràm được hình thành như sau: *“trầm hương là hương của trời bay theo gió, đáp vào chỗ bị thương trên cây dó bầu, cây được hun đúc bởi đất, nắng, gió biển và các điều kiện tự nhiên đặc biệt khác”* [25, tr.331] bởi vậy trầm hương chính là linh khí của trời đất. Lê Quý Đôn cũng khẳng định rằng: *“Kỳ nam xuất tự đầu núi các xã thuộc hai phủ Bình Khang và Diên Khánh xứ Quảng Nam (ngày nay thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa) là tốt nhất”* [25, tr.331].

Ngày nay, với sự phát triển của khoa học công nghệ, chúng ta đã giải thích được quá trình hình thành nên trầm hương như sau. Cây trầm hương tự nhiên chủ yếu mọc trong các rừng nhiệt đới, theo dãy Trường Sơn và tại những nơi có địa hình hiểm trở ở độ cao từ 1.000 m trở xuống. Nhiệt độ thích hợp là trên 15 độ C và dưới 35 độ C. Cây Tràm thường mọc trên nhiều loại đất núi, đất đỏ, đất xám, đất đỏ vàng, đất feralit, đất đỏ bazan,... Cây Tràm sống trong rừng nhiệt đới thường xanh với lượng mưa lớn, có thể tái sinh bằng chồi hoặc hạt với điều kiện rừng thưa. Còn ở rừng dày, ít gặp cây tái sinh mà đa phần là cây cỏ thụ, mọc cùng các cây gỗ khác như giáng hương, dầu, cà te, huỳnh, gụ, táu,... Mật độ cây Tràm tự nhiên trong rừng khá thấp nên rất hiếm gặp.

Gỗ của cây trầm hương khá mềm, rễ cây trầm hương lại không sâu, ngoài ra để phát triển cây cũng cần những điều kiện đặc biệt về ánh nắng, thổ nhưỡng, hướng gió,... nên cây trầm hương cỏ thụ đã sinh Tràm trong tự nhiên là đặc biệt quý hiếm. Để tìm ra một cây trầm hương cỏ thụ đã khó mà để tìm ra

¹⁵ Những người đi tìm trầm hương

cây trầm hương cổ thụ đã sinh Trầm lại còn khó gấp hàng trăm lần. Do gỗ cây trầm hương có tính mềm, mịn, dẻo nên cây có thể bị tổn thương từ những tác động vật lý từ bên ngoài và bên trong. Các hình thức chủ yếu để sinh ra trầm hương trên cây Trầm là: mối đục, kiến đục, tác động vật lý từ bên ngoài có chủ đích hoặc không có chủ đích (ví dụ như những người đi điệu tìm thấy cây Trầm thường chặt, cưa, cưa vào thân cây để mong cây sẽ sinh trầm hoặc như nước ta do có nhiều cuộc chiến tranh nên nhiều mảnh bom đạn găm vào cây trầm khiến cây bị thương, ròi muông thú, các loài chim làm tổ,...) và một hình thức đặc biệt nữa là do sét đánh. Tuy nhiên từ những hình thức sinh Trầm trong tự nhiên này, ta cũng thấy được việc hình thành nên trầm hương là rất khó khăn, vì nếu để sinh Trầm theo phương thức “chọn lọc tự nhiên” như vậy cây rất dễ bị chết trước khi cây có thể sinh Trầm. Trầm hương có thể được sinh ra từ mọi bộ phận của cây Trầm như rễ, thân, cành và thậm chí là cả lá nhưng trầm sinh ra từ mỗi bộ phận lại có mùi thơm khác nhau và công dụng khác nhau. Thời gian từ khi cây bị tổn thương đến lúc có trầm hương trong cây trong tự nhiên ước tính khoảng 30 năm tới 50 năm, tùy vào tuổi Trầm mà chất gỗ, độ đậm đặc của tinh chất cũng như mùi thơm khác nhau.

Trong các hình thức sinh trầm thì hình thức đặc biệt nhất, độc đáo nhất và kỳ diệu nhất chính là Trầm sinh ra do sét đánh vào cây không chỉ một lần mà có thể là nhiều lần. Bằng hình thức này cây Trầm (nếu không bị chết) sẽ sinh ra loại trầm hương tuyệt hảo nhất, cũng là sản vật trân quý nhất của người Việt là Kỳ nam. Điều kiện cần để sinh ra Kỳ nam là cây Trầm phải mọc ở những nơi có nhiều quặng kim loại ở dưới đất, những nơi thường bị sét đánh như vùng Ninh Hòa, Khánh Sơn của Khánh Hòa và là cây Trầm cổ thụ nhiều năm tuổi. Khi sét đánh một phần của cây bị cháy xém, cây không chết mà tiếp tục tiết ra nhựa để trám vào những chỗ bị thương và phần tổn thương ấy vẫn tiếp tục được nuôi dưỡng trên cây khi cây còn sống cho đến khi cây già cỗi, chết đi và bị vùi lấp trong đất. Hình thức sinh Trầm này có thể giải thích theo định luật Coulomb trong vật lý về lực tương tác giữa các điện tích mà ngày nay, nhiều quốc gia đang sử dụng hình thức giạt điện để tạo ra trầm

hương dù rất độc hại. Ngoài ra, hiện tượng bị sét đánh vẫn còn nhiều vấn đề kỳ bí, huyền thoại tới mức mang nhiều màu sắc tôn giáo, tín ngưỡng mà khoa học tới nay chưa giải thích được hết (những người bị sét đánh chết sẽ phải đổ bê tông để chôn) [144],... Nhưng ta cũng phần nào giải thích được Kỳ nam chỉ được sinh ra khi bị sét đánh, tuổi thọ của các khối Kỳ nam lên tới hàng nghìn năm, nằm sâu trong lòng đất lên tới hàng chục mét và không thể nhân tạo được.

Như vậy, trong tự nhiên, để sinh ra được trầm hương, Kỳ nam, cây dó bầu - trầm hương phải trải qua quá trình chọn lọc tự nhiên rất khắc nghiệt, rất hiếm gặp và cần có những điều kiện đặc biệt. Sinh ra trầm hương đã khó mà sinh ra Kỳ nam lại càng khó khăn hơn gấp bội. Bởi vậy, điều đó cũng lý giải tại sao trầm hương, Kỳ nam là sản vật quý giá nhất, có giá trị nhất, được thể hiện rõ trong việc đối ngoại, làm ngoại giao của các vương triều phong kiến Việt Nam. Về cơ bản, cây trầm hương sinh Trầm, Kỳ khi cây bị thương (cả bên ngoài lẫn bên trong), cây sẽ tiết ra nhựa để bao bọc vết thương của mình, dần dần theo thời gian các phản ứng hóa học xảy ra làm biến đổi các phân tử gỗ của cây. Cũng theo thời gian dài và ngấn vết thương được cây nuôi dưỡng, cùng với các điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu,... mà cây hình thành nên tó, trầm hay kỳ. Gỗ trầm hương do có sự *“sắp xếp các điểm sần sùi và sắc thái như bộ lông chim ưng nên còn có tên là gỗ chim ưng (bois d’aigle)”* [36, tr.48].

3.1.2. Cách thức khai thác trầm hương tự nhiên của người Việt Nam

Những đoàn đi rừng tìm trầm hương, Kỳ nam ngày nay vẫn còn, nhưng cũng đã vãn, thưa thớt nhiều so với trước đây, với lý do là ngày càng khó kiếm được những khối Trầm, Kỳ trong rừng nguyên sinh. Những chuyện về “ngậm ngải tìm trầm”, hình ảnh biểu tượng cho sự khó khăn của nghề đi rừng, nghề sơn cước nhưng mang ý nghĩa thiêng liêng còn được lưu lại trong sử sách và các truyện ký văn học như “Ngậm ngải tìm trầm” của nhà văn Thanh Tịnh [148] hoặc còn được những người lớn tuổi ở vùng Vạn Ninh kể lại.¹⁶

¹⁶ Theo điền dã của NCS, tại vùng Vạn Giã, Vạn Ninh, Khánh Hòa còn một số thợ sơn tràng lớn tuổi với nghề truyền thống là đi điếu (hoặc đi) Trầm. Họ cho biết khoảng 15 - 20 năm gần đây, rất hiếm tìm thấy khối trầm hương tự nhiên hay Kỳ nam tự nhiên trên rừng do đã khai thác hết. Kỳ nam, trầm hương tự nhiên hiện nay nằm trong tay nhiều nhà sưu tập và các doanh nghiệp lớn.

Con người nhận thức được trầm hương, Kỳ nam là sản vật trân quý của núi, rừng và biển. Khi nhiều người nhận thức được sự quý giá đó thì chính quyền và Nhà nước cũng nhận thức được điều này. Người xưa bị thúc bách, cưỡng chế, bắt buộc phải đi tìm trầm hương để nộp thuế, để dâng cống, để làm quà biếu cũng như muốn đổi đời, muốn giàu có thì đi tìm nơi “rừng thiêng nước độc” để săn lùng Trầm, Kỳ. Một người đi tìm Trầm thì gọi là đi điếu (điệu), cả gia đình, gia tộc có nghề tìm Trầm thì gọi là hộ Thái hương hay tộc Thái hương. Đây cũng là một hình thức khác của khai thác lâm sản nhưng thấm đượm tinh thần văn hóa. Người đi tìm Trầm thường đa phần là đàn ông, tuy nhiên cũng có ngoại lệ. Năm 2017, trong một chuyến điền dã tại xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, NCS được cung cấp thông tin trong xã từng có một người phụ nữ đứng đầu một nhóm đi điếu. Mặc dù vậy, trong lễ mở cửa rừng (trùng với lễ hội Bà Po Nagar ngày 3/3 âm lịch hàng năm) chỉ có đàn ông mới được làm lễ do trầm hương kỵ khí âm. Dẫn đầu các đoàn đi tìm Trầm, thường là những người lớn tuổi nhưng lại có sức khỏe và kinh nghiệm, quen với rừng núi. Trước khi đi điếu, đoàn người từ khoảng 8 - 10 người phải chay tịnh, phải làm lễ tại đền Bà Po Nagar và khẩn vái mong bà cho được thành công. Muốn tìm được Kỳ nam chắc chắn phải được bà phù hộ vì đa phần Kỳ nam nằm rất sâu dưới lòng đất, phải những người thực sự “có duyên” mới có thể được vị nữ thần này “chỉ chỗ để tìm”. Nơi có nhiều Trầm, Kỳ nhất là các rừng miền núi tỉnh Khánh Hòa, nhất là phía bắc tỉnh này, tức là vùng Ninh Hòa, Vạn Giã, Tu Bông (rừng Sơn Tập) [95, tr.22]. Đây là khu vực vừa có biển, vừa có núi, vừa có rừng lại vừa có điều kiện thổ nhưỡng đặc biệt đến mức người ta chỉ có thể biết là nơi đây có loại Trầm tốt nhất là Kỳ nam, còn khoa học mới chỉ lý giải được một phần về sự hình thành Kỳ nam mà thôi¹⁷. Ông Nguyễn Văn N, 65 tuổi, một người có kinh nghiệm đi điếu tại Vạn Ninh, Khánh Hòa cho biết “*Lễ Nhập rừng phải cử hành ba lần liên tiếp. Vật cúng bắt*

¹⁷ Qua kết quả phỏng vấn sâu, đa phần những nghệ nhân trầm hương cho biết Kỳ nam được bà Po Nagar sinh ra. Còn qua kết quả nghiên cứu thì Kỳ nam được sinh ra do sét đánh. Vùng Vạn Ninh, Ninh Hòa của tỉnh Khánh Hòa trước đây có nhiều cây trầm hương tự nhiên và là vùng hay giông bão, nhiều sét đánh nên có nhiều Kỳ nam. Đọc thêm tại mục 3.1.4

buộc là trầm hương, hoa, trà, rượu, chè, xôi và trâu cau. Người đi điếu phải trai giới, thanh tịnh trong nhiều ngày” [Phòng vấn sâu của NCS tại Vạn Ninh, Khánh Hòa, tháng 5 năm 2022]. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Tư đã khéo léo mô tả vùng Núi non của Khánh Hòa theo đúng một lộ trình tìm Trầm, Kỳ [95, tr.23] của những người Thái hương. Từ Vạn Giã đi lên đèo Cổ Mã, rồi đến núi Hoa Sơn, chạy dài từ Tu Bông đến Gành Bà. Từ Gành Bà đi đến núi Dốc Mỏ rồi núi Hóc Chim... Cho nên trong ca dao có đoạn: *“Cây quế thiên thai mọc nơi khe đá./ trầm hương Vạn Giã hương tỏa sơn lâm./ Đồi mình như quế với trầm/ Trời xui gặp gỡ sắt cầm trăm năm”*.

Người đi rừng phải trèo đèo, vượt suối, lên thác, xuống ghềnh rất gian nan, phải vào nơi thâm sơn cùng cốc hàng tháng trời. Thời chúa Nguyễn có những đội “am sơn” đi tìm Trầm, Kỳ từ tháng 2 đến tháng 6 mới trở về. Những người đi điếu ngoài có sức khỏe, giỏi võ, còn là “*nghệ nhân dùng rìu*” [93, tr.131] và phải có bộ xia (bộ xoi). Cùng với những vũ khí thô sơ đó, những người đi điếu sẽ đối mặt với những bệnh hiểm nghèo như sốt rét, thương hàn, kiết lị; phải chống chọi với rắn độc, hùm beo, lang sói, thú dữ,... Bởi vậy, những người đi điếu phải ngậm một thứ ngải rừng để chống lại những chướng khí, phòng ngừa những bệnh hiểm nghèo như sốt rét rừng, bệnh trướng, tê bại. Nhà văn Thanh Tịnh đã viết về “ngải” như sau: *“Muốn tránh tai họa, người tìm trầm phải ngậm ngải. Ngải theo nhiều người kể chuyện, là một thứ củ cây do người Thượng luyện rất công phu. Họ háp củ cây trong vò mật ong một tháng, để giữa lòng suối chảy 100 ngày. Đoạn phải đặt trong tay đủ năm người chết, và đeo trước ngực năm bà già trong đời giữ vẹn tuyệt trinh. Vẫn chưa hết, xong phải nhét vào trong cái giỏ heo để lại cho hổ ăn. Nghĩa là nếu gặp may thì ngải sẽ còn nằm trong bụng hổ. Đoạn phải bẫy cho được con hổ ấy, rồi giết ngay và lấy ngải ra. Ngải lúc ấy là một cái bùa mê có sức mạnh phi thường. Ai ngậm nó mà đi vào rừng không ăn, không uống cũng sống được và thú dữ dẫu đi sát bên cạnh cũng không thấy được mình. Nhưng hạn trong 3 tháng 10 ngày phải trở về nhà và nhổ ngải ra. Nếu không người ấy sẽ mọc lông, trở vuốt, thêm nanh và hóa ra hổ thật...”* [148].

Trong cuốn Đất Việt Trời Nam của Thái Văn Kiểm thì giải thích “ngải đều thuộc về họ Zingibéracées và có đến 30 thứ khác nhau” [46, tr.277]. Nhà văn Quách Tấn cũng cho rằng: “Người đi điệu phải mang theo thuốc trừ lam chướng, trị bệnh hiểm nghèo và phòng rắn rít gọi là Ngải.” [78, tr.219].

Tóm lại, ngải là một thứ bùa chú, bùa ngải giúp người đi điệu mạnh khỏe và gặp may mắn khi đi tìm Trâm, cũng là huyền thoại chưa có lời giải. Ngày nay, rất ít người còn biết cách chế tạo ra ngải và những công cụ khoa học kỹ thuật, y học hiện đại đã giúp những người làm nghề đi rừng dễ dàng hơn đôi phần như điện thoại, định vị, thuốc men... Những người dân ở dọc Trường Sơn đều có kinh nghiệm tìm Trâm nhưng đặc biệt lão luyện là “dân Ninh Hòa, Vạn Ninh (Khánh Hòa), Ninh Sơn (Bình Thuận), Dương Phó, Phú Lộc, A Lưới (Thừa Thiên Huế), Minh Hóa (Quảng Bình),...” [36, tr.52].

Những người đi điệu ngoại trừ ý nghĩa là đi tìm Trâm còn có nghĩa là những người đi rừng thiện nghệ. Họ còn có những tục lệ kiêng cử, những tiếng lóng để riêng dùng khi đi rừng như: Bà - chúa rừng, Cậu - hổ, xóc xỏi - ăn uống, đá - đá, đạo dương - lên dốc, bị - bị, gặp cây dó có trâm thì gọi là ăn trâm, dính trâm... Tương truyền rằng có loài chim lịnh (lệnh, chuông) kêu ở đâu thì ở đó có cây Trâm. Chim lịnh thường có tiếng kêu boong boong hoặc coong coong là do hóa thân của cụ già cứ đi tìm Trâm mãi mà không đủ số lượng đã hóa thành chim. Loài chim này vì thế nên thương xót những người đi tìm trâm cùng cảnh ngộ. Tìm được cây có Trâm, dân đi điệu sẽ dùng rìu bằm thân cây ra và mang Trâm về nếu là cây lớn; nếu là cây bé, lại có ít trâm thì dân điệu phải chặt ngọn, chặt cành, đào cả gốc, tróc cả rễ để moi Trâm.¹⁸

Ngày nay, nếu rất may mắn tìm được các khối Trâm, Kỳ trong rừng, người ta có thể buôn bán tùy ý hoặc bán lại cho các doanh nghiệp lớn kinh doanh trầm hương. Đây là hình thức trao đổi văn minh phù hợp với sự phát triển của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Dưới thời Chúa Nguyễn và vương triều nhà Nguyễn trước kia, việc khai thác trầm hương, Kỳ nam được

¹⁸ Kết quả điền dã của NCS tại Khánh Hòa, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận

quản lý rất chặt chẽ bởi quan lại Triều đình nên việc có số lượng lớn để bán ra ngoài là rất khó. Mặc dù vậy, người Hoa đã từng làm chủ thị trường trầm hương Việt Nam trong thời gian rất dài. Những người Hoa này được gọi là “Tào Kê” là *“đầu nậu trong thu mua Trâm, Kỳ, họ đóng chốt rải rác dưới chân Trường Sơn từ Nghệ Tĩnh vào tận Phú Khánh. Họ là những đại sư trong việc phân chia, định giá từng loại Kỳ. Lại bắt tay nhau để khống chế giá cả”* [93, tr.136] mà nay không còn nữa. Ông T, nghệ nhân trầm hương tại Khánh Hòa cho biết: *“Do ảnh hưởng của quan niệm cấm đoán buôn bán trầm hương từ thời phong kiến, nên nhiều người làm Trâm đến nay, vẫn quan niệm trầm hương, Kỳ nam là hàng quốc cấm nên thường cất giấu hoặc bán lậu cho các thương nhân Trung Quốc. Kể từ năm 2004, trầm hương được buôn bán rộng rãi, đúng pháp luật thì ngành trầm hương mới có điều kiện để phát triển”*. [Phòng vấn sâu của NCS tại Nha Trang, Khánh Hòa, tháng 5 năm 2022]

3.1.3. Cách thức nuôi trâm, tạo trâm của người Việt Nam

Nhiều nghiên cứu cho thấy, khi Nghĩa quân Tây Sơn (1771 - 1778) mở rộng hoạt động xuống vùng đồng bằng ven biển miền Trung, các lãnh tụ quân khởi nghĩa có những quan hệ rất tốt với người Chăm và nơi nghĩa quân Tây Sơn nổi dậy cũng là cố đô của người Chăm. Có tài liệu ghi lại, một trong Thất hổ tướng của nhà Tây Sơn là Lý Văn Bru, nổi tiếng với tài bắn cung “trăm phát trăm trúng” sử dụng một cây cung làm từ Kỳ nam [142]. Vùng Bình Định ngày nay dù không có Kỳ nam nhưng cũng là địa phương nổi tiếng về trầm hương nên có lẽ các lãnh tụ Nghĩa quân Tây Sơn đã có những hiểu biết về Trâm. Trong hàng ngũ quân Tây Sơn khi đó, lực lượng người Hoa phản Thanh, phục Minh ở Đàng Trong có vai trò quan trọng, ước tính khoảng 30.000 người [34, tr.182]. Những thương nhân người Hoa ủng hộ cuộc khởi nghĩa Tây Sơn rất tích cực do *“động cơ chính là kinh tế”* [34, tr.362]. Người Hoa khi đó tranh thủ việc buôn bán bằng đường thủy trong đó có cả buôn bán trầm hương và trở nên rất giàu có. Theo như ông N.V.T, nguyên Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Khánh Hòa, người nghiên cứu về trầm hương nhiều năm thì: *“Để thuận lợi cho việc buôn bán với người Hoa và lấy tiền để mua vũ khí, Nghĩa*

quân Tây Sơn đã tiến hành trồng một rừng cây dó bầu tại khu vực rừng Sơn Tập (tức là rừng nơi nghỉ quân Tây Sơn tập trận)” [Phòng vấn sâu của NCS tại Nha Trang, Khánh Hòa, tháng 3 năm 2021]. Mặc dù vậy, đến năm 1782 quan hệ giữa nhà Tây Sơn với người Hoa xấu đi sau cuộc thảm sát người Hoa ở Gia Định và năm 1802 nhà Tây Sơn sụp đổ. Vậy nên những cây Tràm trồng mới trong rừng Sơn Tập bị bỏ hoang và chưa được thu hoạch, sau này những người đi điếu tìm thấy rất nhiều tràm hương ở đây. Một điều cần lưu ý nữa là, thương nhân người Hoa sau khi mối quan hệ với nhà Tây Sơn xấu đi, cùng với các chính sách sau này của nhà Nguyễn, đã rời Việt Nam đi sang Singapore và Hong Kong (1810) (Hương Cảng) mang theo rất nhiều tràm hương và tiến hành buôn bán tràm hương xuyên quốc gia. Từ đó, Hong Kong và Singapore trở thành trung tâm buôn bán tràm hương trên thế giới dù không sản xuất được tràm hương [149].

Như vậy, Tây Sơn chính là vương triều có tầm nhìn chiến lược đầu tiên về giá trị của tràm hương ở Việt Nam với vai trò của Vua Quang Trung, người đã bước vào ngôi đền huyền thoại, là anh hùng dân tộc của người Việt Nam một cách không phải bàn cãi, với những chiến công hiển hách, đánh đuổi giặc ngoại xâm (trong thư từ và quà tặng ngoại giao giữa Vua Quang Trung và Vua Càn Long cũng cho thấy sự hiểu biết về tràm hương và Kỳ nam của Vua Quang Trung).

Sau khi đất nước thống nhất và tiến hành Đổi mới, sự quan tâm một cách toàn diện về tràm hương bắt đầu có những bước tiến triển. Nếu như từ xa xưa, rừng Khánh Hòa đã có đặc sản quý là tràm hương, Kỳ nam thì đến những năm 80 của thế kỷ XX, do tình trạng khai thác bừa bãi nên gần như bị cạn kiệt. Từ năm 1987, chính quyền tỉnh Khánh Hòa đã đưa hàng ngàn cây dó bầu vào trồng khảo nghiệm trên vùng đất Sơn Tập, Đại Lãnh, Vạn Ninh trên diện tích 3ha. Đến nay đã trồng mới thêm hàng chục ha [100, tr.598]. Một số địa phương nổi tiếng về trồng cây tràm hương là Khánh Hòa (điển hình nhất, hiệu quả kinh tế cao, phát triển theo hướng nông nghiệp hiện đại), Đắk Lắk (vùng giáp ranh với Khánh Hòa, khu vực M’Đrăk), Phú Quốc (từng là một trong những địa

phương đi đầu về trồng trầm hương nhưng đến nay, diện tích trồng Trầm không còn đáng kể do phát triển theo hình thức khác), Hà Tĩnh, Quảng Nam và một số địa phương khác ở Bắc Bộ như Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Yên Bái,... có thử nghiệm trồng trầm hương nhưng không mang lại hiệu quả kinh tế.

Như vậy, để hình thành trầm hương và Kỳ nam trong tự nhiên phải mất từ 50 năm cho đến hàng nghìn năm, những người đi điếu (điệu) phải “ngâm ngải tìm trầm” để săn lùng Trầm, Kỳ trong những nơi rừng thiêng nước độc. Ngày nay, số lượng Trầm, đặc biệt là Kỳ trong tự nhiên ước tính còn rất ít, họa hoằn lắm những người đi rừng mới tìm thấy các khối lớn bị vùi sâu trong đất. Các cây Trầm phát triển tự nhiên trong rừng, chưa sinh ra các loại Trầm tốt, Trầm lâu năm đã bị khai thác triệt để, nhiều phần đã nằm trong tay các thương nhân Trung Quốc và ở Trung Quốc. Tuy nhiên nhiều nhà sưu tập, nghiên cứu văn hóa trầm hương ở Việt Nam cũng giữ được khá nhiều mẫu vật, sản phẩm. Ở Khánh Hòa hiện nay, một doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam trong ngành trầm hương đã xây dựng nên một Bảo tàng trầm hương Khánh Hòa nổi tiếng thế giới với hàng nghìn mẫu vật liên quan đến ngành trầm hương nhằm lưu giữ di sản cho các thế hệ người Việt trong tương lai.

Qua những nghiên cứu, chúng tôi cũng không tán thành việc phân chia trầm hương thành hai loại là hàng rừng (ý nói là Trầm tìm thấy trong rừng) và hàng vườn (tức là trầm hương được nuôi trồng). Do quy mô trồng cây trầm hương của các trang trại đều rất lớn và chủ yếu được trồng ở đất rừng, ngoài ra còn được chăm sóc kỹ càng nên về sinh học cây trầm hương được trồng ở đâu cũng như nhau. Sự khác biệt chỉ đến từ tỉ lệ sinh Trầm, hình thức sinh Trầm và hình thức quảng bá văn hóa, truyền thông. Trầm hương tự nhiên và trầm hương “mô phỏng tự nhiên” - nuôi trồng và tạo Trầm bằng cách gây tổn thương vật lý ở cây, có chất lượng tương đương với nhau. Không phải tất cả trầm hương nuôi trồng đều phải can thiệp bằng hóa học, sinh học,...

Những phần trên đã nói tới việc khai thác trầm hương trong tự nhiên và trong lịch sử. Hiện nay, ngoài khai thác Trầm trong tự nhiên, người Việt đã và đang nuôi trồng trầm hương ở nhiều nơi. Mặc dù có sự hỗ trợ của khoa học kỹ

thuật nhưng nhiều nơi nuôi trồng Trầm thất bại do tỉ lệ sinh Trầm thấp, không tìm được đầu ra cho sản phẩm. Những trang trại tại Khánh Hòa, Đắk Lắk, Phú Yên,... do được đầu tư kĩ lưỡng và phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu nên có hiệu quả cao. Mỗi trang trại thường rộng khoảng 5 ha. 1 ha trồng được khoảng 1.000 cây trầm hương. Ở trang trại thường hay trồng 2 loài dó là dó bầu cho sản lượng Trầm rất tốt, có thể sản sinh ra Kỳ nam và dó me (*Aquilaria Malaccensis*) ít cho Trầm nhưng là cây dùng làm dược liệu. Để cây dó bầu nuôi trồng sinh ra trầm hương (Kỳ nam được sản sinh phải hoàn toàn tự nhiên, không thể tạo ra trong phòng thí nghiệm), có một số cách thức nhưng không phải cách nào cũng an toàn cho con người và còn là bí mật kinh doanh của doanh nghiệp. Theo như nghiên cứu thì một doanh nghiệp hàng đầu về ngành trầm hương ở Việt Nam đã chi hàng chục triệu USD để hợp tác nghiên cứu về trầm hương (nguồn gen quý, các đặc tính y dược học...) với những trung tâm khoa học hàng đầu thế giới như Học viện Kỹ thuật Massachusetts (MIT), Đại học Havard, Trung tâm MD Anderson... của Hoa Kỳ, Tập đoàn Lotte, SamSung... của Hàn Quốc, Viện Nghiên cứu trầm hương tại Hải Nam của Trung Quốc [99]. Ông Nguyễn Văn T, Chủ tịch Hội đồng quản trị của một doanh nghiệp chia sẻ về các hình thức tạo trầm từ nuôi trồng như sau:

“Các cây trầm hương được nuôi từ 10 - 12 năm trở lên mới có thể tiến hành tạo Trầm. Nếu cưỡng ép cây dó bầu sinh Trầm sớm sẽ không đạt hiệu quả như mong muốn. Cách đơn giản nhất là tạo ra các vết thương vật lý trên thân cây Trầm đúng thời điểm và đúng cách, phải tiến hành tạo Trầm (tạo tổn thương cho cây) vào mùa hè. Bởi đầu mùa hè là chu trình của dòng hải lưu, gió từ biển thổi vào mang theo khí hậu biển, mưa ẩm, chất dinh dưỡng cho các loại vi sinh vật phát triển, cũng như là lúc cây trầm hương phát triển, sinh sôi nảy nở mạnh mẽ nhất. Còn mùa đông là dòng hải lưu lạnh hoạt động mạnh, khi thổi mang theo gió mùa Đông Bắc khô hanh (gió từ lục địa), không có hơi ẩm, chất dinh dưỡng cho các loại vi sinh vật phát triển. Khi tác động vật lý vào cây, nếu tạo trầm sai (khoan nhỏ và nông) thì vết thương lại lành sẽ không ra trầm. Còn khoan cây sâu quá, khoan cả vào lõi cây hoặc khoan quá dày chắc chắn cây sẽ

chết. Ngoài ra còn phải tính tới hướng gió, ánh nắng, hướng nắng, độ màu mỡ của đất trồng... mới có thể cho trầm hương. Ví dụ như, các vết thương trên thân cây Trầm phải được tạo ra phải tránh hướng Tây vì ánh nắng gay gắt của mặt trời hướng Tây sẽ làm các vi sinh vật bị tiêu diệt. Doanh nghiệp của chúng tôi đã ứng dụng cách tạo trầm hương tự nhiên hàng chục năm nay dựa trên các thành tựu của khoa học công nghệ, tỉ lệ sinh Trầm của công ty là 100%, thu được 8 - 10kg trầm hương trên một cây”. [Phỏng vấn sâu của NCS tại Nha Trang, Khánh Hòa, tháng 5 năm 2022].

Trên thế giới, một số nước như Indonesia, Malaysia, Ấn Độ, Philippines,..., không dùng cách khoan mà họ dùng sắt đóng rất dày vào cây. Khi sắt đóng vào cây sẽ tạo oxit sắt và oxit sắt từ. Sắt bao giờ cũng tạo ra hai cực, mà dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các điện tích, cây bên ngoài là điện âm và bên trong sắt là điện dương. Cách này cũng gây đau cho cây và tạo ra trầm. Tuy nhiên phương pháp này chi phí tốn kém, hơn nữa nếu đóng sắt không đúng cũng gây chết cây, cũng như tồn dư một lượng lớn sắt trong sản phẩm đầu ra. Hoặc phương pháp sử dụng khoan rồi đổ các axit mạnh như H_2SO_4 vào các lỗ khoan cũng có thể tạo Trầm nhưng sản phẩm của phương pháp này vừa kém về chất lượng, vừa độc hại.

Ngoài phương pháp sinh Trầm “thuận theo tự nhiên”, còn có phương pháp sử dụng công nghệ sinh học để tạo Trầm và mùi hương theo mong muốn. Đây là kết quả nghiên cứu từ cơ sở phân tích, phân lập các loại vi nấm, vi khuẩn, virus trên sản phẩm Trầm do sự phối hợp giữa công ty trầm hương Khánh Hòa với các trung tâm khoa học trên thế giới, cũng nổi tiếng Việt Nam về chất lượng và sự an toàn. Chất vi sinh gồm các loại vi nấm, vi khuẩn, virus được đưa vào thân cây trầm hương, vừa khiến cây không chết, vừa cung cấp chất dinh dưỡng nuôi cây và nuôi dưỡng vết thương trên thân cây. Sử dụng phương pháp vi sinh cũng là phương pháp an toàn, hiệu quả cao trong sản xuất trầm hương. Ông Th., 40 tuổi, kinh doanh trầm hương tại Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Quảng Nam cho biết: “Việc trầm hương nuôi trồng được và được buôn bán rộng rãi, hợp pháp sau năm 2004 là sự thay đổi về tư duy quan trọng của

người Việt Nam, là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển của Văn hóa trầm hương Việt Nam trong những năm gần đây”. [Phòng vấn sâu của NCS tại Hà Nội, tháng 2 năm 2022].

Như vậy, việc khai thác trầm hương đã có từ khi con người nhận thức được giá trị cả vật thể lẫn phi vật thể từ loài cây này. Nếu như trước đây, con người nói chung và người Việt nói riêng đều khai thác trầm hương theo kiểu tự nhiên, tự cấp, tự túc (tức là đi điếu) thì ngày nay trầm hương trên lãnh thổ Việt Nam đã được nuôi trồng, tạo giống và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Điều đó càng thể hiện rõ hơn tính nhân sinh của trầm hương Việt Nam. Ngành trầm hương Việt Nam nói chung và hệ sinh thái từ cây Trầm nói riêng là tiềm năng cần phải được khai phá mạnh mẽ, càng sớm càng tốt, và hơn hết, cần có những chính sách có lợi cho sự phát triển.

3.1.4. Cách thức phân loại trầm hương và Kỳ nam

Về Kỳ nam các tài liệu cổ đều chia thành 4 loại theo các ghi chép lại của Lê Quý Đôn, Thái Văn Kiểm hay Quách Tấn và trong dân gian. Tuy nhiên những ghi chép chưa hẳn đã chính xác. Như đã đề cập ở trên, Kỳ nam chỉ Việt Nam mà đặc biệt là vùng Khánh Hòa ngày nay mới có.¹⁹

Cách phân loại nổi tiếng nhất và được sử dụng nhiều nhất là của Lê Quý Đôn như sau: *“Loài Kỳ nam có màu giống như sáp trắng là hạng tốt nhất, thứ nhì là màu xanh như đầu vịt, thứ ba là màu như sáp xanh, thứ tư là màu như sáp vàng, còn thứ màu vằn hổ là thứ kém...Tục ngữ có câu: “Tốt nhất là trắng, thứ hai là xanh, thứ ba là vàng, thứ tư là đen”* [25, tr.403]. Hoặc trong dân gian có câu: Nhất bạch, Nhì Thanh, Tam Huỳnh, Tứ Hắc [46, tr.279]. Kỳ nam là một chất gỗ thơm chứa rất nhiều dầu, màu đen có vân, nhai thì dẻo và đắng, đốt cháy ra dầu và thơm lạ lùng. Nó cũng tìm thấy trong thân cây dó bầu nói trên. Nhà văn Quách Tấn ghi lại như sau: *“Kỳ và trầm phân biệt nhau ở hình chất và khí vị. Trầm chất cứng và nặng, vị đắng. Kỳ nhẹ và mềm, vị lại đủ cay chua ngọt đắng. Trầm mùi ngát, kỳ mùi thanh. Khói trầm bay vòng quanh rồi tan ra,*

¹⁹ Xem thêm tại phần phụ lục ảnh

khói kỳ bay thẳng và cao vút. Trâm thì đốt lên. Kỳ chỉ đeo vào mình cũng đủ” [78, tr.216]. Những nhận xét về sự phân biệt này cũng chưa hẳn là đúng.

Một số các nhận xét cho rằng không tồn tại, không còn Kỳ nam ở Việt Nam hay không có Bạch Kỳ nam, hoặc Kỳ nam tồn tại ở nhiều quốc gia, hoặc chất lượng Trâm, Kỳ của Việt Nam thua xa các quốc gia khác là điều nguy hại. Đó có thể là do sự thiếu hiểu biết nhưng cũng một phần là do thương trường. Do tính chất quý, hiếm của Trâm, Kỳ Việt Nam (*nhiều tài liệu vẫn cho rằng Bạch Kỳ nam chỉ là huyền thoại*)[93, tr.134] nên nhiều thương nhân người Việt đã bất chấp đạo đức khi buôn bán để tăng giá trị cho sản phẩm mình có được. Những điều này gây ảnh hưởng lớn đến giá trị của trâm hương, Kỳ nam Việt Nam trên thế giới và không đúng sự thật²⁰.

Kỳ nam thực sự có 4 loại, được phân định dựa trên số tuổi của Kỳ nam. Dù là loại Kỳ nam nào đi chăng nữa thì so với Trâm đều có giá trị cao hơn gấp trăm lần. Sau khi cây dó bầu bị sét đánh, cây sống tiếp, sinh Trâm rồi bị vùi chôn dưới lòng đất hàng nghìn năm. Trong thời gian bị vùi chôn dưới đất, quá trình hóa thạch diễn ra, khiến các phân tử gỗ biến chuyển trở thành phân tử đá. Quá trình hóa thạch phải diễn ra không hoàn toàn thì mới có Kỳ nam, nếu diễn ra hoàn toàn thì không phải Kỳ nam nữa mà chỉ là một loại đá hóa thạch. Bởi vậy, Kỳ nam có chất gỗ cứng hơn Trâm và các loại càng quý, càng nhiều tuổi thì thớ gỗ nhìn thấy được càng ít.

Loại Kỳ nam xếp thứ 4 là Hắc Kỳ nam, theo như tên gọi thì loại này có màu đen như than, nhiều tinh dầu chứa bên trong. Đây là loại Kỳ ít tuổi nhất, vẫn còn màu đen của nhựa cây khi tiết ra trám vào chỗ bị thương. Hắc Kỳ nam đã bắt đầu hóa thạch (khoảng 20%) nên cứng hơn Trâm nhiều nhưng mềm và dẻo hơn 3 loại còn lại. Hắc Kỳ nam mùi đã thơm ngào ngạt nhưng vẫn giống mùi Trâm đến 70%, 30% còn lại là thơm mùi của Kỳ nam rất sâu và ngọt ngào.

²⁰ Qua khảo sát, điều tra của NCS, số lượng Kỳ nam (không thể nhân tạo) và trâm hương tự nhiên của Việt Nam vẫn còn rất nhiều nhưng nằm trong tay các nhà sưu tầm và doanh nghiệp lớn. Tuy nhiên giá thành rất cao so với hàng nhân tạo. Bởi vậy, để bán được hàng với giá cao, nhiều thương lái hay sử dụng các cách thức làm giả trâm hương, Kỳ nam gây ra mất lòng tin với người tiêu dùng. Đáng ngại nhất là do nguồn hàng của thương lái nắm được trong tay chỉ là của Indonesia, Philippines... với chất lượng thấp hơn của Việt Nam nhưng để bán được hàng, họ sẵn sàng bôi nhọ, hạ thấp sản phẩm Trâm Việt

Loại Kỳ nam xếp thứ 3 là Huỳnh Kỳ nam, loại này có màu vàng sẫm, rất quý hiếm nhưng không thơm bằng Hắc Kỳ. Đây cũng là loại Kỳ nam đặc biệt được hình thành khi cây còn sống và khi bị vùi lấp dưới khu vực đất có điều kiện thổ nhưỡng độc đáo, có những loại quặng kim loại như vàng, sắt, đồng,... được hấp thụ vào thân gỗ, khiến cho Huỳnh Kỳ có màu vàng, vân gỗ lạ và đẹp mắt. Độ hóa thạch của Huỳnh Kỳ nam khoảng từ 30% - 50%. Hình dáng khối và màu sắc của Huỳnh Kỳ tuyệt đẹp nhưng mùi thơm của Huỳnh Kỳ thì lại vừa phải, không thơm bằng các loại Kỳ khác. Ngoài ra, do có nhiều quặng kim loại trong thân gỗ khiến tính ứng dụng trong ẩm thực, y dược của Huỳnh Kỳ nam gần như không có.

Loại Kỳ nam xếp thứ 2 là Thanh Kỳ nam, loại này có màu vàng và xanh lục. Thanh Kỳ nam là sự phát triển đi lên của Hắc Kỳ nam, trải qua thời gian dài hơn khiến các tế bào gỗ tiếp tục biến đổi về chất và màu sắc. Thanh Kỳ chứa bên trong nhiều tinh dầu, mùi thơm độc đáo hơn Hắc Kỳ nam, cứng hơn Hắc Kỳ nam rất nhiều. Độ hóa thạch vào khoảng 50% - 60%.

Loại Kỳ nam xếp thứ 1 là Bạch Kỳ nam, đây là loại Kỳ nam nhiều năm tuổi nhất, mùi thơm nhất và có giá trị cao nhất. Bạch Kỳ nam không phải là có màu trắng hoàn toàn hay xám hoàn toàn như một số sách nói. Việc trắng hoàn toàn chỉ là thể hiện là gỗ đã hóa thạch hết thì Kỳ nam không còn giá trị và không có mùi thơm. Bạch Kỳ được hình thành khi Hắc Kỳ và Thanh Kỳ tiếp tục biến đổi tiếp về chất gỗ, làm chất Kỳ đổi màu sang màu trắng. Bạch Kỳ có độ cứng cao nhất trong 4 loại Kỳ nam và có độ hóa thạch khoảng 60 - 70%.

Cần lưu ý rằng, không phải khối Kỳ nam nào cũng là nguyên một loại Kỳ mà thôi, tức là khối Huỳnh Kỳ thì chỉ có Huỳnh Kỳ, Bạch Kỳ thì chỉ Bạch Kỳ mà vẫn có sự đan xen các loại Kỳ với nhau, phần này là Bạch Kỳ, phần kia lại là Thanh Kỳ. Bạch Kỳ nam là trên khối Kỳ đã xuất hiện những phần có màu trắng sữa, điểm thêm là những phần có màu vàng, xanh lam, đen. Nhiều nhà nghiên cứu về văn hóa, lịch sử, sinh học và các ngành khác ở cả Việt Nam và Thế giới đều khẳng định rằng “*chỉ duy nhất Khánh Hòa mới có Kỳ nam*” [85].

Trầm hương thì mềm hơn Kỳ nam, vẫn lộ rõ các tính chất của gỗ, có nhiều tinh dầu. Trầm hương có nhiều loại hơn Kỳ nam. Một số sách ghi chép như sau: *“sắc đen mà chìm xuống nước là tốt. Có vân như đóm đa đa thì gọi là hoàng trầm. Đen như sừng trâu thì gọi là giác trầm. Nhám mềm, gọt quăn thì gọi là hoàng lap trầm,...”* [36, tr.63]. Ngoài ra còn nhiều cách phân biệt khác nữa như Trầm lấy trên cây còn sống thì gọi là Trầm sinh, ở cây đã chết thì gọi là Trầm tử. Trầm rễ, gốc do rễ, gốc cây sinh ra còn được gọi là hoàng thực hương, mã đề hương. Trầm mắt tử kết tạo trên nhánh cây. Trầm sinh ra ở thân cây gọi là sạn hương,... Ngày nay còn có loại trầm hương nữa là trầm hương “mô phỏng tự nhiên” và trầm hương nhân tạo. Dưới trầm hương còn một sản phẩm khác của cây dó bầu gọi là Tóc hương. Tóc để chỉ những cây dó bầu đã có lớp màng Trầm mỏng bao phủ lên thân cây, có mùi thơm nhưng chưa thể so sánh với Trầm. Trước đây rất ít người gọi là Trầm tóc, ngày nay người ta lại hay gọi là Trầm Tóc, Trầm tóc hương thực chất thì chưa được tính là trầm hương. Có một số loại tóc như sau: *“Tóc hoa (bông), màu vàng lợt có những chấm lốm đốm như hoa. Tóc lọ nghe, màu đen đen như bồ hóng. Tóc hương, sắc vàng lợt, hương đượm,...”* [78, tr.217].

Mùi thơm của Kỳ nam và trầm hương gần như là vĩnh viễn nhưng vẫn cần có cách bảo quản đúng. Nhiệt độ tỏa hương của Kỳ nam là ở 37 độ C (nhiệt độ cơ thể con người), 100 độ C và 120 độ C. Nhiệt độ tỏa hương của trầm hương tương tự nhưng thơm nhất là ở hơn 100 độ C. Vì vậy Kỳ nam được dùng làm đồ trang sức và giữ Kỳ nam trên cơ thể là đã rất thơm, còn trầm hương muốn có mùi thơm thì phải đốt lên. Đỉnh cao của nghệ thuật phân loại trầm hương, Kỳ nam là những nghệ nhân có khả năng xác định nguồn gốc xuất xứ, chất lượng của trầm hương, Kỳ nam bằng cách ngửi, nếm. Khi trầm hương được đốt lên, những nghệ nhân này có thể nói chính xác là trầm hương tự nhiên hay nhân tạo, xuất xứ ở Việt Nam hay quốc gia nào, được tìm thấy hoặc khai thác tại khu vực nào của Việt Nam, số tuổi của Trầm, Kỳ,... Ở mức độ thấp hơn, người ta dùng các dụng cụ như kính hiển vi, khoan, đục,... để phân loại chất lượng của từng khối Trầm, Kỳ trong từng loại.

Từ những phân tích ở trên cho thấy, trầm hương và Kỳ nam đều là sản vật sinh ra từ cây dó bầu - cây trầm hương Việt Nam. Trầm hương trong tự nhiên rất quý hiếm nhưng Kỳ nam còn quý hiếm gấp trăm, nghìn lần. Ngày nay, ngoài trầm hương sinh trưởng trong tự nhiên, nhờ khoa học công nghệ và nhiều nghiên cứu khác, cây dó bầu đã được trồng tại nhiều nơi và có tỉ lệ sinh trầm cao. Trong khi đó, Kỳ nam dù là sản vật quý giá bậc nhất mà thiên nhiên ban tặng cho đất nước, con người Việt Nam nhưng số lượng hữu hạn, không thể nuôi trồng, giá thành cao và chủ yếu nằm trong tay các nhà sưu tầm và các doanh nghiệp lớn, có uy tín. Như vậy, về tương lai của ngành trầm hương phụ thuộc vào sản phẩm trầm hương tự nhiên và trầm hương mô phỏng tự nhiên. Hiện nay, các mặt hàng có nguồn gốc từ gỗ trầm hương rất đa dạng và được ứng dụng trong y học, thực phẩm, hương liệu, thời trang, kiến trúc, điêu khắc... cùng với giá trị truyền thống là trong tôn giáo, tâm linh.

Hầu như tất cả chúng ta trước đây chỉ biết về trầm hương qua sách vở, qua những ghi chép hoặc được kể lại mà chưa được tận tay, tận mắt nhìn, sờ, ngửi thấy. Điều này là một điểm yếu cần phải khắc phục trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, khi người Việt Nam lại chưa hiểu rõ về sản vật Việt Nam.

3.1.5. Chế tác và kinh doanh trầm hương

Đối với Văn hóa trầm hương Việt Nam thì nghề làm hương - nhang truyền thống là một nghề thủ công đặc biệt, đã và đang tồn tại lâu dài cùng văn hóa Việt Nam. Dù sử sách không ghi lại được rõ là từ khi nào, nhưng tập tục đốt hương tỏ lòng tôn kính với trời, đất, các vị thần linh và tổ tiên trong dịp giỗ tết, ước tính đã có từ thời kỳ người Việt cổ (hàng nghìn năm trước ngày nay). Hương được chia thành nhiều loại theo thành phần nguyên liệu như: hương trầm, hương xạ, hương bài,... và theo hình thức như: hương nén, hương thẻ, hương vòng. Để làm ra hương phải có bột để se hương lấy từ thảo mộc trong đó "*hương liệu làm hương tốt nhất là Trầm*" [92, tr.559]. Sau khi bột được se thì cần có chất keo kết dính và chất tăng độ cháy. Chất keo để liên kết bột se hương lấy từ vỏ cây rẻ rớt có nhiều ở rừng núi Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai,

Quảng Ninh hoặc lấy từ cây bì lồi có nhiều ở Bình Định, Quảng Ngãi, Gia Lai, Kon Tum. Cây bì lồi được trồng từ 5 đến 7 năm, lột lấy vỏ, phơi khô rồi nghiền nhỏ mịn như cám rồi lấy nước trộn với bột Tràm đã nghiền để làm nhang. Tắm hương thường làm từ nứa, được phơi khô và nhuộm màu đỏ, hồng hoặc xanh lục để làm tăng vẻ đẹp của nén hương. Hương Tràm đắt tiền, quý giá nên phù hợp với cung son, điện ngọc, lầu son, gác tía, chốn thị thành. Còn có loại hương đặc biệt là hương tằm, hương thanh “*được làm nhỏ và ngắn, đóng vào trong hộp. Hương thanh, hương tằm không có tằm hương, được làm ra chủ yếu từ bột Tràm.*” [92, tr.565]. Hương này không dùng cách cắm vào bát hương mà được đặt trong các lư đồng, lư gốm, lư đá, lư gỗ, có mùi hương rất đặc sắc. Những nơi làm hương nổi tiếng là Hưng Yên; Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh,...

Con người thiếu thức ăn có thể sống được nhiều ngày, thiếu nước uống có thể chịu được khoảng 3 ngày nhưng không thể thiếu được không khí được trong ít phút. Do đó, không khí sạch rất quan trọng. Ngoài giá trị tâm linh, khi được đốt lên trầm hương còn có tác dụng làm sạch không khí, viên thông điều giác, tăng cường sức khỏe. Khi phân lập mùi hương của trầm hương Việt Nam, cho thấy hàng trăm hoạt chất tự nhiên. Trong đó chủ yếu là 5 chất hóa học thiên nhiên chính, có lợi cho sức khỏe, cho hơi thở của con người là: Jinko eremol (có tác dụng thư giãn đầu óc, làm sạch), Delta - guaien (gây hưng phấn, tăng cường sự tập trung), Beta - seline, Alpha - bulnesen, Curcubitacin. Bởi vậy trầm hương còn là một nguồn dược liệu quý giá [96].

Xa xưa, người Việt từng dùng cả vỏ cây và lá cây gỗ Tràm để làm giấy, gọi là giấy mật hương, loại giấy này “*có màu trắng, vân nổi lên như mắt cá lớn, thơm và bỏ xuống nước không nát...Năm 284, người La Mã đã mua hàng vạn tờ giấy mật hương từ Việt Nam ngày nay*” [92, tr.257] để dâng cho Vua nhà Tấn ở Trung Quốc sử dụng. Ngày nay, không ai còn lấy gỗ Tràm để làm giấy nữa, do giá thành đắt đỏ và có nhiều loại gỗ khác phù hợp hơn trong việc làm giấy. Nhưng ta cũng thấy được giấy làm từ Tràm là một loại giấy trang trọng được dùng trong triều đình phong kiến mà thôi,...

Một số sản phẩm thủ công mỹ nghệ khác cũng được chế tác từ trầm hương từ xưa cho tới nay như những khối trầm hương được đục đẽo tinh tế, những pho tượng Phật và các vị thần linh từ trầm hương, những đồ trang sức phục sức, những đồ cất trữ của quý như hòm, rương,...

Ngày nay, trầm hương sau khi được những người đi điệu mang về, hoặc thu hoạch từ các trang trại, sẽ tiến hành xoi Trầm (xĩa Trầm), tức là xĩa những phần gỗ dó bầu chưa sinh Trầm ra khỏi khối Trầm. Ở Việt Nam, làng nghề Xoi Trầm nổi tiếng nhất cũng là ở xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa với khoảng 400 hộ với hơn 700 nhân khẩu làm nghề. Đây vẫn là trung tâm Xoi Trầm lớn nhất trên cả nước, hầu hết những sản phẩm trầm hương thô khai thác được ở Việt Nam đều được đưa về đây để sơ chế và chế tác. Nghề xoi Trầm là nghề cha truyền con nối, đến nay đã có hàng trăm năm [143]. Trước đây, các hộ làng nghề chủ yếu sử dụng các kỹ thuật thủ công truyền thống để xoi trầm và chế tác gỗ trầm thành các sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Gần đây, nhờ ứng dụng các công nghệ mới nên làng nghề đã chế tác ra nhiều dòng sản phẩm rất tinh xảo và mang lại giá trị kinh tế cao. Trầm hương được thu hoạch từ mọi miền trong nước đa phần đều được tập kết tại Vạn Ninh để điều khắc và sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Từ năm 2016, UBND tỉnh Khánh Hòa đã cấp giấy chứng nhận công nhận làng nghề chế tác trầm hương. Năm 2019, Hợp tác xã trầm hương xã Vạn Thắng được thành lập và trở thành điểm kết nối, giao lưu, trao đổi, hỗ trợ, học tập kinh nghiệm của người dân về ngành Trầm. Đến nay, Làng nghề Xoi Trầm ở Vạn Thắng đã trở thành một thương hiệu nổi tiếng quốc tế và trong nước, cũng là một trung tâm văn hóa về ngành trầm hương với số lượng khách du lịch quốc tế và trong nước đến tham quan ngày một tăng nhờ tạo được sức hấp dẫn bắt nguồn từ sản vật trầm hương. Đời sống của người dân được cải thiện vì từ cây trầm hương họ đã có nguồn thu nhập, nguồn sinh kế cho mình từ việc khai thác trầm, xoi trầm, điều khắc trầm và bán sản phẩm tại chỗ. Theo TS. Nguyễn Thị Kim Hoa, Phó chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Khánh Hòa thì “danh xưng xứ trầm hương đối với Khánh Hòa là chuẩn xác vì nơi đây không chỉ được người Việt đánh giá cao nhất về chất lượng trầm

huong, mà còn được nhiều quốc gia trên thế giới khen ngợi. Ngành Trâm, nghề Trâm đóng góp rất lớn cho sự phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của tỉnh. Nhiều hộ kinh doanh trâm hương tại Vạn Thắng là những tỉ phú”. [Phỏng vấn sâu của NCS tại Nha Trang, Khánh Hòa, tháng 3 năm 2023].

Ngoài khai thác, chế tác trâm hương, cây trâm hương còn là sinh kế của công đoạn đưa trâm hương buôn bán trên thị trường. Hiện nay, không có con số chính xác nhưng số lượng người tham gia nuôi trồng trâm hương là khoảng 8.000 người, số lượng người tham gia chế tác trâm hương là khoảng 5.000 người và số lượng người tham gia kinh doanh trâm hương cũng lên tới 5.000 người với khoảng hơn 1.000 công ty đăng ký kinh doanh mặt hàng này. [150]

Dưới thời kỳ phong kiến, trâm hương và Kỳ nam đã từng là sản vật chỉ dành riêng cho Vua, Chúa và quý tộc cấp cao trong triều đình. Ngay cả trong thời kỳ phong kiến thì trâm hương - Kỳ nam cũng chỉ được Vua - Chúa độc quyền sử dụng mà thôi. Cristoforo Borri (1583 - 1632) một nhà truyền giáo người Italia đã chi chép lại về Xứ Đàng Trong như sau: “*Chúa giữ độc quyền mua bán Kỳ nam vì hương thơm và tác dụng đặc biệt của nó*” [13, tr.10] về giá trị của trâm hương “*trâm hương thì ít được trọng hơn và giá cũng rẻ hơn Kỳ nam, nhưng chỉ một tàu chở đầy trâm hương cũng đủ cho thương gia trở nên giàu có và sung túc suốt đời*” [13, tr.10]. Đây cũng là lí do trong hàng nghìn năm phong kiến, trâm hương, Kỳ nam không thể được phổ biến, người Việt tìm được trâm hương, Kỳ nam thường giấu giếm hoặc tìm cách bán trái phép cho thương nhân Trung Quốc.

3.1.6. Việt Nam là một trung tâm thương mại trâm hương lớn của Thế giới

Nhiều nghiên cứu cho thấy, hương liệu là “*mặt hàng xa xỉ cao cấp của thế giới cổ đại*” [105, tr.89] trước cả tơ lụa và hồ tiêu. Thậm chí Hành trình hương liệu hay Con đường Hương liệu còn là một trong những tuyến đường giao thương quốc tế ra đời sớm nhất tại vùng Ả Rập, Ai Cập và Lưỡng hà nhiều [105, tr.88].

Hàng hóa được vận chuyển từ Phương Đông (Trung Quốc) đến Phương Tây (Roma) rất chậm chạp, hiểm nguy và gian khổ thông qua Con đường Tơ lụa trên biển và trên bộ. Đến thế kỷ XV, con đường thông thương này gần như bị gián đoạn hoàn toàn do sự chiếm đóng của người Turks và sau đó là đế quốc Ottoman đã khiến châu Âu nổi lên cơn khát hàng hóa phương Đông một cách điên cuồng. Từ đó dẫn tới phong trào phát kiến địa lý nổi tiếng với mục tiêu ban đầu là tìm ra tuyến đường hàng hải mới để người châu Âu tìm đến được Ấn Độ, Trung Quốc nơi có nhiều tơ lụa, hương liệu và gia vị.

Hàng hóa của Việt Nam gồm cả các quốc gia cổ, xưa kia là Champa, Phù Nam cũng tham gia vào Con đường Tơ lụa trên biển và trên bộ.

Từng có một quốc gia cổ nằm ở khu vực phía Nam Việt Nam bây giờ, có tên là Phù Nam (thế kỷ I - thế kỷ VII). Phù Nam là trạm trung chuyển hàng hóa của con đường Tơ lụa trên biển theo lộ trình từ Trung Quốc đến Phù Nam đến eo Kra rồi đến Ấn Độ. Hạt nhân của Phù Nam là cảng thị Óc Eo (An Giang, Việt Nam). Trong sách Nam Tê thư của Trung Quốc viết: *“Trong xứ sản xuất vàng bạc, đồng kẽm, trầm hương, ngà voi, lông công, chim thằn chài, chim két năm sắc lông...”* [52, tr.19]. Những sản phẩm của Phù Nam xuất đi đều là sản phẩm quý, đắt giá. Nhiều hàng hóa có xuất xứ từ Phù Nam đã được tìm thấy ở nhiều nơi trong khu vực Đông Nam Á, Trung Á và cả Châu Âu [52, tr.19]. Trong thời gian tồn tại của mình, vương quốc cổ Phù Nam là trung tâm buôn bán Đông - Tây do chủ yếu hàng hóa đi theo eo Kra mà chưa phát triển xuống phía eo Malacca. Hương liệu là mặt hàng nổi tiếng của Phù Nam khi đó. Thương nhân Ấn Độ mua gia vị và hương liệu để bán sang Tây Âu gồm không ít các sản vật quý như: *“trầm hương, tô hạp hương, các loại dầu thơm...”* [52, tr.22]. Người Phù Nam đóng thuế bằng *“vàng, bạc, trầm hương và dầu thơm”*. Trong các di vật tìm thấy được ở khu vực cảng thị Óc Eo có *“hai tấm huy chương hay tiền thời La Mã”* [52, tr.24] cũng thể hiện mạng lưới buôn bán của Phù Nam khắp toàn cầu. Đến cuối thế kỷ thứ VI, đầu thế kỷ thứ VII thì ghi chép về Phù Nam biến mất sau khi bị Chân Lạp thôn tính và để hoang hóa phần đất Nam Bộ Việt Nam ngày nay, cho đến tận khi người Việt vào khai phá.

Trầm hương của vương quốc cổ Phù Nam (một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam ngày nay) là mặt hàng rất được quan tâm trên thị trường quốc tế từ thế kỷ I đến thế kỷ VII.

Vương quốc cổ Champa hiện nay nằm trọn vẹn trong lãnh thổ miền Trung của Việt Nam, là trung tâm nổi tiếng nhất của trầm hương trên toàn cầu. Trong thời gian tồn tại của vương quốc cổ Champa, nhiều ghi chép về thương mại trong đó mặt hàng trầm hương rất được ưa chuộng như: “*trầm hương, Kỳ nam*”[68, tr.70]. Trong các ghi chép của Ibun Khordadzbeh, Marco Polo, Battuta, Tome Pires, Odoric de Pordenone đều thể hiện rằng, trầm hương của Champa là thứ quý giá nhất, được ưa chuộng trong buôn bán. Người ta gọi vùng Kauthara (Khánh Hòa) là xứ sở của trầm hương [54].

Các thương nhân phương Tây, Trung Quốc và Nhật Bản tiếp tục thể hiện sự quan tâm của mình với sản vật trầm hương của Đàng Trong (khu vực của vương quốc cổ Champa trước kia), Đại Việt trong các thế kỷ từ XV đến XVIII. Sự quan tâm của các thương nhân tiếp tục thể hiện trong các ghi chép của họ về địa lý, lịch sử, văn hóa nhưng chủ yếu để phục vụ cho buôn bán.

Trầm hương và Văn hóa trầm hương Việt Nam từ xưa đến nay luôn được người nước ngoài đánh giá rất cao.

Ghi chép đầu tiên về trầm hương Việt Nam của người phương Tây mà chúng ta biết là của Marco Polo thế kỷ XIII, đã ghi chép lại về trầm hương của Champa [122, tr.266]. Trong cuốn Du ký bản tiếng anh viết “*có rất nhiều voi trong vương quốc này và họ còn có rất nhiều trầm hương (lignaloës)*”.

Tome Pires, một nhà thám hiểm người Bồ Đào Nha đến từ Lisbon. Ông đã sống ở Malacca trong vòng 3 năm từ 1512 - 1515 ngay sau khi người châu Âu vừa xuất hiện ở Đông Nam Á. Sau những trải nghiệm của mình tại Ấn Độ và Đông Nam Á, ông khẳng định “*loại trầm hương tốt nhất có nguồn gốc từ vùng phía Nam Việt Nam, được gọi là Calambac (Kỳ nam), khi xuất khẩu sang Bồ Đào Nha thì gọi là Guaro*”[128, tr.113]. Và còn rất nhiều các công trình khác như của Critoforo Borri năm 1621[62, tr.245]; Công trình “*Nam Kỳ thực vật chí*” của nhà sinh vật học Joannis de Loureiro, Pierre Poivre [121]... Gần

đây, năm 2012, Giáo sư Gerard A. Persoon ở Trường Đại học Leiden (Hà Lan) đã công bố bài viết về trầm hương với tiêu đề: “*Gỗ Trâm: Gỗ của Chúa trời, cuộc sống của một loài cây bị thương*”[115].

Qua những tư liệu ghi chép của người Bồ Đào Nha, Pháp và cả người Trung Quốc, người Nhật Bản chúng ta thấy rằng, Trâm là một sản vật đặc hữu chỉ có ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên của Việt Nam, đặc biệt nổi tiếng và có chất lượng tốt nhất là Trâm Khánh Hòa. Đây là thứ tinh túy của trời đất, thứ hương rừng kết tụ trong một số loài cây, chủ yếu là cây dó bầu. Trong số các loại Trâm thì Kỳ nam là loại hảo hạng nhất, tinh túy nhất, quý hiếm và đắt đỏ nhất. Trâm hương là Vua của các loại gỗ, là hương thơm của các vị thần. Đa phần các nhà nghiên cứu phương Tây đều đã đưa ra kết luận chuẩn xác khi khẳng định sự quý giá của trầm hương Việt Nam trong đó trầm hương có chất lượng tốt nhất trên thế giới là từ Khánh Hòa, Việt Nam.²¹

Như vậy, từ những thông kê ở trên, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy được rằng trầm hương và Kỳ nam của Việt Nam luôn được săn đón bởi nhiều thương nhân, nhiều thị trường trên thế giới. Trong các thế kỷ từ XVI - XIX, thương nhân nước ngoài đến buôn bán ở Việt Nam không thể thiếu trầm hương và Kỳ nam, dù cho giá thành rất đắt và rất hiếm có. Lúc bấy giờ, người Việt chưa sản xuất được trầm hương mà phải phụ thuộc vào tự nhiên nên số lượng Trâm, Kỳ cũng dần khan hiếm, Nhà nước phong kiến cũng không ủng hộ việc buôn bán Trâm, Kỳ một cách tự do. Đối với ngành trầm hương hiện nay thì đã rất khác biệt về bối cảnh, nhưng cũng cần phải phát triển hơn nữa để bất cứ vị khách nước ngoài nào đến Việt Nam cũng mong muốn sở hữu được trầm hương cho riêng mình.

Đến năm 1945, trước dịp lễ Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, sau khi Cách mạng Tháng Tám phá bỏ được xiềng xích của phong kiến và thực dân, mới có những dẫn chứng là trầm hương bắt đầu được tiếp cận theo những hình thức khác, thoát ly khỏi đời sống cung đình

²¹ Do dung lượng của luận án, toàn văn những đánh giá về trầm hương Việt Nam từ các học giả nước ngoài xin được để ở phần phụ lục 2

của giai cấp phong kiến. Đó là việc trầm hương được sử dụng rộng rãi để chào mừng ngày Quốc khánh 2/9/1945: *“Bộ Tuyên truyền của Chính phủ Lâm thời sẽ tổ chức ngày 2/9/1945 một “Ngày Độc lập”. Muốn cho ngày ấy có một tính cách thiêng liêng, Ban tổ chức chúng tôi yêu cầu Ngài hạ lệnh cho các chùa chiền, nhà thờ phải mở cửa, quét tước sạch sẽ và đốt trầm hương suốt ngày hôm ấy”* [80, tr.361]. Sự kiện này thể hiện rõ tính đại chúng của trầm hương sau năm 1945. Trầm hương là của mọi người, của mọi nhà người Việt chứ không còn chỉ dành cho quý tộc phong kiến. Mặc dù vậy đến năm 2006, trầm hương, Kỳ nam mới chính thức được cho phép buôn bán thông qua Nghị định số 59/2006/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ [56].

Đến nay, ngoài trừ những đánh giá về trầm hương Việt Nam của người nước ngoài trong lịch sử²², thì những nghiên cứu khoa học có tính thời sự, cập nhật của các học giả phương Đông và phương Tây vẫn đồng thuận đánh giá trầm hương và Kỳ nam của Việt Nam có chất lượng tốt nhất và giá trị cao nhất trên thế giới, đồng thời, Việt Nam vẫn là một trung tâm lớn của trầm hương trên Thế giới. [116, tr.124], [109]. Người Nhật Bản và người Trung Quốc đều công nhận nguồn cung cấp trầm hương chủ yếu cho họ từ xưa tới nay là từ Việt Nam với giá trị hàng năm lên tới hàng trăm triệu USD [119]. Trong một cuộc phỏng vấn anh Cường, anh Trang..., là những thương nhân người Trung Quốc buôn bán trầm hương Việt Nam tới Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, cho biết: *“trầm hương Việt Nam có chất lượng và giá trị cao nhất trên thị trường, chúng tôi mua trầm hương thô từ Việt Nam về những trung tâm chế tác Trầm lớn tại Trung Quốc như Hong Kong, Phúc Kiến rồi bán trong thị trường nội địa (Trung Quốc) hoặc xuất khẩu. Ở Trung Quốc chúng tôi không có cây trầm hương”*[Phỏng vấn sâu của NCS tại Hà Nội, tháng 10/2022]. Do những còn khó khăn về công tác thống kê, hiện nay, không đủ dữ liệu để thống kê sản lượng trầm hương trên cả nước và doanh thu từ buôn bán trầm hương tại Việt Nam. Tuy nhiên, từ những nguồn tài liệu nước ngoài, hàng năm Việt Nam xuất

²² Xem thêm ở phần phụ lục 2

khẩu hàng trăm tấn trầm hương với giá trị hàng trăm triệu USD. Bọn hàng lớn nhất trong kinh doanh trầm hương quốc tế của Việt Nam là Trung Quốc. Ở Việt Nam, trước đại dịch Covid 19, đã có doanh nghiệp trầm hương Việt Nam đạt doanh thu xấp xỉ 1.000 tỷ đồng/ năm.

3.2. TRẦM HƯƠNG TRONG ĐỜI SỐNG TÂM LINH CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

Công dụng chính của trầm hương là được sử dụng trong văn hóa tâm linh. Trầm hương trước hết được dùng để làm hương (nhang), bởi vậy người ta thường đồng nhất hương trầm và trầm hương là vì thế. Tuy nhiên, hương trầm tức là trong hương có Trầm là chính (khoảng 36 vị) còn trầm hương tức là nói tới hương 100% là Trầm. Không ai rõ hương trầm có từ bao giờ, cũng không ai có thể tường tận loài người biết dùng Trầm, biết làm hương từ bao giờ; chỉ biết được rằng ít nhất cũng cách ngày nay khoảng 4.000 - 5.000 năm. Làn khói trắng và mùi hương Trầm khi được đốt lên chắc chắn cũng có liên hệ với quan niệm về con người về lửa, về linh hồn, về cuộc sống sau cái chết... Ngày nay, việc thưởng thức mùi hương Trầm không còn khó khăn nhưng thực sự rất khó để mô tả mùi hương bằng con chữ. Bao phủ lên trên mùi hương này là sự thiêng liêng và cao quý, một mùi hương “chân thật” và không bị pha tạp hay bị lẫn lộn với bất kỳ mùi hương nào khác và “trong sạch”, “tinh khiết”.

Đối với các tôn giáo, tín ngưỡng của loài người thì những vấn đề như: thiên đường - địa ngục, cuộc sống sau cái chết, linh hồn, nghiệp báo, luân hồi, niết bàn, trường sinh bất lão, thiện - ác,... đều là những vấn đề lớn mà khoa học chưa giải thích được tường tận. Bởi vậy, con người cho rằng tồn tại những thế lực siêu nhiên có quyền định đoạt số phận của con người, số phận của loài người. Con người e sợ những gì mà họ chưa biết nên thờ phụng, tế tự... để mong được sự chở che của thế giới siêu nhiên. Mọi tôn giáo lớn, tín ngưỡng đều khuyên con người hướng thiện thì sẽ được hưởng phúc, đều thờ cúng những vị Phật, Chúa, Tiên, Thánh, anh hùng dân tộc, người có công... Trước những thế lực siêu nhiên này, con người đều cho rằng họ có thể hiểu mọi suy nghĩ, biết trước tương lai nên khi cầu xin những điều tốt đẹp con người luôn thành thật, không dám nói dối. Vậy mà điểm tương đồng của loài người nói

chung là sử dụng trầm hương với mùi thơm thanh khiết cùng làn khói trắng linh thiêng, trầm hương sẽ kết nối con người trần thế với thế giới bên trên. Trầm hương như một chất dẫn, kết nối được ý thức của loài người theo làn khói trắng, mùi hương thơm đến vũ trụ, đến các bậc tiên hiền. Các tôn giáo lớn như Phật giáo, Ấn Độ giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo,... với nhiều tín đồ trên khắp thế giới đều dùng trầm hương trong nghi lễ là điều khó giải thích. Nhưng có lẽ hương thơm và làn khói trầm hương là một mẫu số chung của loài người đối với các nghi lễ mang tính tôn giáo, tâm linh.

Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo, tín ngưỡng cùng tồn tại, từ những tôn giáo, tín ngưỡng sơ khai đến hiện đại, từ phương Đông đến phương Tây đều có ở Việt Nam. Ba tôn giáo phổ biến trên thế giới: Phật giáo, Kito giáo, Hồi giáo và một số tôn giáo của khu vực (Khổng giáo, Lão giáo) đã và đang tồn tại, tiếp biến, hòa nhập vào các tôn giáo nội sinh và tín ngưỡng bản địa. Nhưng dù đời sống tôn giáo, tín ngưỡng có phong phú, đa dạng như thế nào thì *“trong tâm thức người Việt Nam vẫn coi trọng nhất là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên”* [84, tr.171].

Hương trầm đã gắn bó với văn hóa dân tộc Việt Nam từ ngàn đời nay cùng với các tín ngưỡng của người Việt. Trước hết là trong các nghi lễ vòng đời của người Việt từ lễ đầy tháng, lễ đầy năm của trẻ em, lễ trưởng thành, lễ kết hôn và nghi lễ tang ma bắt buộc phải có nén hương trầm để dâng lên tổ tiên và các vị thần linh. Ở Việt Nam, thờ cúng tổ tiên tồn tại ở ba cấp độ: *“gia đình - họ tộc, làng xã, quốc gia với nhiều khâu, nhiều mức độ và hình thức khác nhau. Nhưng cả ba đã trở thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ, nương tựa, hỗ trợ lẫn nhau. Nó phản ánh mối quan hệ gắn bó giữa cá nhân với cộng đồng, gia đình với Tổ quốc”* [84, tr.174]. Hàng tháng, trong Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên dù giản dị nhưng cũng không thể thiếu được nén hương Trầm. Dù người nghèo hay người giàu thì bàn thờ tổ luôn được chăm sóc đặc biệt và đặt ở vị trí tốt nhất, trang trọng trong ngôi nhà. Trên ngai thờ đều có *“lư hương, cây nến, bình hoa và ống hương, ...”* [39, tr.70]. Ở đền, chùa, miếu, nhà thờ,... cũng đều có hương án. Đối với một quốc gia có chế độ phong kiến hàng nghìn

năm, chịu ảnh hưởng lớn của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo cũng có những tế đàn (Xã Tắc, Nam Giao), nơi thờ tự từ cấp quốc gia, cấp địa phương tới gia tộc, gia đình. Vào những dịp lễ, tết các cơ sở tâm linh ở Việt Nam đón tiếp hàng chục triệu lượt người đến thăm viếng. Có lẽ đến một thời điểm nào đó, cũng cần phải tiêu chuẩn hóa các loại hương, nhang ở Việt Nam, bởi vì ngày nay không hiếm gặp các loại hương, nhang kém chất lượng, được làm từ mùn cưa, hóa chất độc hại. Các loại hương, nhang kém chất lượng không có giá trị cả về mặt tâm linh và sức khỏe.

3.2.1. Trầm hương trong các nghi lễ tín ngưỡng quan trọng của người Việt

Trầm hương trong tín ngưỡng thờ Trời, Đất của người Việt:

Trong hàng nghìn năm phong kiến ở Việt Nam, thì lễ tế Nam Giao và lễ Tịch Điền là những lễ tế quan trọng nhất, lớn nhất ở tầm quốc gia, đặc biệt là với một nền văn hóa gắn với nông nghiệp như Việt Nam. Theo chế độ quân chủ thì Vua là thiên tử - con trời. Vua cũng phải thờ cúng tổ tiên của mình mà “*tổ tiên cao nhất của Vua là trời nên vua phải tế lễ trời trọng thể, tế Nam Giao*” [39, tr.123]. Đây chính là tiêu biểu cho tín ngưỡng thờ Trời của người Việt, ngay cả khi tiếp xúc với tam giáo: Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo thì tín ngưỡng thờ Trời của người Việt vẫn là nền tảng và không xung đột với các tôn giáo kia. Ở Việt Nam trước kia, vương triều nào cũng có Đàn Nam Giao và Đàn Xã Tắc của mình để làm tế lễ trời, đất nhưng hiện nay chỉ còn Đàn Nam Giao của triều Nguyễn là còn nguyên vẹn. Trước khi tế Trời, Vua phải trai giới cùng các quan đại thần. Lễ tế Đàn Nam Giao là để cầu mong cho đất nước mưa thuận, gió hòa, ổn định và phát triển, ban cho triều đại và thần dân của Vua hạnh phúc, thịnh vượng và thái bình. Lễ tế Nam Giao diễn ra ba năm một lần vào những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu hoặc khi đất nước gặp nạn: hạn hán, mất mùa, giặc ngoại xâm...; các buổi tế lễ đều “*dâng trầm hương, rượu, ngọc, lụa, thức ăn đều có đi kèm các điệu vũ và âm nhạc*” [38, tr.168]. Đối với người Việt thì bước đầu tiên trong các nghi lễ là dâng hương, đặc biệt là trầm hương. Trong bài tụng Diêm Lành tế

lễ Nam Giao có đoạn: *“Chúng tôi dâng lên các ngài theo tục lệ cổ xưa/ Chúng tôi tâm hương thơm để dâng lên các ngài”*[38, tr.173] ...

Trong tín ngưỡng thờ Trời của người Việt còn có một giai thoại rất hay và có liên quan chặt chẽ đến trầm hương, đó là truyện dân gian “Hồn Trương Ba da hàng thịt” được ghi lại trong “Kiến văn tiểu lục” của Lê Quý Đôn và sau này được nhà văn Lưu Quang Vũ biên kịch lại.

“Đời vua thứ 3 triều nhà Lý, năm Long Thụy thứ 2, hương cổ Liêu có người tên là Trương Ba, 3 đời làm điều lành, hay uống rượu, đánh cờ rất cao, khắp nước không ai có thể đối địch được, bèn sang Trung Quốc, gặp ông già tên là Kỳ Như, dắt nhau về hương Cổ Liêu,... Được mấy hôm, hai người đang đánh cờ, thấy một ông già gầy còm, áo rách, nón nan chống gậy đi đến, bảo hai người rằng: “Tôi từ phương xa, cũng muốn thử tài một ván chơi”. Trương Ba đấu cờ với ông già ấy, mới đi được năm ba nước, Trương Ba không thể nào đối địch được, liền chấp tay hỏi rằng: “Tiên ông ở đâu đến đây? Nước cờ rất cao, xin tiên ông cho biết rõ họ tên, để chúng tôi được vâng lời dạy bảo”. Ông già cũng chấp tay hỏi lâu nói: “Tôi là Đế Thích đây”...Đế Thích tiên vương cảm lòng thành, lấy ba thứ hương trong tay áo là trầm hương, Đàn hương và Giáng chân hương trao cho và dặn bảo rằng: “Sau này nếu có tai nạn gì, nên đốt hương này, tôi sẽ đến cứu” ... Sau khi hai người đều bị bệnh mất, người nhà nhớ lại việc này, bèn lấy hương đốt, được chốc lát thì Đế Thích giáng lâm... Hai người được sống lại, bèn lập đền miếu phụng thờ Đế Thích”[28, tr.518]. Đế Thích chính là Ngọc Hoàng Thượng Đế trong Đạo giáo, hay ông Trời trong tín ngưỡng thờ Trời của người Việt. Qua truyện cổ này ta thấy được rằng, về mặt lịch sử thì đến triều Lý, người Việt đã sử dụng trầm hương phổ biến hơn. Về mặt tín ngưỡng thì trầm hương được ông Trời ban cho Trương Ba (người trần) và Trương Ba cũng chỉ kết nối được với các vị thần linh thông qua việc đốt những loại hương quý. Đạo giáo ở Việt Nam cũng có những điểm khác biệt với Đạo giáo ở Trung Quốc, dù đều thờ phụng các vị thần tiên nhưng các vị thần tiên đấy lại khác nhau. Đạo giáo Việt Nam cũng có những bùa chú, phép thuật, gọi hồn... nhưng hệ thống thần tiên đều là người Việt, ít thờ các vị

thần Trung Quốc. Đó là những vị như Chử Đồng Tử, Ấp lãng chân nhân, Thông huyền chân nhân, Na Sơn chân nhân, Giáng Hương tiên tử, Giáng Kiều tiên tử, Tù Thức, Tú Uyên,... [97]

Nghi lễ thờ Đất quan trọng ở Việt Nam là Lễ Tịch Điền, diễn ra một năm một lần, đầu năm chọn ngày lành tháng tốt “*dịch thân nhà vua phải tiến hành lễ Tịch điền, bày hương án ra ruộng cùng các quan và hoàng tử bái tạ trời đất, sau đó ngài sẽ cày những đường cày đầu tiên*”[88, tr.195]. Lễ Tịch Điền có ý nghĩa rất quan trọng với xã hội nông nghiệp, cầu cho mùa màng bội thu, thể hiện sự quan tâm của nhà Vua với nông nghiệp.

3.2.2. Trầm hương trong nghi lễ thờ các vị thần thánh, nghi lễ vòng đời của người Việt

Ngoài tín ngưỡng thờ Trời, thờ Đất, người Việt còn có tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên, tín ngưỡng thờ các vị anh hùng dân tộc, tín ngưỡng thờ thành hoàng... cùng với các tôn giáo như Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Hồi giáo, Kito giáo,... thì tất cả các phần lễ đều có dâng hương mà tốt nhất là loại hương Trầm. Trầm hương gắn bó mật thiết đến đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt Nam từ hàng ngàn năm nay.

Tại các cơ sở tôn giáo như chùa, đình, đền, miếu, hương trầm - trầm hương được sử dụng hàng ngày mang tính chất trang nghiêm, thành kính. Người Việt, văn hóa Việt và trầm hương có mối quan hệ khăng khít. Tính ra trong một năm, người Việt Nam bình thường dùng hương Trầm trong rất nhiều dịp, bao phủ lên những “nghi lễ vòng đời” của người Việt từ khi sinh ra cho đến khi mất đi nhưng đều thể hiện tính chân, thiện, mỹ trong đời sống tâm linh khi dâng hương, dâng hoa lên trời, đất, các vị thần linh và tổ tiên của mình. Tại mỗi gia đình, hương trầm - trầm hương, được thắp hàng ngày, thắp vào dịp cuối tháng và giữa tháng theo âm lịch, các dịp lễ tết như tết nguyên đán, tết giỗ tổ, tiết thanh minh, tết đoan ngọ, tết trung thu, lễ xá tội vong nhân hoặc các dịp có ý nghĩa khác. Rồi hương trầm còn được sử dụng trong lễ đầy tháng của em bé, các sự kiện quan trọng trong đời người như dựng vợ gả chồng, xây nhà, tậu xe,... và khi mất đi trong tang ma và giỗ chạp.

Trầm hương không thể thiếu khi ướp thi hài các vị đế vương, hoàng tộc, công hầu, được ghi chép lại như sau: *“Năm 1958, đã khai quật được ba ngôi mộ cổ ở Thanh Hóa và ở Thái Bình của ba bà chúa đã sống thời vua Lê, chúa Trịnh cách đây khoảng 200 - 300 năm... Người ta ngửi thấy mùi thơm của nhựa thông, mùi Trầm,...”* [48, tr.36].

Ban đầu, mộ của người Việt có hình thức mộ thuyền phổ biến từ thời văn hóa Đông Sơn, là những thân cây khoét rỗng. Mộ thuyền phân bố ở *“Việt Nam, Nam Trung Hoa và một số khu vực ở Đông Nam Á,...”* [45, tr.270]. Sau hình thức mộ thuyền là hình thức mộ quách hình cũi, được coi là sự tiếp nối kỹ thuật chế tác quan tài mộ thuyền Đông Sơn, có niên đại thời Đông Hán. Dựa vào cấu trúc nhiều khoang giống như *“mộ gạch của quách gỗ và bộ đồ tùy táng di vật Hán chôn theo như gương, âu, đỉnh đồng, hũ... cũng như niên đại xuất hiện của loại mộ này là từ đầu Công nguyên đến thế kỷ II - III”* [45, tr.271] thì chủ nhân của loại hình mộ này có thể là người Hán bị Việt hóa hoặc một số quý tộc người Việt bị Hán hóa. Sự xuất hiện của luồng cho thấy có thể người Việt khi đó đã sử dụng trầm hương. Trong thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, mộ táng của người Việt bắt đầu bị ảnh hưởng bởi người Hán. Mộ gạch (mộ Hán) *“phân bố tập trung ở những vùng vốn là trung tâm các lý, sở, quận cai trị của chính quyền phong kiến phương Bắc và nằm trên các trục giao thông thủy bộ chính lúc bấy giờ. Bắc Ninh, Bắc Giang là nơi tập trung mộ gạch đậm đặc nhất”*[45, tr.272]. Chủ nhân của mộ gạch là những quan lại người Hán hoặc dân Hán sang cư trú ở đây, hoặc quan lại, quý tộc Việt chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán. Mộ gạch xuất hiện từ thời Đông Hán đến khoảng thế kỷ thứ X. Các đồ tùy táng gồm (thế kỷ II): *“vật tùy thân, quần áo, đồ trang sức,...; Đồ đựng; Tế khí - đèn, bình hương, cốc đốt Trầm”* [88, tr.617]. Như vậy, trong giai đoạn này, những năm đầu công nguyên, trầm hương đã được người Việt và người Hán đến đô hộ sử dụng rộng rãi.

Trong sách An Nam Chí Lược của Lê Tắc cho biết rằng, trầm hương ngoài công dụng khi dâng hương, tế lễ còn được dùng phổ biến trong cung đình và được đốt lên để tiếp đón các vị khách quan trọng từ thời nhà Trần

[76, tr.6]. Về nghi lễ trong cung đình thời Trần cũng được ghi chép lại: “*Mông tám tháng tư, mài trầm hương và bạch-đàn-hương, dầm nước tắm rửa tượng Phật và dùng thứ bánh giầy mà cúng Phật*” [76, tr.16]. Như vậy, trầm hương được sử dụng trong nước tắm rửa tượng Phật, được gọi là nước mộc dục, từ rất xa xưa.

Ở Hà Nội hiện nay vẫn còn có địa danh là núi Trầm hay còn gọi là Tử Trầm Sơn ở huyện Chương Mỹ. Xưa kia là nơi vua Lê, chúa Trịnh đặt hành cung. Về tên gọi của núi Trầm có nhiều giả thuyết liên quan tới trầm hương. Có thể là hành cung của Vua, Chúa nên trầm hương được sử dụng hàng ngày, hoặc là do mùi trầm hương tỏa ra từ ngôi chùa Vô Vi, hoặc là do đây là nơi có nhiều người Chăm sinh sống với nghề làm hương Trầm nổi tiếng.

3.2.3. Nghệ thuật thưởng trầm trong đồ tế tự, lư trầm

Khi nghiên cứu về Văn hóa trầm hương không thể không nhắc đến những hương án, đỉnh hương và lư hương, một đặc sắc văn hóa khác nhưng vẫn thuộc “hệ sinh thái” của trầm hương, xét trên công dụng của lư, đỉnh là để làm lễ và để đốt Trầm. Trầm hương trước đây chỉ dành cho tầng lớp cao quý cho dù ở Ai Cập hay Babylonia hoặc ở Israel [114, tr.113]. Trên một tảng đá có niên đại khoảng năm 1175 TCN, có hình ảnh nhà vua đứng trước một vị thần linh với một nén nhang được thắp giữa họ [108]. Đa phần những dụng cụ đốt nhang cổ có chung một hình dạng, một cái đế cao, thon với một cái bát trên đỉnh, đôi khi có ngọn lửa bùng lên từ nó, đôi khi có thể có nắp [123, tr.76], những dụng cụ này được tìm thấy ở Arab, Palestine và Babylonia có niên đại hàng nghìn năm.

Đối với người Việt Nam, Trung Quốc và một số các quốc gia chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc thì lư hương, đỉnh hương thường là biểu tượng của văn minh kim khí, gắn với đồ đồng đã có từ hàng nghìn năm; thêm vào đó còn có ý nghĩa lâu dài, vững chắc, được kế thừa từ đời này sang đời khác. Ở Trung Quốc, đỉnh là vật dụng dùng trong tế lễ quan trọng trong tất cả những vật dụng bằng đồng. Đỉnh là vật không thể thiếu trong các hoạt động tế lễ thờ cúng, yến tiệc hội họp,... Từ thời Đông Chu (440 - 256 TCN) ở Trung Quốc đã

quy định về số lượng đỉnh đồng trong tế lễ: “*chư hầu chỉ được sử dụng 7 chiếc đỉnh, chỉ có thiên tử mới được quyền sử dụng 9 chiếc đỉnh*”, chức vụ càng thấp thì số lượng đỉnh càng ít đi [94, tr.24]. Đỉnh đồng về sau có công dụng là nơi để thắp hương, đốt trầm hương tế lễ hoặc thu nhỏ lại đặt lên hương án thì chính là lư hương. Ở Việt Nam đến nay, không rõ các triều đại trước triều Nguyễn có đúc đỉnh đồng hay không nhưng hiện vẫn còn “Cửu đỉnh của nhà Nguyễn”. Trên mỗi đỉnh có 17 bức họa tiết và 1 bức họa thư, tập hợp thành bức tranh toàn cảnh về sông núi, nước non và sản vật tiêu biểu của Việt Nam. Việc đúc cửu đỉnh về số lượng cũng là sự tuyên bố Việt Nam cũng ngang hàng với chế độ phong kiến Trung Quốc. Về sự linh thiêng cao quý của trầm hương đối với người Việt Nam chúng ta có thể thấy được thông qua việc hai trong số Cửu đỉnh của nhà Nguyễn có điêu khắc hình trầm hương trên Cao đỉnh và Kỳ nam trên Nhân đỉnh²³ ở vị trí quan trọng, thể hiện niềm tự hào của các Vua triều Nguyễn đối với sản vật cao quý của nước Nam ta.

Khi kỹ nghệ chế tác đồ đồng càng phát triển, đồ đồng được sử dụng càng rộng rãi, từ đó ra đời những chiếc lư hương bằng đồng, được sử dụng hàng ngày và sử dụng trong gia đình. Đến thời Hán ở Trung Quốc người ta tìm thấy nhiều hiện vật là lư hương và chân đèn bằng đồng. Lư hương còn là dụng cụ để người xưa đốt hương liệu, qua đó thưởng thức mùi thơm và sưởi ấm. Các chân đèn nhiều lúc cũng được sử dụng để đốt trầm hương. Khi đốt hương bằng lư Bác Sơn “*những làn khói sẽ từ các khe núi tỏa ra, những sợi khói thoáng ẩn thoáng hiện giữa những khe núi đan xen khiến cho người thưởng thức cũng thấy mình như đang chìm vào cõi mộng*”[94, tr.128]. Ngoài lư hương bằng đồng còn có những loại lư hương bằng gốm, sứ với các loại men rất đẹp [50, tr.47,67], bằng đá quý [53], bằng pháp lam,...Tuy nhiên ở các nước Đông Á và Việt Nam, đa phần đều chuộng lư hương bằng đồng do khối lượng không quá nặng, bền, đẹp, đặc biệt là lư hương làm từ đồng lạnh lại càng quý và đắt giá.

²³ Trước đây, chỉ duy nhất Thiên tử nhà Chu (1122 - 249 TCN), vương triều chính của Trung Quốc mới được quyền sử dụng Cửu đỉnh. Các chư hầu tự thành lập các nước riêng nhưng phụ thuộc và thần phục Thiên tử nhà Chu. Về mặt nghi lễ, các nước chư hầu của nhà Chu chỉ có thể sử dụng tối đa là Thất đỉnh.

Lư hương ở Việt Nam cũng là đồ gia bảo, được truyền từ đời trước sang đời sau và có giá trị tâm linh sâu sắc nên không dễ để tiếp cận những lư hương cổ trong các gia đình. Đồ gốm ở Việt Nam có những làng gốm cổ như Phù Lãng, Thổ Hà, Hương Canh, Chu Đậu, Bát Tràng,... có tay nghề cao và làm nhiều đồ tế tự. Trong danh sách Bảo vật Quốc gia của Việt Nam, chúng ta có 2 bộ lư hương được dùng để dâng trầm hương có niên đại từ thế kỷ XV - XVII, với nghệ thuật tuyệt đỉnh. Đó là Lư hương gốm hoa Lam, thế kỷ XV thời Lê sơ. Hội đồng Di sản quốc gia đánh giá đây là “*chiếc lư hương gốm hoa lam có kích thước lớn nhất, kiểu dáng và hoa văn trang trí đẹp hoàn hảo duy nhất hiện được biết đến ở nước ta*” [146]. Chiếc lư hương thứ 2 trong danh sách bảo vật quốc gia của Việt Nam là Bộ chân đèn và lư hương gốm men, thời nhà Mạc, thế kỷ XVI - XVII, được lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh Nam Định, sưu tầm tại Đình Cự Trữ và chùa Cổ Chất xã Trục Phương, huyện Trục Ninh. Chân đèn cao 76cm, dáng thon cao, gồm 2 phần cổ và thân ghép với nhau. Cổ đèn hình trụ tròn nhỏ cao, miệng loe, hai bên đắp 2 tai hình rồng có cánh để mộc chạy dọc cổ, đầu hướng xuống dưới.²⁴

Gốm sứ thời Mạc (1527 - 1592) với các dòng gốm men có điểm độc đáo riêng với kỹ thuật chế tác rất hoàn thiện. Chân đèn và lư hương thời Mạc là sản phẩm tiêu biểu của gốm, sứ Việt Nam. Chân đèn “*được trang trí bằng cách vẽ bút lông, đắp nổi và khắc chìm. Hoa văn trang trí dày đặc*” [45, tr.287]. Lư hương có 3 loại: loại 1 có 3 chân gắn ở dưới đáy, còn bên trên có dạng ống nhỏ, miệng loe rộng; loại 2 hình hộp chữ nhật, trang trí đắp nổi và vẽ lam ở thân; loại 3 hình con nghê, trên lưng có phần rỗng để cắm hương.

Ngoài ra còn có một số hiện vật chân đèn và lư hương thời Mạc niên đại thế kỷ XVI khác được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam, Bảo tàng Hải Dương, Bảo tàng Hà Nội. Ở Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh cũng có lư hương gốm men màu thời Lê sơ và thời Mạc. Niên đại muộn hơn có lư hương gốm sành hình đài sen và lư hương gốm sành hình rồng

²⁴ Xem thêm tại phụ lục ảnh

đều xuất xứ từ làng Thổ Hà, thế kỷ 17 - 18 [88, tr.224]. Đinh cao của lu hương sành thuộc về các lu hương cổ Phù Lãng, có hình tròn hoặc hình vuông, lu hương sành “là sản phẩm thủ công độc bản rất độc đáo” [88, tr.225].

Trong cuộc sống hàng ngày thì đồng và sắt được sử dụng nhiều, đồng dùng để đúc chuông, khánh, đỉnh, vạc, đèn, nồi,... và nhiều đồ tế tự. Nhiều trung tâm đúc đồng nổi tiếng hiện vẫn còn tồn tại như: Đại Bái (Bắc Ninh), Ngũ Xã (Hà Nội), Lộng Thượng (Hưng Yên), Ý Yên (Nam Định), Phường Đúc (Huế),... Nhiều hiện vật là lu hương đồng sản xuất trong nước được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Mỹ thuật cung đình Huế,...

Đồ tế tự của người Việt Nam từ xưa đến nay có những vật như sau: hương án, lu hương (bát hương), mâm bồng, chân đèn, bài vị, đôi hạc đồng, âm trà, chóc nước,... Ở các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng hoặc những gia đình giàu có thì còn có hoành phi, câu đối, cửa võng, ngai thờ... được sơn son, thếp vàng. Ở Việt Nam có những hương án đá cổ, nổi tiếng với nghệ thuật điêu khắc đá và chế tác gỗ, trong đó có hương án của chùa Khám Lãng (tỉnh Bắc Giang), hương án đá hoa sen ở vùng Bắc Ninh, Bắc Giang, Hưng Yên, Hà Nội..., hương án đá hoa sen chùa Hương Lãng, hương án đá hoa sen chùa Trà Dương, hương án gỗ tại chùa Keo (tỉnh Thái Bình). Tại chùa Thái Lạc (Hưng Yên) trên hương án có hoa văn chạm khắc gỗ là cảnh *tiên nữ dâng hương, tiên nữ dâng hoa*²⁵ rất đẹp đã được đưa vào sách giáo khoa Lịch sử để ca ngợi tài năng của những thợ thủ công người Việt và là niềm tự hào về di sản văn hóa của ông, cha. Trong bức chạm khắc tiên nữ dâng hương, ta có thể thấy 2 vị tiên nữ cùng dâng đỉnh Trâm lên các vị thần.

Như vậy, trong văn hóa Việt Nam nói chung, trầm hương luôn xuất hiện ở những nơi “cung son điện ngọc”, những nơi linh thiêng và có vai trò quan trọng đối với quan niệm của người Việt là làn khói trắng và hương thơm sẽ kết nối với con người với các vị thần. Từ xa xưa cho đến ngày nay, người Việt luôn trân trọng vị trí thờ tự trong nhà, các đồ tế tự thường là đồ gia bảo. Hiện

²⁵ Xem thêm tại phụ lục ảnh

nay, các loại lư hương đồng, gốm, sứ, ngọc,... theo phong cách cổ truyền vẫn được bán rộng rãi trên thị trường. Lư hương để phục vụ cho việc đốt Trầm (bát hương thì thường để cắm các loại hương, nhang nhưng lư hương thường chỉ đốt Trầm rồi thả vào trong lư), loại hương này mới được khôi phục lại khoảng 15 năm và phổ biến trong khoảng gần 10 năm trở lại đây. Qua phỏng vấn sâu 30 gia đình tại Hà Nội cho thấy, 60% nghĩ rằng lư hương là dùng để trưng bày trên bàn thờ, chứ chưa biết tới công dụng để đốt những thanh Trầm, mảnh Trầm. Bà V.P.H kinh doanh trầm hương tại Hội An khoảng 20 năm cho biết: “Từ khi ngành khai thác, nuôi trồng trầm hương được mở rộng, các loại trầm hương có giá thành rẻ hơn được đưa ra thị trường. Tuy giá thành của các loại trầm hương nói chung vẫn cao hơn mức sống của người dân bình thường, ước tính khoảng 1.000.000 đồng cho 80 gram trầm hoặc 50 nén nhang, thanh trầm nguyên chất. Nhưng so với giá của trầm hương những năm 2005 - 2010 thì giờ chỉ còn khoảng 1/5” [Phỏng vấn sâu của NCS tại Hội An, Quảng Nam, tháng 7 năm 2022].

3.2.4. Thánh mẫu trầm hương và Thánh địa trầm hương ở Việt Nam

- Thánh mẫu trầm hương

Ở Việt Nam, trầm hương đã và đang dần có ngày lễ của riêng mình. Phát triển từ Lễ hội Tháp Bà Po Nagar, đến nay Lễ hội Tháp Bà ở Nha Trang, Khánh Hòa cũng được coi là ngày hội của trầm hương, Kỳ nam. Bà Po Nagar - Thiên Y Ana Thánh Mẫu hay còn được gọi là Bà mẹ của Xứ sở trong truyền thuyết là người sinh ra vạn vật trong đó có trầm hương và Kỳ nam được Phan Thanh Giản ghi lại trên bia năm 1856. [33]

Trong phần ghi chép của Phan Thanh Giản về sự tích Thiên Y Ana Thánh Mẫu chỉ ghi lại là Thái tử Bắc Hải và người Bắc Hải nhưng không hiểu sao nhiều sách vở sau này lại ghi là Trung Quốc hay Tàu [89, tr.260]. Cách viết như vậy rất không phù hợp, gây ra việc hiểu sai lầm về truyền thuyết này. Đền thờ Bà Po Nagar được xây dựng ở Nha Trang, Khánh Hòa khoảng giữa thế kỷ thứ VII và được coi nói, mở rộng, trùng tu, tôn tạo nhiều lần trong lịch sử. Xưa

kia vùng Nha Trang thuộc khu vực của bộ tộc Dừa (xứ Kauthara), vương quốc cổ Champa trước kia. Vương quốc cổ Champa nằm ở phía Nam của Đại Việt (tức Đại Việt nằm ở phía Bắc của Champa) trước khi Champa trở thành một phần của Việt Nam ngày nay. Trước hết xin khẳng định rằng đây là truyền thuyết của người Việt về bà Thiên Y Thánh Mẫu còn truyền thuyết của người Chăm có nhiều sự khác biệt. Dựa trên truyền thuyết được Phan Thanh Giản ghi chép lại thì Bắc Hải và Thái tử Bắc Hải rất có thể là Đại Việt chứ không phải là Trung Quốc vì Thái tử Đại Việt, Vua Đại Việt đã từng đặt chân đến Champa còn Trung Quốc thì không. Trong Việt Điện U Linh của Lý Tế Xuyên (thế kỷ XIV) có đoạn như sau: *“Trước khi vua nhập mộng thì mé biển một gốc cây khô. Một ngày tìm đến thuyền vua mà hiệu linh, thu góp gió mưa, đuổi êm sóng cả, giúp võ công, ... nhưng xét đến lai lịch, chỉ xưng là Đại Địa Chi Tinh, danh tịch mịch mờ, không được rõ ràng cho lắm, sự tích rất là khó hiểu...”*[102, tr.71] Như vậy, ta thấy có một số sự tương đồng trong truyền thuyết về Bà Thiên Y Thánh Mẫu và Việt Điện U Linh Tập mà trong những truyền thuyết thường chứa đựng những yếu tố lịch sử. Vua Lý Thánh Tông khi chinh phạt Chiêm Thành đã gặp một vị nữ thần người Chăm, hóa thân trong một gốc cây khô. Vị Thái tử trong truyền thuyết được ghi lại bởi Phan Thanh Giản rất có khả năng là Vua Lý Thánh Tông. Việc nữ thần tối cao của người Chăm kết hôn với Thái tử phương Bắc (Đại Việt) có ý nghĩa lớn về hòa hợp dân tộc Việt - Chăm. Người Việt cũng ghi nhận Nữ thần Po Nagar của người Chăm là vị thần của mình và suy tôn nữ thần là Thiên Y Thánh Mẫu, là Mẫu - Mẹ chung của người Chăm và người Việt. Trong truyền thuyết của người Việt thì nữ thần Po Nagar - Thiên Y Thánh Mẫu - Ngọc Tiên Tiên Chúa, hóa thân vào khối Kỳ nam, khối trầm hương. Một số truyền thuyết của người Việt còn cho rằng Thiên Y Thánh Mẫu là hóa thân lần thứ 4 của Mẫu Liễu Hạnh.

Tuy nhiên, trong truyền thuyết của người Chăm thì Nữ thần Po Nagar là vị thần tối cao, là người mẹ của cả xứ sở Champa trước kia, là vị thần tổ của Champa được thờ cúng ở nhiều nơi như Huế (Điện Hòn Chén), Quảng Nam (lễ

hội Bà Thu Bồn), Khánh Hòa,... Trong các bài văn tế của người Chăm nói về sự tích nữ thần Po Nagar như sau: “*Sinh ra đất đai sinh ra con người / Sinh ra gỗ trầm hương là thần Po Inu Nagar/ Sinh vạn vật trên đời / Dựng lên làng xóm ruộng vườn là thần Po Inu Nagar/ Ngày xưa, thần Inu Nagar sinh ra đất, gỗ trầm, lúa gạo...*” [19, tr.128]. Như vậy, nữ thần Po Nagar không phải chỉ là hóa thân vào trầm hương, mà vị Nữ thần này là người mẹ vĩ đại sinh ra tất cả mọi vật trên thế giới trong đó có trầm hương và Kỳ nam là sản vật quý giá nhất của người Chăm mà nay là của đất nước Việt Nam. Nữ thần Po Nagar chính là vị thần tối cao của vương quốc Champa trước kia và là vị Thần của trầm hương, Kỳ nam. Đối với người Chăm và nhân dân Khánh Hòa (và một số tỉnh lân cận như Phú Yên, Bình Định, Bình Thuận, Ninh Thuận,...), nữ thần Po Nagar là thánh Mẫu quan trọng nhất, được tôn kính và sùng bái.

Đối với những người thực hành nghề Trầm thì nữ thần Po Nagar còn được thờ phụng như vị tổ của nghề Trầm trên toàn quốc và thực sự là vị thánh Mẫu của trầm hương. Mặc dù nữ thần Po Nagar không được thờ ảnh, tượng,... tại nhà, tuy nhiên những người làm nghề Trầm, mỗi năm một lần đều từ mọi miền Tổ quốc đều đến lễ bái tại Tháp Bà Po Nagar ở Nha Trang, Khánh Hòa.

- Thánh địa trầm hương

Nếu như Nữ thần Po Nagar là “thánh mẫu” của trầm hương, Kỳ nam thì di tích Tháp Bà Po Nagar ở Nha Trang, Khánh Hòa chính là “thánh địa” của trầm hương và Kỳ nam. Ban đầu tại khu vực Tháp Bà ngày nay có một ngôi tháp bằng gỗ thờ nữ vương Jagadharmā (646-653) tại Aya Tră (Nha Trang), trên một ngọn đồi cao cạnh cửa sông Cái (Xóm Bống), để thờ tượng nữ thần Bhagavati (bằng vàng). Tháp này về sau được biết dưới tên Po Nagar, hay Tháp Bà. Ban đầu đền thờ được dựng lên để thờ thần Shiva nhưng kể từ khi được phục dựng lại năm 784, việc thờ Mukhalinga ở Tháp Bà bắt đầu gắn liền với việc thờ Bhagavati, tính nữ của thần Shiva rồi sau trở thành thờ thần Parvati, vợ của thần Shiva. Việc này cũng khá phù hợp với người Chăm khi

đó theo mẫu hệ và nữ thần Po Nagar là một trong những vị thần tối cao của người Chăm.

Nhiều pho tượng tại tháp chính của đền Po Nagar bị phá hủy hoặc bị cướp nhiều lần. Hiện nay, ở trong tháp Bà là một pho tượng bằng đá, cao 0,9m, vai rộng 0,45m, khoảng cách giữa 2 đầu gối là 0,83m theo tư thế ngồi xếp bằng, hai tay chính duỗi ra trên hai đầu gối làm dấu ban phước và trần án và tám tay phụ cầm các vật biểu trưng là đoản kiếm, mũi tên, chùy, mũi lao, chuông, đĩa, tù và,... Phần đầu của pho tượng hiện nay được phục dựng lại. Một số tài liệu cho rằng “*người Chăm rời Nha Trang mang phần đầu bằng trầm hương của Bà về thờ ở đền Mông Đức*”[37, tr.477], tuy nhiên đến nay chưa tìm được, có thể là do thất lạc thật hoặc do đang được bảo quản bí mật ở đâu đó.

Khu di tích Tháp Bà Po Nagar đã được xếp hạng Di tích cấp Quốc gia từ năm 1979. Tháp Bà (còn gọi là tháp Pô Nagar), thuộc phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, là một quần thể kiến trúc tôn giáo thuộc loại lớn nhất trong hệ thống đền tháp Champa còn lại ở Việt Nam. Ngoài kiến trúc Tháp Chăm, nơi đây vẫn còn nhiều tượng thần và bia ký bằng chữ Sanscrit. Tháp Bà là quần thể kiến trúc tôn giáo không chỉ mang đầy đủ đặc trưng chủ yếu của truyền thống xây dựng đền tháp Champa mà còn bảo lưu rất nhiều loại hình kiến trúc đền tháp đã tồn tại ở Champa xưa. Những tài liệu khảo cổ học và văn bản học cho thấy Tháp Bà là một trong những địa điểm đầu tiên xuất hiện từ rất sớm, các loại hình kiến trúc mới ở Champa và tồn tại trong khoảng thời gian lâu nhất. Những ghi chép trong bia ký cho thấy khu đền tháp này đã được người Chăm cho xây dựng liên tục từ nửa cuối thế kỷ VIII đến cuối thế kỷ XIII. Tuy nhiên, hầu hết các công trình hiện còn có niên đại chủ yếu khoảng giữa thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XIII. Đến nay còn 5 công trình chủ yếu, bao gồm 1 kiến trúc mandapa và 4 kiến trúc đền tháp.

Bên cạnh giá trị về lịch sử, kiến trúc, điêu khắc nghệ thuật và bia ký dưới dạng vật thể, Tháp Bà Nha Trang còn chứa đựng trong đó những giá trị tiêu

biểu về văn hóa phi vật thể của hai dân tộc Chăm - Việt qua hình tượng nữ thần Pô Inur Nagar /Thiên Y A Na Thánh mẫu cũng như quá trình giao lưu, đan xen, tiếp biến văn hóa trên dậm dài lịch sử dân tộc. Không chỉ là một địa điểm tham quan du lịch tiêu biểu ở Khánh Hòa, đến nay Tháp Bà còn là một trung tâm thờ Mẫu của các tỉnh miền Nam Trung Bộ với lễ hội truyền thống lớn nhất ở miền Trung diễn ra tháng 3 âm lịch hàng năm, thu hút hàng chục vạn người từ mọi miền của Tổ quốc về tham dự. Nếu như Nữ thần Po Nagar là “bà chúa trầm hương” thì khu đền tháp Bà Po Nagar là “thánh địa của trầm hương” do đây là khu vực thờ Bà Po Nagar. Bởi vậy, không gian văn hóa bao phủ lên trầm hương còn có những yếu tố của kiến trúc, điêu khắc và các loại hình nghệ thuật khác thể hiện trong Lễ hội tại Tháp Bà và Lễ hội tại Am Chúa (cũng là nơi thờ nữ thần Po Nagar).

Nhờ có Tháp Bà Po Nagar và cũng là nơi sản sinh ra trầm hương có giá trị tốt nhất nên vùng đất Khánh Hòa được ngợi ca là Xứ sở trầm hương, là vùng thánh địa của trầm hương trên cả nước như Thủ tướng Phạm Minh Chính đã đề cập vào tháng 4 năm 2023 [140].

3.3. TRẦM HƯƠNG TRONG ĐỜI SỐNG SINH HOẠT CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

3.3.1. Nghệ thuật thưởng trầm Việt Nam trong phục sức, mỹ phẩm truyền thống và hiện đại

Trong đời sống sinh hoạt của người Việt (ăn, mặc, ở...), trầm hương có rất nhiều công dụng khác nhau. Đầu tiên là để sử dụng mùi thơm của Trầm, quan lại, quý tộc trước kia thường lấy “*Kỳ nam, trầm hương làm túi mang*” [102, tr.43] hay còn gọi là *hương nang* được ghi chép trong Việt Điện U Linh ra đời vào năm 1329. Hương nang vừa là túi thơm, vừa là đồ trang sức của giới quý tộc, quan lại phong kiến.

Trầm hương, Kỳ nam được dùng trong sản xuất các sản phẩm thủ công mỹ nghệ như đồ trang sức, tượng thờ... Do mức độ quý hiếm nên hiếm khi thấy được dùng để chế tác đồ gỗ gia dụng cỡ lớn như bàn, ghế, giường, tủ... mà chủ yếu là các vật có kích thước nhỏ, giữ theo bên người như tráp, rương, hòm, ống

quyển đựng giấy làm từ gỗ Trầm. Trước đây người Việt ít để đồ trong tủ mà quần áo, lễ phục, giấy tờ, tư trang thường để trong rương, hòm. Nhà quan lại, quyền quý thường để quan phục trong rương trầm hương. Người Việt từ thời Đông Sơn đã thích dùng trang sức, đối với phụ nữ thì gương, lược rất quan trọng. Trong đó những chiếc lược ngà làm từ ngà voi và những chiếc lược Trầm là đồ quý giá. Lược gỗ trầm vừa kỳ gió, vừa nhẹ, chải lên tóc còn mùi trầm hương phảng phất. Phụ nữ còn có những đồ trang sức như trâm cài đầu, vòng cổ, vòng tay được chế tác từ gỗ Trầm. Đối với đàn ông quyền quý, ngoài trâm cài đầu, hương nang còn có chiếc quạt trầm hương mang theo bên mình, thể hiện phẩm chất của người quân tử.

Trang phục, quần áo của Vua, Chúa, quý tộc, quan lại thời phong kiến được quy định rất chặt chẽ. Qua trang phục có thể biết địa vị xã hội của mỗi người, đặc biệt là trong xã hội phong kiến có sự phân chia đẳng cấp rõ ràng. Lịch sử trang phục mỗi triều đại phong kiến Việt Nam đều được quy định cụ thể về kiểu dáng, hoa văn, màu sắc, chất liệu, phân biệt rõ ràng trang phục của hoàng tộc, văn võ bá quan và thường dân, nếu vi phạm sẽ bị phạt nặng. Bởi vậy, người Việt có câu “Y phục xứng kỳ đức”. Quần áo quan lại được phân biệt qua màu sắc, hoa văn và chất liệu. Kỳ nam, trầm hương, Tóc hương được sử dụng làm đai lưng cho quan lại thời Lê sơ và thời Lê Trung Hưng. Bia Văn Miếu số 71 tạc năm 1748 cho biết, các tiến sĩ cấp đệ được “*ban áo bào màu lam, đai tóc hương, yếm quỳnh, hoa bạc*”. [29, tr.297]

Mỗi viên quan lại cần có ít nhất 2 bộ quan phục mặc dự đại triều và thường triều. Thường triều có thể may thêm vì giá cả không đắt nhưng quần áo Đại triều (dùng khi chầu Vua hoặc các dịp đại lễ) là do vua ban, được thêu tay cầu kỳ và mỗi người chỉ có một bộ. Bởi vậy, quần áo đại triều của quan tam phẩm trở lên (được Vua ban trầm hương) “*không bao giờ giặt, nhất là do đồ thêu, mà mặc xong thì phơi vào bóng râm rồi cho vào hòm gỗ trầm cho thơm*” [88, tr.78]. Trước khi vào chầu Vua, người ta đốt Trầm dưới áo cho thơm được gọi là “xông hương” như bài ca dao nổi tiếng: “*Áo xông hương của chàng vắt*

mắc, / Đêm em nằm em đắp lấy hơi. /Gửi khăn, gửi túi, gửi lời,/ Gửi đôi chàng mạng cho người đàng xa. /Vì mây cho núi nên xa, /Mây cao mù mịt, núi nhòa xanh xanh”. Để xông hương quần áo cũng cần phải có bộ huân y làm từ đồng lạnh. Vì trầm hương rất quý và hiếm nên qua bài ca dao ta có thể hiểu được rằng, người chồng là quan lại cao cấp đi công cán xa nhà, người vợ nhớ mong chồng lấy quan phục của chồng còn phảng phất mùi trầm hương ra đắp cho đỡ nhớ mong.

Trong mỹ phẩm, trầm hương cũng là một loại hương liệu quý. Để lưu giữ mùi thơm của trầm hương trên người và quần áo, ngày nay, ngoài việc sử dụng phương thức truyền thống là xông Trầm vào tóc, quần áo, người ta thường sử dụng đến mỹ phẩm. Tinh chất trầm hương được chiết tách từ gỗ Trầm bằng các công nghệ hiện đại để làm sao tinh chất thơm nhất, chất lượng tốt nhất và tiết kiệm trầm hương nhất. Các loại nước hoa sử dụng trầm hương làm chất nền thường có giá đắt hơn các loại nước hoa bình thường khoảng 80% và được định danh riêng một dòng sản phẩm là nhóm *hương phương Đông* (Oriental). Ngành trầm hương Việt Nam bán ra thị trường thế giới rất nhiều tinh chất Trầm, tuy nhiên chưa có một thương hiệu nước hoa nào nổi tiếng thế giới. Hiện nay, ở Việt Nam, công ty trầm hương Khánh Hòa sở hữu tinh chất trầm hương có chất lượng tốt nhất với mùi thơm tuyệt hảo, tương tự với mùi trầm hương khi được đốt lên. Một kilogram trầm hương qua công nghệ chiết xuất cho ra khoảng 1ml tinh chất nên có giá thành rất đắt đỏ. Ngoài nước hoa, tinh chất trầm hương còn xuất hiện trong các sản phẩm mỹ phẩm cao cấp khác như sữa rửa mặt, kem dưỡng da, dầu gội đầu, sữa tắm,...

3.3.2. Nghệ thuật Thương trầm trong y dược truyền thống và hiện đại

Trầm hương và Kỳ nam còn là nguồn dược liệu quý được sử dụng trong y học truyền thống. Tác giả Lê Trần Đức trong cuốn “Thân thế và sự nghiệp y học của Hải Thượng Lãn Ông” viết như sau: “*trầm hương là một sản phẩm lịch sử quý báu của nước ta, từ thế kỷ thứ hai TCN, nhân dân ta đã dùng trầm*

huong để phòng bệnh, chữa bệnh và đã phân biệt được các loại trầm” [36, tr.15]. Sách “Nam dược thần hiệu” của danh y Tuệ Tĩnh chỉ dẫn các bài thuốc như: Kinh trị các khí bị tắc, ngực sườn nhói đau, kinh trị 10 loại thủy thũng, bụng đau, thở rộ không nằm được [36, tr.16].

Hải Thượng Lãn Ông cũng là người nghiên cứu về trầm hương trong y dược. Trong sách Dược phẩm vâng yếu, ông đã viết về trầm hương như sau: *“Khí vị: vị cay không độc, khí thì hậu, vị thì bạc, thăng được, giáng được, là dương dược vào kinh túc dương minh, túc thái âm và túc thiếu âm. Trên đến tận trời, dưới đến tận suối, chẳng úy kị gì”*[36, tr.16]. Trong Lĩnh Nam bản thảo (Quyển hạ), Hải Thượng Y Tông tâm lĩnh, Hải Thượng Lãn Ông nhiều lần viết về trầm hương và các bài thuốc từ trầm hương [90].

Ngày nay, hàng trăm bài thuốc Nam có trầm hương là một trong các vị thuốc của hai thầy thuốc nổi tiếng nhất trong lịch sử Việt Nam là Tuệ Tĩnh và Hải Thượng Lãn, vẫn còn lưu truyền lại. Tiến sĩ, bác sĩ Đào Hữu Minh, Bệnh viện Y học cổ truyền Việt Nam cho biết: *“Tại bệnh viện hiện nay vẫn lưu trữ được nhiều bài thuốc cổ có liên quan tới trầm hương. Bệnh viện cũng ứng dụng trầm hương vào việc chữa bệnh cho bệnh nhân. Trầm hương có công dụng rất tốt cho hoạt huyết dưỡng não và các bệnh phong hàn”* [Phỏng vấn sâu của NCS tại Hà Nội, tháng 6 năm 2023].

Thời hiện đại, nghiên cứu trầm hương trong dược liệu để làm các loại thuốc, thực phẩm chức năng đang được đẩy mạnh. Sản xuất thực phẩm chức năng từ trầm hương có phần đơn giản hơn khi chủ yếu dựa vào dược điển và các bài thuốc truyền thống rồi đóng gói, kiểm nghiệm chất lượng. Trong khi đó để sản xuất được thuốc từ trầm hương phức tạp hơn rất nhiều lần, do phải tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế khắt khe và thử nghiệm lâm sàng. Các nghiên cứu khoa học hiện đại đã xác nhận, trong trầm hương có nhiều vi chất chữa được nhiều loại bệnh như đau đầu, an thần, ung thư,...Nguồn gen quý của cây trầm hương Việt Nam đã được bảo tồn và nghiên cứu phân tích. Một số công ty ở Hàn Quốc và Trung Quốc đã nhập khẩu trầm hương ở Việt

Nam và sản xuất một số loại thuốc từ trầm hương (An Cung Ngưu Hoàng Hoàn, Thanh Tâm Ngưu Hoàng hoàn,...). Mỗi lần chiết tách các chất hóa học, nghiên cứu tác dụng của từng chất đối với con người có thể tốn kém đến hàng triệu USD.

Do vấn đề sở hữu trí tuệ và sự tiêu tốn kinh phí, công sức quá lớn của các doanh nghiệp, các nhà khoa học khi nghiên cứu về y dược liên quan tới trầm hương nên chúng tôi không thể công bố các kết quả nghiên cứu ở đây.

3.3.3. Nghệ thuật Thương trầm với ẩm thực

Trầm hương còn được sử dụng trong ẩm thực, đặc biệt nhất là trong rượu. Từ rượu trắng, người Việt thường cho những vị thuốc như sâm Ngọc linh, sâm Hàn Quốc, nhung hươu, ba kích, hải sâm,... vào ngâm cùng được gọi là rượu thuốc [41, tr.83]. Một số công ty đã nghiên cứu và sản xuất ra trầm hương phụ gia thực phẩm, đáp ứng được tiêu chuẩn của Bộ Y Tế, Bộ Khoa học và Công nghệ và dùng để tạo ra Rượu trầm hương. Rượu này thơm, ngon và còn có tác dụng với sức khỏe rất được ưa chuộng trên thị trường.

Một sản phẩm khác từ trầm hương là thuốc lá trầm hương cũng đang được nghiên cứu sản xuất với số lượng lớn, mang thương hiệu Việt. Dù rằng hút thuốc lá, thuốc lào không tốt cho sức khỏe nhưng thuốc lá, thuốc lào trở thành một phần của văn hóa Việt Nam lúc nào không hay, đặc biệt là với đàn ông Việt Nam (tỉ lệ hút thuốc lá cao, khoảng 45,3% [137]). Dù bị ngăn chặn quảng cáo thuốc lá trên toàn cầu vì lí do sức khỏe cộng đồng nhưng ước tính trên thế giới vẫn có khoảng 1,3 tỷ người hút thuốc lá thường xuyên [136]. Thuốc lá trầm hương được sản xuất theo hai cách chính. Một là, trầm hương được cắt thành những tấm Trầm nhỏ, có thể cắm vào điếu thuốc lá bình thường, hoặc cắt nhỏ ra trộn cùng lá thuốc hút trong ống điếu (tức là thuốc lá riêng và trầm hương riêng); hai là trầm hương được cắt nhỏ và đưa vào trong điếu thuốc lá được sản xuất tại Nhà máy. Dùng thuốc lá trầm hương được ưa chuộng bởi vị thơm của trầm hương át đi hết mùi khói thuốc lá. Ngày nay, có rất nhiều loại thuốc lá dùng để hút, cũng là một thú chơi, một số loại rất đắt

tiền nhưng vẫn luôn có một lượng khách hàng dồi dào và đóng góp lớn vào kinh tế các nước sản xuất thuốc lá như xì gà Cuba... Nếu thuốc lá trầm hương phổ biến hơn và xuất khẩu được, có lẽ cũng đóng góp được cho ngân sách quốc gia.

Ngoài ra còn có trà Trầm và cà phê Trầm, trong đó trà Trầm được tiêu thụ mỗi năm hàng trăm tấn. Trà thường là trà ô long ngon nhất Việt Nam được nhập từ Cầu Đất, Đà Lạt, Lâm Đồng, còn trầm hương của Khánh Hòa được xắt mỏng, cùng đưa cả trà và Trầm vào túi, hộp đóng gói để hương Trầm quyện vào Trà. Khi pha trà, đưa cả trà và Trầm vào ấm, chế nước thật sôi, mùi hương Trầm và Trà bốc lên thơm ngào ngạt. Khi uống thấy màu nước đẹp, mùi thơm, vị ngon tinh khiết. Ngay cả lá của cây trầm hương cũng là một vị thuốc và còn rất nhiều cách thưởng thức trầm hương trong ẩm thực khác.

3.3.4. Trầm hương trong Văn hóa Ngoại giao Việt Nam từ xưa tới nay

Đối với người Việt, không thể bỏ qua việc trầm hương, Kỳ nam được sử dụng là quà tặng ngoại giao quý giá bởi nhiều triều đại phong kiến hàng nghìn năm qua và cả Việt Nam ngày nay.

Dưới thời kỳ phong kiến, trong các mối quan hệ ở tầm quốc gia, Việt Nam và Trung Quốc có quan hệ rất lâu đời. Trong quan hệ ngoại giao, bang giao giữa 2 nước Việt Nam và Trung Quốc, Việt Nam và Champa thời phong kiến, trầm hương là vật phẩm không thể thiếu. Dưới các triều đại quân chủ Việt Nam và Trung Quốc, trong quan hệ bang giao giữa hai nước, quan hệ sách phong, triều cống đóng vai trò nền tảng. Nhà sử học Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* đã nhận định: “Nhà nước ta có cả cõi đất phía Nam mà thông hiếu với Trung Hoa, tuy nuôi dân dựng nước có qui mô riêng, nhưng ở trong thì xưng Đế, mà đối ngoài thì xưng Vương, vẫn chịu phong hiệu, xét lý thế, thực phải như thế. Cho nên lễ sách phong, lễ cống sinh, việc bang giao các đời đều xem là quan trọng” [11, tr.533].

Sách phong, triều cống là một hình thức đặc biệt trong quan hệ giữa Trung Quốc và các nước láng giềng thời phong kiến. Trong đó, các vương triều

Trung Quốc với ưu thế về kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, luôn tự cho mình là “thiên triều, thượng quốc”, có quyền phong tước cho vua các nước nhỏ. Ngược lại, để thiết lập và duy trì quan hệ với Trung Quốc, để được yên ổn bên cạnh một đế quốc phong kiến luôn có tham vọng bành trướng, vua các nước nhỏ phải cầu phong, nhận tước phong và phải thực hiện một số nghĩa vụ với “thiên triều”, mà quan trọng nhất là phải triều cống định kì.

Triều cống gắn liền với cống phẩm. Theo các nguồn sử liệu Việt Nam và Trung Quốc, các phẩm vật Việt Nam cống cho Trung Quốc rất đa dạng, chủ yếu là vàng, bạc, ngà voi, sừng tê và đặc sản hương liệu như: trầm hương, hương xông áo, hương nén,... Trong những đồ cống nạp này, trầm hương giữ một vị trí quan trọng. Giới quý tộc phong kiến Trung Quốc có nhu cầu rất lớn về trầm hương bởi họ hiểu rất rõ giá trị quý hiếm của nó: Trầm dùng giáng khí, kỳ dùng trị các chứng phong đàm. Trầm và Kỳ còn đuổi được khí tà độc, khí ô uế. Trầm thì đốt lên, còn kỳ thì chỉ cần đeo vào mình là đủ. Ngoài làm dược liệu, trầm hương còn được dùng vào nhiều việc khác nữa như lấy khối trầm hương chạm tía thành hình tháp, hình non bộ, tượng Phật, tượng Bà Thiên Y,..., dùng làm gói và dùng để đốt lên vào những dịp cúng tế. Vì những giá trị dược liệu quý hiếm đó nên trầm hương là một trong những cống vật quan trọng mà triều đình Trung Quốc yêu cầu Đại Việt phải triều cống theo định kì.

Theo các ghi chép trong Tổng sử, năm Khai Bảo thứ tám (975), (Bộ Lĩnh) “*sai sứ đến cống tê, voi, hương liệu*” [30, tr.22], năm 983, Lê Hoàn tự xưng là Giao Châu thứ sử, sai Triệu Tử Ái đi sứ cống phương vật gồm 100 ngà voi, 200 cân trầm hương,... [76, tr.114]. Đây là những ghi chép đầu tiên về việc vương triều phong kiến dân tộc Việt Nam dùng trầm hương là vật phẩm triều cống Trung Quốc. Các vương triều phong kiến Việt Nam nối tiếp triều Đinh, Tiền Lê đều tiếp tục sử dụng trầm hương là quà tặng ngoại giao chính với các vương triều phong kiến Trung Quốc.

Học giả Hoàng Xuân Hãn trong cuốn “Lý Thường Kiệt: Lịch sử - ngoại giao và tông giáo triều Lý” cho biết, năm 1156, vua Lý Anh Tông đã cống

triều Tống: 1.000 cân hương Trầm, 50 đôi lông thúy, 850 tấm đoạn màu vàng thắm hoa rồng cuốn,...

Đến đời Trần, nhà Nguyên yêu cầu nhà Trần thực hiện 3 năm một kỳ cống. Về cống phẩm, qua chiếu thư của Hốt Tất Liệt gửi vua Trần tháng 10 năm 1262 có thể thấy những cống phẩm mà nhà Trần phải thường xuyên nộp cho nhà Nguyên: “*cứ 3 năm cống một lần, hãy chọn nho sĩ, thầy thuốc, người giỏi âm dương bói toán, các loại thợ, mỗi thứ 3 người, cùng dầu tô hộp, quang hương, vàng bạc, châu sa, trầm hương,...*” [77, tr.88]. Tiếp nối nhà Nguyên, nhà Minh vẫn duy trì qui định các nước phiên thuộc cứ 3 năm triều cống một lần, cống vật gồm có: “*Các đồ dùng bằng vàng bạc, sừng tê, ngà voi, lụa bạch, hương xông, hương giáng chân, trầm hương, tóc hương, mộc hương, hương vòng đen,...*” [70, tr.837]. Đến thời Lê sơ, ngoài việc thực hiện đúng, đều đặn lệ cống ba năm một lần được đề ra từ thời Hồng Vũ thì Triều đình nhà Lê cũng gửi sứ thần mang quà biếu (thường được gọi là lễ sinh) gửi đến hoàng đế nhà Minh trong các dịp lễ lạt. Thống kê từ *Minh thực lục* cho thấy có: 1 lần biếu trầm hương (100 cân); Vua Lê Thái Tổ khi xin cầu phong cho Trần Cao, sau khi đánh thắng hoàn toàn quân Minh khởi bờ cõi đã đưa các cống phẩm sau đến Yên Kinh gồm: “*... 20 lạng xông hương áo, 2 vạn nén hương, 24 khối trầm hương và tóc hương*”. [40, tr.353]

Ở thời nhà Mạc, tháng 8/1542, Mạc Phúc Hải sai sứ sang đáp tạ nhà Minh về việc đã ban sắc mệnh cho Mạc Đăng Dung làm An Nam Đô thống sứ, cấp ấn và lịch Đại Thống gồm: 4 bộ lư hương, bình hoa bằng vàng, 2 bộ lư hương và bình hoa bằng bạc,...., trầm hương (60 cân), tóc hương (148 cân), giáng chân hương (30 nén),...[71, tr.121]. Nhà Lê trung hưng cũng tiến cống theo lệ gồm lư hương và bình hoa bằng vàng 4 cái (tất cả nặng 209 lạng, chiết can làm 29 đỉnh vàng),...trầm hương 960 lạng, tóc hương 2368 lạng [11, tr.609]. Thời Tây Sơn vẫn giữ lệ 3 năm triều cống một lần, 6 năm một lần gửi sứ thần đến triều đình đối với nhà Thanh, cống vật gồm có: “*Lư hương bằng vàng..., trầm hương 960 lạng, Tóc hương 2.368 lạng*” [10, tr.87].

Như vậy có thể thấy trầm hương là phẩm vật có mặt thường xuyên trong danh mục đồ triều cống của Đại Việt gửi đến triều đình Trung Hoa. Việc duy trì triều cống đều đặn theo đúng yêu cầu đã thể hiện cách ứng xử mềm dẻo, giúp các triều đại phong kiến Đại Việt vừa duy trì quan hệ hòa hiếu với triều đình phong kiến Trung Hoa vừa giữ được độc lập, hòa bình, bảo đảm an ninh quốc gia và chủ quyền dân tộc.

Trong quan hệ Việt Nam - Champa cũng ghi chép được nhiều lần Champa dâng cống trầm hương cho Đại Việt và Trung Quốc. Năm 961, Quốc vương Thích Lợi Nhân Đà Bàn (Champa) cống “*sừng tê, ngà voi, long não, hương liệu*” [30, tr.289]...

Ngày nay, các quốc gia trên thế giới đều bình đẳng, người ta không dùng từ “tiền cống” nữa mà gọi chung là quà tặng ngoại giao. Chiếc quạt trầm hương Khánh Hòa nhiều lần được lựa chọn là quà tặng ngoại giao chính thức của Chính phủ Việt Nam tới các vị lãnh đạo của Thế giới. Nổi bật nhất là trong sự kiện APEC Việt Nam năm 2017, 100 chiếc quạt trầm hương đã được dành tặng cho các quan chức cao cấp của thế giới đến dự hội nghị [145].

Đối với người Việt và Văn hóa Việt Nam, trầm hương là một trong những loại quà tặng ngoại giao có giá trị nhất, nổi tiếng nhất thường được dùng để tặng cho các nguyên thủ quốc gia hay dùng trong những công việc liên quan đến vấn đề quan trọng của đất nước.

3.4. TRẦM HƯƠNG TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

Văn học dân gian Việt Nam thể hiện sâu sắc bản sắc văn hóa của người Việt. Trong kho tàng này, rất nhiều những câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao,... rất đa dạng và phong phú, thể hiện mong muốn gìn giữ những văn hóa truyền thống của người Việt. Hình ảnh trầm hương xuất hiện trong hàng chục câu ca dao, tục ngữ như: “*Đêm qua đốt đỉnh hương trầm,/Khói lên nghi ngút, âm thâm lòng ai*”; “*Chông ta áo rách ta thương/ Chông người áo gấm xông hương mặc người*”; “*Dó lâu năm, dó lại thành kỳ/ Đá kia lăn lóc có khi thành*

vàng”; “*Khánh Hoà biển rộng non cao/ trâm hương Vạn Giã, yến sào Nha Trang*”; “*Khánh Hòa là xứ trâm hương/ Non cao biển rộng, người thương đi về*”... Những câu ca dao đa phần dùng hình ảnh trâm hương để thể hiện sự cao quý và thiêng liêng trong những hoàn cảnh cụ thể như vợ nhớ chồng, nhớ người yêu, ca ngợi quê hương, đất nước, kính ngưỡng tổ tiên, trời đất...

Đối với đời sống văn hóa, nghệ thuật, trâm hương tạo ra môi trường, cảm hứng sáng tạo nghệ thuật cho những văn sĩ, thi sĩ, họa sĩ... Những tao nhân mặc khách thường thưởng trâm hương để làm thơ, viết văn, gợi ý tưởng hội họa, kiến trúc, điêu khắc... Có thể thấy được qua các tác phẩm của đại thi hào Nguyễn Trãi như bài Mạn Thành, Đề Trình xử sĩ vân oa đồ,... trong Úc Trai thi tập; bài Tiểu Vũ của Trần Nguyên Đán... hoặc gần đây hơn có tác phẩm “Chiếc lư đồng mắt cua” của nhà văn Nguyễn Tuân,...

Trâm hương còn là chất liệu gợi nên cảm hứng trong sáng tác thi ca của người Việt (thi cảm, thi hứng), những chủ đề của quen thuộc trong thơ ca chịu ảnh hưởng từ thơ Đường luật, như thuật hoài, đăng cao, già bạn..., nhiều bài xuất hiện hình ảnh của trâm hương. Ví dụ như trong bài Độc dịch (đọc kinh dịch) của Vua Trần Minh Tông có đoạn:

“Phong lô nhất chú trâm hương niểu/ Đề điều sổ thanh xuân trú tình”.

Trâm hương là biểu tượng đẹp trong văn hóa, nghệ thuật (tượng trưng cho những tình cảm cao đẹp). Hình ảnh trâm hương và lư hương trâm xuất hiện trong cả văn học Việt Nam thành văn trung đại và hiện đại. Nổi bật nhất có thể kể đến là Truyện Kiều của Đại thi hào Nguyễn Du. Trong Truyện Kiều, trâm hương như đại diện cho từng bước phát triển của môi tình trong sáng, sắt son của Kiều và Kim Trọng theo diễn tiến thời gian. Từ những buổi ban đầu gặp gỡ giữa Kim - Kiều, Kiều tương tư đến tìm Kim Trọng: “*Liên tay ngắm nghía biếng nằm/ Hãy còn thoang thoang hương trâm chưa phai*”. Đến khi giận hờn, vu vơ: “*Trách lòng hờ hững với lòng/ Lửa hương chốc để lạnh lòng bấy lâu*”. Rồi đến khi Kim - Kiều cùng nhau trao lời hẹn ước bên nhau: “*Vội vàng làm lễ rước vào/ Đài sen nổi sập, song đào thêm hương*”. Cho đến khi li biệt, môi tình

Kim - Kiều đứt đoạn, Kim Trọng quyết tâm đi tìm Kiều khi thấy hình bóng của Kiều như hiện ra trong khói hương Trầm: *“Có khi vắng vẻ thư phòng,/ Đốt lò hương, giở phím đàn ngày xưa/ Bể bai rủ rỉ tiếng tơ,/ Trầm bay lạt khói gió đưa lay rèm”*. Và sau rất nhiều năm lưu lạc, Kim - Kiều được về lại cùng với nhau: *“Phím đàn diu dặt tay tiên/ Khói trầm cao thấp tiếng huyền gần xa”*.

Trong Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều cũng có những câu thơ nhắc đến trầm hương, tiêu biểu là: *“Mây mưa mấy giọt chung tình,/ Đỉnh trầm hương khóa một cành mẫu đơn”*. Trong bài thơ “Bắt chước Từ Thức” của Nguyễn Dữ cũng có những câu thơ nổi tiếng: *“Đốt lại lò trầm, nhóm lại hương,/ Dẫn đo đỏi mới khúc nghệ thường”*.

Thi hào Nguyễn Trãi trong Ước trai thi tập cũng có những câu thơ về Trầm: *“Bác sơn hương tấn ngọc song hư, / Lạn tính tòng lai ái tác cư.”* Trầm hương còn xuất hiện trong thơ của Trần Minh Tông (bài Độc dịch), Trần Nguyên Đán (bài Tiểu Vũ), Tùng Thiện Vương (bài Vịnh hiệu),... Thời hiện đại cũng có những tác phẩm văn học có gắn với trầm hương như Chiếc lư đồng mát của Nguyễn Tuân; Bãi vàng, Đá quý, trầm hương của Nguyễn Trí; Xứ trầm hương của Quách Tấn, Chuyện hoa chuyện quả của Phạm Hồ,...

Văn học Việt Nam khá phát triển, đặc biệt là thi ca. Thời xưa, những sách văn chương khác với thi ca, thường là các sách lịch sử, địa chí, tùy bút... Rất nhiều sách cổ của Việt Nam ghi chép về trầm hương. Hình ảnh trầm hương xuất hiện trong văn học và thi ca không phải là “ngẫu nhiên”, mà là có ý đồ của các tác giả. Trầm hương mang những hình ảnh biểu tượng của *sự thiêng liêng, sự cao quý, nơi cung sơn điện ngọc, mùi thơm, khói trắng, sự hoài niệm, sự độc thoại, sự cô đơn, tâm tưởng, chân thành, vùng đất Khánh Hòa, sự vất vả, kỳ diệu qua hình ảnh “ngâm ngải tìm trầm”*...

Trong hội họa, nhiều bức tranh có hình ảnh lư hương và làn khói Trầm như tranh thờ ông Tể tướng Nguyễn Quý Đức (1648 - 1720), tranh thờ ông Nguyễn Quý Kính (1693 - 1766)... Trong âm nhạc truyền thống có bản “Hoàn vương ca tích” ca ngợi vua Lê Đại Hành cũng đề cập tới trầm hương. Hình ảnh

lư Trầm cũng có tính biểu tượng cho hàng nghìn năm văn hóa (liên quan tới đồ đồng), hay biểu tượng cho sự kế thừa, gia tộc, thờ cúng trong dòng họ...

Trong âm nhạc, điện ảnh hiện đại cũng có những ca khúc, phim ảnh sử dụng hình ảnh trầm hương và lư trầm hương như bài Nha Trang của nhạc sĩ Tôn Thất Lập, ca khúc Lạc trôi của Sơn Tùng... hay phim Lật mặt của đạo diễn Lý Hải,...

Trầm hương là nguyên liệu tạo ra những tác phẩm nghệ thuật. Trong điêu khắc, thời trang, nhiều khối trầm hương, Kỳ nam qua bàn tay tạo tác của những nghệ nhân, trở thành những pho tượng quý, những đồ trang sức, mỹ nghệ đặc sắc. Người ta thường nói: “đeo vàng thì quý, đeo trầm thì sang”, bởi vì nếu không biết về Trầm, Kỳ thì nhìn bằng mắt thường sẽ khó nhận ra được, mà chỉ nghĩ là một loại gỗ; nhưng khi mùi Trầm thoang thoảng bay qua thì sẽ biết ngay là Trầm, Kỳ.

Tại Nha Trang, Khánh Hòa hiện nay cũng có tòa tháp trầm hương tại quảng trường lớn, cảm hứng thiết kế được lấy từ một khối trầm hương, là hình ảnh biểu tượng cho tỉnh Khánh Hòa thường xuất hiện trên truyền thông...

Ở đây chúng tôi không thể đi sâu, phân tích hết được những dẫn chứng về trầm hương trong văn hóa, nghệ thuật. Nhìn chung, biểu tượng trầm hương xuất hiện trong các loại hình nghệ thuật khác cũng có ý nghĩa giống với văn học và thi ca, là hình ảnh của sự quý giá, thiêng liêng cả về vật chất và tinh thần. Trầm hương kiến tạo môi trường, cảm hứng sáng tạo nghệ thuật cho các nghệ nhân, nghệ sĩ (đốt trầm sáng tác văn chương, nghệ thuật, gợi lên những ý tưởng cho hội họa, kiến trúc, điêu khắc, âm nhạc...), trầm hương là biểu tượng đẹp trong văn hóa, nghệ thuật, là hình ảnh tượng trưng cho những tình cảm cao đẹp, thiêng liêng. Trầm hương là nguyên liệu để tạo ra những tác phẩm trong nhiều loại hình nghệ thuật.

3.5. ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN HÓA TRẦM HƯƠNG VIỆT NAM

Trên cơ sở định vị văn hóa trầm hương Việt Nam trên trục tọa độ không gian, thời gian và chủ thể, dựa trên những phân tích về các thành tố của văn

hóa trầm hương Việt Nam và sự hiện diện của trầm hương trong đời sống của người Việt Nam như đã trình bày ở trên, có thể rút ra những đặc điểm của văn hóa trầm hương Việt Nam như sau:

Văn hóa trầm hương Việt Nam ra đời sớm, có không gian rộng lớn và sức sống mãnh liệt. Về thời gian ra đời của Văn hóa trầm hương Việt Nam là khoảng những năm tiếp giáp công nguyên, không gian trải dài trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay và lan tỏa ra nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới trong nhiều thế kỷ. Sức sống mãnh liệt không bị gián đoạn của Văn hóa trầm hương Việt Nam cũng thể hiện trầm tích văn hóa, sự tồn tại bền vững và phát triển lâu dài gắn với con người Việt Nam.

Đối với phạm vi Việt Nam, trầm hương là sinh kế quan trọng, là quà tặng ngoại giao đẳng cấp cao của người Việt, là sinh kế của nhiều người; là sản phẩm quen thuộc được sử dụng trong mọi gia đình và những cơ sở thờ tự, tôn giáo, tín ngưỡng; là các sản phẩm đa dạng và phong phú về hương liệu, y dược, ẩm thực, mỹ phẩm...; là những biểu tượng trong thi ca, văn học, điêu khắc...

Đối với phạm vi thế giới, trầm hương Việt Nam là sản vật được săn đón và truy tìm trên toàn cầu; là đối tượng của nhiều nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học: văn hóa, văn học, y dược, sinh vật học, lịch sử...; là hương liệu chính phục vụ cho các nghi lễ tôn giáo mang tính toàn cầu; là chất định hương trong các loại mỹ phẩm từ cổ đại đến hiện đại,...

Gắn với thời gian thì không gian Văn hóa trầm hương Việt Nam có niên đại lên tới hàng nghìn năm và vẫn đang tiếp tục được mở rộng.

Nghệ thuật thưởng trầm của người Việt rất phong phú, đặc sắc và có nhiều nét độc đáo riêng trên phạm vi thế giới. Có thể kể tới như nghệ thuật khai thác trầm hương; nghệ thuật tạo Trầm; nghệ thuật phân loại; nghệ thuật Thưởng trầm trong tôn giáo, tín ngưỡng; nghệ thuật chế tác đồ tế tự; biểu tượng trầm hương trong thi ca; các lễ hội gắn với trầm hương... Nghệ thuật Thưởng trầm của người Việt giúp chúng ta nhìn nhận và xác định rõ Văn hóa trầm hương Việt Nam tinh tế và đặc sắc, thấm đượm bản sắc văn hóa của người Việt

Nam. Nghệ thuật Thưởng trầm của người Việt Nam rất tinh hoa, góp phần làm đa dạng hơn Văn hóa dân tộc và cũng khẳng định đẳng cấp cao về nghệ thuật của người Việt trong quá khứ và tương lai.

Văn hóa trầm hương là yếu tố thuần Việt, tồn tại và phát triển trong sự giao lưu kinh tế, văn hóa rộng lớn với thế giới. Dựa trên những tài liệu được sưu tầm và nghiên cứu thì người nước ngoài (cả phương Đông và phương Tây) đều dành sự quan tâm đặc biệt đến trầm hương và Kỳ nam của Việt Nam. Đây là một điểm mấu chốt trong nghiên cứu đề tài này. Vì trầm hương ở Việt Nam có chất lượng tốt nhất trên thế giới, được định giá cao nhất trong các loại trầm hương và Kỳ nam. Trầm hương cùng một số đặc sắc văn hóa khác như bánh mì, áo dài... đã góp phần trở thành nét văn hóa thuần Việt mà không đâu có được, thậm chí trầm hương còn sâu sắc hơn, có bề dày hơn rất nhiều so với những nét văn hóa kia. Trong lịch sử Việt Nam, quá trình tiếp biến và giao lưu văn hóa diễn ra rất sôi động và đa dạng với Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á, Pháp, Mỹ, Liên Xô... khiến người Việt đôi lúc còn gặp khó khăn trong việc đánh giá các yếu tố văn hóa nào là thuần Việt. Tuy nhiên, trầm hương Việt Nam lại được chính những tài liệu nước ngoài công nhận về nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng đầu.

Sự tồn tại và phát triển của Văn hóa trầm hương Việt Nam không nằm ngoài sự giao lưu kinh tế, văn hóa trên thế giới, gắn với con đường Tơ lụa trên biển và trục giao thương Đông - Tây. Trong đó Việt Nam là một trung tâm lớn của trầm hương trong nhiều thế kỷ, một mặt hàng đắt giá và được ưa chuộng trên toàn cầu. Đến nay, danh tiếng của trầm hương Việt Nam không hề suy giảm mà tiếp tục là điểm sáng về văn hóa, là tiêu biểu về sự lan tỏa văn hóa của người Việt Nam đối với bạn bè quốc tế.

Văn hóa trầm hương Việt Nam có tính biểu tượng. Có thể nói trầm hương cùng làn khói và mùi thơm đặc trưng, riêng biệt có giá trị biểu tượng văn hóa cao. *Trước hết*, trầm hương là sản vật có tính thuần Việt, tính độc đáo, riêng biệt của người Việt trên phạm vi thế giới. Dù một số nước khác cũng có

trầm hương nhưng trầm hương Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá là có chất lượng tốt nhất trên thế giới, là tượng đài khó có thể vượt qua²⁶. *Thứ hai*, trầm hương được sử dụng rộng rãi trong tôn giáo và tín ngưỡng trên toàn cầu, là cầu nối giữa trần thế và thế giới siêu linh của các vị thần, phật, thánh..., đồng thời cũng đại diện cho “chân, thiện, mỹ”, đặc biệt là tính hướng thiện đối với con người. *Thứ ba*, nén hương (nhang) thơm với làn khói và mùi hương thơm đối với loài người từ lâu đã là biểu tượng của tôn giáo. Bởi vậy, trầm hương là hương thơm Việt Nam - Linh thiêng cao quý - Kết nối tâm linh.

Tiểu kết chương 3

Văn hóa trầm hương Việt Nam đã và đang tồn tại cùng dòng chảy văn hóa chung của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên chúng ta phải dùng từ “nhận diện” bởi vì văn hóa này tuy “rất quen thuộc” nhưng cũng còn “lạ lẫm” do người Việt biết đến và sử dụng trầm hương lâu đời nhưng chưa tiếp cận trầm hương một cách toàn diện và hệ thống như một văn hóa riêng, mang trong nó bản sắc văn hóa “thuần Việt” đáng tự hào.

Ngoài việc chứng minh đã và đang tồn tại một Văn hóa trầm hương, dựa trên những lý thuyết văn hóa trong chương 2, nội dung chương 3 của luận án đã bóc tách những tri thức về trầm hương, Kỳ nam; cách phân loại trầm hương và Kỳ nam như những tri thức về văn hóa. Đồng thời cũng tìm ra và phân tích những dấu ấn của trầm hương trong các thành tố của văn hóa Việt Nam và Thế giới như nghề Trầm, sinh kế từ nghề Trầm, khai thác Trầm trong tự nhiên, trồng và tạo Trầm hiện nay,...

Để nghiên cứu tiếp cận trầm hương một cách hệ thống và dễ dàng “nhận diện” Văn hóa trầm hương Việt Nam, nội dung chương 3 đã gắn kết trầm hương với các thành tố văn hóa chính là đời sống sản xuất, đời sống sinh hoạt,

²⁶ NCS từng gặp ngài Đại sứ Qatar tại Việt Nam là ngài Khalid Abel cuối năm 2022, chỉ 3 ngày sau khi đại sứ sang nhận nhiệm vụ tại Việt Nam. Ngài Đại sứ cho biết: “Lần nhận nhiệm vụ này cũng là lần đầu tiên tôi tới Việt Nam, trầm hương Việt Nam nổi danh trên khắp thế giới, vừa sang đến Việt Nam tôi đã hẹn gặp anh, để hiểu thật rõ về trầm hương Việt Nam. Người Qatar rất thích và nhập khẩu rất nhiều trầm hương từ Việt Nam”.

đời sống tâm linh và đời sống nghệ thuật của người Việt; được thể hiện qua sự hiện diện của trầm hương trong: sản xuất, kinh doanh, tôn giáo, tín ngưỡng, thủ công mỹ nghệ, văn học nghệ thuật, y dược học, ngoại giao, ẩm thực, lễ hội, kiến trúc, điêu khắc,... không chỉ ở Việt Nam, mà còn trên khắp thế giới với nhiều nền văn minh lớn. Những đánh giá, nhận xét về trầm hương Việt Nam từ các nguồn tư liệu quý trên thế giới cũng cho thấy cái nhìn khách quan nhất về giá trị của Văn hóa trầm hương Việt Nam từ xưa tới nay, góp phần làm rõ hơn phạm vi nghiên cứu và nội dung nghiên cứu của luận án. Vấn đề nhận diện Văn hóa trầm hương Việt Nam được làm rõ trên cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn.

Văn hóa trầm hương Việt Nam có những đặc điểm riêng của mình về chủ thể văn hóa, không gian văn hóa, lịch sử không trùng lặp với bất kỳ nền văn hóa nào trên thế giới. Đây là yếu tố quan trọng trong việc tìm kiếm những nét văn hóa “thuần Việt” mang bản sắc văn hóa Việt Nam sâu sắc.

Văn hóa trầm hương Việt Nam có độ bao phủ rộng, đặc biệt quan trọng đối với đời sống tâm linh của người Việt. Sự hiện diện của trầm hương trong đời sống chung của người Việt “tưởng lạ mà quen”. Vì thế, trầm hương có quý, có đất đỏ đến mấy thì việc nhận diện Văn hóa trầm hương Việt Nam trong dòng chảy chung của Văn hóa Việt Nam cũng không hề khó khăn.

Đi sâu nghiên cứu và khảo cứu Văn hóa trầm hương Việt Nam còn góp phần tìm ra 04 đặc điểm riêng của văn hóa này đối với các văn hóa khác, cũng như tìm ra sự khác biệt giữa chủ thể văn hóa người Việt Nam và các chủ thể là các dân tộc khác trên thế giới. Những đặc điểm này cần được nghiên cứu thêm, làm sâu sắc hơn trong những công trình khoa học khác.

Chương 4

BÀN LUẬN VỀ VĂN HÓA TRẦM HƯƠNG VIỆT NAM

4.1. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CỦA VĂN HÓA TRẦM HƯƠNG VIỆT NAM HIỆN NAY

Nội dung chương 3 trình bày về nhận diện Văn hóa trầm hương Việt Nam qua bốn thành tố là trầm hương trong đời sống sản xuất, trong đời sống tâm linh, trong đời sống sinh hoạt và trong đời sống văn hóa nghệ thuật của người Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu, bước đầu chúng ta thấy rằng Văn hóa trầm hương Việt Nam có tồn tại, có những đặc điểm riêng biệt và có tính biểu tượng cho con người và đất nước Việt Nam. Tuy nhiên, để văn hóa trầm hương hội tụ và lan tỏa trong dòng chảy văn hóa dân tộc, phát huy sức mạnh mềm của mình trên trường quốc tế thì còn có rất nhiều vấn đề phải được quan tâm, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi nhanh của đất nước, của thế giới như hiện nay.

4.1.1. Phát triển bền vững nghề trầm hương và văn hóa trầm hương Việt Nam

Văn hóa trầm hương Việt Nam đang có những bước phát triển lớn, dần vượt ra khỏi những yếu tố truyền thống. Ngành, nghề trầm hương trở thành sinh kế của hàng chục nghìn người Việt Nam trong tất cả các khâu khai thác, nuôi trồng, chế tác, chế biến, buôn bán, xuất nhập khẩu,... Trong mối quan hệ biện chứng của tất cả các loại hình văn hóa thì điều kiện quan trọng nhất là vấn đề con người. Để cho Văn hóa trầm hương Việt Nam phát triển thì cần có con người và ngược lại Văn hóa trầm hương Việt Nam cũng phải đủ chiều rộng và chiều sâu để trở thành sinh kế cho nhiều người hơn nữa.

Để phát triển bền vững ngành trầm hương Việt Nam trước hết không phải ở mở rộng diện tích cây trồng, mở rộng sản xuất, kinh doanh mà phải **thay đổi về tư duy**. Người Việt Nam phải hiểu về trầm hương và Văn hóa trầm hương là điều kiện tiên quyết. Cùng với các hoạt động quảng bá thì Văn hóa trầm hương Việt Nam cần được đưa vào giáo dục, vào nghiên cứu khoa học và phải có những chính sách riêng dành cho Văn hóa trầm hương Việt Nam. Giáo

dục là công cụ quan trọng để phát triển văn hóa, việc giáo dục cho các em học sinh về giá trị của trầm hương nói riêng, giá trị của trầm hương đối với đất nước Việt Nam nói chung và câu chuyện lớn hơn là cùng phát triển văn hóa quốc gia đáp ứng nhu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là điều cần thiết. Nội dung giáo dục này có căn cứ vì dựa trên những nghiên cứu khoa học đã được chứng minh và công nhận trong các lĩnh vực: sử học, chính trị học, văn hóa học, y học, sinh học,... Từ đó sức lan tỏa và niềm tự hào dân tộc, tự hào với sản vật cao quý của đất nước, sẽ được khơi dậy trong thế hệ trẻ. Đây là cách thức quan trọng nhất để xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa trầm hương Việt Nam nói riêng trong thời kỳ mới.

Văn hóa trầm hương Việt Nam và các giá trị liên quan, các ngành khoa học liên quan (cả khoa học công nghệ, kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn) phải tích cực, chủ động trên các diễn đàn khoa học quốc tế và Việt Nam, để tăng cường sức nặng, sự uy tín về học thuật cũng như khẳng định sức mạnh cốt lõi của Văn hóa trầm hương Việt Nam bao phủ rộng trên nhiều khía cạnh. Đây cũng là cách thức để tăng cường “sức mạnh mềm”, lan tỏa và quảng bá giá trị Văn hóa Việt Nam nói chung và Văn hóa trầm hương Việt Nam nói riêng. **Nhà nước và xã hội cần quan tâm hơn nữa đến ngành trầm hương, đầu tư nhiều hơn nữa trí tuệ và tiền của** cho Văn hóa tuy truyền thống mà lại rất mới mẻ này. Đồng thời sớm xúc tiến đưa Văn hóa trầm hương Việt Nam (mà có tính đại diện nhất là Khánh Hòa) thành di sản Văn hóa cấp Quốc gia và Di sản Thế giới được UNESCO công nhận. Sau khi hoàn thành sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự lan tỏa của Văn hóa trầm hương Việt Nam ra toàn cầu. Tuy nhiên, công việc cấp bách và thiết thực hiện nay là đăng ký sở hữu trí tuệ và bản quyền thương hiệu đối với trầm hương Việt Nam.

Phải gắn kinh tế với văn hóa, tạo điều kiện để văn hóa trực tiếp tạo ra của cải vật chất cho xã hội, phát triển công nghiệp văn hóa gắn với trầm hương. Tức là phải tìm được đầu ra cho sản phẩm trầm hương Việt Nam càng nhiều càng tốt, để ngành trầm hương đóng góp ngày càng lớn cho kinh tế đất nước giống như Nhân sâm, Nấm Linh Chi Hàn Quốc, Bò Kobe Nhật Bản...

Một trong những lý thuyết cơ bản nhất của kinh tế học là quan điểm Trọng thương, tức là sản phẩm của một quốc gia sản xuất ra nên được bán ra thị trường quốc tế càng nhiều càng tốt, để thu được ngoại tệ về, tăng cường sức mạnh của chính quốc gia đó. Như vậy, nếu chúng ta chỉ sản xuất, kinh doanh trầm hương trong nội địa thì chỉ phát triển được nội thương, là sự luân chuyển của tiền bạc giữa những người Việt Nam với nhau. Ở mức độ cao hơn, phải hướng tới xuất khẩu các mặt hàng từ trầm hương ra nước ngoài để thu về ngoại tệ làm giàu mạnh cho đất nước mới là mục tiêu cần phải thực hiện ngay. Tại sao lại là trầm hương? Vì trầm hương Việt Nam được cả thế giới ham muốn, tìm tòi, trầm hương có thể được ứng dụng trong nhiều bộ phận của kinh tế hiện đại, có khả năng thu lợi lớn trong y dược học, mỹ phẩm, ẩm thực, du lịch,... trầm hương có những tiềm năng rất lớn cần phải được khai thác theo hình thức của công nghiệp văn hóa.

Tổng giá trị của thị trường trầm hương toàn cầu chưa được thống kê một cách đầy đủ nhưng ước tính lên tới hàng tỷ USD, trong đó chỉ riêng thị trường tinh chất (tinh dầu) trầm hương đã là khoảng 500 triệu USD. Với những ưu thế của Văn hóa trầm hương Việt Nam, trầm hương Việt Nam chắc chắn có thể tham gia cuộc chơi lớn này và chiếm lĩnh vị trí thuộc top đầu trên thị trường Thế giới. Trầm hương cần được quan tâm phát triển theo hướng không chỉ công nghiệp văn hóa, mà cả công nghiệp sáng tạo

Trước nhu cầu mở rộng của ngành trầm hương Việt Nam, cần phải **tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm**, đặc biệt là sau khi Đại dịch Covid 19 đi qua. Do có đại dịch Covid 19 nên nhiều kênh hợp tác, đối tác trầm hương trên thế giới của Việt Nam bị “đứt gãy” cần phải khôi phục sớm thông qua các hoạt động quảng bá và xúc tiến đầu tư. Về đầu ra của sản phẩm trầm hương còn có mối quan hệ sâu sắc với ngành du lịch vì sản phẩm không chỉ bán qua các kênh xuất khẩu mà còn được bán thông qua các khách du lịch quốc tế đến Việt Nam. Ngoài ra cũng cần mở rộng thị trường nội địa trong nước với các sản phẩm từ trầm hương chất lượng cao, thuần tự nhiên so với hàng giả, hàng nhái chất lượng kém trên thị trường.

Để phát triển ngành trầm hương Việt Nam đủ đáp ứng nhu cầu trên thế giới về cả chất lượng lẫn số lượng thì phải **mở rộng diện tích trồng cây dó Tràm**. Hiện nay, ước tính Việt Nam có khoảng hơn 50.000 ha trồng cây dó Tràm để sinh trầm hương, 1 ha đất có thể trồng được 1.000 trầm hương. Nếu nuôi trồng đúng phương pháp 1 cây sau 10 - 12 năm sẽ thu được sản phẩm. Để phát triển ngành Tràm và nghề Tràm không thể có một cá nhân hay công ty nào có thể làm được mà cần có sự chung tay của Nhà nước, các Bộ, Ban, Ngành cùng xây dựng chiến lược và các chính sách phát triển cho ngành kinh tế này.

Vấn đề **đa dạng hóa sản phẩm** cũng là vấn đề sống còn đối với ngành trầm hương. Qua chế biến, chế tác, các sản phẩm trầm hương sẽ có giá trị thặng dư cao hơn rất nhiều lần so với xuất khẩu mặt hàng thô. Các mặt hàng đang được đa dạng hóa từ trầm hương có thể kể tới như: hương, nhang có thành phần từ Tràm 100% được nén thành dạng thanh, tăm; lư hương dùng để đốt Tràm chuyên biệt, mỹ phẩm từ trầm hương (dầu gội đầu và đặc biệt là nước hoa), ẩm thực từ trầm hương (đồ uống, nước giải khát, bia rượu, trà, cà phê, các món ăn), dược phẩm từ trầm hương (thực phẩm chức năng, thuốc), du lịch từ trầm hương (tham quan rừng Tràm, tìm hiểu cách thức sinh Tràm, chế tác Tràm,...), thủ công mỹ nghệ từ Tràm (chế tác các tác phẩm nghệ thuật từ gỗ Tràm,...), văn hóa từ trầm hương (tổ chức các sự kiện văn hóa sử dụng và thưởng thức trầm hương),... Những thành quả bước đầu của Văn hóa trầm hương Việt Nam trong đa dạng hóa sản phẩm đã có nhưng để xây dựng và phát triển rộng hơn, sâu sắc hơn trong đời sống, trở thành những mặt hàng tiêu dùng toàn cầu thì cần có sự chung tay, góp sức hơn nữa của nhân dân Việt Nam.

Để tối ưu chi phí sản xuất và chế biến trầm hương, bắt buộc phải **áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất**. Tiến đến làm chủ mọi công nghệ liên quan đến trầm hương, từ cách thức tạo Tràm, chiết tách tinh dầu, chiết tách các hợp chất trong trầm hương để độc lập trong sản xuất các sản phẩm mỹ phẩm, dược phẩm, ẩm thực,... trong tương lai gần.

Để tăng cường Thương hiệu quốc gia trầm hương Việt Nam cũng không thể thiếu được vai trò của **Quảng bá, Truyền thông**. Quảng bá, truyền thông

đối với sự phát triển của ngành trầm hương không chỉ đối với nhân dân trong nước, mà còn phải tiến tới quảng bá trên phạm vi toàn cầu, khẳng định, tuyên bố “nguồn gốc” của Văn hóa trầm hương với thế giới.

Để Văn hóa trầm hương có thể phát triển **còn cần không gian văn hóa cho trầm hương Việt Nam**. Không gian văn hóa này không thể nói chung chung là ở Việt Nam, mà phải có không gian đúng tầm vóc, có chiều sâu văn hóa và tập trung cho trầm hương. Đây phải là một dự án, có quy mô lớn, có tầm cỡ quốc gia và thế giới với diện tích phù hợp khoảng 2.000 ha, với hạt nhân là Khánh Hòa, xứ sở trầm hương là phù hợp nhất. Không gian văn hóa trầm hương đặc biệt, có đẳng cấp cao trên thế giới bao gồm: những yếu tố rừng, biển và trầm hương. Không gian văn hóa này không của riêng bất kỳ cá nhân hay doanh nghiệp nào mà thuộc về đất nước, dân tộc. Trong Không gian văn hóa trầm hương, sẽ có những không gian nhỏ hơn hướng về đời sống văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh như không gian Huyền thoại (thể hiện sự cung kính với các anh hùng lịch sử, anh hùng dân tộc của người Việt như Hùng Vương, Hai Bà Trưng, Lý Nam Đế, Ngô Quyền, Đinh Tiên Hoàng...), không gian Hòa bình (để con người đến và chiêm nghiệm giá trị của hòa bình mà người Việt Nam có quyền chia sẻ với thế giới sau hàng loạt những cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vĩ đại), không gian Sáng tạo (là nơi để những nhà khoa học trên khắp toàn cầu nghỉ ngơi, suy tưởng và phát minh ra những điều tốt đẹp cho nhân loại), không gian văn hóa Làng Việt (là nơi để quảng bá những tinh hoa văn hóa Việt Nam đến với bạn bè quốc tế trong đó tinh hoa nhất là trầm hương, thưởng thức rượu Trầm, cà phê Trầm, trà Trầm...), không gian văn hóa tâm linh Biển (có ý nghĩa rất đặc biệt vì đây là nơi có quần đảo Trường Sa nơi hải đảo xa xôi của đất nước. Ngoài ra văn hóa biển đối với người Việt vẫn chưa đủ sức mạnh lớn lao, các công trình văn hóa liên quan đến biển còn thiếu, còn yếu). Hiện nay, tỉnh Khánh Hòa, Chính phủ và các Bộ, Ban, Ngành, tổ chức và cá nhân có liên quan đều rất quan tâm đến xây dựng dự án này thành hiện thực.

4.1.2. Tận dụng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học về trầm hương và quảng bá trầm hương Việt Nam

Để quảng bá trầm hương Việt Nam với thế giới, không chỉ dùng những phương pháp truyền thông truyền thống như: quảng cáo trên các phương tiện truyền thông như Internet, Tivi, đài truyền thanh, báo chí..., mà còn có hình thức hợp tác khoa học thông qua các diễn đàn quốc tế hoặc công bố những nghiên cứu về trầm hương Việt Nam trên các tạp chí khoa học có uy tín của quốc tế. Điều này rất cần thiết để khẳng định Việt Nam là một trung tâm của trầm hương, xứ sở của trầm hương trên Thế giới.

Các nghiên cứu khoa học về trầm hương sẽ ngày càng làm rõ hơn được những giá trị của trầm hương cả về vật chất lẫn tinh thần, hứa hẹn nhiều sự đóng góp của trầm hương đối với xã hội và đất nước trên nhiều lĩnh vực như: kinh tế, văn hóa, xã hội,... Ngoài những nghiên cứu về khoa học xã hội còn cần tới những nghiên cứu về khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ cao, đòi hỏi sự hợp tác với các quốc gia có tiềm lực mạnh như: Mỹ, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,... Một số nghiên cứu đã bước đầu có thành quả (tuy nhiên do vấn đề sở hữu trí tuệ, luận án chỉ nêu ra những kết quả nghiên cứu chủ yếu) như:

Trong vấn đề sản sinh trầm của cây dó bầu, công nghệ y sinh, công nghệ hóa học được phát triển dựa trên sự phối hợp của Việt Nam và Mỹ (cụ thể là MIT và Viện MD Anderson...), các chất vi sinh để tạo Trầm và định hương mùi Trầm rất an toàn và có hiệu quả cao, không gây độc hại với người sử dụng. Nguồn gen quý từ cây trầm hương Việt Nam (*Aquilaria Crassna* Pierre ex Lecomte) cũng được giải mã và lưu trữ tại các Viện nghiên cứu trên thế giới.

Trong lĩnh vực y học, dược phẩm, các nghiên cứu của Mỹ và Hàn Quốc đã phân lập, đọc và định vị được các hoạt chất có trong trầm hương Việt Nam như Delta Guaian, Beta Seline, Jinkoh Eremol, Alpha Bulnesen,... có tác dụng tốt với sức khỏe con người cả về thể chất lẫn tinh thần và có một số chất ngăn ngừa ung thư. Hiện nay, ở Việt Nam việc phân tích các chất hóa học, tổng hợp và sản xuất dược phẩm còn nhiều hạn chế do chưa làm chủ được công nghệ

cao. Tuy nhiên qua việc phối hợp nghiên cứu với Hàn Quốc và Mỹ, một mặt chúng ta vừa hiểu sâu sắc hơn về trầm hương Việt Nam trong dược phẩm, một mặt cũng chứng minh giá trị của trầm hương Việt Nam đối với thế giới. Nhiều sản phẩm dược phẩm của Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản đã sử dụng trầm hương Việt Nam làm nguyên liệu sản xuất. Nếu so sánh với Nhân Sâm, hàm lượng Saponin thường được dùng để đánh giá chất lượng, thì trong trầm hương cũng có nhiều dược tính quý với hàm lượng cao hơn các loài cây khác. Để nghiên cứu tác dụng của các chất hóa học đối với cơ thể con người, đặc biệt là trong dược phẩm cần có những nghiên cứu rất khắt khe, đòi hỏi phải đầu tư nhiều tiền của, công sức và cần sự hợp tác quốc tế. Những sản phẩm dược phẩm từ trầm hương được nghiên cứu bài bản, hệ thống, chỉ khi nào đạt được những yêu cầu tối đa về khoa học mới được đưa ra thị trường.

Trong lĩnh vực ẩm thực, trầm hương đã bắt đầu được đưa vào rượu, trà và một số món ăn. Tuy nhiên đây là một vấn đề khoa học khắt khe, khi con người trực tiếp hấp thụ trầm hương vào cơ thể. Bởi vậy, trầm hương cũng phải được nghiên cứu kỹ lưỡng qua các công trình nghiên cứu phối hợp giữa Việt Nam và Hàn Quốc, Trung Quốc, Đức,... Cũng tương tự như dược phẩm, trong ẩm thực sử dụng trầm hương cũng có những yêu cầu rất khắt khe và phải được chuẩn hóa từ khoa học.

Như vậy, để phát triển ngành trầm hương Việt Nam cần phải đẩy mạnh đầu tư cho nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế hơn nữa. Sản phẩm trầm hương Việt Nam bởi vậy còn rất nhiều dư địa, tiềm năng để phát triển dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến của thế giới. Đây là vấn đề quan trọng đối với sự phát triển của Văn hóa trầm hương Việt Nam.

4.1.3. Đa dạng hóa các sản phẩm trầm hương đáp ứng nhu cầu và tiêu chuẩn của thị trường thế giới

Các sản phẩm liên quan đến trầm hương hiện nay ở Việt Nam chủ yếu gồm: đồ trang sức (vòng, chuỗi hạt), đồ thủ công mỹ nghệ (tượng, tranh ghép), các khối trầm hương, Kỳ nam thô, hương (nhang), tinh chất (chiết xuất trầm hương thành dạng lỏng),... Như vậy, các sản phẩm chủ yếu là dạng thô hoặc

chế tác tinh xảo nhưng hàm lượng chất xám và hàm lượng khoa học công nghệ chưa cao.

Để phát triển ngành trầm hương Việt Nam bởi vậy cần đa dạng hóa sản phẩm, đổi mới sản phẩm với hàm lượng chất xám lớn, có nhiều giá trị gia tăng hơn trong tương lai. Hiện nay các sản phẩm mới từ trầm hương như rượu trầm hương, thuốc lá trầm hương... đang được nghiên cứu nhưng chưa tung ra thị trường với số lượng lớn mà nhỏ giọt theo hình thức của các đơn vị kinh doanh nhỏ lẻ, chưa đáp ứng được yêu cầu khoa học. Các sản phẩm liên quan đến y dược như thực phẩm chức năng, thuốc chữa bệnh đang trong thời gian nghiên cứu khẩn trương nên cũng chưa thể đưa sản phẩm ra thị trường nội địa và quốc tế.

Đối với sản phẩm mỹ phẩm và nước hoa thì lại là một câu chuyện khác, vì Việt Nam có thể sản xuất và hoàn thiện những sản phẩm này nhưng vấn đề thương hiệu và kinh doanh sản phẩm mới là những yếu tố quyết định.

Đối với các sản phẩm hương (nhang) đốt truyền thống được các thị trường như Trung Quốc, Nhật Bản...ưa chuộng cần hạn chế tối đa các sản phẩm kém chất lượng, không phải trầm hương mà là mùn cưa và hóa chất pha trộn. Những sản phẩm kém chất lượng vừa không có giá trị về mặt tâm linh, vừa gây hại cho sức khỏe người tiêu dùng. Ông H, một người nghiên cứu và sử dụng trầm hương lâu năm cho rằng: *“Không thể dùng mùn cưa, hóa chất để kết nối tâm linh được, cũng như không thể dùng lá chuối để dẫn điện”*. [Phỏng vấn sâu của NCS tại Hà Nội, tháng 6 năm 2022]

Trong tương lai, khi những yếu tố cần và đủ của trầm hương được hoàn thiện, người Việt ta sẽ có một hệ sinh thái các sản phẩm liên quan đến trầm hương để phục vụ nhu cầu trong nước và quốc tế như: rượu trầm hương, thuốc lá trầm hương, nước uống trầm hương, thực phẩm chức năng trầm hương, dược phẩm trầm hương, nước hoa trầm hương, mỹ phẩm trầm hương... và các sản phẩm truyền thống. Những bước đi này sẽ dần dần đem lại sức ảnh hưởng của trầm hương Việt Nam nói riêng và Văn hóa trầm hương Việt Nam nói chung trên thế giới trong tương lai không xa.

4.1.4. Bảo tồn và phát huy giá trị của Văn hóa trầm hương Việt Nam

- Giáo dục giá trị tốt đẹp của Văn hóa trầm hương Việt Nam

Trầm hương đã xuất hiện trong những bộ sách giáo khoa Lịch sử với tư cách là một sản vật trân quý của Việt Nam. Trong quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, lịch sử cũng ghi lại như món quà tặng ngoại giao quý giá nhất của người Việt. Trong các bộ môn khoa học khác như địa lý, sinh học,... cũng có đề cập tới trầm hương nhưng thiết nghĩ, nếu có một chuyên đề riêng về Văn hóa trầm hương Việt Nam, hoặc một phần tự đọc riêng biệt trong chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam thì sẽ có hiệu quả hơn trong việc khắc sâu bản sắc văn hóa và giá trị của trầm hương đối với người Việt.

Các phương tiện truyền thông, báo chí, truyền hình, Internet ngày nay cũng đã chú trọng đến quảng bá văn hóa trầm hương của đất nước. Tuy nhiên, việc quảng bá thông qua các phương tiện truyền thông phi truyền thống như báo mạng lá cải, facebook, tiktok rất thiếu hệ thống, khiến khán giả, độc giả đã thiếu thông tin lại càng khó hiểu về trầm hương hơn, dễ sa vào ma trận của bán hàng online. Để trầm hương được đánh giá một cách khoa học hơn, chính thống hơn nữa, để bảo tồn và phát triển. Phải phân định rõ ràng giữa quảng cáo và thông tin văn hóa.

Những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của trầm hương Việt Nam đã và đang được lưu trữ chủ yếu qua kênh các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cá nhân. Từ năm 2017, khu trưng bày Bảo tàng trầm hương, tại Khánh Hòa ra mắt trong dịp APEC Việt Nam 2017, với nhiệm vụ chính trị để chào đón các vị lãnh đạo, nguyên thủ của nhiều quốc gia trên Thế giới. Đây là Bảo tàng Tư nhân lớn nhất Việt Nam với quy mô, diện tích xây dựng lên tới 5.000 m² để bảo tồn và phát triển văn hóa Trầm Việt cũng như quảng bá hình ảnh của Khánh Hòa nói riêng cũng như Việt Nam nói chung. Bảo tàng trầm hương Khánh Hòa do doanh nghiệp đầu tư 100% và mở cửa miễn phí đối với tất cả các du khách trong và ngoài nước. Tại khu trưng bày Bảo tàng trầm hương lưu giữ hàng ngàn hiện vật về trầm hương, nghệ thuật Thương trầm và văn hóa tâm

linh Việt Nam và thế giới. Đối với du khách Việt Nam thì thông qua các hoạt động của Bảo tàng trầm hương sẽ được tăng cường thêm lòng tự hào dân tộc, tình yêu với quê hương, đất nước cũng như giáo dục giá trị truyền thống đối với thế hệ mai sau. Đối với những du khách nước ngoài thì khu trưng bày Bảo tàng trầm hương là phương thức quảng bá hình ảnh, văn hóa của Khánh Hòa nói riêng và Việt Nam nói chung một cách hiệu quả nhất. Hàng ngày, Bảo tàng trầm hương tiếp đón hàng nghìn lượt khách quốc tế và trong nước.

Bảo tàng trầm hương Khánh Hòa là nơi đi đầu trong việc lưu giữ và phát huy nghệ thuật Thương trầm Việt Nam. Đến nay đã kết hợp được rất nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa mới từ trầm hương. Đó là những thước phim tài liệu quý về quá trình đi tìm trầm hương, về nuôi trồng và sản xuất trầm hương. Tại bảo tàng, các nghệ nhân cũng trình diễn kỹ nghệ xoi Trầm và điêu khắc Trầm. Cũng tại Bảo tàng đã sưu tầm được hàng nghìn hiện vật có liên quan đến văn hóa trầm hương Việt Nam như các khối Trầm, khối Kỳ nam cổ, các bộ lư hương, đỉnh trầm cổ, các bộ huân y (dùng để xông quần áo)...

Trong cuộc sống thường ngày, tại Bảo tàng trầm hương cũng hướng dẫn khách tham quan tham gia vào Nghệ thuật Thương trầm Việt Nam, đó là mô phỏng những lễ hội dân tộc, các hình thức dâng hương lên tổ tiên và trời, đất; thưởng thức âm nhạc dân tộc như (nhã nhạc, chèo, quan họ...) cùng trầm hương; thưởng thức ẩm thực cùng với các loại Trà Trầm, Cà phê Trầm và Rượu Trầm; giới thiệu các sản phẩm mỹ nghệ từ Trầm, đồ trang sức từ Trầm và mỹ phẩm từ trầm hương.

Không gian của Bảo tàng trầm hương hiện nay tạm đáp ứng những yêu cầu cơ bản của quảng bá văn hóa trầm hương Việt Nam, cũng như góp phần đóng góp vào nền kinh tế quốc gia thông qua hình thức bán hàng lưu niệm. Tuy nhiên, cũng đặt ra vấn đề chính, trọng yếu trước mắt là Văn hóa trầm hương Việt Nam cần những không gian văn hóa lớn hơn nữa để phát triển xứng tầm, để người Việt Nam có quyền tự hào công bố với thế giới: Việt Nam - Quốc gia trầm hương.

4.2. VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRÀM HƯƠNG VIỆT NAM

4.2.1. Là một thành tố góp phần khẳng định bản sắc văn hóa Việt Nam

- Bối cảnh thế giới hiện nay và những quan điểm mới về chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa toàn cầu và sức mạnh của văn hóa

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1991), văn minh phương Tây (đặc biệt là Mỹ và Tây Âu) lại một lần nữa ảnh hưởng mạnh mẽ sang các khu vực khác không kém gì thời kì chinh phục thuộc địa do không còn bị ngăn chặn bởi bất cứ trở lực nào. Nền văn minh hiện đại phương Tây tiếp tục trở thành niềm khao khát vươn tới của rất nhiều quốc gia trên thế giới. Còn theo chiều ngược lại thì các nước phương Tây cũng muốn phổ cập nền văn minh của mình ra toàn thế giới để duy trì địa vị thống trị về văn minh. Với một thế giới thay đổi sâu sắc như vậy, các quốc gia trong Chiến tranh Lạnh nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và các nước phương Tây trước kia, buộc phải thay đổi để phát triển đất nước trong tình hình mới. Một số nước ngay lập tức tìm cách xây dựng quan hệ đồng minh chặt chẽ với Mỹ và Tây Âu để hội nhập như Hungary, Latvia, Litva, Rumani, Ba Lan,... Trong khi đó cũng có nhiều quốc gia chậm thay đổi đã gặp phải rất nhiều khó khăn và bị cô lập như Cuba, Triều Tiên, ...

Các cường quốc Âu - Mỹ đòi hỏi các quốc gia muốn hội nhập phải học tập mô hình của họ và thực hiện áp đặt tiêu chuẩn của họ lên các quốc gia khác: *“theo sứ mệnh và định kiến lịch sử thì Mỹ sẽ đem ánh sáng dân chủ đến cho các nước xã hội chủ nghĩa trước đây và biến các chế độ dân chủ non trẻ thành các đối tác của Mỹ trong chính sách thế giới”*[5, tr.549]. Mặc dù vậy, không phải quá trình truyền bá văn minh phương Tây ở đâu cũng thuận lợi và thành công. Ở nhiều nơi đã xuất hiện xu hướng “bài phương Tây” dẫn tới khái niệm “Sự va chạm của các nền văn minh” với những xung đột bằng vũ trang hoặc chống trả bằng cách “tự cô lập”, “đóng cửa” với bên ngoài. Với những trường hợp như vậy, các nước Âu - Mỹ thường áp đặt những lệnh trừng phạt về kinh tế, thậm chí là sử dụng bạo lực để lật đổ các chính quyền không thân thiết với họ nhằm buộc các quốc gia chưa hội nhập phải mở cửa.

Tóm lại, kể từ năm 1991 đến nay là thời kỳ toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ với vai trò dẫn dắt của Mỹ và châu Âu, cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, khoa học kỹ thuật,... và các thành tựu lớn của văn minh như Internet. Khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin đã thu hẹp khoảng cách giữa các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới có nhiều cơ hội để chủ động tiếp cận với nhau, các nền văn hóa có nhiều cơ hội giao lưu, tiếp xúc để hợp tác cùng phát triển. Mặt khác, Toàn cầu hóa với vai trò lãnh đạo chủ yếu của Mỹ và phương Tây trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... cũng đem lại những tác động tiêu cực. Tiêu chuẩn Mỹ và châu Âu dựa trên các chỉ số, thống kê, đo lường,... trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... nhiều lúc mang tính áp đặt và không công bằng [74].

Có thể nói toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế là xu thế chủ đạo từ đầu những năm 1990 đến khoảng những năm 2019, khiến cho có thời kỳ chủ nghĩa dân tộc bị lãng quên với nhiều lý thuyết về toàn cầu, như công dân toàn cầu, nền sản xuất toàn cầu... Vậy mà, trong những năm gần đây chủ nghĩa dân tộc tồn tại ở những dân tộc khác ngoài Mỹ và phương Tây lại phát triển mạnh mẽ. Ở một khía cạnh nào đó sự mâu thuẫn giữa chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa toàn cầu là không thể phủ nhận. Đối với chủ nghĩa dân tộc thì văn hóa, lịch sử của dân tộc là nền tảng cơ bản nhất. Những yếu tố quốc tế chỉ để làm lợi hơn cho quốc gia của họ và nếu nguy hại với họ thì họ kiên quyết đấu tranh. Ví dụ tiêu biểu như Nga và Ukraine. Ngay cả Mỹ, nơi sản sinh ra lý thuyết về “chủ nghĩa toàn cầu” cũng luôn bảo vệ vị thế thống trị của mình trong “thế giới các nước tự do của Mỹ” để áp đặt, can thiệp vào các nước khác và cũng thu được rất nhiều lợi ích từ “chủ nghĩa toàn cầu”. Vậy “chủ nghĩa toàn cầu” nhưng lại do Mỹ đứng đầu thì có mang màu sắc của “chủ nghĩa dân tộc” Mỹ hay không?

Năm 2019, đại dịch Covid 19 nổ ra làm gián đoạn các chuỗi cung ứng toàn cầu một thời gian, khiến cho một số quốc gia thấy rằng, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ở một chừng mực nào đấy không gây ảnh hưởng quá lớn đến họ và chủ nghĩa dân tộc lại xuất hiện. Cũng trong thời điểm này, cuộc chiến Thương Mại giữa Mỹ - Trung Quốc đến thời điểm căng thẳng, quan hệ Mỹ -

Trung không còn quá tốt đẹp. Đây là hệ quả của những quy luật của trật tự thế giới khi Trung Quốc dần muốn vươn lên thay thế Mỹ, trở thành cường quốc số 1 thế giới. Năm 2022, xung đột Nga và Ukraine bùng nổ, đây là cuộc chiến có cường quốc thế giới (Nga) trực tiếp tham chiến sau nhiều năm căng thẳng và kéo dài. Sự kiện này cũng không thể coi thường vì Nga là một trong 05 nước UVTT HĐBA Liên Hợp quốc. Cuộc xung đột Nga - Ukraine diễn ra khi nước Nga bị Mỹ và các nước châu Âu tẩy chay, cấm vận nặng nề. Mặt khác Mỹ và các nước phương Tây ủng hộ, giúp đỡ Ukraine chống Nga. Tuy cuộc chiến tranh này chưa chấm dứt nhưng cũng đưa đến nhiều hệ quả xấu như khủng hoảng kinh tế ở một số nước châu Âu, bất ổn chính trị, biểu tình, giá cả sinh hoạt tăng cao,... Trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động vị thế, sức mạnh của nước Mỹ không tăng lên mà có dấu hiệu suy yếu.

Những ví dụ ở trên cho thấy rằng, dù xu thế Toàn cầu hóa và Hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ trong gần 3 thập kỷ (1991 - 2019) với sự lãnh đạo của Mỹ và các nước phương Tây khác nhưng chủ nghĩa dân tộc vẫn trỗi dậy mạnh mẽ khi có điều kiện. Trong những năm qua, nhiều lý thuyết về toàn cầu của Mỹ và phương Tây được truyền bá rộng rãi, được công chúng thế giới đón nhận nhưng thực tế cũng cần phải nhìn nhận và đánh giá lại. Ví dụ Yuval Noah Harari cho rằng loài người xưa kia chỉ là một loài vật với khoảng 1.000.000 cá thể sống trên toàn thế giới cách đây 150.000 năm. Rồi đặc tính ban đầu của loài người là sống trong bầy chỉ khoảng 50 thành viên, nếu hơn thì phải thành lập ra những bầy người nhỏ hơn. Đó là những đặc tính ban đầu của xã hội, của cộng đồng người mà sau này phát triển thành các quốc gia, các dân tộc. Chịu ảnh hưởng của Benedict Anderson trong cuốn *“Những cộng đồng tưởng tượng - Suy nghĩ về nguồn gốc và sự lan truyền của chủ nghĩa dân tộc”*, Harari cũng cho rằng Nhà nước, Chính quyền và các thể chế, thiết chế,... mà con người tạo ra là “những cộng đồng tưởng tượng”, là không tồn tại thật sự [106, tr.457]. Để ví dụ cho sự khó khăn trong sự hỗn tạp văn hóa và tính dân tộc, Harari nêu dẫn chứng [106, tr.253]: một nhân vật A này là người Numantia bị La Mã thôn tính và trở thành lãnh thổ của La Mã. Khi nhân vật A này ra đời thì sự kiện chiến

tranh đã trải qua 1 thế kỷ, nhân vật A và vợ sống như những người La Mã (yếu tố truyền thống Numantia gần như không đáng kể) và đạt được những thành công nhất định trong sự nghiệp nhưng mãi mãi A và gia đình A không bao giờ được coi là người La Mã. Điều này khiến A cực kỳ thất vọng. Như vậy, nhà nghiên cứu cũng đặt ra câu hỏi rằng con người, loài người xuất phát điểm thấp kém và ai cũng như ai. Vậy có phải cái tư duy về quốc gia, dân tộc đó đang làm khổ nhiều người không? Trong khi quốc gia, dân tộc chỉ là một sự tưởng tượng. Benedict Anderson cho rằng: *“đối tượng của tất cả những tình cảm gắn bó chỉ là những thứ được tưởng tượng ra: Những người đồng bào Tagalog vô danh không diện mạo, những bộ tộc đã diệt vong, nước Mẹ Nga, hay Tanah Air (quê hương, tiếng Malay trong nguyên bản). Amor Patriae (tình yêu nước - tiếng Pháp trong nguyên bản) không mấy khác biệt với những tình cảm khác, nơi luôn có những yếu tố của sự tưởng tượng thân thương...”* [111, tr.210]. Đây là những dẫn chứng mới về những quan điểm khá cập nhật trên thế giới về quốc gia, dân tộc. Những quan điểm này cung cấp cho độc giả quan niệm về quốc gia, dân tộc là sự tưởng tượng, là xấu xa và con người nên xóa bỏ nó. Trong nghiên cứu của Benedict Anderson nhiều lần lấy Việt Nam làm ví dụ minh chứng của chủ nghĩa dân tộc. Có lẽ vì chủ nghĩa dân tộc của người Việt quá mạnh mẽ chăng?

Việc đánh giá khoa học về nguồn gốc của xã hội loài người, về sự “tưởng tượng” tạo lập ra các thể chế, thiết chế chính trị, tôn giáo... và sự hình thành của quốc gia, dân tộc của Anderson có thể không sai. Nhưng việc nhìn nhận về quốc gia, dân tộc là xấu xa là phải xóa bỏ thì không đúng. Chẳng phải tất cả những thứ ta dùng trên đời này đều là do loài người phát minh ra hay sao? Với sự phát triển hàng triệu năm của loài người, xóa bỏ quốc gia dân tộc đối với loài người là điều không tưởng. Điều khả thi hơn đối với loài người là phải tìm cách cùng chung sống. Đặt vào bối cảnh ra đời của các công trình này, thiết nghĩ những nghiên cứu mang tính toàn cầu này có lợi cho nước Mỹ. Việc truyền bá tư tưởng vô quốc gia, vô dân tộc như thế này sẽ giúp Mỹ dễ dàng hơn can thiệp vào nội bộ những quốc gia, dân tộc

khác và không phù hợp với Việt Nam - Quốc gia được thế giới biết đến với lòng yêu nước nồng nàn.

Trong các công trình nghiên cứu về văn hóa trên thế giới và vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của các quốc gia không thể không nhắc đến lý thuyết “Quyền lực mềm” và “Tương lai của quyền lực” (sự phát triển thêm của Quyền lực mềm) của Joseph Nye. Khái niệm quyền lực mềm được Joseph Nye đưa ra vào cuối những năm 80, khi ông phát hiện ra văn hóa cũng là một sức mạnh dựa trên tổng hợp sức mạnh của một quốc gia trên thế giới. Quyền lực mềm là *“khả năng đạt được những gì bạn muốn thông qua sự hấp dẫn hơn là ép buộc hoặc thanh toán. Nó phát sinh từ sự hấp dẫn của nền văn hóa, lý tưởng chính trị và các chính sách của một quốc gia”*[42, tr.7]. Nhưng trước sự thay đổi khủng khiếp của chính trị thế giới, ông đã phải cho ra đời một lý thuyết mới là “quyền lực thông minh” (kết hợp giữa quyền lực cứng và quyền lực mềm) và tiếp tục bổ sung trong cuốn “Tương lai của quyền lực”, để bổ sung, chỉnh sửa những thiếu sót của công trình “quyền lực mềm” trước đó, khi khiến nhiều người nghĩ rằng “quyền lực mềm” là quan trọng nhất, có thể giải quyết được tất cả mọi vấn đề [43, tr.57]. Từ ví dụ ở trên của Harari thì “quyền lực mềm” chính là thứ làm cho nhân vật A phải học theo lối sống của người La Mã dù cho không bao giờ trở thành người La Mã đích thực.

Quyền lực mềm của một quốc gia phụ thuộc nhiều vào ba tài nguyên chính là: văn hóa (những thứ mà nó thu hút các nước khác), các chuẩn mực chính trị (hợp lòng người trong và ngoài nước) và chính sách đối ngoại (khi các nước khác nhìn nhận những chính sách này là chính đáng và hợp đạo lý). Như vậy, trong “quyền lực mềm” thì văn hóa bao trùm lên tất cả. Quyền lực mềm của Việt Nam phát triển, thu hút thì tức là Văn hóa Việt Nam có sức hấp dẫn, thu hút quốc tế và thúc đẩy đất nước phát triển về mọi mặt. Trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề cập tới xây dựng “sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam” là sự cập nhật và phát triển trí tuệ của nhân loại. Nhưng cũng cần phải khẳng định rằng “sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam” hay “Văn hóa Việt Nam” để có được hấp lực trên toàn cầu thì phải có những nét

độc đáo riêng, không đâu có. Và thực sự nếu những nét văn hóa ấy phù hợp đáp ứng đủ “chân - thiện - mỹ” thì cần có cách lan tỏa để tăng cường sức mạnh mềm của quốc gia.

- Bối cảnh Việt Nam và đường lối phát triển văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay

Để tránh tụt hậu và theo kịp sự phát chung trên toàn thế giới, sau khi Liên Xô và khối XHCN sụp đổ, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xác định chủ trương nhất quán là “Việt Nam tích cực, chủ động hội nhập quốc tế; Việt Nam muốn làm bạn, là bạn, là đối tác tin cậy của các nước, các tổ chức quốc tế”. Ngay từ năm 1991 trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 của Đảng đã xác định một trong sáu đặc trưng của xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là:

“Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí, vai trò chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Đồng thời, kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người; chống tư tưởng văn hóa phản tiến bộ, trái với truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội” [141].

Sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được Đảng quan tâm rất sớm trong bối cảnh thế giới thay đổi mạnh mẽ những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI. Việc mở cửa để hội nhập với khu vực và các nước trên thế giới, tiếp thu các thành tựu văn hóa, văn minh của nhân loại đòi hỏi chúng ta phải có một trình độ văn hóa tương ứng để tiếp biến và làm chủ được những quá trình công nghệ để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việt Nam tiến hành mở cửa, đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng để hội nhập khi toàn cầu hóa trở thành xu thế chủ đạo của thời đại và cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển mạnh mẽ và lan rộng

khắp thế giới. Việc đứng ngoài hoặc quay lưng lại với xu thế đó ảnh hưởng đến sự tồn vong của cả dân tộc thể hiện rất rõ qua hệ thống văn kiện của Đảng [21, tr.57]. Đảng ta đã xác định, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong những đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng [141].

Bởi vậy, có thể thấy rõ những chủ trương mới về phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong Đại hội XIII (2021) của Đảng được kế thừa và phát huy từ những kỳ Đại hội trước nhưng được cụ thể hóa hơn trong bối cảnh mới của tình hình thế giới và tình hình đất nước:

- “1. Khơi dậy mạnh mẽ động lực tinh thần - ý chí, khát vọng phát triển đất nước cường thịnh, phồn vinh, hạnh phúc của dân tộc và con người Việt Nam. Lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam làm nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững đất nước
2. Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực đột phá cho phát triển đất nước và hội nhập quốc tế
3. Xây dựng, phát triển ngành công nghiệp văn hóa, phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam,...” [22]

Như vậy, trong đường lối, chủ trương của Đảng ta hiện nay, văn hóa gắn với phát triển con người Việt Nam toàn diện về trí, đức, văn thể và khoa học công nghệ. Hợp tác quốc tế về văn hóa một mặt xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến thông qua việc hấp thụ các giá trị văn hóa của nhân loại, bài trừ những hủ tục, tập quán lỗi thời; mặt khác, qua quá trình đánh giá so sánh sẽ bảo tồn và phát huy được những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc hoặc tự tạo nên giá trị văn hóa mới, hiện đại hơn sau quá trình tiếp biến văn hóa. Tiếp đến là khẳng định văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam ngày nay được trân trọng, tôn trọng trên thế giới.

Trong dòng chảy chung của văn hóa Việt Nam thì Văn hóa trầm hương có phải là thành tố đáp ứng đủ yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hay không? Chắc chắn là có. Vì văn hóa trầm hương Việt Nam thấm đượm bản sắc văn hóa Việt Nam. Về bản sắc văn hóa, nhà nghiên cứu Đỗ Thị Minh Thúy cho rằng: *“quan niệm thứ nhất coi bản sắc văn hóa là các giá trị văn hóa truyền thống của một chủ thể dân tộc đạt được trong lịch sử phát triển của mình; quan niệm thứ hai coi bản sắc văn hóa là kiểu quan hệ, bản sắc văn hóa dân tộc là tổng hòa các khuynh hướng cơ bản trong sáng tạo văn hóa của một dân tộc, vốn được hình thành trong mối liên hệ thường xuyên với điều kiện kinh tế, môi trường tự nhiên, các thể chế. Bản sắc văn hóa còn là mối liên hệ thường xuyên có định hướng của cái riêng trong văn hóa khu vực, văn hóa nhân loại”* [2, tr.39]. Nhà nghiên cứu Trần Ngọc Thêm cũng cho rằng *“bản sắc dân tộc là những giá trị đặc sắc cơ bản của dân tộc được lưu truyền trong lịch sử, là cái tinh hoa bền vững của nó”* [82, tr.186]. Để xác định được bản sắc văn hóa theo cấu trúc, nhà nghiên cứu Trần Ngọc Thêm cho rằng phải định vị đối tượng trong hệ tọa độ không gian, chủ thể, thời gian; định vị đối tượng trong hệ loại hình văn hóa; định tính phẩm chất trong các cặp đối lập; định lượng đối tượng trên thang giá trị,... Trong đó phương pháp định vị trên hệ tọa độ không gian, chủ thể, thời gian là phương pháp chính.

Về chủ thể của Văn hóa trầm hương Việt Nam thì hiện nay, chủ thể chính là người Việt Nam (trước đó là người Việt và người Việt gốc Chăm), nói tới trầm hương tốt nhất và nhiều nhất thế giới thì là nói đến Việt Nam. Thậm chí trong lịch sử phát triển của Văn hóa trầm hương Việt Nam, văn hóa này đã lan tỏa, phổ biến ra toàn cầu chứ không chỉ dừng lại ở phạm vi Việt Nam nữa. Như vậy, chủ thể sáng tạo của Văn hóa trầm hương chắc chắn là người Việt Nam nhưng chủ thể sử dụng, vận dụng, tiếp biến, làm cho phong phú hơn, đa dạng hơn không chỉ là người Việt Nam mà là nhiều dân tộc khác như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp, các quốc gia Trung Đông, Ấn Độ... Trong rất nhiều công trình nghiên cứu, sách, báo trên toàn cầu thì trầm hương Việt Nam luôn được đánh giá cao nhất và không thể thiếu khi nói về trầm hương, là văn

hóa độc đáo của người Việt không thể phủ nhận được nhưng không phải ai cũng biết.

Về không gian văn hóa của Văn hóa trầm hương Việt Nam thì không gian chính là trong lãnh thổ đất nước Việt Nam nhưng qua quá trình tiếp biến và giao lưu văn hóa, thì Văn hóa trầm hương Việt Nam không chỉ có không gian ở 1 vùng, 1 tỉnh, 1 quốc gia nữa mà đã lan rộng ra nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,...và cả các nước phương Tây như Mỹ, Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Italia,...thông qua buôn bán, giao thương, tiếp biến văn hóa. Không gian của Văn hóa trầm hương Việt Nam đã và đang phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu ở Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung, trong đó Việt Nam là một trong các trung tâm chính.

Về thời gian xuất hiện của Văn hóa trầm hương Việt Nam có nhiều dấu mốc như khoảng thế kỷ II TCN, những năm đầu công nguyên và thế kỷ II, cũng có thể sớm hơn hoặc muộn hơn một chút nhưng có lẽ không đáng kể. Nếu tính từ các mốc thời gian này thì Văn hóa trầm hương Việt Nam đã tồn tại cùng dòng chảy chung của văn hóa dân tộc khoảng 2.000 năm. 2.000 năm là con số lớn, thể hiện sự sâu sắc, lâu dài, không gián đoạn về mặt thời gian, thể hiện “trầm tích” văn hóa của trầm hương Việt Nam.

Văn hóa trầm hương Việt Nam hiện diện trong các thành tố cơ bản của văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng, trầm hương thể hiện tính giá trị và xuất hiện trong rất nhiều yếu tố như ngôn ngữ, tôn giáo, tín ngưỡng (rất rõ ràng và còn có yếu tố tín ngưỡng thờ Mẫu rất đặc trưng của người Việt), lễ hội (thể hiện rõ trong Lễ hội Tháp Bà Po Nagar ở Khánh Hòa), lịch sử (sự ra đời và phát triển của nghệ thuật Thương trầm), sinh kế (nghề tìm Trầm, trồng Trầm, chế tác Trầm, buôn bán Trầm,...), ăn (rượu Trầm, dưa Trầm), mặc (áo xông Trầm, ở (các vật dụng chế tác từ Trầm), đi lại (dùng hương Trầm để cầu sự may mắn), văn học (Truyện Kiều của Nguyễn Du, tiểu thuyết), nghệ thuật (nghệ thuật Múa Bóng), y học (thuốc chữa bệnh), kiến trúc (Tháp trầm hương tại tỉnh Khánh Hòa và những công trình liên quan tới văn

hóa trầm hương), giao lưu văn hóa (qua giao thương buôn bán, ngoại giao, hợp tác quốc tế),...

Như vậy, cần khẳng định rằng, trầm hương không chỉ có giá trị về mặt vật chất mà còn có giá trị về văn hóa tinh thần mà bao phủ bên ngoài trầm hương chính là Văn hóa trầm hương Việt Nam đáp ứng được tất cả những tiêu chí về văn hóa từ chủ thể, không gian, thời gian đến những thành tố văn hóa như: tôn giáo, tín ngưỡng, lịch sử, ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật, lễ hội, ẩm thực, y học, kiến trúc, điêu khắc... Văn hóa trầm hương Việt Nam thể hiện sự độc đáo, cuốn hút trong dòng chảy chung của văn hóa dân tộc.

Tuy nhiên, Văn hóa trầm hương vẫn còn tồn tại điểm yếu khách quan, đó là không có nhiều người hiểu biết về Văn hóa này và ứng xử với văn hóa này như một văn hóa tiêu biểu của người Việt. Bởi vì, họ chỉ để tâm tới giá trị vật chất (là sản vật quý, có giá rất cao trên thị trường) của trầm hương; họ quá xa lạ với trầm hương (trong thời kỳ bị cấm đoán) hoặc đã quá gần gũi (vai trò hương Trầm với người Việt) với trầm hương nên lãng quên câu chuyện văn hóa của Trầm. Nhưng những giá trị văn hóa của trầm hương đang được những nghiên cứu làm sáng tỏ, tính chất văn hóa phi vật thể của trầm hương là sở hữu chung của con người và đất nước Việt Nam, là một “bản sắc văn hóa” của Việt Nam cần được phát huy trong thế kỷ XXI.

4.2.2. Góp phần nâng cao vị thế của văn hóa Việt Nam trên thế giới

Sự không phù hợp về xóa bỏ quốc gia, dân tộc từ quan điểm của Anderson và Harrari xuất phát từ nhiều nguyên nhân trong đó xét đến cùng là do quan điểm về quốc gia dân tộc giữa phương Đông và phương Tây rất khác nhau. Bên cạnh đó, nhìn vào sự phát triển của Toàn cầu hóa và sự bành trướng của nước Mỹ trên nhiều lĩnh vực (kể cả văn hóa) thì học thuyết này rất phù hợp để tạo điều kiện cho các siêu cường can thiệp vào các quốc gia chưa mạnh bằng họ. Đây là quan điểm rất nguy hiểm cho các nước Á, Phi, Mỹ Latinh, tuy kinh tế, quân sự, văn hóa, xã hội chưa phát triển bằng những nước như Mỹ và phương Tây nhưng tinh thần dân tộc luôn luôn cháy bỏng. Ngay cả với Việt

Nam thì tinh thần dân tộc luôn luôn là trên hết và nuôi dưỡng tinh thần, là khát vọng xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường, độc lập, tự do, hạnh phúc.

Quyền lực mềm có thể được hiểu là sức mạnh của văn hóa, vậy nó có là quyền lực thật sự không hay chỉ là công cụ để thi hành quyền lực thì vẫn còn đang tranh cãi. Nhưng sức mạnh văn hóa này thực sự đã và đóng góp cho sức mạnh tổng lực của quốc gia thông qua các mối quan hệ biện chứng giữa các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và cả quân sự. Sức mạnh văn hóa này tồn tại cả bên trong quốc gia và lan tỏa ra bên ngoài quốc gia đó. Khi lan tỏa ra bên ngoài, nó mang tới sự hấp dẫn của quốc gia đó với các quốc gia khác. Cần hiểu “sự hấp dẫn” về văn hóa này không chỉ mang các quốc gia khác đến với ta (thể hiện qua ngoại giao, đầu tư, hợp tác quốc tế, du lịch,...) mà còn khiến ta được chào đón ở các quốc gia khác. Đó chính là khả năng thu hút, tạo ra uy tín và tăng cường vị thế của quốc gia một cách văn hóa, văn minh, có tính chất xây dựng, dễ tạo thiện cảm (thông qua các hoạt động mang tính chất hòa bình, không thông qua chiến tranh hay trừng phạt). Sự thu hút là rất phức tạp từ mức độ con người với con người cho đến quốc gia với quốc gia. Để tạo ra được sức hấp dẫn về văn hóa phải tìm ra những yếu tố riêng biệt, độc nhất vô nhị mà không đâu có được. Dẫn chứng về sự độc đáo của “sức mạnh mềm” của Mỹ đối với toàn thế giới như sau:

- “Mỹ thu hút số người nhập cư nước ngoài gấp gần sáu lần Đức.
- Mỹ là quốc gia hàng đầu vượt trội về xuất khẩu phim và các chương trình truyền hình.
- Trong số 1,6 triệu sinh viên trên thế giới du học nước ngoài có tới 28% nhập học ở các trường đại học Mỹ, so với 14% theo học ở Anh.
- Hơn 86.000 học giả nước ngoài làm việc ở các cơ sở giáo dục Mỹ vào năm 2002.
- Mỹ xuất bản nhiều sách hơn bất cứ quốc gia nào khác.
- Xếp số một về số giải Nobel vật lý, hóa học và kinh tế...” [42, tr.83]

Những thống kê ở trên của Joseph Nye khá đơn giản nhưng dễ hiểu về nguồn quyền lực mềm của Mỹ và biểu hiện của quyền lực mềm của Mỹ đối với bên ngoài. Những thống kê này đều có từ “nhất”, “số 1”, chính là nói tới sự “độc đáo” của văn hóa Mỹ. Như vậy chỉ cần tìm hiểu sơ qua về nước Mỹ, người ta đã có được những kết quả như vậy, thì nước Mỹ có thể có lợi thế “gây thiện cảm” đối với các quốc gia khác, các nền văn hóa khác khi tiếp xúc và mục đích cuối cùng là làm lợi cho bản thân nước Mỹ. Đối với nước Mỹ cũng chỉ là một phần của chính sách “cây gậy và củ cà rốt” mà thôi nhưng trong nghiên cứu văn hóa thì cũng là một lý thuyết đáng quan tâm của văn hóa ngoại giao và ngoại giao văn hóa.

Vậy đối với Việt Nam thì sao? Sức mạnh mềm Việt Nam - sức mạnh của văn hóa Việt Nam được thể hiện như thế nào? Do điều kiện lịch sử (trải qua nhiều cuộc chiến tranh, từng bị Bắc thuộc rồi giành được độc lập; rồi lại trở thành thuộc địa của Pháp, lại giành được độc lập; rồi lại chiến tranh chống Mỹ...) - địa lý (nằm trên tuyến đường giao thương lớn và tấp nập nhất trên thế giới...) mà Việt Nam chịu ảnh hưởng và tiếp biến nhiều yếu tố văn hóa từ bên ngoài. Trong lịch sử chúng ta chịu ảnh hưởng rất lớn từ văn hóa Trung Quốc, Ấn Độ (bắt đầu từ thời cổ đại), Pháp (bắt đầu từ thời cận đại), Nhật Bản, Mỹ, Liên Xô (bắt đầu từ thời hiện đại)... cho đến thế kỷ XXI với xu thế toàn cầu hóa, mở cửa thì Việt Nam tiếp tục bị ảnh hưởng của văn hóa của Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước Âu - Mỹ khác. Trong đó, Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc là có ảnh hưởng lớn nhất về văn hóa đối với nước ta trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, để tìm ra được nét văn hóa “thuần Việt” hoàn toàn chưa bao giờ đơn giản.

Trong nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998, “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Đảng đã đúc rút được một số bản sắc văn hóa cơ bản của người Việt Nam như sau: “*Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh*

dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hoá dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo.”. Những đúc kết về lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng,... của Nghị quyết số 03 là rất xác đáng. Tuy nhiên những giá trị văn hóa được nêu ra trong Nghị quyết vẫn là những giá trị văn hóa mang tính “tĩnh”, phù hợp với phát triển sức mạnh nội sinh của văn hóa đất nước, ai cũng hiểu được nhưng lại khó định lượng. Ở tầm vĩ mô những đường lối, chủ trương này của Đảng là rất đúng đắn, nhưng ở mức độ cụ thể hơn phải nghiên cứu để làm rõ hơn.

Những dẫn chứng của Joseph Nye về sức mạnh mềm của Mỹ rất dễ hiểu, vừa có thể định lượng và định tính. Đây cũng là điều chúng ta cần quan tâm và hướng đến, vì đó chính là công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo mà thế giới đang hướng tới. Điều này xảy ra không phải do nền văn hóa của chúng ta không hay, không đẹp như các quốc gia kia mà là do mức độ lan tỏa của văn hóa Việt Nam còn chưa bằng các quốc gia khác và công tác thống kê của chúng ta chưa hoàn thiện. Hiện nay, Việt Nam đã và đang cải thiện vấn đề này và đạt được những thành tựu lớn, đặc biệt là 08 Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới, 15 di sản được UNESCO ghi danh (bao gồm 13 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách đại diện của nhân loại và 02 di sản văn hóa phi vật thể trong danh sách cần bảo vệ khẩn cấp), 07 danh nhân được UNESCO đồng kỷ niệm UNESCO kỷ niệm ngày sinh, ngày mất (Hồ Chí Minh, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Chu Văn An...). Nhắc tới những di sản văn hóa như Hạ Long, Tràng An, dân ca quan họ, hát xoan, nhã nhạc cung đình, danh nhân văn hóa: Chủ tịch Hồ Chí Minh, đại thi hào Nguyễn Du,... là nói tới văn hóa Việt Nam, cũng là một phần sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam lan tỏa ra thế giới.

Văn hóa trầm hương Việt Nam thực sự có sức hút với nhân loại (đánh giá qua buôn bán giao thương, qua những hội thảo quốc tế, qua những sản

phẩm, sẽ bàn luận kĩ hơn ở phần sau) hơn nữa còn mang những yếu tố thuần Việt thực sự (về nguồn gốc, về chất lượng, về số lượng...) giống như một số nét văn hóa Việt Nam khá nổi bật gần đây như “bánh mì”, “áo dài”, “nước mắm”, “mắm tôm”, “rau muống”, “lúa gạo”,... Tuy nhiên nếu so sánh thì trầm hương ở một tầm mức cao hơn hẳn, dù đều là những sản vật thuần Việt nổi tiếng thế giới. Việt Nam khó có thể trở thành “Quốc gia của Hoa sen” (vì hoa sen gắn với Đạo Phật, không có nguồn gốc từ Việt Nam) được. Việt Nam cũng không thể trở thành “Quốc gia của Rau muống” hay “Quốc gia của Bánh mì” được, vì đây chỉ là cách nói ví von, cho dù thuần Việt nhưng chưa thể đại diện hình ảnh cho quốc gia Việt Nam được. Nhưng nếu Việt Nam là Quốc gia của trầm hương thì lại đáp ứng được rất nhiều yếu tố văn hóa, thuần Việt, linh thiêng và cao quý. Làm cho hình ảnh Việt Nam gắn với trầm hương là điều cần thiết phải làm ngay, trước khi vượt mất trầm hương vào “sở hữu” của một quốc gia khác.

Theo nghiên cứu thì sâm Ngọc Linh có hàm lượng saponin và các hợp chất hữu cơ tốt cho sức khỏe gấp nhiều lần sâm Hàn Quốc, tuy Việt Nam sở hữu loại sâm tốt nhất thế giới nhưng cũng không thể là Quốc gia của Nhân Sâm được vì tư duy sâm phải là Hàn Quốc, Triều Tiên đã in sâu trong trí óc của nhân loại, rất khó để thay đổi. Nhưng xét đến trầm hương thì, sức mạnh mềm Việt Nam trong thế kỷ XXI đã và đang được tăng cường thông qua Văn hóa trầm hương Việt Nam qua một số hoạt động tiêu biểu sau:

Tháng 10/2019, Liên minh lãnh đạo thế giới Club de Madrid - là một tổ chức phi Chính phủ được thành lập năm 2001, đã họp chính thức tại Madrid để bàn về vấn đề Chuyển đổi số với sự tham dự của 102 cựu nguyên thủ của 60 quốc gia trên toàn thế giới cùng hàng trăm học giả và doanh nhân tên tuổi toàn cầu. Đại diện duy nhất cho các doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam, Công ty trầm hương Khánh Hòa ATC đã tham dự diễn đàn với bài phát biểu đưa hình ảnh Việt Nam và những giá trị của Việt Nam gắn liền trầm hương Khánh Hòa đến với thế giới với nội dung: Việt Nam là một dân tộc ưa

chuộng hòa bình, có đầy đủ không gian, nhân lực, vật lực cùng những giá trị xứng tầm thế giới và sẵn sàng tham gia sân chơi toàn cầu và trong thời đại chuyển đổi số. Trí tuệ nhân tạo (AI) khác với con người ở chỗ chỉ là “khối óc không có trái tim”. Nhưng trí tuệ nhân tạo phải tạo dựng nên một tương lai nhân ái, hòa bình, vượt qua khác biệt và toan tính riêng cho toàn nhân loại. Cách tiếp cận đúng đắn với xã hội trí tuệ nhân tạo là: **cần phải kiến tạo trái tim và tâm hồn cho trí tuệ nhân tạo**. Trong đó, người Việt Nam, văn hóa Việt Nam sẽ góp phần tích cực xây dựng xã hội trí tuệ nhân tạo toàn cầu [138].

Tháng 3/2020, Diễn đàn Toàn cầu Boston - có trụ sở tại Massachusetts, Mỹ gồm tập hợp các nhà lãnh đạo tư tưởng và các chuyên gia trên toàn cầu, đã đăng tải nguyên văn thông điệp: “*Lễ dâng Trầm tôn vinh những nhà lãnh đạo thế giới trong kỷ nguyên xã hội trí tuệ nhân tạo*”[112]. Bài viết nói tới trầm hương Khánh Hòa là sản vật cao quý nhất từ những cánh rừng của Việt Nam là gỗ của các vị thần, là hương thơm của thiên đường mà từ xa xưa chỉ những bậc quyền quý đế vương, đức cao vọng trọng trên khắp thế giới mới có được. Trầm hương chứa nhiều giá trị như: làm thuốc chữa bệnh, chiết xuất ra tinh dầu để sản xuất các loại nước hoa hảo hạng có giá trị cao hơn cả vàng ròng, chế tác thành đồ trang sức quý giá. Kỳ nam từ Khánh Hòa - Việt Nam còn được coi là Quốc bảo ở nhiều quốc gia. Mỗi khi được đốt, làn khói và hương thơm của trầm hương khai thông trí tuệ, khởi nguồn những ý niệm thanh cao, hướng thiện trong tâm hồn con người, là phương tiện kết nối giữa con người, trời đất và các vị thần. Trong một số thước đo, nghệ thuật thưởng trầm (thưởng thức mùi hương) được đánh giá là đỉnh cao trong các loại hình nghệ thuật. Trầm hương đem tới xúc cảm cho cuộc sống thêm cao quý, nhân văn. Như vậy, trầm hương Khánh Hòa Việt Nam từ một sản vật tự nhiên đã trở thành biểu tượng kết nối Việt Nam với thế giới, kết nối niềm an lạc, ước nguyện hoà bình, thịnh vượng trong một thế giới hài hoà giữa các dân tộc. Sự kiện này tiếp tục đánh dấu một bước phát triển mới của trầm hương Khánh Hòa nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung, khi Nghệ thuật Thưởng trầm đã tác động mạnh mẽ đến trí

tuệ và tình cảm của những vĩ nhân đương thời của thế giới. Trầm hương Khánh Hòa đã xuất hiện và thực sự lan tỏa giá trị của văn hóa Việt tới tâm hồn các học giả hàng đầu thế giới.

Ngày 16/9/2020, đại diện cho Việt Nam, Công ty trầm hương Khánh Hòa - ATC tiếp tục tham gia diễn đàn chính sách trực tuyến với chủ đề “*Góc nhìn xuyên Đại Tây Dương về Quản trị Số - Khế ước mới về Xã hội Trí tuệ Nhân tạo*” dưới sự đồng chủ trì của Liên minh Lãnh đạo Thế giới - World Leadership Alliance Club de Madrid và Diễn đàn Toàn cầu Boston. Ngay trong phiên khai mạc, bài phát biểu với chủ đề “*Thông điệp từ Việt Nam - Quốc gia trầm hương*” được truyền hình trực tiếp trên nhiều kênh thông tấn quốc tế và được Đài Truyền hình Việt Nam VTV phát sóng trên chương trình Thời sự [8]. Bài phát biểu này gây ấn tượng mạnh mẽ đến công chúng trong nước và quốc tế. Trong bài phát biểu, đại diện của Công ty trầm hương Khánh Hòa - ATC thay mặt cho ngành kinh tế trầm hương đang phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam hiện nay đã đề cập tới sự quý giá, được trân trọng của trầm hương trên khắp thế giới, những giá trị văn hóa không thể thay thế của trầm hương đối với toàn nhân loại. Trầm hương Khánh Hòa là “*hương thơm Việt Nam - linh thiêng cao quý - kết nối yêu thương*” xứng đáng là hình ảnh đại diện cho đất nước và con người Việt Nam trong thế kỷ XXI. Bài phát biểu toàn văn được đăng tải nguyên văn trên báo chí chính thống tại Việt Nam như Tiền Phong, Thanh Niên, VTV, Báo Chính phủ, VOV, Vietnamnet,... Nhờ có thông điệp Việt Nam - Quốc gia trầm hương, người Việt Nam trên toàn thế giới đều tự hào với những di sản quý giá của cha ông nói chung và ngành trầm hương Việt Nam nói riêng.

Công ty trầm hương Khánh Hòa - ATC hay bất kỳ một tổ chức, cá nhân nào đều không thể thay thế cho toàn ngành trầm hương hay Văn hóa trầm hương của người Việt nhưng đây là Công ty đã và đang đi đầu về phát triển ngành trầm hương Việt Nam theo tư duy mới, tận dụng sự kết tinh từ Văn hóa trầm hương của dân tộc. Đây là công ty đang tham gia dẫn dắt thị trường trầm hương Việt Nam và Quốc tế, nhận được sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Chính phủ.

Tiểu kết chương 4

Để Văn hóa trầm hương Việt Nam phát triển bền vững không phải là câu chuyện riêng của ngành quản lý văn hóa. Đối với ngành văn hóa học cũng cần phải được bàn luận dựa trên những cơ sở khoa học cụ thể. Bàn luận về Văn hóa trầm hương Việt Nam, dựa trên thực tiễn của cuộc sống để nêu ra những gợi ý cho sự phát triển bền vững của Văn hóa trầm hương Việt Nam.

Bối cảnh thế giới tính đến năm 2023 có những biến đổi phức tạp, chủ nghĩa toàn cầu với xu thế toàn cầu hóa đang có dấu hiệu chậm lại với những mâu thuẫn, xung đột ở tầm quốc tế. Tình trạng phân cực ngày càng rõ rệt. Tuy nhiên xét cho tới cùng thì lợi ích của từng quốc gia, dân tộc vẫn là mục tiêu cao cả, xuyên suốt. Trong giai đoạn toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, nhiều lý thuyết nhằm xóa bỏ ranh giới về quốc gia, dân tộc hoặc xem nhẹ ý thức về quốc gia, dân tộc ra đời và được truyền bá khá rộng rãi. Những lý thuyết, lý luận này thường ra đời từ các cường quốc Âu - Mỹ mà Việt Nam chúng ta cần đánh giá lại là có mục đích gì? Bởi vì rất có thể những lý luận này tạo điều kiện thuận lợi hơn, dễ dàng hơn cho các cường quốc can thiệp vào các nước khác.

Ta có thể hiểu “quyền lực mềm” chính là “quyền lực về văn hóa” với những tiêu chí hiện đại và dựa trên số liệu thống kê chính xác. Vận dụng lý thuyết “quyền lực mềm” hợp lý không chỉ thống kê, định lượng được sự phát triển về văn hóa nói chung trong nội tại của đất nước, mà còn đánh giá được tầm ảnh hưởng của văn hóa nước nhà ra thế giới. Việc đánh giá, thống kê chính xác có thể giúp văn hóa nói chung và ngành văn hóa nói riêng đóng góp được nhiều hơn nữa cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Vấn đề xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam vì sự phát triển bền vững của Đất nước được cả hệ thống chính trị quan tâm sâu sắc. Vì văn hóa còn thì đất nước trường tồn mãi mãi. Trong xây dựng và phát triển văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh của đất nước (sức mạnh nội tại). Bên cạnh đó, cũng cần phải chú ý tới lan tỏa văn hóa Việt Nam ra thế giới để tăng cường sức

ạnh tổng lực của Việt Nam theo những thang đo về “sức mạnh mềm” của Thế giới. Rõ ràng tầm ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam chưa đạt được nhiều kỳ vọng, chưa thể so sánh được với Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan và nhiều quốc gia khác.

Văn hóa trầm hương Việt Nam có những tiềm năng để phát triển, có thể cùng đất nước, con người Việt Nam trở nên có sức hấp dẫn, được tôn trọng trên thế giới. Văn hóa trầm hương Việt Nam mang trong nó bản sắc dân tộc của người Việt Nam mà không đâu có được. Bản thân trầm hương cũng có sức hấp dẫn lớn trên thế giới. Để Văn hóa trầm hương Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ, trở thành “hấp lực” đối với quốc tế trong thời gian tới cần có những biện pháp tích cực để phát triển bền vững Văn hóa trầm hương nói chung và ngành Trầm nói riêng gồm: thay đổi tư duy về Văn hóa trầm hương, tăng cường quảng bá về trầm hương Việt Nam, phát triển công nghiệp văn hóa gắn với trầm hương, tăng cường nghiên cứu và đổi mới sản phẩm, tăng cường giáo dục về giá trị của trầm hương với người Việt, bảo tồn các giá trị truyền thống của trầm hương...

Một vấn đề quan trọng cần đặt ra cho sự phát triển của Văn hóa trầm hương Việt Nam là cần phải có một không gian xứng tầm cho văn hóa này, là nơi tập trung tất cả những tinh hoa về trầm hương Việt Nam. Đây là điều kiện rất cần thiết cho sự phát triển và khai thác hết tiềm năng của Văn hóa trầm hương Việt Nam trong tương lai.

KẾT LUẬN

Các nghiên cứu khoa học về văn hóa, lịch sử, địa lý, sinh học, y dược học, kinh tế học, nông lâm nghiệp... cả ở Việt Nam và trên thế giới trong nhiều năm qua đều có đề cập tới, nhắc tới trầm hương nói chung và trầm hương Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, chưa có một công trình nghiên cứu nào dành riêng cho trầm hương xét trên khía cạnh văn hóa. Từ góc độ của nghiên cứu văn hóa đối với đối tượng là Văn hóa trầm hương Việt Nam cần có những tổng hợp đầy đủ nhất về các tri thức liên ngành liên quan đến trầm hương để làm rõ tính nhân sinh (đặc tính quan trọng nhất của văn hóa) tức là mối quan hệ giữa con người và trầm hương. Nghiên cứu về Văn hóa trầm hương Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế có ý nghĩa khoa học, thực tiễn và thời sự, làm rõ một văn hóa đặc sắc, thuần Việt vừa mới mẻ, vừa truyền thống; đóng góp cho dòng chảy văn hóa chung của đất nước.

Văn hóa trầm hương Việt Nam hình thành và phát triển từ hàng ngàn năm nay trên cơ sở những điều kiện tự nhiên và điều kiện lịch sử - xã hội Việt Nam. Văn hóa trầm hương mang trong mình đầy đủ các đặc trưng của một thực thể văn hóa là tính nhân sinh, tính giá trị, tính hệ thống và tính lịch sử; cũng như có thể được nhìn nhận thông qua hệ trục tọa độ không gian, thời gian và chủ thể của văn hóa. Là xứ sở của trầm hương và Văn hóa trầm hương nhưng do nhiều nguyên nhân nên trầm hương và Văn hóa trầm hương Việt Nam chưa là đối tượng nghiên cứu riêng trong các ngành khoa học xã hội nói chung và ngành văn hóa nói riêng. Vì vậy, những hiểu biết về trầm hương và Văn hóa trầm hương Việt Nam còn tản mạn, phiến diện và thiếu hệ thống.

Qua nghiên cứu về cơ sở của Văn hóa trầm hương Việt Nam thông qua hệ trục tọa độ (không gian, thời gian, chủ thể) không chỉ xác định vững chắc nền tảng của văn hóa này, mà còn giải quyết những vấn đề thường được cho là tế nhị, có liên quan đến nội dung nghiên cứu, một cách khoa học như: quá trình hòa hợp dân tộc Việt - Chăm để trở thành người Việt Nam như hiện nay, quá trình Nam tiến của người Việt, chủ thể của Văn hóa trầm hương Việt Nam là ai?...

Để làm rõ hơn về Văn hóa trầm hương Việt Nam cần phải tìm ra mối liên kết giữa con người Việt Nam, trầm hương và những thành tố văn hóa khác. Quả thực trầm hương có vai trò quan trọng trong các thành tố văn hóa khác của người Việt như đời sống lao động sản xuất, đời sống sinh hoạt, đời sống tâm linh, đời sống nghệ thuật và thể hiện trong: sản xuất, kinh doanh, tôn giáo tín ngưỡng, thủ công mỹ nghệ, lễ hội, sinh kế, ẩm thực, y dược, ngoại giao văn hóa,... Từ đó có thể “nhận diện” được Văn hóa trầm hương một cách đơn giản hơn, dễ dàng hơn. Những tư liệu của nước ngoài đánh giá, nhận xét về trầm hương Việt Nam cũng cho thấy rõ ràng những giá trị lớn cả về vật chất lẫn tinh thần của trầm hương từ trước đến nay và mang tính trung thực, khách quan. Không những vậy, qua nghiên cứu còn làm rõ được Văn hóa trầm hương có tính phổ quát không chỉ ở Việt Nam (Việt Nam là một trung tâm trầm hương toàn cầu) mà còn trên khắp thế giới.

Văn hóa trầm hương Việt Nam có rất nhiều giá trị và tiềm năng để phát triển trong thế kỷ XXI. Đặc biệt là “bản sắc văn hóa Việt Nam” hàm chứa bên trong nó sức hấp dẫn, danh tiếng từ nhiều thế kỷ, đặc biệt là rất khó để thay thế được trên phạm vi thế giới. Văn hóa trầm hương Việt Nam có tính dân tộc, lại có đủ điều kiện để lan tỏa ra toàn cầu, góp phần vào việc xây dựng và phát triển “sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam” trong thời kỳ mới. Tuy nhiên để phát triển Văn hóa trầm hương Việt Nam đạt được hiệu quả cao nhất cần có một chiến lược cụ thể được Đảng và Nhà nước quan tâm để giải quyết những vấn đề như: chiến lược phát triển ngành trầm hương, xây dựng không gian Văn hóa trầm hương, nghiên cứu các công dụng của trầm hương,... Nếu được vận dụng tốt, Văn hóa trầm hương Việt Nam chắc chắn sẽ góp phần xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và được nể trọng trên Thế giới.

Trong tương lai tới đây, để Văn hóa trầm hương Việt Nam có điều kiện phát triển và lan tỏa không là công việc của riêng ai, mà cần có sự chung tay ủng hộ của nhân dân Việt Nam. Chúng ta cần phải hạn chế những tiêu cực của ngành trầm hương hiện nay (như tệ buôn gian bán lận, hàng giả hàng

nhái, mê tín dị đoan...), phát huy mặt tích cực (đảm bảo về chất lượng và số lượng hàng đầu thế giới, gắn với truyền thống tốt đẹp của người Việt...). Đồng thời cần đổi mới các sản phẩm hướng tới tiêu dùng, hạ giá thành sản phẩm dựa trên khoa học công nghệ, mở rộng thị trường tới toàn cầu nói chung và nội địa nói riêng. Văn hóa trầm hương Việt Nam cần phải có những hình thức “sở hữu” mang tính quốc gia sớm nhất có thể trước khi bị đe dọa bởi các vấn đề cạnh tranh trên thế giới. Trước mắt cần phải có những phương pháp bảo vệ thương hiệu trên toàn cầu và ghi danh là di sản văn hóa cấp quốc gia, xa hơn nữa là trở thành di sản văn hóa đại diện của nhân loại.

Qua những vấn đề được đề cập trong luận án, có thể hình dung được Văn hóa trầm hương Việt Nam thông qua các dữ liệu lịch sử, văn hóa, hình ảnh...Tuy nhiên, với những người nghiên cứu về trầm hương, hoạt động trong ngành trầm hương và rất nhiều người Việt Nam và trên thế giới muốn tìm hiểu về trầm hương, kỳ nam, đều mong muốn có một không gian văn hóa xứng tầm, mang đẳng cấp cao trên thế giới dành riêng cho Văn hóa trầm hương Việt Nam.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Duy Thái (2020), “Đặc sắc văn hóa của trầm hương Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 9.
2. Đặng Thị Tuyết, Nguyễn Duy Thái (2022), “Xây dựng văn hóa thương hiệu - Từ lý thuyết đến thực tiễn”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 7.
3. Nguyễn Duy Thái (2022), “Hợp tác quốc tế về văn hóa ở Việt Nam nhìn từ quan hệ hợp tác Việt Nam - UNESCO”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 11.
4. Nguyễn Duy Thái (2023), “Cơ sở của Văn hóa trầm hương Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 8.
5. Nguyễn Duy Thái (2023), “trầm hương trong tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 9.
6. Nguyễn Duy Thái (2023), “Cultural characteristics of Vietnam’s Agarwood”, *Tạp chí International Journal of Arts Humanities and Social Sciences Studies (IAHSSS)* (có công bố online), số 6.
7. Nguyễn Duy Thái (2023), “Tri thức văn hóa về trầm hương, Kỳ nam của người Việt”, *Tạp chí Văn hóa học*, số 5.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Dương Văn An (2009), *Ô Châu cận lục*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
2. Huỳnh Công Bá (2018), *Cội nguồn và bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế.
3. Huỳnh Công Bá (2019), *Đặc trưng và sắc thái văn hóa Vùng - Tiểu vùng ở Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế.
4. Nguyễn Tường Bách (2003), *Mùi trầm hương*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Bogaturov Aleksey Demofenovich, Averkov Viktor Viktorovich (2013), *Lịch sử quan hệ quốc tế*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. Lý Tranh Bình (2012), *Rượu Trung Quốc*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Phan Kế Bính (2020), *Việt Nam phong tục*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
8. Vũ Dương Châu (2022), *Phát huy giá trị của tri thức dân gian các dân tộc trong phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*, Trang điện tử Tạp chí Mặt trận.
9. Trương Huy Chinh (2017), *Văn hóa lúa nước sông Lam*, Nxb Nghệ An, Nghệ An.
10. Nguyễn Duy Chính (2016), *Đàng Trong thời Chúa Nguyễn*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
11. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
12. Vũ Văn Chuyên (1976), *Tóm tắt đặc điểm các họ cây thuốc*, Nxb Y học, Hà Nội.
13. Cristoforo Borri (1998), *Xứ Đàng trong năm 1621*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Tp Hồ Chí Minh.
14. Huỳnh Quang Cường (2004), *trầm hương khảo luận*, Nxb Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. D.G.E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. David Christian (2016), *Thế giới một thoáng này*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
17. David M Rohl (2008), *Nguồn gốc văn minh nhân loại*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
18. Ngô Văn Doanh (2006), *Cây trầm hương, xù trầm hương và nữ thần Po Nagar*, *Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6/2006.
19. Ngô Văn Doanh (2009), *Tháp bà Thiên Y Ana - hành trình của một nữ thần*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Nguyễn Du (2018), *Truyện Kiều*, Nxb Văn học, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện hội nghị 9*, Hà Nội.
22. Đảng cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Laura C. Martin (2020), *Lịch sử của Trà*, Nxb Dân trí, Hà Nội
24. Lê Quý Đôn (1973), *Phủ biên tạp lục*, Phủ Quốc vụ Khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn.
25. Lê Quý Đôn (1977), *Toàn tập*, Tập 1, Phủ biên tạp lục, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
26. Lê Quý Đôn (2006), *Vân đài loại ngữ*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
27. Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
28. Lê Quý Đôn (2007), *Kiến văn tiểu lục*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
29. Trần Quang Đức (2021), *Ngàn năm áo mũ*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
30. Châu Hải Đường (2018), *An Nam truyện - Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
31. E.H. Gombrich (2019), *Lược sử Thế giới*, Nxb Hồng Đức, Thanh Hóa.
32. G.E. Sodes (2011), *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
33. Phan Thanh Giản, *Bia đá dựng tại Tháp bà Po Nagar*, Nha Trang, Khánh Hòa.

34. George Dutton (2019), *Cuộc nổi dậy của nhà Tây Sơn*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
35. Nguyễn Hạnh (2019), *Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
36. Nguyễn Hiền, Võ Văn Chi (1991), *trâm hương*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Thành phố Hồ Chí Minh.
37. Nguyễn Duy Hinh (2010), *Người Chăm xưa và nay*, Nxb Từ điển Bách khoa và Viện Văn hóa, Hà Nội.
38. Nguyễn Văn Huyền (2017), *Hội hè lễ tết của người Việt*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
39. Nguyễn Văn Huyền (2020), *Văn minh Việt Nam*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
40. Lê Văn Hưu (chủ biên) (2010), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
41. John Barrow (2018), *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà 1792 - 1793*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
42. Joseph S. Nye (2017), *Quyền lực mềm*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
43. Joseph S. Nye (2017), *Tương lai của quyền lực*, Nxb Lao động, Hà Nội.
44. Kazuzo Okakura (2009), *Trà thư*, Nxb Văn học, Hà Nội.
45. Hán Văn Khẩn (2008), *Cơ sở khảo cổ học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
46. Thái Văn Kiểm (1960), *Đất Việt trời nam*, Nxb Văn khoa, Sài Gòn.
47. Li Tana (2013), *Xứ Đàng trong, lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 - 18*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
48. Vũ Ngọc Lộ (1977), *Những cây tinh dầu quý*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
49. Đỗ Tất Lợi (2006), *Những cây thuốc và vị thuốc ở Việt Nam*, Nxb Y học, Hà Nội.
50. Phương Lý Lợi (2013), *Gốm sứ Trung Quốc*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

51. Thái Thành Lượm (2013), *trâm hương và tinh dầu dó bầu ở Phú Quốc*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Thành phố Hồ Chí Minh.
52. Nguyễn Minh Mẫn (2020), *Cảng thị ở Đông Nam Á với con đường Tơ lụa trên biển (thế kỷ I - XVIII)*, Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
53. Vu Minh (2013), *Ngọc khí Trung Quốc*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
54. Momoki Shiro (1999), *Champa chỉ là một thế chế biển?*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á số 4 (37).
55. Hoàng Khắc Nam (2018), *Nhập môn Quan hệ quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
56. Nghị định: Quy định chi tiết luật thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện, Số 59/2006/NĐ-CP.
57. Phan Đức Nghiệm (2011), *Kỹ thuật trồng cây Dó Trâm*, Nxb Nghệ An, Nghệ An.
58. Nhiều tác giả (2011), *Bộ sách Nhân văn Trung Quốc*, 28 cuốn, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
59. Nhiều tác giả (2011), *Cây Dó bầu và trâm hương*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Thành phố Hồ Chí Minh.
60. Lương Ninh (2006), *Vương quốc Champa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
61. Niall Ferguson (2021), *Văn minh phương Tây và phần còn lại của Thế giới*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
62. Olga Dror, K.W.Taylor (2020), *Việt Nam thế kỷ XVII, những góc nhìn từ bên ngoài*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
63. Peter Frankopan (2019), *Những con đường Tơ lụa*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
64. Chu Khứ Phi (2017), *Lĩnh ngoại đại đáp*, Bản ebook, Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội.

65. Lê Đình Phụng (2019), *Đối thoại với nền văn minh cổ Champa*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
66. Chu Đạt Quan (2011), *Chân Lạp phong thổ ký*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
67. Minh Quang (2011), *Ai Cập sinh tử kỳ thư*, Nxb Hồng Đức, Thanh Hóa.
68. Quốc sử quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 3, Nxb Thuận hóa, Thừa Thiên Huế.
69. Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế.
70. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
71. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007) *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
72. Sakaya (2010), *Văn hóa Chăm nghiên cứu và phê bình*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
73. Samuel Barron (2019), *Mô tả vương quốc Đàng Ngoài*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
74. Samuel Hungtinton (2003), *Sự va chạm của các nền văn minh*, Nxb Lao động, Hà Nội.
75. Nguyễn Văn Siêu (2001), *Phương Đình dư địa chí*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
76. Lê Tắc (1961), *An Nam chí lược*, Viện Đại học Huế, Thừa Thiên Huế.
77. Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm (1975), *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
78. Quách Tấn (1969), *Xứ trầm hương*, Nxb Lá Bối, Sài Gòn
79. Lê Bá Thảo (2003), *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
80. Nguyễn Huy Thắng (2010), *Nguyễn Hữu Đang trang viết, trang đời*, Lưu hành nội bộ.
81. Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

82. Trần Ngọc Thêm (2014), *Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
83. Lương Đức Thiệp (2016), *Xã hội Việt Nam từ sơ sử đến cận đại*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
84. Lương Thị Thoa (2015), *Tín ngưỡng Thờ cúng tổ tiên ở một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Nguyễn Nhân Thống (2002), *Kỳ nam ở Khánh Hòa*, Tạp chí Dân tộc và Thời đại, số 28.
86. Hà Văn Thùy (2016), *Góp phần nhận thức lại lịch sử văn hóa Việt*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
87. Lương Duy Thứ (chủ biên) (1996), *Đại cương văn hóa phương Đông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
88. Phan Cẩm Thượng (2018), *Văn minh Vật chất của người Việt*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
89. *Thông báo văn hóa dân gian 2006* (2007), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
90. Lê Hữu Trác (1961), *Hải Thượng y tông tâm lĩnh*, Nxb Khai Trí, Sài Gòn.
91. Nguyễn Thị Kiều Trang (2016), *Về quan hệ sách phong triều cống Minh - Đại Việt*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
92. Vũ Từ Trang (2020), *Nghề cổ nước Việt*, Nxb Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.
93. Nguyễn Trí (2013), *Bãi vàng, đá quý, trầm hương*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
94. Lý Tùng (2013), *Đồ đồng Trung Quốc*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
95. Nguyễn Đình Tư (2003), *Non nước Khánh Hòa*, Nxb Thanh niên, Thành phố Hồ Chí Minh.
96. Tư liệu hợp tác của Công ty trầm hương Khánh Hòa và Công ty Humancel Hàn Quốc, lưu trữ tại trụ sở công ty trầm hương Khánh Hòa, số 51C, đường Lý Tự Trọng, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

97. Thanh Hòa Từ - Quế Hiền Từ (2021), *Hội Chân biên*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
98. Nguyễn Văn Tường, Trần Ngọc Dũng, Nguyễn Duy Thái (2018), *Sự du nhập của trầm hương đến Nhật Bản thời kỳ trung đại*, Tạp chí phương Đông, Hà Nội.
99. Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Duy Thái (2022), *trầm hương Khánh Hòa lan tỏa quốc tế, góp phần khẳng định bản sắc dân tộc*, Kỷ yếu Hội thảo Phát huy giá trị văn hóa tâm linh tỉnh Khánh Hòa trong hợp tác với Ấn Độ, Khánh Hòa.
100. UBND tỉnh Khánh Hòa, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2014), *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu - Biên soạn địa chỉ Khánh Hòa đến năm 2010*, Khánh Hòa.
101. Đào Tố Uyên (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, Tập 2, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
102. Lý Tế Xuyên (1961), *Việt điện u linh tập*, Nxb Khai Trí, Sài Gòn.
103. Trần Quốc Vượng (chủ biên) (1996), *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
104. Trần Quốc Vượng (chủ biên) (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
105. William J. Bernstein (2015), *Lịch sử Giao thương - Thương mại định hình thế giới như thế nào?*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
106. Yuval Noah Harari (2020), *Sapients lược sử loài người*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

*** Tài liệu tiếng nước ngoài**

107. A. Brièrre (1889), *Notes sur les Moïes du Binh Thuan et du Khanh Hoa (Ghi chép về người Mọi từ Bình Thuận tới Khánh Hòa)*, Nxb Imprimerie Typo-Lithographique F-H Schneider, Hanoi.
108. Amiet (1980), *Art of the Ancient Near East* (New York: Abrams), no. 516.

109. Arlene Lopez Sampson, Tony Page (2018), “*History of Use and Trade of Agarwood*” (Lịch sử sử dụng và buôn bán trầm hương), Tạp chí Economic Botany.
110. Barbara Horejs, Christoph Schwall, Vera Müller (biên tập) (2017), *Proceedings of the 10th International Congress on the Archaeology of the Ancient Near East*” (Tiến tới Đại hội quốc tế lần thứ 10 về Khảo cổ học vùng Cận đông), Published by: Harrassowitz Verlag.
111. Benedict Anderson (2006), *Imagined communities (Những cộng đồng tưởng tượng)*, Verso books, United Kingdom.
112. Boston Global Forum (2019), *Tram huong agarwood-offering ceremony honoring the world leader in the artificial intelligence world society*, <https://bostonglobalforum.org/initiative/aiws-and-the-age-of-global-enlightenment/tram-huong-agarwood-offering-ceremony-honoring-the-world-leader-in-the-artificial-intelligence-world-society/>.
113. D.J. McKenna & K. Hughes (2014), *The incense bible: Plant scents that transcend world culture, medicine, and spirituality* (New York).
114. De Gruyter (2011), *On stone and scroll*, Printing: Hubert & Co. GmbH & Co. KG, Göttingen, Germany, Đức.
115. G.A. Persoon (2008), *Agarwood: the life of a wounded tree*, Journal of Ethno - Ecology, IIAS, Leiden, Hà Lan.
116. Ikuo Saiki, Nguyen Trung Nhan (2003), *A survey on Agarwood in Vietnam*, Journal of traditional medicines, 20(3).
117. J.A.C. Greppin (1988), *The various aloes in ancient times*, The Journal of Indo-European Studies, 16, pp. 33-48.
118. J.P. Rhind (2014), *Fragrance and wellbeing: Plant aromatics and their influence on the psyche*.
119. James Compton, Akiko Ishihara (2004), *The Use and Trade of Agarwood in Japan*, TRAFFIC Southeast Asia.

120. James McHugh (2012), *The Disputed Civets and the Complexion of the God: Secretions and History in India*”(Sự phức tạp của các vị thần: Bí mật và lịch sử ở Ấn Độ), Tạp chí Journal of the American Oriental Society, Vol. 132, No. 2 (April-June 2012).
121. Joannis de Loureiro (1788), *Flora cochinchinensis: sistens plantas in regno Cocinchina nascentes*, tomus I.
122. John Murray (1903), *The Book of Ser Marco Polo (Cuốn sách của ngài Marco Polo)*, Nxb Henry Yule, London, Anh quốc.
123. M. O'Dwyer Shea (1983), *The Small Cuboid Incense-Burner of the Ancient Near East, Levant* 15: 76-109.
124. Marcel Westerlund (2015), *Hatshepsut*, Mid-Atlantic Wellness Institute
125. Ng L.T., Chang Y.S. & Kadir A.A. (1997), *A review on agar (gaharu) producing Aquilaria species*, Journal of Tropical Forest Products 2(2).
126. Nigel Groom (1981), *Frankincense and Myrrh: A Study of the Arabian Incense Trade*, (Hương trầm và Nhựa thơm: Nghiên cứu về Con đường Hương liệu ở Arab), London and New York, Longman; Beirut, Li Băng
127. Okura Sadao (1989), *Shuinsen jidai no Nihonjin*, Chuo Koron Shinsho, Tokyo, Nhật Bản.
128. Pires (1944), *The suma oriental of Tome Pires: An account of the East, from the Red Sea to China*, written in Malacca and India in 1512-1515.
129. Pliny the Elder (I BC), *The Natural History* chap 32.
130. R.N. Iyengar (2003), *Internal consistency of eclipses and planetary positions in Mahabharata*, Indian Journal of History of Science 38(2).
131. Ridesti Rindyastuti (2019), *Population and ecological study of agarwood producing tree (Gyrinops versteegii) in Manggarai District, Flores Island, Indonesia*”(Nghiên cứu quần thể và sinh thái của cây sản xuất trầm hương (Gyrinops versteegii), Tạp chí BIODIVERSITAS ISSN: 1412-033X, số 4/2019.
132. Sahih al-Bukhari 3327, Book 60, Hadith 2; USC-MSA English reference Vol. 4, Book 55, Hadith 544.

133. Từ điển Longman, <https://www.ldoceonline.com/dictionary/culture>
134. Từ điển Oxford https://www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/american_english/culture_1#:~:text=%2F%CB%88k%CA%8Clt%CA%83%C9%99r%2F,%2FAfrican%2FAmerican%2C%20etc.
135. Dinh Thi Thu Thuy, Tran Thi Tuyen, Tran Thi Thu Thuy (2019), *Isolation Process and Compound Identification of Agarwood Essential Oils from Aquilaria crassna Cultivated at Three Different Locations in Vietnam*, MDPI.

*** Tài liệu từ Internet**

136. Phan Anh (2021), *WHO: Số người hút thuốc lá trên toàn thế giới có xu hướng giảm*, Báo điện tử Vietnamplus, <https://www.vietnamplus.vn/who-so-nguoi-hut-thuoc-la-tren-toan-the-gioi-co-xu-huong-giam/754305.vnp>
137. Báo Dân trí (2019), *Tỷ lệ hút thuốc lá của nam giới Việt Nam đang có xu hướng giảm*, Báo Dân trí <https://dantri.com.vn/suc-khoe/ty-le-hut-thuoc-la-cua-nam-gioi-viet-nam-dang-co-xu-huong-giam-20190603134605748.htm>.
138. Báo Nhân Dân (2019), *Để sản phẩm trầm hương Khánh Hòa tự tin vươn ra thế giới*, Trang điện tử của báo Nhân Dân <https://nhandan.com.vn/thong-tin-doanh-nghiep/de-san-pham-tram-huong-khanh-hoa-tu-tin-vuon-ra-the-gioi-374833>.
139. Báo điện tử VTV (2021), *trầm hương Khánh Hòa là đại diện của Việt Nam tại Diễn đàn Liên minh lãnh đạo Thế giới*, <https://vtv.vn/xa-hoi/tram-huong-khanh-hoa-la-dai-dien-cua-viet-nam-tai-dien-dan-lien-minh-lanh-dao-the-gioi-20200917174308206.htm>.
140. Phạm Minh Chính (2023), *Phát biểu tại Lễ kỷ niệm 370 năm xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa*, Báo điện tử Chính phủ, <https://baochinhphu.vn/phan-bieu-cua-thu-tuong-phanh-minh-chinh-tai-le-ky-niem-370-nam-xay-dung-va-phan-trien-tinh-khanh-hoa-102230402082445094.htm>.

141. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Toàn văn Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, <https://dangcongsan.vn/tu-lieu-tham-khao-cuoc-thi-trac-nghiem-tim-hieu-90-nam-lich-su-ve-vang-cua-dang-cong-san-viet-nam/tu-lieu-cuoc-thi/cuong-linh-xay-dung-dat-nuoc-trong-thoi-ky-qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi-nam-1991-543533.html>
142. Nguyễn Thanh Điệp (2019), *Bốn thân cung nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam*, Báo điện tử Dân Việt, <https://danviet.vn/bon-cay-than-cung-noi-tieng-trong-lich-su-viet-nam-7777982807.htm>
143. Văn Giang (2023), *Vạn Ninh: Xây dựng điểm du lịch làng nghề xoi Trầm*, Báo Tin tức Khánh Hòa, <https://www.tintuckhanhhoa.com/Du-lich/van-ninh-xay-dung-diem-du-lich-lang-nghe-xoi-tram-11673.html>
144. Song Hy (2018), *Australia: Sét đánh không chết còn xuất hiện siêu năng lực*, Báo điện tử VTC, <https://vtc.vn/australia-set-danh-khong-chet-con-xuat-hien-sieu-nang-luc-ar430455.html>
145. Thủy Nguyên (2017), *100 chiếc quạt trầm hương dành tặng quan chức cao cấp APEC 2017*, Báo điện tử Dân trí, <https://dantri.com.vn/xa-hoi/100-chiec-quat-tram-huong-danh-tang-quan-chuc-cao-cap-apec-2017-20170215154536088.htm>
146. Trinh Nguyễn (2023), *Bảo vật quốc gia: Lư hương gốm hoa lam đánh dấu thời kỳ xuất khẩu gốm sứ*, Báo Thanh Niên, <https://thanhnien.vn/bao-vat-quoc-gia-lu-huong-gom-hoa-lam-danh-dau-thoi-ky-xuat-khau-gom-su-185230218212634613.htm>
147. Tổ chức Sinh vật quốc tế, *Agarwood market demand (Nhu cầu trầm hương trên thị trường)*, <https://www.plantationsinternational.com/agarwood-market-demand/>
148. Thanh Tịnh (1943), *Truyện ngắn Ngâm ngải tìm Trầm*, Báo điện tử Vnexpress, <https://vnexpress.net/ngam-ngai-tim-tram-thanh-tinh-2754652.html>

149. Khánh Trần (2019), *Vì sao Hong Kong được gọi là xứ Cảng thơm*, báo điện tử Vnexpress, <https://vnexpress.net/vi-sao-hong-kong-duoc-goi-la-xu-cang-thom-3959089.html>
150. Trang web tra cứu mã số thuế, <https://masothue.com/Search/?q=tr%E1%BA%A7m+h%C6%B0%C6%A1ng&type=auto&token=RgJFBHCauA&force-search=1>
151. Nguyễn Văn Tường (2020), *trâm hương Khánh Hòa: Gửi thông điệp 'Việt Nam-Quốc gia trâm hương' tới Diễn đàn Liên minh lãnh đạo Thế giới*, Báo Tiền Phong điện tử, ngày 17/09/2020, <https://tienphong.vn/gui-thong-diep-viet-nam-quoc-gia-tram-huong-toi-dien-dan-lien-minh-lanh-dao-the-gioi-post1275142.amp>
152. Nguyễn Văn Tường (2021), *Bí quyết tạo Trâm thuận theo tự nhiên của trâm hương Khánh Hòa*, Báo điện tử Đài Tiếng nói Việt Nam - VOV, <https://vov.gov.vn/bi-quyet-tao-tram-thuan-theo-tu-nhien-cua-tram-huong-khanh-hoa-dtnew-237890>

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

TRẦM HƯƠNG TRONG CÁC TÔN GIÁO LỚN TRÊN THẾ GIỚI

Người viết: Nguyễn Duy Thái

Trong Kinh thánh chung (gồm cả Cựu ước và Tân ước) bản Tiếng Anh của King James xuất bản năm 1611, dày khoảng 2600 trang; là bản tóm tắt, rút gọn phổ biến nhất, được dùng để dạy học tại Mỹ, Anh thì từ khóa “Frankincense” được nhắc tới 17 lần với các tích truyện quan trọng. Nổi bật là tại các chương Exodus 30, Leviticus 2, Leviticus 5, Leviticus 24, Number 5, Chronicles 9, Nehemia 13, Song of Solomon 3, 4 của Kinh Cựu ước và Matthew 2, Revelation 18 của Kinh Tân ước. Như vậy có thể nói trầm hương có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người Do Thái nói riêng và người châu Âu nói chung cách đây hàng ngàn năm (khoảng 3500 năm cách ngày nay) vì Kinh thánh không chỉ có giá trị về mặt tâm linh với những người theo Kito giáo, Do Thái giáo mà đây còn là một pho sử đồ sộ, một bộ bách khoa toàn thư đầu tiên của con người thời sơ sử. Hiện nay, người ta không thể làm rõ được Kinh thánh ra đời từ bao giờ mà chỉ biết Kinh thánh ghi chép lại các sự kiện nổi bật của người Do Thái (kinh Cựu ước) từ cách đây khoảng 8.000 năm đến khi Chúa Jesus ra đời và đi truyền Đạo (kinh Tân ước) cách đây hơn 2.000 năm.

Phần Matthew 2 của Kinh Tân ước là phần nói về sự ra đời của Chúa Jesus Christ, có đoạn viết: “*Khi những nhà chiêm tinh đến ngôi nhà, họ nhìn thấy đứa trẻ và mẹ Mary, họ lập tức quỳ xuống và vái lạy Chúa hài đồng và mở hòm tặng chúa vàng, trầm hương (frankincense) và một dược (myrrh)*”. Trầm hương cũng trở thành linh vật của Kito giáo gắn liền với cuộc đời của Chúa Jesus. Ngày nay, vẫn có hình ảnh những vị Giáo hoàng, Hồng Y Giáo chủ của

Kito giáo cầm trên tay chiếc lư hương bằng bạc, lan tỏa mùi thơm của trầm ra khắp giáo đường và các con chiên.

Người Hy Lạp và Roma cổ đại ban đầu hiến tế thần linh bằng người sống sau đó thì hiến tế bằng động vật. Tuy nhiên trên giá ba chân kế bên bàn thờ hiến tế là acera, trong đó chứa hương trầm²⁷. Việc dâng hương đóng vai trò quan trọng trong lễ nghi tôn giáo của người Roma, hương trầm được miễn thuế quốc gia trong khi các hàng hóa khác phải chịu 25% thuế nhập khẩu.

Trên Con đường Tơ lụa trên bộ lẫn trên biển đều có những dấu vết của việc buôn bán và nhập khẩu trầm hương, mặc dù đầu mối ở phương Đông là Trung Quốc và Ấn Độ nhưng cũng có những phần liên quan tới Việt Nam. Đặc biệt là trong tác phẩm “Du ký” của nhà du hành nổi tiếng thế giới là Marco Polo thế kỷ XIII, đã ghi chép lại về trầm hương của Champa mà ông viết là Ciampa hay Champa²⁸. Marco Polo là người Ý, nơi trung tâm của Công giáo và có cả Vatican nằm bên trong. Người Ý rất hiểu về trầm hương và có đam mê với trầm hương như Cristoforo Borri hay như trong bảo tàng của gia tộc nổi tiếng Medici cũng có khối Kỳ nam từ Việt Nam²⁹. Từ cuốn Du Ký của Marco Polo và một số nguyên nhân khác đã khiến người Châu Âu sục sôi tìm kiếm con đường về phương Đông để buôn bán hương liệu, từ đó sinh ra những phát kiến địa lý (còn được gọi là thời kỳ toàn cầu hóa lần thứ 2), thay đổi hoàn toàn lịch sử nhân loại.

Các văn bản tôn giáo cổ xưa ở Ấn Độ, Hindu giáo và Phật giáo, đã từng đề cập tới trầm hương, cho thấy lịch sử tồn tại và sử dụng lâu dài của loại hương liệu xa xỉ này. Trong Mahabharata (Dòng giống vĩ đại Bharata, truyền lại lịch sử của Ấn Độ thời kỳ 1493 - 1443 TCN³⁰), thực tế ra đời trong khoảng những thế kỷ tiếp giáp công nguyên, người ta cũng thấy trầm hương được nhắc đến như một biểu hiện của sự giàu có, sang trọng và hạnh phúc của con người. Nó chứa đựng những miêu tả về việc sử dụng hương liệu trong khoái lạc tình

²⁷ Nigel Groom (1981), *Frankincense and Myrrh: A Study of the Arabian Incense Trade*, p. 6-7

²⁸ **The Book of Ser Marco Polo, Henry Yule (London: John Murray, 1903), Vol. II, 266-268**

²⁹ <https://daily.jstor.org/plant-of-the-month-agarwood/>

³⁰R.N. Iyengar (2003), *Internal consistency of eclipses and planetary positions in Mahabharata*, Indian Journal of History of Science 38(2), trang 77 - 115.

đục, xa xỉ phẩm và sức khỏe³¹. Trong phần đầu của sử thi này, người dân của thành phố cổ Khandavaprastha chào đón những vị khách phương xa (Madhava và các bộ lạc khác) bằng việc lấp đầy mọi góc ngách của thành phố bằng “hương thơm ngọt ngào của trầm hương cháy” (Cuốn 1, phần CCXXIII). Cũng trong cuốn sách đầu tiên của sử thi, việc sử dụng trầm hương cho mục đích thể hiện sự giàu có và đẳng cấp xã hội (Chế độ sắc đẳng Varna) được thể hiện chi tiết trong mô tả về một nhà hát ở vùng ngoại ô kinh đô Kamapilya của vua Drupada. Nhà hát này đầy tráng lệ, “được quây tròn bằng những bức tường cao và một con hào (và) được ướp hương với trầm hương đen và rưới nước trộn bột gỗ đàn hương cũng như trang trí những vòng hoa” (Sách 1, phần CLXXXVII). Các tòa nhà xung quanh nhà hát cũng được “trát vữa có mùi trầm hương”, và các vị chủ nhân cao thượng sống trong những tòa nhà ấy “bị ám ảnh bởi khát khao về một tòa nhà tốt hơn nữa” và “tất cả đều được trang trí bằng bột vữa có chứa trầm hương đen” (Sách 1, phần CLXXXVII).

Phần 2 của sử thi lại chứa đựng mô tả chi tiết về những tòa cung điện hoàng gia “được treo đầy những vòng hoa và được xúc loại hương trầm hương tuyệt đỉnh” (Sách 2, phần XXXIII). Nó cũng đề cập chi tiết rằng sau khi người Bharata (thủy tổ của người Ấn Độ theo sử thi) chinh phục các bộ lạc Mlechchha, những kẻ thất trận bị bắt buộc phải cống nạp một lượng lớn các vật phẩm giá trị bao gồm các sản phẩm hương thơm từ gỗ đàn hương và trầm hương (Sách 2, phần XXIX).

Việc sử dụng trầm hương và nhiều loại hương liệu khác trong bộ sử thi này đã cho thấy một quá trình sử dụng lâu dài và sự sùng kính với các sản phẩm hương thơm.

Rất nhiều văn bản Phật giáo cổ cũng đề cập tới việc sử dụng hương liệu trong các nghi lễ tôn giáo.

Chẳng hạn, trong tập truyện cổ Jataka (khoảng thế kỷ IV TCN) về ngày Phật đản sinh³², trầm hương được nhắc tới ở tập VI, câu chuyện số 542. Trong

³¹ J.P. Rhind, Rhind (2014), *Fragrance and wellbeing: Plant aromatics and their influence on the psyche*.

³² D.C Pierce (1969), *The middle way of the Jataka tales*, *The Journal of American Folklore* 82(325), trang 245 - 254.

đó, việc sử dụng nước hoa của phụ nữ được mô tả trong câu chuyện về một nhà vua muốn nhập vào thế giới thần thánh bằng nghi lễ hiến tế những của cải quý giá nhất của ông ta, thậm chí gồm cả gia đình của mình. Khi chuẩn bị cho nghi lễ, những người con trai của nhà vua bị đưa tới hồ hiến tế và những người phụ nữ trong hoàng tộc cũng như thường dân của thành phố trang điểm ‘với trầm hương, đàn hương, đá quý và những dải lụa’, tôn kính những đứa con Canda - Suriya, trước khi tới việc hiến tế chính nhà vua³³. Cả trầm hương và đàn hương, kết hợp với những vật phẩm quý giá khác, được sử dụng như một dấu hiệu của sự tôn kính và cũng là những sản phẩm nước hoa trong thời cổ đại.

Trong bộ kinh *Mahayana Mahaparinirvana (Kinh Phật về cõi Niết Bàn)*, việc sử dụng hương liệu được nhắc tới trong phần mở đầu, mô tả một chuỗi các sự kiện và những lời răn dạy của Đức Phật khi Ngài trên đường tới cõi Niết Bàn. Ở một mô tả như thế, việc sử dụng gỗ thơm để tắm liệm chánh thân Tathagata (Đức Phật) được nhắc đến: ‘mỗi người nắm trong tay hàng vạn phần (hạt bụi) của những loại gỗ thơm như đàn hương, trầm hương...’. Trầm hương đồng thời cũng được sử dụng như một loại nhiên liệu đốt cháy để chuẩn bị bữa ăn cho Đức Phật và các tăng đồ.

Trong cổ bản *Vimanavatthu (Những câu chuyện về lâu gác thiên đường)*, một tập gồm 85 bài thơ nói về hạnh phúc của những người tái sinh trên cõi Niết bàn và dựa trên những công quả dẫn tới sự đắc đạo đó, có một loạt những điểm nhắc tới việc sử dụng nước hoa hoặc sáp thơm. Trong bài thơ số 35³⁴ (7), câu thứ 7: tòa nhà của Sesavati (Séavativimana), khi diễn ra tang lễ của vị tướng đáng kính của Dhamma (Sariputta), trầm hương, đàn hương và những loại gỗ quý tương tự được dùng như một phần của những dàn thiêu cao hàng trăm thước³⁵.

Trầm hương từng được mô tả trong các tài liệu cổ Ấn Độ, trong đó nổi tiếng nhất là tác phẩm *Arthashastra (Luận về chính trị)*, khoảng năm 320 TCN,

³³E.B. Cowell (1907), *The Jataka or stories of the Buddha's former births*, Cambridge University Press, UK. Dẫn lại theo Arlene López-Sampson and Tony Page, *History of Use and Trade of Agarwood*, trong *Economic Botany*, XX(X), 2018, trang 1 - 23.

³⁴J.D. Ireland(2005): <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/kn/vv/vv.3.07.irel.html>.

³⁵ Thước (cubit) ở đây là một đơn vị đo chiều dài cổ, bằng khoảng 45,72 cm.

tác giả là Kautilya và những người khác, sống dưới thời vương triều Maurya, năm 323 - 187 TCN). Trong đó, trầm hương “nặng, mềm, dính, hương bay xa, cháy lâu, tỏa khói liên tục khi đốt, không đổi mùi, hấp thụ nhiệt và rất dính trên da, khó cọ sạch”,³⁶. Trong đó, dấu hiệu nhận diện 3 loại trầm hương khác nhau được mô tả³⁷:

- Loại 1, gọi là Jongaka, màu đen hoặc đen loang lổ và có nhiều chấm màu khác nhau.

- Loại 2 là Dongaka, màu đen.

- Loại 3, có tên Parasamudraka, có nhiều màu sắc và mùi như cascus (chưa rõ là gì) hoặc như Navamalika (hoa nhài).

Những ghi chép cổ xưa cũng ghi lại rằng người Ấn Độ còn phân chia trầm hương thành 4 loại khác nhau, bao gồm: *Krishnagaru*, *Kasthagaru*, *Dehagaru* và *Mangalyagaru*. Trong đó *Krishnagaru*, còn được gọi là Gharki ở Bangladesh, là loại tốt nhất, chìm trong nước, dính khi nhai, vị đắng và mùi rất thơm khi cháy³⁸.

Trầm hương còn được nhắc tới trong danh sách những hàng hóa xa xỉ chịu thuế cao khi nhập vào đất nước³⁹.

Một điều thú vị khác, trầm hương từng biết đến với vai trò của một thành phần tạo nên sự khoái lạc thể xác. Trong những cuốn sách nổi tiếng Kamasutra (Kinh Hoan lạc, thế kỷ 3 sau công nguyên), Nagarasarvasva và những tác phẩm khác nói về sự khoái lạc (cuối thiên niên kỷ I sau công nguyên), việc sử dụng nước hoa và thuốc mỡ là tối quan trọng cho những trải nghiệm khoái lạc thể xác⁴⁰. Trong Kamasutra Gandhayukti, kỹ thuật sản xuất nước hoa là một trong 64 nghề được cả phụ nữ và đàn ông học⁴¹. Còn cuốn sách Gandhasara (khoảng 500 - 1000 sau công nguyên) gợi ý rằng hương liệu dẫn tới việc đạt được 3 mục đích của đời người, gồm tinh thần tôn giáo, của cải

³⁶ Shamasastri (1915), *Kautilya's Arthashastra*, The Government Press, Bangalore, trang 107.

³⁷ Shamasastri (1915), *Kautilya's Arthashastra*, trang 106.

³⁸ Chakrabarty, K., Kumar, A. and Menon, V. (1994), *Trade in Agarwood*, trang 21.

³⁹ Shamasastri (1915), *Kautilya's Arthashastra*, The Government Press, Bangalore, trang 158 - 159

⁴⁰ D. Ali (2001), *Rethinking the history of the kama world in early India*, Journal of Indian Philosophy 39(1), trang 1 - 13.

⁴¹ Penchala, 2008.

và khoái lạc tình dục⁴². Có một truyền thuyết cho rằng, trong 3 vị thần tối cao của Ấn Độ giáo là thần Shiva, vị thần hủy diệt, với biểu tượng linga. Vị Thần này sở hữu ốc Shankha, có lúc để đốt trầm hương, mỗi khi sử dụng trầm hương xong ngài thường giao phối, mỗi lần kéo dài hàng vạn năm và trong một lần giao phối, thần Shiva đã tạo ra cả dải ngân hà.

Bazin (2013) gợi ý rằng năm loại hương liệu tự nhiên đại diện cho lời của năm vị Phật, bao gồm có đàn hương, trầm hương, nhựa thông hoặc bách, long não và rễ cỏ hương bài. Gỗ thơm được sử dụng như thánh tích hoặc lớp chất kết tinh sau nghi lễ trong những lỗ hổng của các phù điêu quý, để biến đổi chúng thành một vật được thánh hóa. Thực ra điều này rất phổ biến ở Ấn Độ trong tất cả các tôn giáo, tín ngưỡng, cho đến ngày nay vẫn như vậy.

Leidy và Strahan (2010) tìm ra rằng trầm hương từng là một trong rất nhiều những chất kết tinh như thạch (như ngọc trai, ngọc lưu ly, pha lê, lục và 4 loại gỗ thơm bao gồm gỗ hoa hồng), được tìm thấy bên trong lỗ hổng của bức phù điêu Đức Phật Di Lạc (Maitreya Buddha) bằng đồng, có niên đại năm 486 sau công nguyên, ở Trung Hoa thời vương triều Bắc Ngụy (386 - 534).

Một văn bia tiếng Tamil ở miền Nam Ấn Độ tại ngôi đền Arulala Perumal niên điểm giữa thế kỷ 12 ghi nhận việc cung tiến ruộng đất bởi một người cho ngôi đền và rằng thu nhập hàng năm của thửa ruộng đó sẽ dùng để làm thánh lễ. Trong đó, những vật phẩm dùng để làm thánh lễ bao gồm đàn hương, nhục đậu khấu, một nửa trầm hương, xạ hương và mỡ cây hương⁴³. Như thế có thể thấy rõ, trầm hương được dùng để làm thánh lễ trong các ngôi đền Hindu giáo cùng với những loại hương liệu quý giá khác.

Từ rất sớm, Ấn Độ đã có quan hệ thương mại với nhiều nền văn minh cổ đại, tiêu biểu là người Hy Lạp, La Mã, Trung Hoa, khu vực Đông Nam Á. Sử gia vĩ đại đầu tiên của nhân loại người Hy Lạp cổ đại, Herodotus (485 - 425 TCN) đã ghi chép sự xuất hiện của các thương nhân Hy Lạp ở Ấn Độ. Trong

⁴²J.P. Rhind (2014), *Fragrance and wellbeing: Plant aromatics and their influence on the psyche*, London: Singing Dragon, trang 109.

⁴³Hutzsch, Eugen, and H. Krishna Sastri (1929), *South Indian Inscriptions, vol. 3: Miscellaneous Inscriptions from the Tamil Country*, Archaeological Survey of India, New Imperial Series, pp. 189. Madras: Government of India.

thời kỳ Đế quốc La Mã thống trị khu vực Địa Trung Hải, thành phố Alexandria là một trung tâm thương mại lớn và đã nhập cảng nhiều sản phẩm từ khắp nơi, trong đó có Ấn Độ. Trong những sản phẩm ấy, nổi bật là tơ lụa, đá quý, gia vị và hương liệu, bao gồm cả trầm hương⁴⁴. Trầm hương được biết có xuất xứ từ vùng núi cao quanh lưu vực sông Hằng⁴⁵ và có thể được nhập cảng từ Tenasserim (Miền duyên hải phía Tây bán đảo Malaya, tức thuộc Thái Lan và Malaysia ngày nay) và Sumatra (Indonesia). Một ghi chép bằng tiếng Ả rập vào thế kỷ IX đã chỉ ra rằng trầm hương được khai thác trong tự nhiên ở Sri Lanka, quốc đảo nằm gần bờ biển Đông Nam của Ấn Độ⁴⁶.

Cũng trong cuốn sách nổi tiếng Arthashastra, trầm hương được xem như một vật phẩm có giá trị lớn trong thương mại, được mô tả chi tiết về tầm quan trọng của nó. Trầm hương và đàn hương được xem là những loại hương liệu tốt nhất trong những vật phẩm quý giá trong ngân khố⁴⁷.

Những tài liệu ghi chép vào thế kỷ XII cho biết gỗ trầm là một mặt hàng trao đổi giữa Cairo (Ai Cập) và Aden (Cảng biển ở Yemen - bán đảo Ả rập) với Ấn Độ⁴⁸.

Vào thế kỷ XV, một nhân vật nổi tiếng bang Assam có tên là Sri Kandardeva (với tôn hiệu vị thánh giáng trần và đại văn hào) đã sử dụng *Sanchi pat* tức vỏ cây dó trầm để viết các tác phẩm tôn giáo. Ông đã mô tả trầm hương có khả năng thần thánh trong việc thỏa mãn khát khao của con người. Trong nhiều bài ca dân gian, trầm hương cũng được nhắc đến rất nhiều.

Như vậy có thể thấy, trong hàng ngàn năm lịch sử, trầm hương đã được đưa vào hoạt động thương mại của Ấn Độ, kết nối với nhiều nền văn minh khác nhau.

⁴⁴ P.C. Prasad (1977), *Foreign trade and commerce in ancient India*, New Delhi: Abhinav Publications.

⁴⁵ A.F. Allami (1891), *Ain-i-Akbari*, translated from the original Persian by H. Blochmann, vol. 1. Calcutta: Asiatic Society of Bengal.

⁴⁶ Harris (1774), *Navigantium atque itinerantium bibliotheca: A complete collection of voyages and travels consisting of above six hundred of the most authentic writers*, Volume 2. London: T. Woodard & Co.

⁴⁷ T.J. Zumbroich (2012), *From mouth fresheners to erotic perfumes: The evolving socio-cultural significance of nutmeg, mace and cloves in South Asia*, eJournal of Indian Medicine, 5, 37-97. <http://rjh.ub.rug.nl/eJIM/article/view/24743/22193>, loc.cit.: 60

⁴⁸ S.D. Goitein and M.A. Friedman, *India Traders of the Middle Ages: Documents from the Cairo Geniza* (India book), Leiden: Brill, 2008, pp. 314 - 17.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu của sản phẩm từ cây dó trầm của Ấn Độ là khu vực Trung Đông, nhất là Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất (UAE), sau đó là các quốc gia Đông Á như Đài Loan, Nhật Bản, Singapore.

Hồi giáo:

Qua các văn bản cổ, người ta xác định rằng các loại nước hoa, hương liệu quý thời kỳ tiền Hồi giáo hầu hết đều có nguồn gốc từ vùng Đông Nam Á, Đông Phi hoặc từ vùng Ả Rập thông qua con đường buôn bán. Qua thống kê các văn bản cổ có liên quan, có thể thấy rằng ở vùng Trung Đông thời kỳ này có rất nhiều loại nước hoa và hương liệu quý được sử dụng: gỗ, nhựa thơm (balsam); trầm hương Ấn Độ; quế Trung Hoa; costus; nghệ tây; dầu hoa huệ; ... Thông thường chỉ có giới tinh hoa, giàu có mới sử dụng các sản phẩm trên, trong đó có trầm hương⁴⁹.

Học giả Dioscorides (40-90, sau công nguyên), nhà thực vật học, dược học thời La Mã có nhắc tới việc người ta sử dụng trầm hương cho mục đích chữa bệnh. Trong tác phẩm *De materia medica* (Dược liệu), phần viết về hương liệu, mục 1-21, ông đã viết về cây dó trầm như sau: Agallochum là một loại gỗ giống như gỗ thơm (thyine wood) được nhập từ Ấn Độ và Ả Rập, có mùi hương ngọt ngào, hơi có mùi vị, với một chút vị đắng, và vỏ cây giống như làn da mềm mại có màu hơi đậm. Khi được nhai và thuốc sắc của nó được dùng để súc miệng, nó tạo ra hơi thở ngọt ngào. Người ta rắc bột lên toàn bộ cơ thể để khử mùi. Nó được sử dụng trong nước hoa thay cho nhũ hương. Một muỗng cà phê bột từ rễ (pha trong một loại nước uống) làm giảm các rối loạn ẩm, sự yếu ớt và nóng của dạ dày. Đó là một thức uống tốt cho những người bị đau trực tràng, bệnh gan, kiết lỵ và kích động⁵⁰.

Đã có bằng chứng cho thấy trầm hương được sử dụng ở Trung Đông thời kỳ Hồi giáo. Một vị Hồi vương, Caliph al-Mutawakkil (822 - 861), được một thầy thuốc, có thể là người Ấn Độ, khuyên nên dùng trầm hương để khử

⁴⁹ Trends in the Use of Perfumes and Incense in the Near East after the Muslim Conquests Author(s): AMAR ZOHAR and EFRAIM LEV Source: Journal of the Royal Asiatic Society, THIRD SERIES, Vol. 23, No. 1, Special Issue: Perfumery and Ritual in Asia (JANUARY 2013), pp. 11-30

⁵⁰ Dioscorides, *De materia medica*, IBIDIS PRESS, Johannesburg, South Africa 2120, first print: 2000, pp. 27 - 28.

trùng khi ông ta bị ốm. Số trầm hương nói trên được cho là thuộc về lô hàng chuyển đến al-Hasan b. Sahl⁵¹.

Một trong những loại trầm hương nổi tiếng có tên “al-mandali”, có thể được nhập từ cảng Mandari. Tuy nhiên, cho đến cuối vương triều Ummayyad (661-1031), người Ả Rập không dùng nó thường xuyên do mùi vị hơi “đắng”. Tuy nhiên, dưới thời Hồi vương Abbasis Abu Jafar al-Mansur (754-775), một loại trầm hương “al-mandali” khác được biết đến và sau đó nó được tăng cường nhập khẩu từ Ấn Độ. Trong quan niệm của các văn hào Ả Rập, Ấn Độ luôn được coi là xứ sở trầm hương.

Trong *Sách hóa học hương liệu* của al-Kindi’s (801-807), có năm thành phần chế tạo nước hoa được viết chi tiết, trong đó có trầm hương. Ở cuốn *Về những hương liệu đơn giản*, trầm hương được xếp vào loại nước hoa thượng hạng (phần lớn được nhập khẩu từ nơi khác về)⁵². Có hai loại nước hoa hỗn hợp rất đắt liền là *nadd* và *ghaliya*, bao gồm xạ hương, trầm hương và hổ phách. Ibn M sawahi’ cũng thảo luận việc chôn những đoạn cây dó trầm xuống đất đến một năm để làm mủn những phần gỗ trắng bao quanh phần nhựa trầm⁵³. Trong bộ sách *Đêm Ả rập* gồm những câu chuyện hư cấu thời vương triều Abbasid, trầm hương được nhắc đến rất nhiều lần, với những công dụng như nước hoa (trang 60, 139, 153), nhang đốt (trang 36, 60, 69), trong nghi lễ cúng tế (trang 254), buôn bán (trang 71, 82), công vật (trang 84), thể hiện địa vị xã hội (trang 484, 532) và cả làm một cái chuồng chim (trang 59)⁵⁴. Hoàng đế Harun al-Rashid, một thần tượng được yêu thích trong *Đêm Ả Rập*, trong cuộc đời thực là một vị Hồi vương vĩ đại và giàu có. Khi ông qua đời năm 809, một bản kiểm kê tài sản khổng lồ của ông cho thấy nhà vua có tới 1000 chậu trầm hương và rất nhiều loại nước hoa⁵⁵. Ở xứ Hồi giáo Tây Ban Nha (900-1500), có

⁵¹ Ghada Hijjawi Qaddumi (ed.), *Book of Gifts and Rarities (Kitāb al-Hadāyā wa al-Tuḥaf)*, Selections Compiled in the Fifteenth Century from an Eleventh-Century Manuscript on Gifts and Treasures, 1996, pp. 80.

⁵² Dẫn lại theo Zohar và Lev 2013, pp. 11- 30.

⁵³ M. Levey, *Ibn Masawaih and his treatise on simple aromatic substances; Studies in the history of arabic pharmacology I*. *Journal of the History of Medicine and Allied Sciences* 16(4), 1961, pp. 394-410..

⁵⁴ H. Webber, *Tales of the East, vol. 1: Containing the Arabian Nights and new Arabian nights' entertainments*, Edinburgh, UK: John Ballantyne and Co., 1812.

⁵⁵ X. Liu, *The Silk Road in world history*, New York: Oxford University Press, 2010.

tên Al-Andalus), những loại nước hoa địa phương được làm từ các loại hương liệu có nguồn gốc cả ở phương Tây và phương Đông, bao gồm năm loại cơ bản là xạ hương, long não, trầm hương, nhựa hổ phách và nghệ tây⁵⁶. Nhang và nước hoa là một phần quan trọng trong cuộc sống hoàng tộc vào thế kỷ 16 dưới thời vương triều Mughal. *Ain-i-Akbari* chỉ rõ thành phần của 12 loại nước hoa hoàng gia khác nhau mà trong đó có tới 11 loại chứa trầm hương. Thậm chí trầm hương có thể ăn để tạo sự hưng phấn. Loại trầm hương hảo hạng còn được tán bột bôi lên da và áo quần⁵⁷.

Nhiều bộ tộc Ả Rập tham gia vào mạng lưới thương mại thời kỳ tiền Hồi giáo với những quan hệ buôn bán với thương nhân từ Bắc Phi, duyên hải miền Tây Ấn Độ, Đông Nam Á và Trung Hoa⁵⁸. Chẳng hạn, bộ tộc Nabatean hoạt động trên tuyến đường giữa Yemen (xứ Felix Ả Rập) và bờ biển Địa Trung Hải, điều khiển việc buôn bán hương liệu, nước hoa và gia vị từ khoảng đầu thế kỷ một đến thế kỷ 4 hoặc 5 sau công nguyên⁵⁹. Trong thời kỳ Đế quốc Ba Tư mới (224-651), những tuyến đường thương mại xuyên đại dương với Ấn Độ và Đông Nam Á hoạt động mạnh mẽ, trong đó Đông Nam Á ngày càng tăng cường buôn bán gia vị, dược liệu và hương liệu. Một mạng lưới thương mại nổi lên trên biển Java vào khoảng thế kỷ hai và ba sau công nguyên dựa trên trao đổi hương liệu như trầm hương và huỳnh đàn cũng như gia vị như nhục đậu khấu⁶⁰. Một ghi chép sớm về những cuộc viếng thăm duyên hải Ấn Độ của người Ả Rập được tìm thấy trong sách *Akhbar al-Sin w'al-Hind* viết bởi Sulayman Tajir (năm 851), trong đó ông ta mô tả *Sarandip*, một hòn đảo ở vịnh

⁵⁶ O. R. Constable, *Trade and traders in muslim Spain*, Cambridge, UK: Cambridge University Press, 1994.

⁵⁷ A.F. Allami, *Ain-i-Akbari: Translated from the original Persian by H. Blochmann, vol. 1*. Calcutta: Asiatic Society of Bengal, 1873.

⁵⁸ Hourani 1951 Hourani, G.F. 1951. Arab seafaring in the Indian Ocean in ancient and early medieval times. Princeton, NJ: Princeton University Press.; Morris 1984. Morris, E.T. 1984. *Fragrance: The story of perfume from Cleopatra to Chanel*. New York: Charles Scribner's Sons.

⁵⁹ Groom 1981 Groom, N. 1981. Frankincense and myrrh: A study of the Arabian incense trade. London: Longman.; Zohar 2003. Zohar, A. 2003. The ancient trade in incense, perfumes and spices. In: *The Nabateans in the Negev* (in Hebrew with English summary), ed. R. Rosenthal-Heginbottom, 61-66, Haifa: Hecht Museum.

⁶⁰ A. King (2015), The new *materia medica* of the Islamicate tradition: The pre-Islamic context. *Journal of the American Oriental Society* 135(3): 499-528.

Bengal có vàng, đá ruby, trầm hương và vùng biển xung quanh đầy rẫy ngọc trai và ốc xà cừ⁶¹ (phụ lục).

Người Ấn Độ và Ả Rập là những thương nhân chủ đạo trên Ấn Độ Dương trong khoảng thế kỷ 7 và thế kỷ 11 với nhiều bằng chứng khảo cổ học⁶². Người ta tìm thấy văn bản nói về việc một thương nhân Ibadite tên gọi Abu-'Ubay-dah, nguồn gốc Umani, đã tới Trung Hoa vào giữa thế kỷ 8 thời nhà Đường và mua trầm hương⁶³. Việc buôn bán giữa người Ả Rập và Trung Hoa diễn ra nhiều qua eo biển Malacca, đặc biệt là các sản phẩm xa xỉ gồm ngọc trai, ngà voi, san hô, thủy tinh, vải vóc và một lượng cực lớn các sản phẩm hương liệu (trầm hương, nhựa hổ phách, cánh kiến trắng, hương trầm, nhựa thơm, gừng, nhựa màu quả rồng và nước hoa hồng) và gia vị (đinh hương, nhục đậu khấu, a ngù)⁶⁴.

Trong nhiều xã hội ở Trung Đông, trầm hương là một chỉ dấu của sự giàu có và địa vị xã hội cao đặc biệt tại các sự kiện xã hội và tôn giáo, tẩm lên người và đồ vật trong nhà⁶⁵.

Một số sách kinh điển khác của Hồi giáo có những đoạn mô tả về loại hương liệu đặc biệt này. Trong nhiều văn bản Hadith ghi lại lời nói, hành động và ngụ ý của nhà tiên tri Muhammad, trầm hương được gọi là một loại hương liệu Ấn Độ, với tên gọi Ud Al- Hindi.

Khải huyền của thánh Allah do Abu Huraira ghi lại nói rằng Thiên đường là nơi có nhiều kỳ vật mà trong đó trầm hương được dùng để đốt trong những bình hương⁶⁶. Việc sử dụng trầm hương cho chữa bệnh được gợi ý bởi nhà tiên tri Muhammad và được nói là có tới bảy công dụng khác nhau, trong

⁶¹ Trích dẫn theo A. Islam (2010), *Arab navigation in the Indian ocean before European dominance in South and Southeast Asia: A historical study*. Journal of the Friends' Historical Society lviii(2): 7-23.

⁶² M. Flecker (2001), *A ninth-century AD Arab or Indian shipwreck in Indonesia: First evidence for direct trade with China*, World Archaeology 32(3): 335-354.; Stargardt (2014), *Indian Ocean trade in the ninth and tenth centuries: Demand, distance, and profit*, South Asian Studies 30(1): 35-55.

⁶³ Hourani 1951.

⁶⁴ Chaudhuri (1985), *Trade and civilisation in the Indian Ocean: An economic history from the rise of Islam to 1750*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.

⁶⁵ D. Jung (2011), *The value of agarwood. Reflections upon its use and history in South Yemen*. In: *Workshop proceedings: The use of herbs in Yemeni healing practices*, September 25-26, 2009. Halle, Germany: HeiDOK.

⁶⁶ Sahih al-Bukhari 3327, Book 60, Hadith 2; USC-MSA English reference Vol. 4, Book 55, Hadith 544.

đó có dùng để trị sưng lưỡi gà và viêm màng phổi⁶⁷. Trầm hương cũng được nói rằng có thể là một loại dược liệu trị những bệnh thông thường như đau đầu và đau mắt, như lời nhà tiên tri: “Hãy để anh ta hun khói chúng (đầu, mắt) với trầm hương”⁶⁸. Trầm hương được dùng trong nghi lễ xông hương/ tẩy uế, được nhắc tới trong những bản báo cáo của Nafi về Ibn Umar xông hương với trầm hương hoặc kết hợp với long não⁶⁹.

Nhà tiên tri Muhammad đưa ra lời khuyên dùng hương liệu: nam giới nên tắm và xúc hương cho buổi nghe giảng thuyết pháp thứ Sáu tại đền thờ, phụ nữ có thể dùng nước hoa tại nhà nhưng không phải tại đền thiêng và cả hai giới có thể dùng nước hoa khi hành lạc⁷⁰. Người ta biết rằng nhà tiên tri đã nói tới hương thơm của trầm hoặc kết hợp với long não⁷¹. Vị Calipha thứ 2, Umar (khoảng 584-644), đã sử dụng hương liệu tại đền thờ và sau đó dẫn tới phổ biến việc này. Người ta không biết những loại hương liệu nào được sử dụng, nhưng nhiều học giả cho rằng đó là trầm hương hoặc trầm hương kết hợp với long não⁷².

Nhật Bản

Cùng với việc đốt Trầm trong các chùa chiền, việc thương trầm đã trở thành một nét văn hóa đặc trưng, cao quý và thanh lịch của Nhật Bản. Việc đốt Trầm xuất hiện trong giai đoạn Nara của lịch sử Nhật Bản (710-794)⁷³ nhưng thương thức Trầm trở nên phổ biến trong thời kì Heian (794-1185)⁷⁴. Đốt Trầm cũng trở thành biểu tượng của quyền lực và sự giàu sang ở Nhật. Ví dụ, đại

⁶⁷ Sahih al-Bukhari 5692, 5693, Book 76, Hadith 15; USC-MSA English reference Sahih al-Bukhari Vol. 7, Book 71, Hadith 596, 613; Sunan Abi Dawud 3877, Book 29, Hadith 23; English translation Book 28, Hadith 3868.

⁶⁸ Sunan an-Nasa'i 2711, Book 24, Hadith 0; English translation Vol. 3, Book 24, Hadith 2712.

⁶⁹ Sahih Muslim 2254 Book 40, Hadith 23; English translation Book 27, Hadith 5601.

⁷⁰ M.F. Thurkill (2009), *Odors of sanctity: Distinctions of the holy in early Christianity and Islam*, Comparative Islamic Studies 3(2): 133-144.

⁷¹ Book 27 no. 5601, Sahih Muslim n.d.

⁷² N. Ergin (2014), *The fragrance of the divine: Ottoman incense burners and their context*, Art Bulletin xcvi(1):70-97.

⁷³ Thời kỳ Nara là giai đoạn Nhật Bản chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Trung Quốc, cụ thể là nhà Đường, về cả văn hóa, phong tục, tôn giáo, kiến trúc. Việc du nhập Phật giáo ở thế kỷ 6 và việc Nhật Bản thường xuyên gửi các phái đoàn ngoại giao đến nhà Đường có thể được coi là yếu tố tác động mạnh mẽ đến sự xuất hiện và việc sử dụng Trầm, đặc biệt là văn hóa thưởng Trầm của Nhật Bản.

⁷⁴ Thời kỳ Heian là giai đoạn Khổng giáo và văn hóa Trung Quốc ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến Nhật Bản và cũng là giai đoạn phát triển đỉnh cao của Nhật cả về văn hóa, tôn giáo, nghệ thuật. Đây cũng là giai đoạn Phật giáo lan rộng khắp Nhật Bản, dẫn đến việc sử dụng Trầm để đốt trên các ban thờ hay cúng tiến Trầm ngày càng nhiều do bộ phận quý tộc, võ sĩ ngày càng giàu có trong thời đại hòa bình.

lãnh chúa (Daimyo) Sasaki Douyo (1296-1373) thường đốt những mảnh gỗ Trầm lớn sau mỗi kì thu hoạch lương thực tại đền Shoji ở ngoại thành Kyoto để thể hiện sự giàu có, sung túc của ông.

Nhang, hương Trầm ở Nhật Bản khá là khác biệt khi hầu hết các sản phẩm chất lượng cao được làm từ nguyên liệu thô tự nhiên, gồm phần lớn là trầm hương cùng với các thành phần khác như gỗ đàn hương (sandalwood), cánh kiến trắng (benzoin) được tạo hình cẩn thận vào làm khô. Người tham gia thưởng trầm phân biệt và đánh giá chất lượng của các loại hương khác nhau, bao gồm cả những sản phẩm địa phương như cây thông, cây tuyết tùng và các cây nhập khẩu như trầm hương, đàn hương, quế (cinnamon) và đinh hương (clove).⁷⁵ Ban đầu, giới quý tộc Nhật du nhập những nghi lễ, cách thức đốt Trầm và nguyên liệu Trầm từ Trung Quốc. Đến thế kỷ 12, Hoàng tử Kaya đã giới thiệu 6 hương thơm nổi tiếng (Six Scents), là sự tổng hòa từ trầm hương, đinh hương, vỏ sò, hổ phách (amber), đàn hương và xạ hương (musk) với tỉ lệ khác nhau. Cả 6 loại hương trên đều vô cùng quý hiếm và đắt đỏ do nguyên liệu hầu hết không thể tìm thấy ở Nhật và phải nhập khẩu từ Đông Nam Á nên chỉ có giới quý tộc mới đủ điều kiện mua và sở hữu. Sáu loại hương Trầm do đó đã trở thành những món quà đắt đỏ. Đốt và thưởng thức Trầm do đó trở thành một trong những hoạt động tượng trưng tiêu biểu của giới quý tộc khi hoạt động trung tâm là họ đốt và thưởng thức các mùi hương khác nhau.

Từ việc đốt và thưởng thức Trầm, hoạt động trên đã phát triển thành một lễ kỉ niệm mang tính đặc trưng riêng: Hương đạo. Đây là hoạt động lễ nghi biểu trưng đặc biệt của hoàng cung và tầng lớp quý tộc, tầng lữ cấp cao. Ban đầu, hương đạo được thực hiện chủ yếu bởi những quý tộc, đại quý tộc, những người có đủ khả năng để sở hữu jin-koh cũng như có đủ tài chính để tổ chức tiệc trà và bình văn. Lúc bấy giờ, hoạt động này được miêu tả bằng cụm từ “koh o kiku” hay “mon-koh”, tức là lắng nghe mùi Trầm. Đến thời kỳ Edo (1603-1867), thưởng trầm được cả những phụ nữ cao quý và người trong hoàng cung đón nhận khiến cho cụm từ “kyara” vốn chỉ loại Trầm chất

⁷⁵ K. Morita, *The book of incense: Enjoying the traditional art of Japanese scents* (Tokyo, 1992).

lượng tốt nhất trở nên nổi tiếng và được coi là tượng trưng cho cái đẹp, chất lượng. Trong thời kỳ Edo⁷⁶ cũng có hiện tượng xuất hiện những trường dạy về Koh-doh để dạy các quý tộc cách thưởng trà đúng nhất. Nhưng, sự thay đổi lớn nhất chính là việc mở rộng thưởng trà đến với giới trung lưu Nhật Bản. Nguyên nhân chính là sự xuất hiện của người Hà Lan và thương nhân phương Tây trong buôn bán với Nhật đầu thế kỷ 17, dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của bộ phận thương nhân, thợ thủ công và dần hình thành tầng lớp trung lưu giàu có. Với tiền bạc có được, họ cũng nhanh chóng tìm kiếm giá trị văn hóa riêng và thưởng trà được tổ chức rộng rãi. Tuy vậy, giới quý tộc vẫn giữ độc quyền những nguồn Trà tốt nhất và có những công thức bí mật riêng. Trà được phục vụ theo mùa, ví dụ mùa hè chỉ là những mảnh vỏ gỗ, nhưng mùa đông là Trà được chế tạo cầu kỳ, cẩn thận (kneaded). Cùng với sự phát triển của hương đạo, nhu cầu buôn bán Trà cũng phát triển nở rộ trong giai đoạn này.

Trà hương, Kỳ nam ở Nhật Bản ban đầu được nhập khẩu qua Trung Quốc, về sau các thương nhân Nhật Bản tìm về xuất xứ của trà hương để buôn bán là ở khu vực Đông Nam Á và đặc biệt là Việt Nam. Điều này thể hiện rõ trong các nghiên cứu về tuyến thương mại Việt Nam - Nhật Bản bằng Châu Ấn thuyền⁷⁷. Nhiều văn bản sử học của Nhật Bản ghi lại sự xuất hiện của những khối Kỳ nam trên biển, được người dân dâng lên Thiên hoàng. Nhiều nghiên cứu phỏng đoán những khối Kỳ nam này trôi dạt “*từ miền Trung Việt Nam (trước đây là Champa) và theo dòng nước ấm Kuroshio trôi dạt lên phía bắc để rơi tạt vào Nhật Bản. Cần nói thêm là, dòng hải lưu Kuroshio này cũng bắt nguồn từ miền Trung Việt Nam*”⁷⁸. Yoneda Kaisuke, chuyên gia về trà

⁷⁶ Hay còn gọi là thời kỳ Mạc phủ Tokugawa (1603-1868) là thời kỳ phát triển rộng mở của Nhật Bản cùng với sự xuất hiện của các thương nhân châu Âu (Hà Lan là chính) và ảnh hưởng của văn hóa hiện đại, dẫn đến sự xuất hiện và phát triển của các thương nhân, thợ thủ công hay còn gọi là tầng lớp trung lưu. Chính sự phát triển kinh tế, sự giàu lên của một bộ phận dân cư ngoài quý tộc đã dẫn đến nhu cầu thưởng Trà lan rộng ra nhiều thành phần khác nhau. Do vậy, nhu cầu nhập khẩu trà hương từ Đông Nam Á cũng bùng phát mạnh mẽ trong giai đoạn này khi nhu cầu của người dân Nhật Bản rất lớn.

⁷⁷ **Li Tana** (2013), *Xứ Đàng Trong, lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 - 18*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh

⁷⁸ Vĩnh Sính (2018), *Giao điểm giữa hai nền văn hóa Việt Nam - Nhật Bản*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.44

hương thuộc Viện Bảo tàng Osaka nhận định về khối Kỳ nam Ranjatai là “*đã đi từ Lào hoặc Việt Nam*”⁷⁹. Thực tế mà nói thì Kỳ nam chỉ có ở Việt Nam và từ Khánh Hòa mà thôi.

Nổi tiếng nhất ở Nhật Bản là khối Kỳ nam thiêng ở chùa Todaiji (Đông Đại Tự) ở Nara, tên là Ranjatai (Lan xa đãi) dài khoảng 1,5m. Mỗi năm một lần các đời Thiên Hoàng sẽ cắt 1 mẫu nhỏ để cúng tế trời đất. Khi mới du nhập vào Nhật Bản, Trâm được dùng trong các tế lễ thần đạo (Shinto) và Phật giáo. Các nghệ thuật nổi tiếng của người Nhật Bản như trà đạo (sado), thư đạo (shodo), kiếm đạo (kendo), võ sĩ đạo (bushido), nhu đạo (judo) và cả hương đạo (kodo)... đều có phần hành lễ mà bắt buộc không thể thiếu trâm hương. Trong cuốn sách về Trà đạo nổi tiếng là Trà thư của Kakuzo Okakura có viết rằng, để thưởng thức trà đạo thì phải có trà thất. Trước khi khách vào trà thất thì trâm hương đã được đốt lên trong những lư Trâm: “*từ trà thất đã thoảng bay ra mùi hương trâm quý vừa đốt lên. Ấy là dấu hiệu mời các tân khách tới phòng trà. Lần lượt từng người khom lưng bước vào trà thất và ngồi vào chỗ của mình*”⁸⁰. Khi đặt “*lư trâm vào gian tokonama (trà thất), hãy chú ý để thật đúng trung tâm, và cũng làm sao không phân chia không gian thành hai phần bằng nhau*”⁸¹. Còn có một số ghi chép về sự đam mê của 3 nhân vật nổi tiếng lịch sử của Nhật Bản là Oda Nobugana, Toyotomi Hideyoshi và Tokugawa Ieyasu với Kỳ nam, trâm hương với Ranjatai và Kỳ nam, trâm hương của Việt Nam. Năm 1606, Tokugawa Ieyasu gửi thư cho quốc vương Champa ghi rõ: “*Chúng tôi muốn có trâm loại thượng hảo hạng. Những loại có phẩm chất vừa vừa hay dưới trung bình thì xin đừng gửi vì chúng tôi đã có nhiều lắm rồi*”⁸². Năm 1605, 1606, chúa Nguyễn Hoàng đã gửi một số tặng vật đáp lễ Tokugawa Ieyasu gồm “*1 miếng Kỳ nam mỗi lần, cả hai lần là 2 cân*”⁸³. Sau khi Ieyasu mất, trong các di vật của ông có “*hơn 100kg Kỳ nam và hơn 180kg Trâm*”⁸⁴.

⁷⁹ Nt, tr.46

⁸⁰ Kazuko Okakura (2007), *Trà thư*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.146

⁸¹ Nt, tr.100

⁸² Okura Sadao, *Shuinsen jidai no Nihonjin*, Chuo Koron Shinsho, Tokyo, 1989, tr.174

⁸³ Vĩnh Sinh (2018), *Giao điểm giữa hai nền văn hóa Việt Nam - Nhật Bản*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.44

⁸⁴ Nt tr.47

Ở Triều Tiên và Hàn Quốc cũng có những ghi chép về trầm hương. Trong cuốn Samuk Sagi (Lịch sử 3 vị Vua). Vua của Silla là Hyun Duk là *“người đầu tiên nhập rất nhiều trầm hương về sử dụng nhưng nghiêm cấm mọi người dùng, ngay cả tầng lớp thượng lưu giàu có”*. Vua Kuryo Mun - Jong sử dụng trầm hương để làm thuốc để trị bệnh phong thấp. Hoàng đế triều Tống đã gửi ngự y đến giúp chữa bệnh, trong đó vị thuốc chính là trầm hương (nt) và đã chữa khỏi bệnh cho vua Mun - Jong. Vua I-Wu dùng trầm hương để điêu khắc tượng Avalokitesvara Bodhisattva (Quán thế âm Bồ Tát). Vua Sejong bàn với cận thần trong triều đình giữ kín nguồn cung cấp trầm hương. Năm 1493, nhiều quan đại thần báo với Vua là các thương nhân Nhật Bản thu lợi được rất nhiều khi bán trầm hương cho Triều Tiên. Vua Seung - Jong trả lời rằng: *“Ngoại trừ trầm hương và long não, còn tất cả cấm buôn bán với người Nhật Bản. Với 2 thứ này có thể mua mà không cần quan tâm tới giá cả”*. Vào năm 1541, Hoàng Thái Tử Joong Jong bị mất chiếc vòng tay bằng trầm hương. Nhưng Hoàng Thái Tử không lo lắng vì theo ngài nó là vô giá và kẻ cắp sẽ chào bán lại cho Hoàng gia. Chiếc vòng sau đó về lại với Hoàng Thái Tử. Vào năm 1804, trong điện Insan, có người dâng cho Vua 5 chiếc vòng quý nhưng Vua không nhận, chỉ khi người đó dâng trầm hương thì Vua mới nhận... Về cơ bản tuy là sản vật quý giá nhưng Triều Tiên có vị trí địa lý cách xa khu vực Đông Nam Á và Việt Nam nên người Triều Tiên và Hàn Quốc thời xưa chỉ biết về trầm hương qua các thương nhân Nhật Bản và Trung Quốc.

Người Trung Quốc cũng có lịch sử sử dụng trầm hương, Kỳ nam lâu đời và rất tinh hoa. Trong các nghi lễ tôn giáo và tín ngưỡng của người Trung Quốc cũng như người Việt Nam đều phải có trầm hương. Một số giả thuyết cho rằng: người Trung Quốc biết đến và yêu thích trầm hương từ thời nhà Hán, khi mở rộng chế độ cai trị ở Giao Chỉ. Ngay trong tác phẩm Tam quốc diễn nghĩa cũng ghi lại Tào Tháo làm áo quan bằng gỗ trầm hương để khâm liệm Quan Vũ. Tôn Quyền cũng đặt đầu của Trương Phi trong quan tài bằng gỗ trầm hương để gửi đến Lưu Bị.

Đường Huyền Tông (685 - 762) từng xây một cung điện bằng trầm hương tặng Dương Quý Phi, cung điện này còn được gọi là lầu trầm hương,

được ca ngợi trong một số tác phẩm thơ của Thi tiên Lý Bạch như bài Thanh Bình điệu (điệu nhạc Thanh Bình.

Thanh bình điệu kỳ 3

*“Danh hoa khuynh quốc lưỡng tương hoan,/ Trường đắc quân vương
đời tiểu khan./ Giải thích xuân phong vô hạn hận,/ trâm hương đình bắc ý
lan ca.”*

Thời nhà Minh (1368 - 1644), trong cung đình, đồ chơi Noãn thủ (bàn tay ấm) uyên ương làm từ gỗ trầm hương, có chiều cao 5cm, dài 8cm, rộng 6,5 rất được ưa chuộng do *“gỗ trầm hương ấm, có mùi thơm lan tỏa, rất thích hợp để chế tạo noãn thủ”*⁸⁵. Khi nghiên cứu về đồ đồng Trung Quốc, đồ ngọc khí Trung Quốc, đồ thủ công mỹ nghệ Trung Quốc, văn học Trung Quốc, Trà Trung Quốc... Ta đều thấy sự xuất hiện của trầm hương và những nghệ thuật hỗ trợ cho trầm hương đều ở mức độ rất tinh hoa, tinh xảo, đầy tính nghệ thuật.

Ngày nay, trong các tác phẩm điện ảnh, truyền hình của Trung Quốc, trầm hương vẫn được dùng để biểu tượng cho sự cao quý, thiêng liêng. Trong các bộ phim Trung Quốc về đề tài cung đình, ta đều dễ dàng nhận ra các lu Trâm nghi ngút khói khi hoàng đế Trung Quốc thiết triều và trong thư phòng của Hoàng gia. Năm 2013, bộ phim Cung tỏa trầm hương cũng đạt được nhiều tiếng vang.

Về cơ bản Nghệ thuật thưởng thức trầm hương của Trung Quốc có thể nói là rất tinh thâm. Dù Trung Quốc không có trầm hương và Kỳ nam nhưng nghệ thuật thưởng trầm của họ có phân cao siêu hơn cả Việt Nam ta.

N.D.T

⁸⁵ Thủ công mỹ nghệ Trung Quốc tr.99

Phụ lục 2
NGƯỜI NƯỚC NGOÀI NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
VỀ TRÂM HƯƠNG VIỆT NAM

Người biên soạn: Nguyễn Duy Thái

Ghi chép đầu tiên về trầm hương Việt Nam của người phương Tây mà chúng tôi tiếp cận được là của Marco Polo thế kỷ XIII, đã ghi chép lại về trầm hương của Champa mà ông viết là Ciampa hay Champa⁸⁶. Trong cuốn Du ký bản tiếng anh viết “*There are very great numbers of elephants in this kingdom, and they have lignaloes in great abundance*”, dịch là có rất nhiều voi trong vương quốc này và họ còn có rất nhiều trầm hương (lignaloes). Trong bản dịch tiếng Việt của nhà xuất bản Văn hóa Thông tin thì dịch sai là gỗ mun

Tome Pires, một nhà thám hiểm người Bồ Đào Nha đến từ Lisbon. Ông đã sống ở Malacca trong vòng 3 năm từ 1512 - 1515 ngay sau khi người châu Âu vừa xuất hiện ở Đông Nam Á. Sau những trải nghiệm của mình tại Ấn Độ và Đông Nam Á, ông trở thành Đại sứ chính thức đầu tiên của một nước Châu Âu tại Trung Quốc (Đại sứ Bồ Đào Nha) dưới thời nhà Minh. Tome Pires đã nghiên cứu rất kỹ về “thương mại hương liệu và gia vị” ở Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng trong cuốn “*The Suma oriental of Tome Pires*”. Cuốn sách này được dịch từ tiếng Bồ Đào Nha và xuất bản bằng tiếng Anh năm 1944 tại London. Pires đã dành rất nhiều thời gian để khám phá các vùng đất ở Đông Nam Á và khẳng định “*loại trầm hương tốt nhất có nguồn gốc từ vùng phía Nam Việt Nam, được gọi là Calambac, khi xuất khẩu sang Bồ Đào Nha thì gọi là Guaro*”⁸⁷. Loại trầm hương tốt nhất này chính là Kỳ nam.

Trong ghi chép của giáo sĩ Critoforo Borri năm 1621 có phần viết riêng về trầm hương, Kỳ nam như sau: trầm hương, Kỳ nam “*là loại gỗ được nhiều*

⁸⁶ The Book of Ser Marco Polo, Henry Yule (London: John Murray, 1903), Vol. II, 266-268

⁸⁷ Pires (1944), *The suma oriental of Tome Pires: An account of the East, from the Red Sea to China*, written in Malacca and India in 1512-1515

nơi khác coi là vật phẩm trân quý nhất của xứ Đàng Trong, tuy cùng một loại gỗ nhưng lại có tính năng và giá trị khác nhau. Về hai loại gỗ này, vốn đều cao lớn và rất nhiều ở vùng núi Kẻ Mọi... Thịnh thoảng có cành khô héo hoặc già yếu gãy rụng, nhờ vậy người ta có thể tìm ra Kỳ nam trong tình trạng mục ruỗng, một nơi sống tốt cho côn trùng. Gỗ Kỳ nam có giá trị vượt xa trầm hương thông thường về mùi và công dụng... Kỳ nam là mặt hàng độc quyền của quốc vương bởi mùi hương và tác dụng đặc biệt của nó. Thực ra, ngay tại nơi thu nhặt Kỳ nam cũng phải phát mùi của nó, có lần tôi đã thử vùi sâu dưới đất mấy mẫu Kỳ nam được người ta cho xuống đất sâu chừng thước rưỡi mà vẫn ngửi thấy mùi; người ta săn Kỳ nam qua mùi hương cũng là vì vậy. Kỳ nam bán tại chỗ với giá năm đồng duca một pound, nhưng ra đến cảng Đàng Trong, nơi buôn bán tấp nập, thì giá đắt hơn nhiều, không dưới mười sáu đồng duca một pound. Ở Nhật Bản (phải nhập khẩu từ Việt Nam), Kỳ nam có giá lên tới hai trăm đồng duca, song nếu đó là một khúc Kỳ nam đủ to để làm gói đầu thì người Nhật sẵn sàng bỏ ra tận ba trăm, bốn trăm đồng duca một pound... vì đối với các bậc vua chúa, không gì xứng đáng hơn một chiếc gói bằng gỗ Kỳ nam. Tuy trầm hương rẻ hơn và không quý bằng Kỳ nam, nhưng có thể thấy rằng chỉ cần một chiếc thuyền chèo đầy trầm hương thôi là đủ cho chủ thuyền sống sung túc cả đời: và đặc ân cao quý nhất mà Nguyễn vương có thể ban cho thống đốc Malacca chính là cho phép ông ta buôn một chuyến trầm hương”⁸⁸.

Công trình “*Nam Kỳ thực vật chí*” của nhà sinh vật học Joannis de Loureiro gồm 2 tập được hoàn thành vào năm 1788. Ông là một nhà truyền giáo người Bồ Đào Nha, sinh sống nhiều năm ở Đàng Trong và đã đi nhiều nơi, quan sát, nghiên cứu về các loại thực vật. Nam Kỳ trong đó được hiểu là toàn bộ vùng từ Quảng Bình đến Cà Mau. Còn vùng Nam Bộ hiện nay gọi là Hạ Nam Kỳ. Trong tập 1, Joannis de Loureiro đã dành gần 1 trang để miêu tả về cây Dó bầu và các loại trầm. Tác phẩm được viết bằng tiếng Bồ Đào Nha, nên khó

⁸⁸ **Olga Dror, K.W.Taylor** (2020), *Việt Nam thế kỷ XVII, những góc nhìn từ bên ngoài*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr.245

khăn cho việc dịch⁸⁹. Cần biết rằng người Bồ Đào Nha là người đi tiên phong trong các cuộc phát kiến địa lý và mở rộng giao thương Đông - Tây với mục đích ban đầu là tìm nguồn hương liệu và gia vị quý từ Ấn Độ, Trung Quốc và Đông Nam Á. Người Bồ Đào Nha bắt đầu buôn bán với Đại Việt trong thế kỷ XVI, trong đó mặt hàng Kỳ nam và trầm hương Việt đặc biệt được ưa chuộng. Họ mang đến Đàng Trong súng ống, diêm tiêu, kềm, đồng... để mua về tơ lụa, đường, trầm hương, Kỳ nam... Người Bồ Đào Nha là những người phương Tây đầu tiên tìm được đến khu vực Đông Nam Á nên họ cũng là người đầu tiên ghi chép về sản vật phong phú của khu vực này. Mặt khác, người Bồ Đào Nha rất quan tâm đến việc nhập khẩu hương liệu và gia vị về chính quốc nên những đánh giá của họ về sự quý báu của Kỳ nam và trầm hương là rất xác đáng.

Đối với người Pháp, sau nhiều năm thu thập thông tin, chuẩn bị lực lượng thì năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng tấn công Đà Nẵng, mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam. Triều đình Nguyễn đã lần lượt kí các hiệp ước 1862, 1874, 1883 và 1884 công nhận sự đô hộ của Pháp trên toàn cõi Việt Nam. Cùng với thiết đặt chính quyền cai trị, khai thác kinh tế, chính quyền thuộc địa Pháp đã tiến hành nghiên cứu về xã hội, văn hóa, giáo dục. Việc nghiên cứu, thống kê các loại thực vật bản địa để khai thác cũng được tiến hành, trong đó có các loại cây lấy gỗ, dược liệu, hương liệu, cây có thể cho nhựa để sản xuất cao su, như: cây Cánh kiến, Duối, Sung, Đa búp đỏ, Dó bầu,... Nhưng người Pháp đã có những ghi chép về Trầm từ những năm 1700. Họa sĩ, Nhà thực vật học người Pháp Pierre Poivre đã có những mô tả về ba loại gỗ trầm hương từ miền Nam Việt Nam dựa trên độ chín và nồng độ nhựa của chúng: “*Kỳ nam (Calambac trong tiếng Pháp) có chất lượng cao nhất và có nguồn gốc từ trái tim của của cây Dó bầu. Kỳ nam rất dẻo và mềm đến mức có thể được cạo bằng móng tay của con người; (2) trầm hương (Calembouc trong tiếng Pháp) gần như nhựa cây nhưng chứa nhiều gỗ hơn và do đó nhẹ*

⁸⁹ Joannis de Loureiro, *Flora cochinchinensis: sistens plantas in regno Cocinchina nascentes*, tomus I, 1788, tr.267-268.

hơn và cứng hơn Kỳ nam và chìm trong nước; và (3) Tiên hương được mô tả là có màu trắng và ít nhựa hơn hai loại kia”. Poivre còn mô tả thêm về bốn loại gỗ trầm hương thấp cấp hơn (gọi là sin-, lao-, nihil- và nhi-hieong) không tạo ra mùi thơm và thường được sử dụng để đánh tráo với 3 loại trên. Ông nhận định rằng “phải là một người sành sỏi để mua gỗ trầm hương, do việc làm giả rộng rãi và khéo léo”⁹⁰. Người Pháp vốn nổi tiếng về sự tinh tế trong việc sử dụng nước hoa và đồ trang sức, đến nay vẫn là Quốc gia số 1 về các mặt hàng xa xỉ phẩm cũng đánh giá rất cao về trầm hương và thể hiện sự quan tâm đặc biệt từ rất sớm. Năm 1889, Công sứ người Pháp tại Bình Thuận và Khánh Hòa (trương đương với Chủ tịch tỉnh ngày nay) đã có ghi chép về trầm hương ở vùng Khánh Hòa. Theo ông ta, Khánh Hòa và Bình Thuận là một trung tâm của trầm hương quan trọng nhất ở Việt Nam. Người ta thấy ở đó Kỳ nam rất nổi tiếng với cái tên Moïis Hương (trầm hương của người Thượng). Việc khai thác trầm hương phải trả thuế. Mức thuế phải nộp tùy theo các loại Trầm và số lượng khai thác được. Theo đó, thuế khai thác Trầm được ấn định như sau: 1 livre⁹¹ 8 lượng là 360 quan đối với Kỳ nam; 1 livre là 15 quan đối với trầm hương; 1 livre Tóc hương là 1 quan 5 tiền⁹². Cũng theo công sứ Bình Thuận và Khánh Hòa, hàng năm, triều đình Huế đều yêu cầu các tỉnh cung cấp các sản vật của địa phương cho nhu cầu của triều đình để dùng vào các dịp tế lễ, tết, và nhu cầu thường ngày của hoàng cung. Trong các sản vật ấy luôn có Kỳ nam và trầm hương. Năm 1899, triều đình Huế yêu cầu tỉnh Khánh Hòa cung cấp số lượng như sau: 35 livre trầm hương; 83 livre Tóc hương. Việc thu mua trầm hương cho triều đình do quan lại cấp tỉnh phụ trách. Triều đình Huế sẽ trả tiền cho số trầm hương mua ở các địa phương. Tuy nhiên, giá mà triều đình trả thường thấp hơn

⁹⁰Cordier, H. 1887. Journal d'un voyage à la Cochinchine depuis le 29 Aoust 1749, jour de notre arrivée, jusqu'au 11 Février 1750. Revue de l'Extrême-Orient, tome 3: 81-12.

⁹¹ Livre là đơn vị đo lường của Anh. Một livre tương đương 0,450 kg, theo Patrice Morla, *Indochine années vingt: le balcon de la France sur le Pacifique. Une page de l'histoire de France en Extrême-Orient*, Paris, Les Indes savantes, 2001, tr.548-549.

⁹² A. Brière, *Notes sur les Moïis du Binh Thuan et du Khanh Hoa*, Imprimerie Typo-Lithographique F-H Schneider, Hanoi, 1889, tr.14.

giá bán trên thị trường rất nhiều. Ví dụ, giá 1 livre trầm hương trên thị trường năm 1899 là 60 quan tiền thì triều đình chỉ trả 20 quan⁹³.

Năm 1900, trong bài ghi chép về người Thượng ở Sơn Phòng (Quảng Ngãi), tác giả Emmanuel Durant (nhà truyền giáo ở Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình) có ghi chép về các sản vật của vùng Quảng Ngãi, trong đó có nhắc tới trầm hương. Theo Durant, gỗ Thương là một cục bươu của thân cây sinh ra từ sự lở loét của cây, nó tiết ra một thứ nhựa có mùi thơm gọi là “nhựa hương” (encens / incenses)⁹⁴. Có một số cây khác nhau sản sinh ra trầm hương được biết tới với cái là Mộc Hương (Bois à parfums). Trầm được phân thành 3 loại: Loại 1 là Kỳ nam, loại 2 là trầm hương và loại 3 là Tóc hương. Trong đó Kỳ nam (Bois d’aigle) chỉ được sinh ra từ cây Dó Bầu. Đây là loại hương liệu thượng hạng nhất, hầu hết chỉ có ở Khánh Hòa và Bình Thuận. Giá bán mỗi loại trầm cũng khác nhau: Kỳ nam giá 3 đồng bạc Đông Dương (piastre) 1 once (30,6 gram); trầm hương giá 2 đồng bạc/once và Tóc hương giá 1 đồng bạc/once.

Cùng với thành lập các trung tâm thư viện, đặc biệt là Thư Viện Trung tâm Đông Dương (1917), chính quyền thuộc địa Pháp cho thành lập các bảo tàng, trong đó có Bảo tàng Nông nghiệp, Thương mại và Công nghiệp Đông Dương với nhiệm vụ nghiên cứu, trưng bày các loại thực vật, cây trồng có giá trị kinh tế, thương mại và y học nhằm phục vụ cho sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và công thương nghiệp. Theo CH. Crevost, tại Bảo tàng Nông nghiệp, Thương mại và Công nghiệp Đông Dương, chính quyền thuộc địa đã nghiên cứu và làm một bộ sưu tập về các loại gỗ thơm ở Việt Nam, trong đó có cây Dó bầu còn gọi là Dó núi, một loại cây sản sinh ra trầm hương.

Theo CH. Crevost, về mặt thực vật, cây Dó bầu có tên khoa học là *Aloexylum Agallochum* (cách gọi cũ của *Aquilaria*), đây là loại cây chính sinh ra trầm hương do ảnh hưởng bởi một loại bệnh và sự tiết ra một loại nhựa từ cây. Người dân tộc thiểu số ở vùng núi chặt tất cả các nhánh của cây, đào gốc,

⁹³ A. Brière, *Notes sur les Moïs du Binh Thuan et du Khanh Hoa*, Imprimerie Typo-Lithographique F-H Schneider, Hanoi, 1889, tr.17-18.

⁹⁴ Emmanuel Durand, *Les Moïs du Sơn Phòng*, *Bulletin de géographie historique et descriptive*, N^o 1-2, 1900, Imprimerie nationale, Paris, tr.313.

phoi khô, bó thành những bó nhỏ từ 500 đến 600 gram để bán với giá 0,08 đến 0,10 đồng bạc/ bó, trung bình khoảng 10 đồng bạc 1 tạ (60 kg) để cho các cơ sở làm giấy. Theo CH. Crevost Trâm được phân thành 3 loại: Kỳ nam (loại 1) là lõi của cây bị bệnh đặc biệt. Trâm hương và Tóc hương (loại 2) là phần cành của cây. Trâm dó (loại 3) sinh ra từ trời của cây. Trời này mọc ra từ gốc của cây Dó bầu bị chặt. Kỳ Nam được người bản địa gọi là Trâm Toi hay Hương Rai. Trâm hương có ở Campuchia, nhưng số lượng nhiều và chất lượng tốt hơn cả là trâm hương ở tỉnh Khánh Hòa, đặc biệt trên núi Hòn Hèo (Ninh Hòa, Khánh Hòa).

Ngoài Khánh Hòa, Bình Thuận, Quảng Trị, Quảng Ngãi, theo ghi chép của người Pháp, người ta cũng tìm thấy trâm hương ở Nghệ An và Quảng Bình. Trâm ở đây gọi là Trâm Kết, được người địa phương sử dụng làm đồ thờ cúng, đặc biệt là đồ thờ Phật. Trâm hương thường được đốt trong các nghi lễ cúng tế, hay sản xuất hương⁹⁵. Đến nay, những ghi chép về trâm hương Việt chỉ có ở các tỉnh từ Nghệ An và Quảng Bình vào phía Nam, hầu như không có ghi chép về trâm hương ở các tỉnh phía Bắc, kể cả các vùng rừng núi. Cần phải có một khí hậu, thổ nhưỡng đặc biệt mới có thể tạo ra Kỳ nam và trâm hương.

August Chevalier (Giám đốc Viện Khoa học Đông Dương) cho rằng: trâm hương phân bố trong hầu hết địa bàn các vùng thuộc dãy Trường Sơn, đặc biệt là ở những nơi cao từ Bình Thuận đến Thanh Hóa. Trong khi đó, người ta chưa hề bắt gặp cây này ở Bắc Kỳ. Theo ông ta, Trâm có nguồn gốc từ cây *Aquilaria agalocha* xob hoặc là những cây gần với họ của cây này. Gỗ này khi đốt tỏa ra mùi thơm rất nhẹ. Trâm là dạng hạch gỗ được hình thành trong lõi của một vài cây già và rất hiếm⁹⁶.

August Chevalier cũng có cách phân loại trâm hương như sau: Kỳ nam Hoa Sán, đây là loại thượng hạng, luôn được mọi người tìm kiếm, săn lùng,

⁹⁵ CH. Crevost, Notes sur quelques plantes à papier et textiles du Nord-Annam, *Bulletin économique de l'Indochine*, N^o 34, octobre 1904, Imprimerie Typo-Lithographique F-H Schneider, Hanoi, tr.1053.

⁹⁶ August Chevalier, Premier inventaire des bois et autres produits forestiers du Tonkin, *Bulletin économique de l'Indochine*, N^o 37, juillet et aout 1919, Imprimerie d'Extrême - Orient, Hanoi-Haiphong, tr.523-524.

quý đến nổi người ta ví nó như vàng. trầm hương (loại 2), là loại Trầm được lấy từ nhánh của cây chết. Trầm dó (loại 3) là loại thường, người ta lấy nó trong một phần của các cây họ Aquilaria già. Tuy nhiên, August Chevalier cũng cho rằng, người ta cũng có thể lấy ba loại trầm khác nhau trong cùng một cây⁹⁷.

Theo một nhân viên của Bộ thuộc địa Pháp tên là Eug. Lagrillière - Beauclerc, năm 1899, khi được cử đi công cán ở Đông Dương, ông ta đã đi từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, khắp các xứ thuộc Liên bang Đông Dương để thăm thú và ghi chép về cảnh vật. Năm 1900, ông ta cho xuất bản cuốn sách miêu tả về lịch sử, địa lý của các xứ thuộc Liên bang Đông Dương, trong đó có nhắc tới trầm hương. Theo ông ta, ở Nam Kỳ người ta sử dụng 4 loại gỗ có hương thơm khác nhau, trong đó có: trầm hương và Kỳ nam.

Ông ta miêu tả, trầm hương gỗ màu trắng. Hương thơm của nó xuất phát từ bệnh của cây. Có nhiều loại cây khác nhau có thể sinh ra trầm hương, nhưng cây Dó bầu cho trầm hương tốt nhất của xứ Annam (Trung Kỳ-miền Trung). Loại cây này cũng được người Việt sử dụng để sản xuất giấy. Kỳ nam cũng được chỉ dẫn với cái tên bois de Calambac. Đây là loại gỗ tỏa mùi hương rất hiếm. Người ta sử dụng Kỳ nam như một loại nước hoa và như là một vị thuốc⁹⁸.

Theo Charles B. Maybon, trầm hương là một trong những thứ hàng hóa quan trọng trong quan hệ trao đổi buôn bán của người Việt với người Nhật, người Hoa và thương nhân châu Âu ở Hội An vào thế kỉ XVII. Ông mô tả, trầm hương và Kỳ nam là sản phẩm thực vật và một thứ hương liệu được sử dụng rất phổ biến ở Viễn Đông nói chung và Việt Nam nói riêng⁹⁹.

Nhà nghiên cứu Henri Maitre cho rằng, ở Tây Nguyên của Việt Nam cũng có nhiều Kỳ nam. Việc tìm kiếm nó chứa đựng nhiều nguy hiểm và rủi ro.

⁹⁷ August Chevalier, Premier inventaire des bois et autres produits forestiers du Tonkin, *Bulletin économique de l'Indochine*, N^o 37, juillet et aout 1919, Imprimerie d'Extrême - Orient, Hanoi-Haiphong, tr.523-524.

⁹⁸ Eug. Lagrillière -Beauclerc, *Études coloniales à travers l'Indochine*, Librairie CH.Tallandier, Paris, 1900, tr.126.

⁹⁹ Charles B. Maybon, *Histoire moderne du Pay d'Annam 1592-1820: Étude sur les premiers rapports des Européens et des Annamites et sur l'Établissement de la dynastie annamite des Nguyễn*, Librairie Plon, Paris, 1919, tr.52.

Kỳ nam có ở trong các khu rừng già trên dãy Trường Sơn, đặc biệt ở Đắc Lắc, Khánh Hòa. Kỳ nam được đánh giá quý như vàng, hoặc đá quý.¹⁰⁰ Người bản địa ở vùng Tây Nguyên cũng gọi Kỳ nam là trầm hương không phân biệt. Tuy nhiên, trên thực tế Trầm được phân thành 3 loại khác nhau. Kỳ nam là phần trong, phần lõi của cây có nhựa, bị khô và chết. Kỳ nam tỏa ra một mùi hương đặc biệt, nó chứa đựng một thứ nhựa hương. Trầm hương là loại gỗ đặc. Trầm tốt là vỏ của loại cây có nhựa này. Trầm thực sự là quý hiếm trong số tất cả tinh dầu thơm vì giá trị của nó và vì nó được sử dụng trong thờ Phật. Nó là thứ mà người ta luôn luôn tìm kiếm để bán với giá rất cao¹⁰¹. Henri Maitre cũng chỉ ra rằng, trầm hương còn có ở Malaysia, Ấn Độ, nhưng chất lượng của nó thấp hơn chất lượng trầm hương thu hoạch được ở Annam (Trung Kỳ - miền Trung). Ông ta khẳng định, Trung Kỳ mới là xứ nguồn gốc chính của trầm hương vì chất lượng Trầm ở đây là tốt nhất. Việc tìm kiếm, săn lùng trầm hương vô cùng khó khăn và nguy hiểm. Nó duy nhất chỉ giành cho những con người ngoan cường và bền bỉ trong số những người Annam. Đó là những con người dám đương đầu với những cơn sốt rét rừng. Ở vùng Phan Rang, Tháp Chàm, người Chăm họ cũng dấn thân vào công cuộc tìm kiếm loại gỗ quý hiếm này. Tuy nhiên, việc tổ chức tìm kiếm, thu hoạch Trầm chủ yếu do những quan lại, người đứng đầu các làng theo đạo Hồi chỉ đạo. Họ được mệnh danh là “*Những chúa tể của Kỳ Nam*”¹⁰². Người đứng đầu những làng ở Phan Rang tổ chức thành từng đội khoảng 12 người đi tìm kiếm Trầm, gọi là phu trầm. Việc tìm kiếm Trầm đầy rẫy khó khăn và hiểm nguy.

Về cách phân loại của Henri Maitre dựa trên màu sắc: Kỳ nam có các loại: Kỳ nam trắng (Bạch Kỳ nam) là loại vô cùng thượng hạng nhưng hầu như người ta không tìm thấy (Henri Maitre chưa được tận mắt nhìn thấy loại Kỳ nam này). Loại này có thể bán với giá 320 đồng bạc Đông Dương/604 gram,

¹⁰⁰ Henri Maitre, *Les régions Moïses du Sud indochinois: Le plateau du Darlac*, Plon-Nourrit et Cie, Imprimeurs-Éditeurs, Paris, 1909, tr.155.

¹⁰¹ Henri Maitre, *Les régions Moïses du Sud indochinois: Le plateau du Darlac*, Plon-Nourrit et Cie, Imprimeurs-Éditeurs, Paris, 1909, tr.156.

¹⁰² Henri Maitre, *Les régions Moïses du Sud indochinois: Le plateau du Darlac*, Plon-Nourrit et Cie, Imprimeurs-Éditeurs, Paris, 1909, tr.157.

tương đương 1.350 francs/kg. Kì Nam thường có giá 300 đến 400 francs/kg. Trầm hương và Trầm dó thì giá trị của nó không vượt quá 20 hoặc 30 francs/kg¹⁰³. Người ta cân Kì nam bằng cái cân bán vàng. Nhiều người bản địa có niềm tin rằng luôn có các vị thần linh bảo vệ trầm hương.

Gỗ Trầm còn được dùng để làm nhang. Thứ nhang này làm từ bột trầm hương trộn với sáp ong rừng. Nó có mùi thơm tinh tế. Thứ nhang này bán ở hầu hết các chợ lớn ở Bắc Kì, đáp ứng nhu cầu cho việc thờ cúng tổ tiên và những người được thờ phụng¹⁰⁴.

Tùng là Tổng lãnh sự Pháp tại Trung Đông và là giáo sư Trường Ngôn ngữ phương Đông, CL. Huart cũng khẳng định rằng, trầm hương có nguồn gốc từ Việt Nam, Campuchia, Ấn Độ. Trầm có mùi rất thơm tỏa ra khi đốt. Trầm được sử dụng thường xuyên trong tất cả các nước ở phương Đông. Ở các nước Hồi giáo, vua và quý tộc luôn có một nguồn cung trầm hương lớn đến từ Assam (Ấn Độ). Trầm hương là thứ người ta luôn tìm kiếm và giá của nó rất đắt¹⁰⁵.

Mới đây, năm 2012, trên Tạp chí Dân tộc-Sinh Thái học (bản điện tử), tác giả Gerard A. Persoon ở Trường Đại học Leiden (Hà Lan) đã đăng tải một bài viết về trầm hương với tiêu đề: “*Gỗ Trầm: Gỗ của Chúa trời, cuộc sống của một cây bị thương*”. Tác giả đã đề cập tới lịch sử, sự phân bố và việc sử dụng gỗ Trầm. Theo tác giả, Trầm là “trái tim” của một số loài cây Aquilaria ở khu vực Đông Nam Á: Indonesia, Việt Nam, Malaysia, Campuchia, Lào, Thái Lan và New Guine. Đây là những xứ chính sản xuất trầm hương. Tuy nhiên, trung tâm thương mại trầm hương lớn nhất là ở Singapore. “Trái tim” của cây gỗ được tẩm một thứ nhựa có mùi thơm. Thứ này rất quý hiếm và được người ta luôn tìm kiếm. Nhựa chỉ được sinh ra khi cây bị bệnh hoặc bị thương. Người ta cũng đánh giá rằng, việc cây tiết ra thứ nhựa là một phản ứng

¹⁰³ Henri Maitre, *Les régions Moïses du Sud indochinois: Le plateau du Darlac*, Plon-Nourrit et Cie, Imprimeurs-Éditeurs, Paris, 1909, tr.157.

¹⁰⁴ J. Silvestre, *L'Empire d'Annam et le Peuple Annamite*, Félix Alcan-Éditeur, Paris, 1889 tr.102.

¹⁰⁵ CL. Huart, *Histoire des Arabes*, Librairie Paul Geuthner, Paris, 1913, tr.24.

khi cây bị nhiễm nấm. Tuy nhiên, không phải tất cả các cây *Aquilaria* đều tiết ra thứ nhựa này.

Là quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng văn hóa từ Trung Quốc, Nhật Bản cũng có truyền thống sử dụng Trầm và hoạt động giao thương khá phát triển với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á để đáp ứng nhu cầu trong nước. Tuy nhiên, ở Nhật việc sử dụng Trầm cho dược liệu hay chữa bệnh khá hạn chế khi nguồn Trầm chủ yếu được dùng trong hoạt động tôn giáo và văn hóa, cụ thể là Phật giáo, Thần đạo và Hương đạo.

Trầm hương trong tiếng Nhật là *jin-koh*, nghĩa là chìm đắm trong hương thơm (sinking fragrance). Trong Biên niên sử Nhật Bản (*Nihon Shoki*), ghi chép đầu tiên về trầm hương là vào năm 595: “*một khối Kỳ nam (aloeswood) trôi dạt vào đảo Awaji (gần Kobe). Nó có chu vi khoảng 6 bước chân. Người dân trên đảo không có khái niệm về gỗ Trầm nên đã sử dụng nó như củi đun để nấu ăn, khiến mùi thơm của nó lan rộng và bao trùm hòn đảo. Thấy vậy, họ dâng lên Thiên hoàng Suiko như một món quà*”.¹⁰⁶ Thái tử Shotoku nhận ra đó là *jin-koh* và đã giới thiệu cho toàn thể dân chúng biết về giá trị của trầm hương, đặc biệt trong những vấn đề liên quan đến Phật giáo. Nếu như Thái tử Shotoku biết khối gỗ đó là Trầm thì thực tế trong Hoàng gia Nhật Bản có thể đã sử dụng Trầm từ trước đó. Dưới thời Thiên hoàng Shomu (724 - 748), khối Kỳ nam nổi tiếng nhất và được coi là quốc bảo của Nhật Bản là *Ranjatai* được tìm thấy trên bờ biển. Hiện nay, khối Kỳ nam này vẫn còn nguyên vẹn, được quản lý bởi cơ quan Hoàng gia Nhật Bản và được trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia Nara, Chùa Đông Đại Tự. Trước đây, người Nhật Bản quan niệm rằng những khối Kỳ nam này đến từ Trung Quốc, tuy nhiên hiện đã có nhiều nghiên cứu chứng minh rằng các khối Kỳ nam quốc bảo này có nguồn gốc từ Việt Nam¹⁰⁷ (do có các dòng hải lưu chạy thẳng từ vùng biển miền Trung Việt Nam đến Nhật Bản, nên phỏng đoán khối Kỳ nam này rơi xuống biển và trôi dạt

¹⁰⁶ W.G. Aston (translated from the original Chinese and Japanese), *Nihongi: Chronicles of Japan from the earliest times to A.D. 697* (London, 1896).

¹⁰⁷ David Oller & Kyozauro Nakata (1999), Japanese incense Aloeswood - Agarwood, Baieido

sang Nhật Bản). Từ hàng trăm năm nay, người Nhật Bản phụ thuộc rất lớn vào nguồn cung trầm hương từ Việt Nam. Trong thời kỳ Châu Ân thuyề thì trầm hương là mặt hàng không thể thiếu trong quan hệ ngoại thương giữa 2 nước dù giá cả rất đắt đỏ¹⁰⁸.

Đối với Trung Quốc, sách Quế Hải ngu hành chí của Phạm Thành Đại (1126 - 1193), sống thời nhà Tống, ở Trung Quốc viết: “*Bài hương (ta thường gọi là rễ trầm hay rễ hương bài) sản xuất ở Nhật Nam... không có thứ nào thơm bằng*”¹⁰⁹. Thảm Tác Triết, người Trung Quốc cũng viết rằng: “*Nam phương hỏa thịnh, thực nó sinh thổ; thổ vị ngọt mà thơm, cây cỏ Nam phương được vượng khí của hỏa bồi dưỡng cho, anh hoa phát tiết ra ngoài, cho nên có hương thơm*”¹¹⁰. Ngô Nghi Khác, người Trung Quốc đời Vua Càn Long, nhà Thanh trong sách Bản thảo tòng tân có viết: “*trầm hương, tốc hương, Kỳ nam, bạch đàn, quế, long não, giáng chân, tường vi..., các vị có hương ấy, phần nhiều sản xuất ở miền biên giới phía Nam*”¹¹¹ ...

Qua những tư liệu ghi chép của người Bồ Đào Nha, Pháp và cả người Trung Quốc, người Nhật Bản chúng ta thấy rằng, ở Việt Nam, Trầm là một sản vật đặc hữu chỉ có ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên của Việt Nam, đặc biệt nổi tiếng và chất lượng nhất là Trầm ở Khánh Hòa. Đây là thứ tinh túy của trời đất, thứ hương rừng kết tụ trong một số loài cây, chủ yếu là cây Dó bầu. Trong số các loại Trầm, Kỳ nam là loại hảo hạng nhất, tinh túy nhất, quý hiếm và đắt đỏ nhất, đặc biệt là Kỳ nam trắng (Bạch Kỳ). Trầm hương là Vua của các loại gỗ, là hương thơm của các vị thần. Đa phần các nhà nghiên cứu phương Tây đều đã đưa ra kết luận chuẩn xác khi khẳng định sự quý giá của trầm hương Việt Nam trong đó trầm hương có chất lượng tốt nhất trên thế giới là từ Khánh Hòa.

N.D.T

¹⁰⁸ Li Tana (sđd), tr133

¹⁰⁹ Lê Quý Đôn (2006), *Vân đài loại ngữ*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr.461

¹¹⁰ NT

¹¹¹ Nt tr.460

Phụ lục 3
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRÂM HƯƠNG

1. Ảnh cây Dó bầu (trâm hương), rừng trâm hương tại Khánh Hòa



Rừng trâm hương tại Khánh Hòa, ngày 28/03/2022.

Người chụp: NCS Nguyễn Duy Thái



Rừng trâm hương tại M'Drak - Đắk Lắk, ngày 15/04/2020.

Người chụp: NCS Nguyễn Duy Thái



Quả trâm hương, ảnh chụp tháng 6/2021
Nguồn: Bảo tàng trâm hương Khánh Hòa





Thân cây trầm hương 5 năm tuổi
Nguồn: Bảo tàng trầm hương Khánh Hòa

2. Sự hình thành trầm hương trên thân cây



Sự hình thành trầm hương do côn trùng đục trên thân cây
Nguồn: Bảo tàng trầm hương Khánh Hòa



Vỏ cây Dó bầu - trầm hương bắt đầu hình thành tóc và các vết đục do côn trùng

Nguồn: Bảo tàng trầm hương Khánh Hòa

3. Các loại Kỳ nam, trầm hương



Khối Bạch Kỳ nam

Nguồn: NCS Nguyễn Duy Thái chụp tại Khánh Hòa, tháng 5/2023



Vân gỗ trên khối Bạch Kỳ nam

Nguồn: Công ty trầm hương Khánh Hòa chia sẻ



Khối Thanh Kỳ nam

Nguồn: NCS Nguyễn Duy Thái chụp tại Khánh Hòa, tháng 3/2023



Vân gỗ trên khối Thanh Kỳ nam

Nguồn: NCS Nguyễn Duy Thái chụp tại Khánh Hòa tháng 3/2023



Khối Hắc Kỳ nam

Nguồn: NCS Nguyễn Duy Thái chụp tại Khánh Hòa tháng 3/2023



Khôi trầm hương tự nhiên

Nguồn: NCS Nguyễn Duy Thái chụp tại Khánh Hòa năm 2019



Khối trầm hương tự nhiên

Nguồn: Công ty trầm hương Khánh Hòa cung cấp

4. Một số sản phẩm từ trầm hương



Tinh chất trầm hương dùng trong chế tạo nước hoa

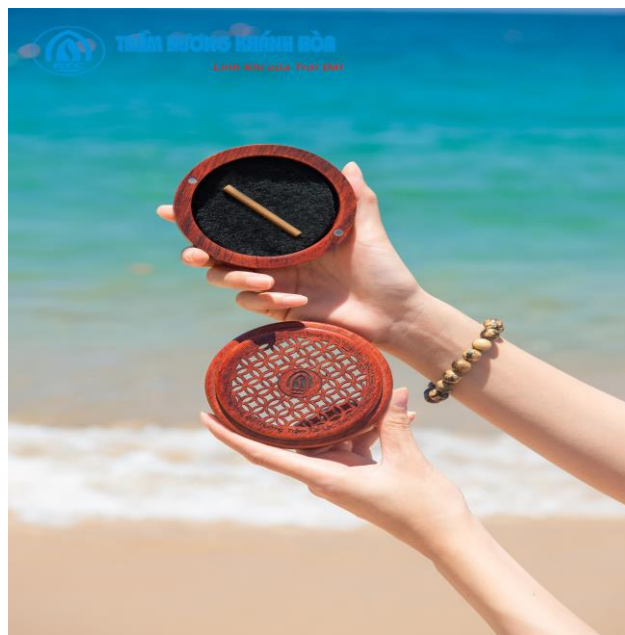
Nguồn: Công ty trầm hương Khánh Hòa





Khối trầm hương tự nhiên

Nguồn: Công ty trầm hương Khánh Hòa



Vòng trang sức Bạch Kỳ nam và hương Trâm dạng thanh

Nguồn: Công ty trầm hương Khánh Hòa



Hộp thanh trầm hương được đóng gói theo hình thức mới

Nguồn: Công ty trầm hương Khánh Hòa cung cấp

5. Một số ví dụ về lư Tràm



2 bộ chân đèn và lư hương thời nhà Mạc (bảo vật quốc gia)

Nguồn: sưu tầm trên Internet



Các mẫu vật lư hương cổ của Việt Nam
Nguồn: Hán Văn Khẩn, Cơ sở khảo cổ học



HinhanhVietNam.com



HinhanhVietNam.com

Hình ảnh trầm hương và Kỳ nam trên Cao đỉnh và Nhân đỉnh

Nguồn: Sưu tầm trên Internet



Phù điêu gỗ, điêu khắc hình tiên nữ dâng hương, tiên nữ dâng hoa
 chùa Thái Lạc, Văn Lâm, Hưng Yên
 Nguồn: Công ty Vietsoftpro

TRẦM HƯƠNG VÀ AI CẬP CỔ
 ANCIENT EGYPTIAN KYPHIL INCENSE

NGƯỜI AI CẬP CỔ ĐẠI GỌI TRẦM HƯƠNG LÀ KYPHY

Trầm Hương thời Ai Cập cổ đại gọi là Kypthi, dùng dâng cúng các vị thần và chữa bệnh.
"Kypthi is a compound incense that was used in Ancient Egypt for religious and medical purposes."

Một trong những mùi hương linh thiêng nhất của Ai Cập cổ đại được gọi là Kypthi, hay Lối mời tới Chua trời. Các vị linh mục thường pha chế Kypthi trong các buổi lễ trang nghiêm và khi hát thánh ca tại các ngôi đền.
The most sacred of the ancient Egyptian incenses was called Kypthi, or "Welcome to the Gods." High priests concocted Kypthi during secret, chant-filled temple ceremonies.

Thời Ai Cập cổ đại thì chưa thể có túi nhựa được, nên là xem lại nguồn tư liệu?

PHẠ CHẾ KYPHY
THỜI AI CẬP CỔ ĐẠI
 KYPHI INCENSE
 INGREDIENTS

Chất lọc nước rượu đỏ từ hạt nho và nghiền nó trong cối. Thêm Trầm Hương, các hạt nhỏ và mật ong, lăn tròn thành các thanh hoặc viên, để cho khô rồi cho vào các túi nhựa hoặc lọ thủy tinh. Khi sử dụng thì đốt trên than để thường mùi thơm.

Drain the red wine from the raisins and mash the raisins with the mortar and pestle. Add the raisins and honey to the dough. Knead thoroughly with your hands, then form the dough into pea-sized balls. Once they are dry, store your Kypthi balls in a sealed plastic bag or glass jar. Smolder the incense balls one or two at a time over charcoal.

Adapted from Incense, Rituals, Mystery, and Lore, by Gina Hyams (Chronicle Books, 2004).

LƯU HƯƠNG THƯỜNG TRẦM
THỜI AI CẬP CỔ ĐẠI
 KYPHI INCENSE
 INGREDIENTS

"Trong thời đại Ai Cập cổ đại, thành Trầm Hương được đốt trong một đỉnh trầm, để làm thơm mùi hương một khu vực hoặc để thu hút sự chú ý của các vị thần. Các đỉnh Trầm có nhiều hình dạng khác nhau và được tìm thấy trong các ngôi mộ từ rất sớm thời kỳ Old Kingdom. Một vài cái hình dạng bản thờ thú, các lọ kim loại, hoặc hình bán cầu, hoặc hình dạng tò vò các trạm khắc ở phía dưới, có tay cầm. Các đỉnh Trầm hoàng gia được trang trí đẹp mắt với các hình chim ưng, hình ảnh trên các mũ cho thấy các vị vua quỳ gối trước khi một vị thánh thần trong khi dâng hương cúng.

In ancient Egyptian time, pellets of incense were burned in a censer, to perfume an area or attract the attention of the gods. Found among the grave goods as early as the Old Kingdom, censers came in various shapes. Some were shaped like tiny altars, metal cups or half spheres, or bowls at the end of carved, armlike handles. Royal censers were often beautifully decorated with falcons, and images on tomba show kings prostrating themselves or kneeling before a deity while offering a censer.

Vị tư tế dâng Trầm lên thần linh trong Ai Cập sinh tử kỳ thư
 Nguồn: Những cuốn sách thay đổi lịch sử, Nxb Dân trí



Trầm hương trong Thiên chúa giáo
Nguồn: Bảo tàng trầm hương Khánh Hòa cung cấp



Lư Trầm tỏa khói nghi ngút cùng hoàng đế nhà Thanh ở Trung Quốc
Nguồn: Bảo tàng trầm hương Khánh Hòa cung cấp